

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ KIM HOA

TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH
VỚI VIỆC HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

HÀ NỘI - 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ KIM HOA

TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH
VỚI VIỆC HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

Chuyên ngành: Chính trị học

Mã số: 9310201.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHÍNH TRỊ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. GS.TS. Phan Huy Đường

2. PGS.TS. Phạm Quốc Thành

HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi dưới sự hướng dẫn của GS.TS. Phan Huy Đường và PGS.TS. Phạm Quốc Thành.

Các số liệu trong luận án là trung thực, bảo đảm tính khách quan. Các tài liệu tham khảo có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Kim Hoa

LỜI CẢM ƠN

Tác giả luận án xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến GS.TS. Phan Huy Đường, PGS.TS. Phạm Quốc Thành. Với tinh thần trách nhiệm và tấm lòng của người Thầy, các thầy đã truyền dạy cho em tri thức, phương pháp và luôn tận tình, nghiêm khắc chỉ dẫn và giúp đỡ em thực hiện luận án này.

Tôi xin gửi lời tri ân đến Ban Chủ nhiệm Khoa, các thầy cô giáo ở Khoa Chính trị và Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, nơi tôi đang công tác và theo học, đã luôn tạo điều kiện thuận lợi và định hướng, góp ý trong quá trình tôi học tập, nghiên cứu.

Tôi xin cảm ơn các nhà khoa học đã gợi mở tri thức và cho tôi thêm những chỉ dẫn trong quá trình nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi xin được gửi tới gia đình, những người bạn, những người đồng nghiệp lời biết ơn sâu sắc vì đã động viên, khích lệ, giúp đỡ tôi thực hiện và hoàn thành luận án này.

Xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận án

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC 1

MỞ ĐẦU..... 4

1. Lý do chọn đề tài.....4

2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu5

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu6

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.....6

5. Đóng góp mới của luận án8

6. Ý nghĩa của luận án.....8

7. Kết cấu luận án.....8

NỘI DUNG 9

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....9

1.1. Nghiên cứu về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh và nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà9

1.1.1. Nghiên cứu về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh9

1.1.2. Nghiên cứu về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà24

1.1.3. Nghiên cứu về vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà32

1.2. Đánh giá khái quát nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu34

1.2.1. Kết quả của các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án34

1.2.2. Những vấn đề đặt ra luận án tập trung nghiên cứu.....35

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ 37

2.1. Lý luận về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh37

2.1.1. Khái niệm “ <i>tư tưởng chính trị</i> ”, “ <i>tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh</i> ”	37
2.1.2. Cơ sở hình thành <i>tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh</i>	44
2.2. Lý luận về Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà	67
2.2.1. <i>Quan điểm về Nhà nước dân chủ cộng hoà</i>	67
2.2.2. <i>Đặc trưng của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</i>	72
2.2.3. <i>Vai trò của Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</i>	78
Tiêu kết chương 2	81
Chương 3. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ.	82
3.1. Hồ Chí Minh xác định mục tiêu chính trị cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà	82
3.1.1. <i>Hồ Chí Minh xác định Giải phóng dân tộc - Độc lập dân tộc là mục tiêu chính trị trên hết và trước hết của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</i>	82
3.1.2. <i>Hồ Chí Minh xác định giải phóng con người - Tự do, hạnh phúc của nhân dân là mục tiêu chính trị bền vững, lâu dài của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</i>	90
3.2. Hồ Chí Minh định hình đường lối chính trị cho nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.....	95
3.2.1. <i>Lựa chọn con đường cách mạng vô sản để thiết lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</i>	95
3.2.2. <i>Định hướng phát triển độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà</i>	100
3.3. Hồ Chí Minh xác định chủ thể quyền lực chính trị của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.....	104
3.3.1. <i>Lực lượng cách mạng hình thành nhà nước</i>	104
3.3.2. <i>Xác định Nhân dân là chủ thể quyền lực nhà nước</i>	111
3.4. Hồ Chí Minh thiết lập các tổ chức chính trị cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.....	113

3.4.1. Hồ Chí Minh sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam	114
3.4.2. Hồ Chí Minh lựa chọn mô hình nhà nước và thành lập chính quyền ...	121
3.4.3. Hồ Chí Minh với tiến trình thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất	131
Tiểu kết chương 3	136
Chương 4. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ VÀ LIÊN HỆ VÀO XÂY DỰNG NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY	137
4.1. Giá trị tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.....	137
4.1.1. Giá trị lý luận	137
4.1.2. Giá trị thực tiễn	149
4.2. Liên hệ tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đối với tiến trình xây dựng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.....	159
4.2.1. Kiên định mục tiêu và đường lối chính trị độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội	159
4.2.2. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân	161
4.2.3. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	162
4.2.4. Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị	164
Tiểu kết chương 4.....	168
KẾT LUẬN.....	169
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	171
TÀI LIỆU THAM KHẢO	172

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Tôi lựa chọn đề tài luận án “*Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*” xét trên những lý do chủ yếu sau đây:

Về phương diện lý luận, Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là bộ phận cốt lõi, tác động, chi phối xuyên suốt các tư tưởng khác và quán xuyến toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người. Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh kết tinh những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hoá nhân loại, và là sự hiện thực hoá những tri thức, trải nghiệm của Người vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, giữ vai trò nền tảng trong quá trình hình thành đường lối cách mạng Việt Nam. Việc nghiên cứu một cách hệ thống, chuyên sâu tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh gắn với sự hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không chỉ khẳng định giá trị lý luận và thực tiễn của Hồ Chí Minh, mà còn giúp nhận diện đầy đủ cơ sở tư tưởng – chính trị của nhà nước Việt Nam hiện đại.

Trong bối cảnh khoa học chính trị Việt Nam, tuy đã có nhiều công trình nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh, về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, về nhà nước kiểu mới, song phần lớn các nghiên cứu còn tiếp cận dưới góc độ lịch sử, tư tưởng hoặc pháp lý, chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện từ góc độ Chính trị học, đặc biệt là mối quan hệ nội tại giữa tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với quá trình hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Do đó, việc lựa chọn đề tài nhằm bổ sung khoảng trống nghiên cứu, góp phần làm phong phú thêm hệ thống lý luận của ngành Chính trị học ở Việt Nam.

Về phương diện thực tiễn, chính thể *Dân chủ Cộng hoà – dân chủ nhân dân* được hình thành sau Cách mạng tháng Tám là hình thức đầu tiên của nhà nước cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam sáng tạo ra trên chặng đường đi tới độc lập, tự do. Thực tế lịch sử đã chứng minh, chế độ dân chủ cộng hoà phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá ở Việt Nam, đồng thời phát huy được sức mạnh đại đoàn kết dân tộc trên tất cả các mặt trận.

Hiện nay, Việt Nam đang tiếp tục công cuộc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong quá trình đó, việc kế thừa và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, về quyền lực chính trị, về mối quan hệ giữa nhà nước với nhân dân cùng những di sản và giá trị của chế độ dân chủ cộng hoà có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nghiên cứu tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẽ cung cấp những luận cứ khoa học, giúp nhận thức sâu sắc hơn những nguyên tắc nền tảng của nhà nước Việt Nam, từ đó, góp phần hoàn thiện lý luận về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và định hướng cho thực tiễn vận hành nhà nước pháp quyền của Việt Nam, cho việc đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh các thế lực thù địch thường xuyên chống phá nhà nước, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, việc nghiên cứu một cách hệ thống, khoa học về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh gắn với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Căn cứ từ cả phương diện lý luận và thực tiễn, nghiên cứu sinh đã lựa chọn đề tài *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà* để làm luận án tiến sĩ.

2. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm sáng tỏ vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, từ đó, đưa ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu, đề tài tập trung thực hiện các nhiệm vụ:

Thứ nhất, làm rõ nội hàm khái niệm và những nội dung cơ bản của “tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh”, nhà nước dân chủ cộng hòa, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thứ hai, phân tích vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thứ ba, đánh giá và khẳng định giá trị tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, liên hệ với việc xây dựng nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh và vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đối với sự hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

+ Về nội dung: tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đối với sự hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua việc xác lập mục tiêu chính trị, đường lối chính trị, xác định lực lượng chính trị và xây dựng các tổ chức chính trị.

+ Về thời gian: Đề tài tập trung nghiên cứu trong phạm vi thời gian từ năm 1911 đến năm 1946, từ khi Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước đến khi Quốc hội Việt Nam soạn thảo và xây dựng Hiến pháp năm 1946, khẳng định tính hợp hiến, hợp pháp của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng thời, luận án cũng xem xét giá trị và liên hệ tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc xây dựng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Đề tài được thực hiện trên cơ sở nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin. Đồng thời, tác giả sử dụng các lý thuyết chính trị hiện đại về tư tưởng chính trị, về thủ lĩnh chính trị, về thể chế chính trị và nhà nước pháp quyền.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Vận dụng phương pháp luận mác xít, luận án nghiên cứu vấn đề theo hệ thống các quan điểm của phép duy vật biện chứng. Trong quá trình triển khai luận án, tác giả kết hợp một số phương pháp nghiên cứu khác:

Phương pháp logic và lịch sử: Khi nghiên cứu tư tưởng chính trị, cần phải chú ý đến các điều kiện kinh tế - xã hội của thời đại và của đất nước. Trong lịch sử, có những tư tưởng tiến bộ trong thời kỳ lịch sử này, nhưng có thể trở nên lạc hậu trong thời kỳ lịch sử khác. Vì vậy, khi nghiên cứu, tác giả đặt tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong bối cảnh lịch sử của Việt Nam và thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, đồng thời trong sự kế thừa những tư tưởng, quan điểm của các nhà tư tưởng trước đó và cùng thời. Điều đó, giúp tác giả nhận thức được tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một điểm hội tụ và phản ánh tư duy chính trị của thời đại Hồ Chí Minh, vừa có sự kế thừa lịch sử, đáp ứng nhu cầu khách quan của dân tộc, vừa thể hiện những sáng tạo đi trước thời đại của Người.

Phương pháp phân tích – tổng hợp: Trên cơ sở các nguồn tư liệu liên quan, luận án phân tích khái niệm, nội dung tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, các đặc điểm của nhà nước dân chủ cộng hòa. Từ đó, tác giả luận giải vai trò, sự ảnh hưởng của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đối với sự hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thể hiện qua việc Hồ Chí Minh đã xác lập mục tiêu chính trị, con đường chính trị, xây dựng lực lượng chính trị, thiết lập các tổ chức chính trị. Phương pháp này cũng được tác giả sử dụng để chỉ ra giá trị tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và liên hệ trong việc xây dựng nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Phương pháp so sánh: Phương pháp này đóng vai trò quan trọng trong việc đối chiếu, so sánh tư tưởng chính trị, hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh với các nhà tư tưởng khác, qua đó làm nổi bật những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, góp phần kiến tạo nền chính trị Việt Nam hiện đại và sự phát triển tư tưởng chính trị nhân loại.

5. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, luận án phân tích những nội dung cơ bản thể hiện vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ cách tiếp cận chính trị học.

Thứ hai, luận án đánh giá, khẳng định giá trị của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và giá trị trong việc xây dựng nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa của luận án

Luận án góp phần khẳng định vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam nói chung và với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà nói riêng.

Luận án có thể trở thành tài liệu tham khảo trong xây dựng, hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước, công tác nghiên cứu và giảng dạy học phần thuộc lĩnh vực, chuyên ngành Chính trị học, Hồ Chí Minh học và khoa học xã hội nhân văn.

7. Kết cấu luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Tài liệu tham khảo theo quy định, phần Nội dung của luận án được kết cấu thành 4 chương và 10 tiết.

NỘI DUNG

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Nghiên cứu về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh và nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

1.1.1. Nghiên cứu về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

1.1.1.1. Nghiên cứu về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

Nghiên cứu khái quát về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh có một số công trình như:

Cùng nghiên cứu về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong hệ tư tưởng mác xít, 2 công trình là *Học thuyết chính trị Mác – Lênin và tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh* của Học viện hành chính quốc gia, do NXB Chính trị quốc gia xuất bản năm 1997 và *Tư tưởng chính trị của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin và Hồ Chí Minh* do NXB Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản năm 2018 của tác giả Lê Minh Quân đều khẳng định tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là sự kế thừa, vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin. Hai công trình cũng khái quát tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về các tổ chức chính trị trong nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, cụ thể là về Đảng cầm quyền, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về chiến lược đại đoàn kết. Trong khi tập thể tác giả của Học viện hành chính quốc gia nghiên cứu về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, tác giả Lê Minh Quân đi sâu trình bày tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về phương pháp và nghệ thuật chính trị, về con người chính trị, đặc biệt là vấn đề tư cách đạo đức và tác phong của người cách mạng và khẳng định “Hồ Chí Minh đã mở rộng và phát triển những luận điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về chính trị với việc đưa nội dung đạo đức mới vào quan niệm về chính trị” [184, tr.57]. Tuy nhiên, do nghiên cứu chung về tư tưởng chính trị của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh nên một số nội dung cơ bản trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh chưa được phân tích sâu sắc và cụ thể trong hai công trình này.

Sách chuyên khảo *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh* của Nguyễn Thế Nghĩa được NXB Chính trị quốc gia xuất bản năm 2018. Công trình nghiên cứu và làm rõ sự hình thành và phát triển của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh; Những nội dung, đặc điểm cơ bản và giá trị, ý nghĩa của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, công trình này chưa nghiên cứu cụ thể cơ sở hình thành và những nội dung cơ bản, đặc trưng trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Công trình *Tư tưởng chính trị “dân là gốc” trong lịch sử Việt Nam* của Lê Văn Thắng và Nguyễn Văn Tuân do NXB Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản năm 2018. Công trình phân tích cơ sở hình thành tư tưởng chính trị “dân là gốc” của Hồ Chí Minh xuất phát từ thực tiễn đấu tranh của dân tộc, và từ tư duy, nhận thức của Hồ Chí Minh về vai trò của quần chúng nhân dân. Trong công trình, tác giả cũng đã trình bày những nội dung cơ bản của Hồ Chí Minh trong tư tưởng chính trị “dân là gốc”. Như vậy, công trình tư tưởng chính trị “dân là gốc” trong lịch sử Việt Nam có đề cập đến một nội dung trong tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh, chưa phân tích những tư tưởng chính trị khác của Người, đặc biệt về việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Trần Thị Minh Tuyết với công trình *Giá trị và sự vận dụng, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay* tại NXB Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2022. Xuất phát từ cách tiếp cận loại hình và tiếp cận giá trị, công trình đã xác định giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh nói riêng với tư cách là “*những giá trị bền vững, có tính thời sự và hiện đại cần phải tiếp tục vận dụng, phát triển trong thực tiễn đổi mới ở nước ta hiện nay*” [225, tr.8]. Đối với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, công trình khẳng định “*Dân tộc và dân chủ là hai yếu tố cơ bản hợp thành một nước Việt Nam mới*” [225, tr.56] và Hồ Chí Minh đã rất bản lĩnh và sáng tạo khi quyết định thành lập ở Việt Nam Nhà nước Dân chủ Cộng hoà [225, tr.55]. Người đã cụ thể hoá khái niệm “*nhà nước của dân, do dân, vì dân*” trong lịch sử văn minh nhân loại, đồng thời góp phần làm giàu lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề nhà nước.

Công trình *Tư tưởng Hồ Chí Minh – từ góc nhìn di sản chính trị* của Đinh Xuân Lý và Trần Phiên, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2023. Công trình khẳng định tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh là một nền tảng tư duy chính trị mới có tính thực tiễn cao [126, tr.186], là một nội dung cốt lõi cấu thành “nền chính trị hiện đại” ở Việt Nam [126, tr.197]. Về chính trị đối nội, đặc biệt với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh để lại di sản lập quốc thông qua việc thực hiện sứ mệnh giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới, di sản lập hiến với việc xây dựng Hiến pháp dân chủ nhân dân. Bên cạnh đó, những quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, về xây dựng các thành tố của hệ thống chính trị có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của Việt Nam.

Công trình *Triết lý chính trị Hồ Chí Minh* của Lại Quốc Khánh do Nxb Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản năm 2024 khẳng định hạt nhân cốt lõi của triết lý chính trị Hồ Chí Minh là *triết lý về giá trị chính trị*, bao gồm hai phương diện cơ bản là triết lý về nội dung của các giá trị chính trị và triết lý về hiện thực hoá các giá trị này [100, tr.226]. Tác phẩm đề cập đến nhiều giá trị chính trị, trong đó *độc lập* là giá trị đầu tiên và cao quý nhất, bởi đó là điều kiện căn bản để một dân tộc có thể tồn tại và phát triển. Và từ giá trị hàng đầu đó, biến thành mục tiêu hàng đầu của sự nghiệp cách mạng. Các giá trị *tự do, hạnh phúc, dân chủ* cũng là những giá trị tiêu biểu góp phần xác lập bản chất và chủ thể quyền lực của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đề cập triết lý Hồ Chí Minh về hiện thực hoá giá trị chính trị, tác giả đưa ra triết lý về mô hình chế độ xã hội, triết lý về quá trình chính trị, triết lý về chủ thể chính trị, triết lý về thể chế chính trị, Đây đều là những nội dung quan trọng, thể hiện vai trò của Hồ Chí Minh trong việc đặt nền móng tư tưởng chính trị Việt Nam nói chung và với nhà nước Việt Nam hiện đại nói riêng.

1.1.1.2. Nghiên cứu nội dung cụ thể trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

Nghiên cứu về mục tiêu chính trị và đường lối chính trị trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

Trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* xuất bản năm 2000 tại NXB Lao động của Hoàng Trang và Phạm

Ngọc Anh. Các tác giả chỉ ra đặc trưng khoa học trong sự kết hợp giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của tư tưởng Hồ Chí Minh. Theo đó, độc lập dân tộc được xác định là yếu tố tiền đề cơ bản nhất, quan trọng nhất để đưa Việt Nam phát triển lên chủ nghĩa xã hội và ngược lại chỉ có chủ nghĩa xã hội mới là chế độ xã hội có đủ điều kiện để bảo đảm nền độc lập dân tộc vững chắc, lâu dài. Đánh giá về giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh, tập thể tác giả cho rằng giữ vững nền độc lập dân tộc là nhiệm vụ chiến lược quan trọng hiện nay. Và để thực hiện được mục tiêu đó, để vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng, nhà nước và nhân dân Việt Nam cần kiên định mục tiêu chính trị và con đường chính trị Hồ Chí Minh đã lựa chọn ngay từ khi xác lập nhà nước Việt Nam hiện đại, vận dụng và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về khối đại đoàn kết dân tộc cùng với hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại.

Qua hai công trình là *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội* do NXB Chính trị quốc gia xuất bản năm 2005 và *Mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh* do NXB Chính trị quốc gia xuất bản năm 2009, tác giả Nguyễn Bá Linh đã khẳng định lý luận về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh không phải là sự dập khuôn máy móc từ chủ nghĩa Mác – Lênin. Căn cứ vào những điều kiện thực tiễn cụ thể của cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã đưa ra những luận điểm mới mẻ, sáng tạo nhằm giải quyết những mâu thuẫn cơ bản và bao trùm của đất nước, hướng tới mục tiêu chính trị cao cả là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Trong công trình, tác giả cũng đã phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh trên các lĩnh vực cụ thể như kinh tế, văn hoá và con người, an ninh quốc phòng, hệ thống chính trị,... và liên hệ đến thực tiễn hiện nay, đồng thời khẳng định việc giữ vững mục tiêu chính trị độc lập dân tộc, đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng nhất của đất nước khi hội nhập quốc tế. Như vậy, giải phóng dân tộc là hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà - tiền thân của nhà nước Việt Nam hiện nay, xã hội chủ nghĩa là định hướng phát triển theo con đường chính trị Hồ Chí Minh đã vạch ra cho dân tộc. Đây là

những nội dung căn cốt nhất trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh mà đề tài đang tập trung nghiên cứu.

Cuốn *Tư tưởng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh những năm 20 của thế kỷ XX* của Phạm Quốc Thành, NXB Chính trị quốc gia xuất bản năm 2007. Nội dung chủ yếu của cuốn sách được thể hiện qua việc phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình hình thành, hoàn chỉnh và vận dụng đúng đắn, phát triển một cách sáng tạo lý luận về cách mạng thuộc địa của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX. Các quan điểm cách mạng sáng tạo của Hồ Chí Minh được hiện thực hóa trong xã hội Việt Nam, đáp ứng yêu cầu bức thiết của cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX. Đồng thời cuốn sách cũng nêu bật những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

Bài viết “Độc lập, tự chủ: tiếp cận từ góc độ chủ quyền quốc gia” trên Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, số 10 (162) năm 2009. Tập thể tác giả Nguyễn Xuân Thắng và Đặng Xuân Thanh đã làm rõ khái niệm độc lập, tự chủ và xem nó như hai chiều cạnh của chủ quyền quốc gia; làm rõ các yếu tố cấu thành độc lập, tự chủ của mỗi quốc gia; Sự phối hợp giữa độc lập và tự chủ trong cấu kết chủ quyền quốc gia. Từ đó, tập thể tác giả đã khẳng định độc lập, tự chủ là ước nguyện cao cả của mỗi dân tộc, là phương diện để các dân tộc thực hiện và bảo vệ lợi ích quốc gia, trong đó hai lợi ích cơ bản là an ninh và phát triển.

Cuốn *Hồ Chí Minh với sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* của hai tác giả Vũ Đình Hòe và Bùi Đình Phong xuất bản năm 2010 tại NXB Chính trị quốc gia cũng là một công trình liên quan đến nội dung nghiên cứu của đề tài. Qua việc phân tích những luận điểm cơ bản về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, các tác giả cho rằng thực chất của vấn đề dân tộc thuộc địa trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh chính là vấn đề đấu tranh để đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, xoá bỏ ách áp bức, bóc lột và giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, từ đó thành lập nhà nước tự chủ có đầy đủ các quyền của một quốc gia độc lập, thực hiện quyền dân tộc tự quyết. Đóng góp của công trình còn ở khía cạnh đánh giá sâu sắc

những đóng góp về lý luận và giá trị thực tiễn của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Các tác giả cũng trình bày sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình Đảng lãnh đạo đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội.

Cuốn *Góp phần nghiên cứu tư tưởng độc lập, tự do của Hồ Chí Minh* của Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật xuất bản năm 2023 đã trình bày cách nhìn tổng quát về tư tưởng Hồ Chí Minh gồm con đường cách mạng của Hồ Chí Minh và ngọn cờ độc lập dân tộc trong cương lĩnh của Đảng. Đặc biệt, công trình đưa ra những luận điểm có giá trị như “độc lập tự do – tư tưởng cách mạng cốt lõi, học thuyết chính trị của Hồ Chí Minh”; Tư tưởng “không có gì quý hơn độc lập, tự do” là động lực và là mục tiêu, lý tưởng, là cơ sở của chiến lược cách mạng, chiến lược kháng chiến. Từ tư tưởng độc lập, tự do đến chiến lược đại đoàn kết,... xuyên suốt và nhất quán trong lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh.

Cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc – một số vấn đề lý luận và thực tiễn* của tập thể tác giả Nguyễn Việt Hùng, Vũ Thị Thanh Tình và Nguyễn Thị Thu Hà, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, đã phân tích cơ sở khởi nguồn tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc. Trên cơ sở phân tích những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này, các tác giả đã trình bày sự sáng tạo trong việc tiếp thu, vận dụng chủ nghĩa Mác – Lênin về con đường cứu nước, giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh.

Tác giả Trần Thị Minh Tuyết với bài viết “Từ quyền dân tộc trong Tuyên ngôn độc lập đến việc giữ vững độc lập dân tộc trong giai đoạn hiện nay” trên *Tạp chí Triết học*, 2015, số 9, tr. 3-9 đã tập trung luận giải vị trí, vai trò của quyền được sống trong độc lập, tự do của các dân tộc, quyền dân tộc luôn gắn với quyền tự quyết. Vì vậy, các dân tộc trên thế giới phải thừa nhận và tôn trọng quyền độc lập, tự do của Việt Nam và các dân tộc bị áp bức. Trên tinh thần luận giải tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền dân tộc trong Tuyên ngôn độc lập, tác giả đã khái quát sự vận

dụng tư tưởng đó vào việc đấu tranh giữ vững độc lập dân tộc trong giai đoạn hiện nay, nêu lên những điều kiện đảm bảo cho độc lập dân tộc được giữ vững.

Sách *Sự ra đời của bản Tuyên ngôn độc lập*, do tác giả Vũ Kim Yến sưu tầm và biên soạn, được NXB Văn hoá – Thông tin ấn hành năm 2015. Trong đó nổi bật là bài viết của tác giả Ngô Bá Thành: “Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quyền dân tộc, quyền con người trong Tuyên ngôn độc lập 1945 và những đóng góp cho công pháp quốc tế hiện tại”; tác giả Hà Sơn Thái với bài viết “Ý thức dân tộc trong bản Tuyên ngôn độc lập của Hồ Chí Minh” đã khẳng định ý thức dân tộc là một trong những động lực cơ bản để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của mỗi quốc gia; ý thức dân tộc gắn liền với quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình.

Hoàng Chí Bảo với bài viết “Tư tưởng và triết lý Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc” trên *Tạp chí Công sản*, 2016, số 883, tr.67-72 đã khẳng định tư tưởng bao trùm, chủ đạo và xuyên suốt toàn bộ di sản của Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Theo tác giả, giá trị đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh là ở chỗ Người đã đem lại lời giải chính xác về con đường và phương pháp cách mạng để giành độc lập dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội. Tác giả cho rằng, Hồ Chí Minh đã dấn thân để vì dân, hóa thân vào dân tộc và nhân dân để trọn đời thực hành đạo làm người của người cách mạng luôn một mực vì nước vì dân.

Trong bài viết “Độc lập, tự do - Sự thống nhất giữa quyền dân tộc và quyền con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh” trên *Tạp chí Lý luận chính trị*, 2016, số 8, tác giả Nguyễn Trọng Phúc đã luận giải hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1941; khẳng định quyền dân tộc và quyền con người trong nhận thức của Nguyễn Ái Quốc đã thể hiện ở hai từ độc lập, tự do. Độc lập, tự do là khát vọng và là quyền thiêng liêng của dân tộc Việt Nam, có độc lập thật sự mới có điều kiện để thực hiện các quyền cơ bản của con người và ngược lại quyền con người có được đảm bảo và thực hiện triệt để mới làm cho quyền độc lập dân tộc trở nên vững chắc và có ý nghĩa. Bài viết cũng khẳng định, trong bối cảnh hiện nay Đảng và Nhà nước vẫn tiếp tục kế thừa tư tưởng của Hồ Chí Minh và được cụ thể

hóa trong bản Hiến pháp năm 2013, luôn đặt quyền, lợi ích của dân tộc và quyền, lợi ích, nghĩa vụ của con người, của công dân trong sự thống nhất.

Tác giả Lại Quốc Khánh với công trình *Biện chứng của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam* do NXB Chính trị quốc gia xuất bản năm 2009. Công trình đưa ra những kiến giải khá mới về *cái* và *cách* Hồ Chí Minh hình thành nên những quan điểm về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tác giả khẳng định giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân để tiến lên chủ nghĩa xã hội là những giai đoạn phát triển tất yếu của con đường chính trị Việt Nam. Giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản chính là hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, chính là chế độ mà nhân dân là chủ thể của quyền lực chính trị, xã hội chủ nghĩa chính là định hướng con đường chính trị của nước Việt Nam. Đây là những nội dung, luận án có thể kế thừa và phát triển.

Một số các công trình nghiên cứu sau cũng có một phần nội dung nghiên cứu về nội dung này như bài viết “Hồ Chí Minh và sự chủ động sáng tạo trong việc lựa chọn con đường cứu nước”, *Tạp chí Cộng sản*, Hà Nội, 1995 của Trình Muru; Cuốn *Về con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh* của tập thể tác giả Trịnh Nhu và Vũ Dương Ninh, NXB Chính trị quốc gia, 1996; Bài viết “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam” của Trịnh Nhu, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (5), 1997, tr.9-12; Công trình “*Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*” của Nguyễn Duy Quý, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003; Bài viết “Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (số 7/2004) của Văn Thị Thanh Mai; Bài viết “Những tư tưởng sáng tạo của Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản* (số 9/2005) của Nguyễn Đức Bình; Công trình *Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc* của Nguyễn Khánh Bật, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010; Công trình *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012 của Viện Khoa học xã hội nhân văn quân

sự; Công trình *Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với dân chủ và hạnh phúc của nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh* của Nguyễn Văn Nguyên, NXB Chính trị quốc gia, 2018; Công trình *Sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc (1911 - 1945)* của tác giả Nguyễn Đình Thuận,...

Nghiên cứu về lực lượng chính trị trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

Một số bài viết cùng đề cập đến khái niệm và vai trò của nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh như bài viết “Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng” của tác giả Trần Quang Nhiếp đăng trên *Tạp chí Cộng sản* (31) năm 2003; bài viết “Nhân dân - Một phạm trù văn hoá chính trị Hồ Chí Minh” trên *Tạp chí Tuyên giáo* (3) năm 2010 của tác giả Bùi Đình Phong,... Điểm tương đồng của các bài viết này là đã đưa ra quan niệm “dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh gồm tập hợp những người con đất Việt, là toàn bộ đồng bào trong các dân tộc Việt Nam, kể cả kiều bào ở nước ngoài. Nhân dân là nhân tố quyết định thành bại của cách mạng, tổ chức, thực hiện và bảo vệ thành quả của cách mạng, trong đó có việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Công trình *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ của* Phạm Hồng Chương, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004. Công trình cho rằng đối với Hồ Chí Minh, dân chủ là một hình thức chính thể, là một cách thức tổ chức của hệ thống chính trị. Ở đó, vai trò, vị trí chủ thể quyền lực của nhân dân được thể chế hoá trong Hiến pháp và pháp luật. Và người dân trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào công việc của nhà nước, nhằm đảm bảo nền dân chủ, xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân. Tác giả khẳng định, trong lĩnh vực chính trị, dân chủ chính là quá trình thay đổi vị trí của nhân dân lao động, từ vị trí thụ động sang vị thế chủ động với tư cách là người chủ của đất nước.

Một số công trình như bài viết “Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề dân quyền”, của Phạm Văn Bính trên *Đặc san Hồ Chí Minh học* (1) năm 2013; bài viết “Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy quyền dân chủ để nhân dân tích cực tham gia quản lý nước nhà” của Nguyễn Thế Phúc trên *Tạp chí Mặt trận* (7) năm 2014,... đã khẳng định quyền dân chủ chính là quyền chính trị tất yếu của Nhân dân, cần nâng

cao dân trí và hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng thiết chế chính trị hoàn chỉnh để đưa Nhân dân tham gia vào sinh hoạt chính trị trong xã hội, khẳng định Nhân dân là chủ thể quyền lực của Nhà nước.

Tác giả Nguyễn Phương An với luận án tiến sĩ Chính trị học “*Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về nhân dân và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay*” bảo vệ tại Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh năm 2017 đã khẳng định Nhân dân trong quan niệm của Hồ Chí Minh có biên bộ rất rộng, là toàn dân tộc, vừa có sự chọn lọc khi đề ra tiêu chuẩn yêu nước, vai trò tiên bộ. Sự nghiệp cách mạng của Việt Nam, xét từ các cấp độ, phạm vi và khía cạnh đều vì dân, hướng đến phục vụ quyền lợi, lợi ích của nhân dân. Bên cạnh đó, nhân dân chính là động lực to lớn của cách mạng. Những nhu cầu, mong muốn và nguyện vọng của nhân dân là khởi nguồn cho sự nghiệp cách mạng. Nhân dân cũng cung cấp các nguồn lực, đóng góp trí tuệ, vật chất, là lực lượng đông đảo để tiến hành cách mạng cũng như bảo vệ thành quả sau cách mạng. Xác định cách mạng là sự nghiệp giải phóng quần chúng nhân dân, Hồ Chí Minh luôn quan tâm đến việc “giành chính quyền về tay nhân dân” và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời chính là sự hiện thực hoá tư tưởng của Hồ Chí Minh về nhà nước dân chủ.

Luận án tiến sĩ ngành Chính trị học “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về cơ chế đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và ý nghĩa đối với việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Kiều Thị Yến bảo vệ tại Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh năm 2025 đã trình bày quan niệm của Hồ Chí Minh về nhân dân, dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân. Công trình cũng luận giải những nội dung cơ bản về cơ chế đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh và rút ra ý nghĩa đối với quá trình xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở Việt Nam hiện nay, đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, còn có bài viết “Hiến pháp 1946 - Hiến pháp mang đậm dấu ấn Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” của Văn Thị Thanh Mai trên *Tạp chí Dân chủ và pháp luật*, 2007, số 8 (185), tr.2-6; bài viết “Quyền

làm chủ của nhân dân Việt Nam thời kỳ 1945-1954” của Trần Thị Quang Hoa trên *Tạp chí Giáo dục lý luận*, số 249, tr.47-49,...

Nghiên cứu về tổ chức chính trị trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

Nghiên cứu về đảng chính trị trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh có thể kể đến các công trình tiêu biểu sau:

Công trình *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam* của Mạch Quang Thắng, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội xuất bản năm 1995 đã trình bày những tư tưởng của Hồ Chí Minh về nguồn gốc ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, bản chất giai cấp của Đảng và các nguyên tắc hoạt động của Đảng. Trong công trình tác giả cũng đề cập đến một số vấn đề về đổi mới và chỉnh đốn Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, công trình mới đề cập đến những tư tưởng chung của Hồ Chí Minh chứ chưa đi sâu phân tích những quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản trong tiến trình hình thành nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cuốn sách *Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam* của tác giả Phạm Quốc Thành, NXB Đại học Quốc gia, 2014. Thông qua 4 chương sách, tác giả đã phân tích sự chủ động, tích cực và sáng tạo của Hồ Chí Minh trong việc sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là một quá trình chuẩn bị công phu, lâu dài, từ khi xác định con đường giải phóng dân tộc, xây dựng nền tảng lý luận cách mạng đến việc truyền bá tư tưởng, thành lập các tổ chức chính trị và đào tạo cán bộ, chuẩn bị cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam – đảng chính trị của giai cấp vô sản. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định những cống hiến to lớn của Hồ Chí Minh đối với con đường cứu nước của dân tộc nói chung và đối với quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng. Có thể nói, chính lý luận giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh trong những năm 20 của thế kỷ XX là yếu tố quan trọng nhất, quyết định sự ra đời và phát triển bền vững của Đảng Cộng sản Việt Nam. Với tư cách là đảng chính trị tiên phong, Đảng Cộng sản đã đưa ra đường lối, chủ trương đúng đắn, lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng thành công, giải phóng dân tộc, hình thành nhà nước Việt Nam độc lập.

Một số công trình khác cũng đề cập đến vấn đề này như nhóm bài viết của tác giả Lê Mậu Hãn gồm “Sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng và xác định Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử quân sự* (1) 2000, tr.2-6; “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản* (756), 2006, tr.19-24; “Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (2), 2013, tr.42-46. Công trình “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*” của Nguyễn Quốc Bảo, NXB Lao động, 1999; công trình *Nguyễn Ái Quốc từ lý luận đến thực tiễn cách mạng Việt Nam* của Lương Minh Cừ, Nguyễn Tấn Hưng, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013; công trình *Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin về Đảng Cộng sản* của Phạm Ngọc Dũng, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007; công trình *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền* của Trần Đình Huỳnh – Phan Hữu Tích, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995; công trình “Hồ Chí Minh với việc vận dụng và phát triển lý luận cách mạng vô sản vào thực tiễn cách mạng Việt Nam” của Vũ Quang Hiến, đăng trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 2015, số 6, tr.38-44; công trình “*Quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*” của tác giả Đinh Xuân Lý do NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội xuất bản năm 2007; bài viết “Những cống hiến lịch sử của Nguyễn Ái Quốc vào quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam” của tác giả Song Thành, *Tạp chí Cộng sản* (585), 2000, tr.22-25; bài viết “Nguyễn Ái Quốc với sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam” của tác giả Trịnh Nhu trên *Tạp chí Lịch sử Đảng* số tháng 3 năm 2000.

Nghiên cứu về Nhà nước trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh có một số công trình tiêu biểu như:

Tác giả Nguyễn Ngọc Minh với công trình *Nghiên cứu những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật* được NXB Sự thật xuất bản năm 1980. Thông qua việc khẳng định kiểu cách mạng quyết định kiểu nhà nước, tác giả cho rằng Hồ Chí Minh lựa chọn chủ nghĩa Mác – Lênin, tin theo Cách mạng tháng Mười – một cuộc cách mạng kiểu mới là một lựa chọn lịch sử. Sự lựa chọn này có

ảnh hưởng quyết định đến toàn bộ hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh và đặc biệt đến kiểu nhà nước và pháp luật mà Người sẽ xây dựng ở Việt Nam. Công trình cũng đã trình bày những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, công trình chưa phân tích sâu sắc quá trình Hồ Chí Minh vận dụng tri thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn trong việc hiện thực hoá những tư tưởng chính trị của mình để góp phần hình thành nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Trong cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền*, tác giả Nguyễn Đăng Dung (chủ biên), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007 đã luận giải sâu sắc quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền thông qua các tác phẩm của Hồ Chí Minh nhằm khẳng định tư duy pháp lý của Hồ Chí Minh. Đây là những dẫn chứng cụ thể để tác giả đánh giá về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với thể chế chính trị ở Việt Nam.

Ngoài ra, về vấn đề Nhà nước trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, còn có các công trình như Nguyễn Đình Lộc với cuốn *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân, vì dân*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998; Tác giả Vũ Đình Hòe với công trình *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2001; Cuốn *Gợi mở những giá trị truyền thống của tư tưởng chính trị pháp lý Việt Nam* của tác giả Lê Quốc Hùng do NXB Tư pháp ấn hành năm 2005; Bài viết “Hồ Chí Minh với sự ra đời của Quốc hội cơ quan quyền lực cao nhất nước Việt nam Dân chủ cộng hoà” của tác giả Lê Mậu Hãn đăng trên *Tạp chí quân sự*, 2011, số 1, tr.3-7; Văn Thị Thanh Mai có bài viết “Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự ra đời của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà” trên *Tạp chí Nghiên cứu Hồ Chí Minh*, 2021, số 1, tr.35-41,...

Bên cạnh các nghiên cứu trong nước về Hồ Chí Minh, có nhiều nhà nghiên cứu quốc tế đã có những tác phẩm nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Người. Có thể kể đến các tác phẩm đã khá quen thuộc với những người quan tâm chuyên ngành Hồ Chí Minh học như:

Công trình *Ho Chi Minh-A Life* của Duiker, William J, Hyperion, New York, 2000. Với hơn 10 năm nghiên cứu, tìm tòi, Duiker đã cung cấp nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, được hệ thống hóa và sử dụng nghiêm túc, khoa học về Hồ Chí Minh. Đóng góp nổi bật của nghiên cứu này là Duiker đã đi sâu tìm hiểu từng chặng đường hoạt động của Hồ Chí Minh, chỉ ra những chuyển biến tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh, để thấy rõ hơn về hành trình gian khó của một người từ lập trường yêu nước truyền thống đến lập trường dân chủ tư sản, mang tính xã hội chủ nghĩa cánh tả, rồi đến lập trường cộng sản Lêninnít. Xuyên suốt toàn bộ cuộc đời của Hồ Chí Minh luôn luôn là một nhà yêu nước lớn, yêu nước theo tinh thần nhân văn, cách mạng, tiến bộ - đó chính là cốt lõi văn hóa chính trị Hồ Chí Minh. Đây chính là cơ sở để Duiker đưa ra đánh giá của ông về tầm vóc và ảnh hưởng to lớn của Hồ Chí Minh trong thế kỷ 20. Tuy nhiên, do không thể tiếp cận được với các nguồn tài liệu lưu trữ của Liên Xô và Quốc tế Cộng sản cũng như khá nhiều tài liệu có liên quan ở Việt Nam nên Duiker khó tránh khỏi những sai lầm, những phán đoán chủ quan về hoạt động và tư tưởng của Hồ Chí Minh trong những khoảng thời gian nhất định. Đây là nguyên nhân khiến một số nhận định của Duiker bị phê bình từ nhiều phía.

Công trình *Ho Chi Minh-The Missing Years 1919 -1941*, của Quinn-Judge, Sophie, University of California Press, 2003 (*Hồ Chí Minh – những năm tháng bị lãng quên (1919-1941)*). Xét trên phương diện nào đó, cuốn sách của Sophie Quinn-Judge như một sự bù đắp vào khoảng trống trong nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thời gian từ năm 1919 đến 1941, nhất là thời kỳ từ năm 1923 đến 1941, khi Người hoạt động ở Liên Xô, Trung Quốc, Đức và Thái Lan. Sở dĩ có những khoảng trống như vậy là bởi vì trước đó các nhà nghiên cứu không thể tiếp cận và khai thác các nguồn tài liệu lưu trữ của Liên Xô, Quốc tế Cộng sản... Công trình của Sophie Quinn-Judge đã cung cấp thông tin đầy đủ, chân thực hơn, góp phần hiệu chỉnh nhiều thông tin không xác thực, giúp cho người đọc thấy rõ được tầm vóc, vai trò của Hồ Chí Minh với những phẩm chất đặc biệt. Tuy nhiên, do chủ yếu dựa vào tài liệu lưu trữ, qua đó, nhà nghiên cứu thể hiện quan điểm chủ quan của bản thân mình nên trong cuốn sách có những nhận định

gây ý kiến trái chiều và còn nhiều “khoảng trống” chưa phân tích sâu, chưa đủ minh chứng lịch sử.

Cuốn sách mang tựa đề *Ho Chi Minh* của nhà báo người Đức Hellmut Kapfenberger, NXB Neues Leben ấn hành, được Đinh Hương, Thiên Hà dịch và NXB Thế giới xuất bản năm 2010 với tên “*Hồ Chí Minh – một biên niên sử*”. Cuốn sách có dung lượng gần 300 trang sử dụng tư liệu của nhiều nhà lãnh đạo chính trị, nhà văn hóa, học giả và nhà nghiên cứu nổi tiếng của Việt Nam, Lào, Trung Quốc, Pháp, Mỹ cùng nhiều nước trên thế giới viết về cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác... là một kho tư liệu giá trị được viết theo dạng biên niên sử về các thời kỳ hoạt động cách mạng của Người. Sách đã được xuất bản vào dịp kỷ niệm 119 năm ngày sinh của Người (19/5/1890 - 19/5/2009) thu hút sự chú ý lớn trong giới nghiên cứu và bạn đọc Đức.

Cuốn sách *Hồ Chí Minh – Những bài viết và những cuộc đấu tranh* của Alain Ruscio, do Nguyễn Đức Truyền dịch và Lê Trung Dũng hiệu đính, được NXB Chính trị quốc gia sự thật xuất bản. Được trình bày theo diễn tiến thời gian, cuốn sách đã cung cấp cho người đọc hành trình cách mạng của Hồ Chí Minh từ khi Người đặt chân đến Pháp vào năm 1919 cho đến khi Người nhắm mắt xuôi tay, về với thế giới người hiền vào năm 1969. Cuốn sách là một nghiên cứu công phu, gồm những bài viết của Hồ Chí Minh và những tư liệu quý được lưu trữ tại Pháp. Cuốn sách cũng chứa đựng nhiều tư liệu của các nhân vật chính trị và bạn bè viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Cuốn sách *Ho Chi Minh's Heritage in Vietnam and Abroad* được xuất bản tại Đại học Moscow University của Liên bang Nga. Là sản phẩm hợp tác của Khoa Khoa học Chính trị (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội - Việt Nam) và Viện nghiên cứu Á Phi (Đại học Quốc gia Lomonosov Moscow - Nga), cuốn sách bao gồm những bài viết của hội thảo Khoa học diễn ra vào tháng 9-2019 tại Moscow - Nga. Về nội dung, cuốn sách tập trung làm rõ khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và những cống hiến nổi bật của Người trong cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng Đảng và Nhà nước Việt Nam, các chính sách

kinh tế, đối ngoại, văn hóa và đạo đức mới. Cuốn sách cũng cung cấp thêm cho người đọc các tư liệu về hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh tại Quốc tế Cộng sản và nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là ở Nga và Trung Quốc.

Ngoài ra, có thể kể đến nghiên cứu của Stein Tonnesson (1991), *The Vietnamese revolution of 1945: Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at War*, Sage Publications, New York; Những bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo *Global Ho Chi Minh* được tổ chức tại Đại học Columbia, Hoa Kỳ vào tháng 10 năm 2019. Đối với các nghiên cứu nước ngoài, các học giả thường quan tâm tới những khía cạnh trong sự nghiệp của Hồ Chí Minh như: nhân cách và đạo đức, uy tín chính trị, đường lối lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tư tưởng ngoại giao, mức độ truyền cảm hứng và sức ảnh hưởng quốc tế.

1.1.2. Nghiên cứu về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

1.1.2.1. Nghiên cứu về Nhà nước dân chủ cộng hoà

Cuốn sách *Tìm hiểu các nước và các hình thức nhà nước trên thế giới* của tác giả Cao Văn Liên, NXB Thanh niên, 2003 đã giới thiệu các hình thức tổ chức của các nhà nước trên thế giới. Tác giả phân loại hình thức nhà nước thành 7 nhóm tiêu biểu, đó là hình thức nhà nước quân chủ, nhà nước quân chủ nghị viện, nhà nước cộng hoà dân chủ nhân dân, nhà nước cộng hoà tổng thống, nhà nước cộng hoà đại nghị, nhà nước cộng hoà lưỡng thể và nhà nước tôn giáo. Nếu xét theo đặc điểm thì mô hình nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mà Hồ Chí Minh xây dựng sau Cách mạng tháng 8 là nhà nước cộng hoà lưỡng thể. Tuy nhiên, đặc biệt là đương thời, các nước dân chủ trên thế giới chủ yếu theo mô hình cộng hoà tổng thống, cộng hoà đại nghị và cộng hoà dân chủ nhân dân, chưa xuất hiện cộng hoà lưỡng thể. Nên qua đó, chúng ta thấy được sự sáng tạo của Hồ Chí Minh, và đây cũng là điểm luận án đi sâu nghiên cứu.

Trong cuốn sách *Các mô hình quản lý nhà nước hiện đại*, tác giả David Held, NXB Tri thức, 2013 đã tổng hợp tương đối đầy đủ về lịch sử các mô hình tổ chức nhà nước theo triết lý dân chủ, chứa đựng những tư tưởng chính trị của những triết gia nổi tiếng như John Stuart Mill, John Locke, Montesquieu,... Không dừng lại ở đó, trên cơ

sở hệ thống lại các tư tưởng và khái quát thực tiễn, tác phẩm còn cập nhật xu hướng phát triển của các mô hình nhà nước dân chủ điển hình. Dựa vào hệ thống các tiêu chí khác nhau, mô hình nhà nước được phân loại đa dạng và phong phú, đầu vậy, đặc điểm chung của tất cả mô hình tổ chức này là được xây dựng và hoạt động trên nền tảng của dân chủ tự do. Tác giả cũng khẳng định không có một mẫu hình chuẩn mực để áp dụng đúng hoàn toàn cho bất kỳ quốc gia nào. Chúng ta chỉ có thể căn cứ những mô hình tác giả đã đưa ra, kết hợp với đặc điểm cụ thể của đất nước để tự xây dựng cho mình một mô hình phù hợp.

Bài viết “Thể chế chính trị cộng hoà” của tác giả Lưu Văn Quảng đăng trên *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10 (95), năm 2015, tr.107-114 đi sâu nghiên cứu về thể chế chính trị cộng hoà. Cùng với việc phân loại và phân tích sự hình thành, đặc điểm bộ máy nhà nước theo thể chế chính trị cộng hoà, tác giả còn đánh giá những giá trị kế thừa và những mặt hạn chế của các nền cộng hoà.

Cũng đề cập đến vấn đề này, trong công trình “*Các loại hình thể chế chính trị đương đại và những giá trị tham khảo cho Việt Nam hiện nay*” xuất bản năm 2016 tại NXB Chính trị quốc gia, Lưu Văn Sùng cho rằng Việt Nam cần phải kế thừa những giá trị (cả lý thuyết và hiện thực) của các nền cộng hoà thể hiện ở các dòng chủ lưu trong lịch sử: cộng hoà dân chủ và cộng hoà quý tộc, khởi nguồn từ La Mã cổ đại, được phát triển và hoàn thiện vào thời kỳ Phục Hưng, Khai Sáng ở châu Âu; cộng hoà tư sản và cộng hoà xã hội chủ nghĩa trong thế kỷ XX. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thể chế chính trị cũng là một trong những nội dung nghiên cứu của công trình. Cụ thể, tác giả đưa ra những cơ sở để thiết lập thể chế chính trị thông qua việc phân tích *Tuyên ngôn độc lập*, chỉ ra yêu cầu cần xoá bỏ chế độ chuyên chế, hạn chế của cách mạng tư sản và nền cộng hoà tư sản, khẳng định công xã Pari và cách mệnh Nga là thành công đến nơi. Thể chế chính trị Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945: mọi quyền lực trong nước của toàn dân, Chính phủ là công bộc của dân, đày tớ của dân. Thông qua việc nghiên cứu nền cộng hoà của Việt Nam qua các bản hiến pháp, tác giả đã khái quát quá trình hình thành, phát triển của nhà nước Việt Nam, đồng thời đề xuất một số giải pháp để tiếp tục hoàn

thiện thể chế chính trị đất nước. Đây là một số gợi mở về giá trị thực tiễn của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh từ cách tiếp cận thể chế.

Cùng nghiên cứu về thể chế chính trị, tác giả Nguyễn Đăng Dung có 2 công trình nổi bật, đó là *Thể chế chính trị* do NXB Lý luận chính trị xuất bản năm 2004 và *Hình thức của các nhà nước hiện đại* do NXB Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2019. Theo đó, tiếp cận từ góc độ hành vi và tiếp cận từ góc độ tổ chức được tác giả đánh giá là 2 cách tiếp cận cơ bản về thể chế chính trị. Tập thể tác giả “nhìn nhận nhà nước là một thể chế chính trị trung tâm của mọi thể chế Chính trị quốc gia” [28, tr.152] và hình thức chính thể là một hình thức rất quan trọng trong các dạng hình thức nhà nước, “là sự biểu hiện bề ngoài thành mô hình, hình dáng của nhà nước” [28, tr.154]. Đối với chính thể của nhà nước Việt Nam, tác giả khẳng định: Con đường cách mạng quyết định kiểu nhà nước nói chung và hình thức chính thể nhà nước nói riêng. Vì con đường cách mạng tư sản không phù hợp với Việt Nam nên hình thức chính thể nhà nước sau khi Việt Nam giành được chính quyền không thể là hình thức chính thể của kiểu nhà nước tư sản. Cách mạng Việt Nam đi theo con đường cách mạng vô sản cũng có nghĩa là hình thức chính thể nhà nước được thiết lập sau khi giành chính quyền là hình thức thể nhà nước mới thể hiện bản chất giai cấp vô sản của nhà nước [28, tr.176]. Tác giả cũng đã chỉ ra sự phát triển trong tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh về hình thức chính thể nhà nước, từ việc chưa đưa ra một hình thức chính thể nhà nước cụ thể trong *Đường cách mệnh*, đến việc chịu ảnh hưởng to lớn và mong muốn thiết lập mô hình nhà nước công – nông – binh như Xôviết và cuối cùng là chuyển biến sang hình thức Chính phủ nhân dân để phù hợp với nhu cầu, điều kiện phát triển của xã hội Việt Nam. Trên cơ sở phân tích những đặc điểm của chính thể cộng hoà đại nghị, chính thể cộng hoà tổng thống và chính thể cộng hoà lưỡng tính, soi chiếu với Hiến pháp 1946, tác giả kết luận rằng, “chính thể của nhà nước theo Hiến pháp 1946, gần giống như chính thể cộng hoà lưỡng tính, như cộng hoà Pháp hiện nay” [28, tr.186].

Bên cạnh đó, có thể kể đến một số công trình nghiên cứu về thể chế chính trị, chế độ dân chủ cộng hoà như bài viết “Chế độ dân chủ cộng hoà và những giá trị cần

phát huy trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay” của Đỗ Minh Cương trên *Tạp chí Thông tin khoa học xã hội* 2006, số 9, tr.8-15; bài viết “Vấn đề chế độ dân chủ nhân dân từ góc nhìn triết học” của Lại Quốc Khánh đăng trên *Tạp chí Cộng sản* 2010, số 817, tr. 50-55; bài viết “Thể chế chính trị và hệ thống chính trị” của Nguyễn Hữu Đông trên *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* 2016, số 10 (107), tr.3-8;...

Đối chiếu với việc hình thành và xây dựng nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, có thể nói, Hồ Chí Minh đã vận dụng và kết hợp linh hoạt các mô hình nhà nước trên thế giới lúc bấy giờ để xây dựng một mô hình nhà nước Việt Nam dân chủ vừa đáp ứng được yêu cầu của dân tộc, vừa mang tính tiến bộ thời đại.

1.1.2.2. Nghiên cứu về quá trình hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh tác động và ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự ra đời của nhà nước kiểu mới ở Việt Nam. Tuy nhiên, sự hình thành và ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là cả một quá trình “thai nghén” và chuẩn bị lâu dài, nên không thể tách rời vấn đề nghiên cứu với bối cảnh chung của lịch sử Việt Nam và thế giới. Liên quan đến Nhà nước, chính quyền trước khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, có thể kể đến công trình *Sự chuyển biến của phong trào yêu nước và cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam trong 30 năm đầu thế kỷ XX* của tác giả Đinh Trần Dương do NXB Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản năm 2002; Cuốn *Cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam thời thuộc địa* của tác giả Nguyễn Văn Khánh do NXB Đại học Quốc gia Hà Nội ấn hành năm 2004; Công trình *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước cách mạng Tháng Tám 1945* của Dương Kinh Quốc, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005; Công trình *Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1862-1945)* của Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I do NXB Hà Nội ấn hành năm 2013; Bài viết “Về quá trình phát triển mô hình nhà nước trong lịch sử Việt Nam và một vài liên hệ với yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay” của Dương Thị Thục Anh đăng trên *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, 2022, số 10, tr.33-37;....

Quá trình hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cũng gắn với những biến đổi chính trị, gắn với sự thay đổi trong tư duy, nhận thức của lực lượng lãnh đạo về kiểu nhà nước, hình thức nhà nước, gắn với sự điều chỉnh trong đường lối chính trị khi giải quyết các mâu thuẫn chính trị,... Có thể kể đến một số công trình tiêu biểu về nội dung này như bài viết “Mối quan hệ giữa quá trình dân tộc và quá trình chính trị ở Việt Nam” của tác giả Bùi Thanh Quát in trong sách *Việt Nam học – Kỳ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất, tập 3*, NXB Thế giới, Hà Nội, 2002; Công trình *Việt Nam 1919-1930: thời kỳ tìm tòi và định hướng* của tác giả Nguyễn Văn Khánh, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2007; Công trình *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám* của tác giả Trần Văn Giàu, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội; cuốn *Tư tưởng chính trị Việt Nam 1930-1945* xuất bản năm 2019 tại NXB Lý luận chính trị; Bài viết “Giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc – cơ sở cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà” của tác giả Nguyễn Văn Chung đăng trên *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 2022, số 1, tr.119-128,...

Tác giả Trần Thị Thu Hoài qua đề tài luận án tiến sĩ ngành chính trị học “*Sự biến đổi chính trị ở Việt Nam từ 1858 đến 1945*” bảo vệ năm 2012 tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã phân tích chính trị Việt Nam từ năm 1858 đến 1945 qua 2 sự biến đổi. Bước biến đổi đầu tiên là biến đổi từ nền chính trị phong kiến sang nền chính trị thực dân – phong kiến và bước biến đổi thứ hai là biến đổi từ nền chính trị thực dân phong kiến sang nền chính trị dân chủ nhân dân. Liên quan đến quá trình hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, luận án chỉ ra 3 khuynh hướng tư tưởng chủ đạo trong việc lựa chọn kiểu nhà nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Một là khuynh hướng tái lập nhà nước phong kiến theo kiểu mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền, với hai đại biểu tiêu biểu là vua Hàm Nghi và tướng Tôn Thất Thuyết; Hai là khuynh hướng xác lập kiểu nhà nước tư sản, với đại diện tiêu biểu là nhà trí thức yêu nước Phan Bội Châu. Mô hình nhà nước Phan Bội Châu hướng tới xây dựng là mô hình nhà nước quân chủ lập hiến và ông coi quân chủ như một phương thức để tập hợp lực lượng chống

thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc. Mặc dù sau này, Phan Bội Châu nhận thấy cái hay của dân chủ, nhưng ông cũng nhận thức thấy rằng trình độ dân trí là một trong những điều kiện quan trọng để xây dựng nền dân chủ - và điều này chưa phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam. Có thể nói, đây như là “bước nhận thức quá độ cho sự phát triển tư tưởng chính trị Việt Nam từ quân chủ đến dân chủ”. Kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa là khuynh hướng thứ ba mà các nhà tư tưởng chính trị Việt Nam thời kỳ này lựa chọn. Luận án cũng phân tích quá trình nhận thức từ nhà nước công nông binh đến nhà nước dân chủ nhân dân và hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản và sự chuẩn bị các tổ chức tiền nhà nước cho sự ra đời của một nhà nước mới ở Việt Nam; Quá trình xác lập chính trị dân chủ nhân dân thay thế chính trị thực dân – phong kiến thông qua sự thay thế lực lượng nắm giữ quyền lực nhà nước từ thực dân phong kiến sang nhân dân Việt Nam. Quá trình thay đổi tư duy, nhận thức và sự xuất hiện, hình thành các yếu tố của một nền chính trị Việt Nam hiện đại là một trong những tác động trực tiếp của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh mà luận án sẽ đề cập.

Tiếp cận từ góc độ lịch sử, công trình *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta trước thời kỳ đổi mới* của tác giả Vũ Minh Giang do NXB Chính trị quốc gia xuất bản năm 2008 và công trình *Thế chế chính trị Việt Nam – Lịch sử hình thành và phát triển* của tác giả Lưu Văn An do NXB Chính trị - Hành chính xuất bản năm 2012 là hai công trình cùng nghiên cứu về thế chế chính trị Việt Nam. Nếu như tác giả Lưu Văn An đi sâu vào nghiên cứu quá trình hình thành thế chế chính trị Việt Nam hiện đại và chia thành các giai đoạn: đầu thế kỷ XX, giai đoạn 1945-1954, giai đoạn 1954-1975, giai đoạn 1975-1992 và từ 1992 đến nay thì tác giả Vũ Minh Giang lại nghiên cứu các thiết chế chính trị từ thời kỳ cổ - trung đại đến năm 1986. Đặc biệt, chương sáu “Hệ thống chính trị thời kỳ hiện đại (trước năm 1975)” của công trình *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta trước thời kỳ đổi mới* đã phân tích quá trình hình thành chính quyền cách mạng và những đặc trưng của chính thể Dân chủ cộng hoà. Đây là một nội dung liên quan trực tiếp đến đề tài. Và nhận xét về quá trình nhận thức và thực tiễn của Nhà nước cách mạng Việt Nam từ năm 1930

đến khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, tác giả Vũ Minh Giang cho rằng: (1) nhận thức về nhà nước cách mạng ở Việt Nam là một quá trình gian khổ và phức tạp; (2) chính thể Dân chủ cộng hoà là hình thức nhà nước đại diện phù hợp nhất, là kết quả trực tiếp của cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam; (3) từ Mặt trận dân tộc thống nhất đến chính quyền cách mạng là một bước phát triển nhảy vọt; (4), nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời mở ra thời kỳ nhân dân thực sự được làm chủ vận mệnh của mình. Tuy nhiên, thứ nhất, do nghiên cứu về tiến trình lịch sử, Nhà nước Dân chủ Cộng hoà được nghiên cứu như 1 đối tượng trong 1 giai đoạn lịch sử nên chưa có sự sâu sắc, kỹ lưỡng. Thứ hai, do tiếp cận dưới góc nhìn lịch sử, nên chưa chỉ rõ các đặc điểm của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về mặt chính trị như chủ thể quyền lực, cấu trúc tổ chức vận hành,...; chưa đánh giá vai trò, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đối với việc hình thành, đặt nền móng cho nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Cũng tiếp cận theo góc nhìn lịch sử nhưng khác với hai bài viết trên là nghiên cứu thiết chế chính trị Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, bài viết trên Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam* năm 2017 với nhan đề “Quá trình hình thành thể chế chính trị dân chủ cộng hoà ở Việt Nam” của tác giả Phạm Quốc Thành chỉ tập trung nghiên cứu về thể chế dân chủ cộng hoà ở Việt Nam trong phạm vi thời gian từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945. Cụ thể, tác giả phân chia quá trình hình thành thể chế chính trị Việt Nam dân chủ Cộng hoà ở Việt Nam thành 4 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất, tác giả trình bày những quan điểm sơ khai về thể chế chính trị dân chủ cộng hoà ở Việt Nam đầu thế kỷ XX qua những tư tưởng của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Giai đoạn thứ hai, tác giả phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về mô hình thể chế chính trị kiểu mới ở Việt Nam trong giai đoạn từ 1911 đến trước 1930, qua đó khẳng định trong gần 20 năm bôn ba ở nước ngoài, Hồ Chí Minh đã không ngừng tìm tòi, khảo nghiệm các mô hình thể chế và dần định hình được hình thức, cấu trúc của nhà nước Việt Nam trong tương lai. Giai đoạn thứ ba, từ 1930 đến 1941, tác giả khẳng định Đảng Cộng sản đã có sự thay đổi trong nhận thức về mô hình thể chế chính trị kiểu mới ở Việt Nam, đó là chuyển từ mô hình

chính phủ Xôviết sang mô hình cộng hoà dân chủ. Và giai đoạn từ 1941-1945 là giai đoạn hiện thực hoá mô hình thể chế chính trị dân chủ cộng hoà đó.

Một số nghiên cứu đã phân tích về cơ sở hình thành, tính pháp lý của việc xác lập mô hình chính thể Việt Nam Dân chủ cộng hoà như bài viết “Sự hình thành tư tưởng về mô hình nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà” của tác giả Trần Trọng Thơ trên *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, 2015, số 12 (97), tr.3-9; bài viết “Nguồn gốc lịch sử và cơ sở pháp lý của Việt Nam dân chủ cộng hoà, nhà nước – dân tộc” của tác giả Lưu Văn Lợi trên *Tạp chí nghiên cứu quốc tế*, 2005, số 4, tr.3-7; tác giả Nguyễn Thị Lan Phương với 2 bài viết “Tính dân tộc và tính hiện đại của Nhà nước Việt nam Dân chủ cộng hoà” trên *Tạp chí Lý luận chính trị*, 2016, số 4, tr.80-85 và “Quá trình xác lập mô hình chính thể cộng hoà dân chủ nhân dân ở Việt Nam” trên *Tạp chí Thông tin khoa học Lý luận chính trị*, 2020, số 05 (66), tr.39-46.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ của cả dân tộc Việt Nam. Thành quả vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám là đã giành lại nền độc lập tự do cho dân tộc và quyền làm chủ cho nhân dân. Từ góc độ lịch sử, nhiều bài viết đã nghiên cứu về mối quan hệ giữa sự thành công của cách mạng Tháng Tám với sự hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà như bài viết “Về Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hoà” của Nguyễn Văn Khánh trên *Tạp chí Xưa và nay* 2002, số 121, tr.4-5; Bài viết “Lập nên chế độ dân chủ cộng hoà, thắng lợi lịch sử của cuộc cách mạng tháng tám 1945” của tác giả Ngô Đăng Tri trên *Tạp chí nghiên cứu lịch sử* số 8 năm 2008, tr.26-31; tác giả Vũ Quang Hiến với 2 bài viết “Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà thành tựu của một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình” trên *Tạp chí Quản lý nhà nước* 2009, số 8, tr.2-6 và “Cách mạng tháng Tám năm 1945 với sự kiến lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà” trên *Tạp chí Lịch sử Quân sự*, 2015, số 284, tr.3-11; Trần Trọng Thơ với 2 bài viết “Cách mạng tháng tám với sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà” trên *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, 2014, tr.4-8 và “Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Thành quả cơ

bản và lớn lao của Cách mạng Tháng Tám năm 1945” trên *Tạp chí Khoa học chính trị*, 2021, số 7, tr.43-48; Bài viết “Vị trí, vị thế của Quốc dân Đại hội Tân Trào trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và thiết lập nền dân chủ cộng hòa” của Đoàn Minh Huân trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 2015, số 8, tr.9-12; Bài viết “Cách mạng Tháng Tám và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa - giá trị lịch sử đối với tiến trình cách mạng Việt Nam” của Tạ Ngọc Tấn trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 2015, số 9, tr.3-7; Bài viết “Vấn đề chính quyền cách mạng ở Việt Nam - Từ Xôviết đến dân chủ cộng hòa” của Mạch Quang Thắng trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 2020, số 9, tr.33-3;...

Công trình *Văn hoá chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hoá chính trị* của Phạm Hồng Tung, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2021 gồm có 31 chuyên luận, trong đó có 04 chuyên luận liên quan trực tiếp đến vấn đề hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là Chuyên luận 19. Hành trình tìm tòi bản thể chính trị dân tộc mới: Phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam 1858-1945 dưới góc nhìn văn hoá chính trị; Chuyên luận 21. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 – Cuộc hồi sinh vĩ đại của một dân tộc đoàn kết; Chuyên luận 22. Cấu trúc quyền lực ở Việt Nam sau cuộc đảo chính ngày 9/3/1945 và vấn đề “khoảng trống quyền lực” trong Cách mạng Tháng Tám; Chuyên luận 23. Xác lập chế độ dân chủ cộng hòa – Một thành tựu vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã trình bày các nội dung liên quan đến việc lựa chọn và xác lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

1.1.3. Nghiên cứu về vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Đánh giá về vai trò của Hồ Chí Minh với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có thể kể đến một số công trình sau:

Tác giả Ngô Đăng Tri với bài “Hồ Chí Minh – người sáng lập nền dân chủ cộng hòa Việt Nam” trên *Tạp chí Lịch sử Đảng* 2008, số 8, tr.38-42 cho rằng nếu nói độc lập dân tộc, giải phóng dân tộc là mục đích tối thượng của Hồ Chí Minh là đúng nhưng chưa đầy đủ, bởi lẽ tư tưởng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh suy cho cùng là giải phóng con người khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, bất công. Do đó, tác

giả khẳng định từ mục đích cứu dân, Hồ Chí Minh đã lựa chọn và thiết lập hệ thống chính trị của dân, do dân và vì dân. Tuy nhiên, bài viết tiếp cận từ góc nhìn lịch sử, nên chủ yếu phân tích quá trình Hồ Chí Minh lựa chọn, tìm hiểu, định hình mô hình chính trị mới cho Việt Nam theo tiến trình thời gian.

Trong bài viết “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về thể chế chính trị ” trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 2013, số 10, tr.40-45, tác giả Lưu Văn Sùng cho rằng quyền con người là cơ sở để chế định thể chế chính trị, từ quyền con người, Hồ Chí Minh đã đi đến quyền của các dân tộc. Bài viết cũng đưa ra những luận điểm của Hồ Chí Minh để khẳng định nước được độc lập, dân được hưởng tự do, hạnh phúc là mục tiêu của chính thể dân chủ cộng hòa, quyền lực thuộc về nhân dân là bản chất cốt lõi của chính thể dân chủ cộng hòa.

Tác giả Vũ Quang Hiến với hai bài viết “ Hồ Chí Minh với quá trình xác định và xây dựng mô hình chính quyền nhà nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam – mấy vấn đề bàn luận ” trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 9/2013, tr.16-25 và “ Hồ Chí Minh với cách mạng tháng tám và sự kiến lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ” trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 2016, số 310, tr.3-9. Tác giả nhấn mạnh Hồ Chí Minh xác định con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản là cơ sở để xác định mô hình nhà nước mới ở Việt Nam, và sự chuyển biến từ hình thức chính quyền công nông binh đến hình thức cộng hòa dân chủ là bước phát triển trong tư duy lý luận Hồ Chí Minh về mô hình chính quyền nhà nước. Đặc biệt, vai trò của Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện ở bước đầu kiến lập nhà nước mà còn đặt cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Bài viết “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ” của tác giả Trần Đình Huỳnh và Lê Thị Thanh trên *Tạp chí Cộng sản* số 887 năm 2016, tr.57-62 nêu ra vai trò của Hồ Chí Minh trên các khía cạnh là “ giáo dục lại dân ta ” làm cho mọi người hiểu rằng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhà nước của dân, vì dân, phục vụ dân và kính trọng dân. Hồ Chí Minh cũng đã xác định phải tiến hành tổng tuyển cử để có một chính quyền thực sự dân chủ phù

hợp với thông lệ quốc tế, xác định rõ cơ sở xã hội của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhân dân các dân tộc Việt Nam và đặt cơ sở vững chắc cho việc xây dựng nhà nước pháp quyền, thiết kế cơ cấu tổ chức hoạt động của nhà nước.

Ngoài ra, còn có một số bài viết như Bài viết “Tu tưởng Hồ Chí Minh về chế độ dân chủ nhân dân” của tác giả Lại Quốc Khánh trên *Tạp chí Triết học*, 2005, số 7; Bài viết “Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” của Đỗ Đức Hình trên *Tạp chí Lịch sử Đảng*, 2006, số 1 (182), tr.19-23; Bài viết “Ý chí Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nền dân chủ cộng hòa ở Việt Nam qua cuộc Tổng tuyển cử năm 1946” của Nguyễn Thị Lan Phương trên *Tạp chí Lý luận chính trị*, 2020, số 9, tr.31-35; Bài viết “Sáng tạo của Hồ Chí Minh về mô hình tổ chức Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và sự vận dụng trong tổ chức quyền lực nhà nước ta hiện nay” của Lê Thị Hằng trên *Tạp chí Tổ chức nhà nước*, 2022, số 4, tr.18-22;...

1.2. Đánh giá khái quát nghiên cứu liên quan đến đề tài và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Kết quả của các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Qua khảo cứu các công trình liên quan đến đề tài luận án, có thể thấy nội dung tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được các tác giả, các nhà nghiên cứu tiếp cận dưới các góc độ sau:

Thứ nhất, các công trình trình bày một cách hệ thống về cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung và tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh nói riêng. Theo cách nghiên cứu phổ biến, các tác giả thường nhìn nhận từ cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận và nhân tố chủ quan. Các cuốn giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh dành cho sinh viên thuộc các trường Đại học và Cao đẳng đề cập khá cơ bản về nội dung này. Tuy nhiên, với những công trình chuyên khảo, các tác giả phân tích kỹ hơn căn cứ theo nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh mà từng công trình đề cập.

Thứ hai, các công trình tập trung nghiên cứu về từng nội dung cụ thể trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh như mục tiêu chính trị giải phóng, giành độc lập, tự do cho dân tộc và ấm no, hạnh phúc cho nhân dân; nghiên cứu con đường chính trị của

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; chỉ rõ chủ thể quyền lực của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là đông đảo quần chúng nhân dân; nghiên cứu vai trò của Hồ Chí Minh trong sự sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Dân tộc thống nhất và lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng Tháng Tám để xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thứ ba, các công trình đã trình bày đóng góp của Hồ Chí Minh trong tiến trình cách mạng Việt Nam, đặc biệt là trong việc tìm tòi, xác định con đường giải phóng dân tộc, trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, lựa chọn mô hình nhà nước, thiết lập bộ máy nhà nước lâm thời, cùng với việc lãnh đạo quần chúng nhân dân tiến hành Tổng khởi nghĩa,... Tất cả những yếu tố đó mang đậm dấu ấn của Hồ Chí Minh, khẳng định giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự thành công của Cách mạng tháng Tám, đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,...

1.2.2. Những vấn đề đặt ra luận án tập trung nghiên cứu

Bên cạnh những kết quả đạt được như đã nêu trên, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa còn những vấn đề chưa được quan tâm hoặc nghiên cứu chưa đầy đủ, toàn diện, do đó, còn những khoảng trống nghiên cứu để tiếp tục triển khai, thực hiện:

Thứ nhất, nếu chỉ xét các công trình nghiên cứu trực tiếp vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh nói chung, có thể thấy rõ các công trình này chưa nhiều, chủ yếu mới dừng lại khai thác nguồn tư liệu và quan điểm của Hồ Chí Minh ở từng nội dung riêng lẻ trong tư tưởng chính trị của Người. Do đó, các công trình chưa thể hiện rõ nét sự nhất quán, logic và biện chứng thể hiện vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, cụ thể chưa phân tích rõ, từ mục tiêu chính trị, Hồ Chí Minh đã xác định con đường chính trị cho đất nước như thế nào, từ mục tiêu và con đường chính trị tác động như thế nào đến Hồ Chí Minh trong việc xác định chủ thể quyền lực chính trị nhà nước và lựa chọn mô hình thể chế, xác lập hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại.

Thứ hai, một số công trình nghiên cứu tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh nhưng ở mức độ khái quát với phạm vi nghiên cứu trải dài trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh. Mặc dù tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là thống nhất và xuyên suốt nhưng ở mỗi giai đoạn, thời kỳ khác nhau, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh cũng có những nét đậm nhạt khác nhau trong từng nội dung, lĩnh vực. Do đó, nghiên cứu tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chính là nghiên cứu vai trò, tác động, ảnh hưởng của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh ở giai đoạn trước năm 1945. Đây là giai đoạn Việt Nam mất quyền độc lập dân tộc, nên mục tiêu chính trị trên hết và trước hết của Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc, thiết lập nhà nước Việt Nam độc lập. Mục tiêu chính trị đó chi phối, tác động đến những vấn đề khác trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, và chi phối đến sự hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu dù đã khẳng định giá trị cả về lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh nhưng chưa có công trình chuyên sâu nghiên cứu vai trò, tác động, ảnh hưởng của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đối với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ góc độ tiếp cận chính trị học.

Đây là những điểm mở, những khoảng trống để tác giả triển khai hướng nghiên cứu của luận án. Cụ thể như sau:

Chương 2, dựa trên lý thuyết chung về tư tưởng chính trị, nhà nước dân chủ cộng hòa, luận án hình thành những luận điểm về vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chương 3, luận án phân tích vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua việc xác lập mục tiêu chính trị, đường lối chính trị, xác định lực lượng chính trị và xây dựng các tổ chức chính trị.

Chương 4, luận án khẳng định giá trị của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Trên cơ sở đó, luận án liên hệ với việc xây dựng và phát triển Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

2.1. Lý luận về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm “tư tưởng chính trị”, “tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh”

2.1.1.1. Khái niệm “tư tưởng chính trị”

Chính trị là một hoạt động căn bản của đời sống nhưng cũng là một hiện tượng xã hội phức tạp. Có thể hiểu và nghiên cứu thuật ngữ “chính trị” từ nhiều góc độ khác nhau, như từ góc độ nguồn gốc, góc độ quyền lực, góc độ thể chế và chức năng,...

Tiếp cận từ góc độ nguồn gốc, chính trị được xem xét với tư cách là những quan hệ của các giai cấp, các dân tộc, các quốc gia, các nhóm xã hội, các tầng lớp khác nhau. Chính trị ra đời khi giai cấp, dân tộc xuất hiện. Khi xã hội được tổ chức thành nhà nước, chính trị trở thành tiêu điểm của mọi cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, động lực thúc đẩy xã hội phát triển. Cùng với sự phát triển của xã hội, phù hợp với cuộc đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc, xoay quanh vấn đề giành, giữ, tổ chức và thực thi quyền lực Nhà nước, tư tưởng xã hội nói chung, tư tưởng chính trị nói riêng đều trải qua một quá trình hình thành và phát triển phù hợp với những điều kiện khách quan của lịch sử.

Tiếp cận quyền lực là cách tiếp cận khá phổ biến trên thế giới với những đại diện tiêu biểu như M.Weber, N.Machiavelli và K.Marx. Theo đó, quyền lực được coi là yếu tố trung tâm, là thuộc tính quan trọng nhất của chính trị. Vì sự phân phối không đồng đều về quyền lực nên các giai cấp, các nhóm xã hội, các dân tộc, các quốc gia và các tầng lớp *đấu tranh, giành, giữ và sử dụng quyền lực*. Việc nắm và chi phối quyền lực (trung tâm là quyền lực nhà nước) là phương thức để các lực lượng xã hội thực hiện các lợi ích và ý chí của mình trong thực tế tồn tại, phát triển xã hội.

Tiếp cận từ góc độ thể chế và chức năng, chính trị được cho là sự tương tác giữa các thiết chế như đảng chính trị, nhà nước, các tổ chức và phong trào chính trị -

xã hội. Thứ nhất, các thể chế này có mục tiêu hiện thực hoá và bảo vệ lợi ích, quan điểm của các giai cấp, lực lượng xã hội, trong đó, thể chế nhà nước đóng vai trò trung tâm, là công cụ thống trị của giai cấp cầm quyền, có quyền cưỡng chế hợp pháp. Thứ hai, các thể chế này liên kết, tương tác với nhau, tạo thành hệ thống có tổ chức, tính toàn vẹn nhằm duy trì trật tự, sự ổn định của hệ thống xã hội, phân bổ các giá trị,... ảnh hưởng sâu rộng đến các lĩnh vực của đời sống công cộng.

Như vậy, chính trị là những hoạt động liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của các giai cấp, các dân tộc, các quốc gia, các nhóm xã hội, các tầng lớp, trong đó, vấn đề quan trọng nhất là tổ chức chính quyền nhà nước. Trên cơ sở những quan niệm về chính trị, các học giả đưa ra những quan niệm khác nhau về tư tưởng chính trị.

Trong cuốn *Lịch sử tư tưởng chính trị* do NXB Chính trị quốc gia xuất bản năm 2001, tập thể tác giả của Khoa Chính trị học, Phân viện báo chí và tuyên truyền cho rằng “Tư tưởng chính trị - một hình thức của ý thức xã hội, thuộc thượng tầng kiến trúc – là hệ thống những quan niệm, quan điểm, học thuyết, phản ánh các mối quan hệ chính trị - xã hội đặc biệt giữa các giai cấp, các dân tộc và các quốc gia dân tộc xoay quanh vấn đề giành, giữ, tổ chức và thực thi quyền lực chính trị diễn ra trong lịch sử, cũng như thái độ của giai cấp, các dân tộc đối với quyền lực chính trị mà tập trung ở quyền lực nhà nước qua các thời đại lịch sử” [171, tr. 11].

Tác giả Nguyễn Thế Nghĩa trong công trình *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, 2018 đưa ra định nghĩa “tư tưởng chính trị là hệ thống tri thức lý luận, bao gồm các quan điểm, nguyên lý, khái niệm, phạm trù, quy luật chính trị phản ánh các quan hệ kinh tế - tư tưởng chính trị giữa các tầng lớp, giai cấp, dân tộc, quốc gia xoay quanh vấn đề giành và giữ chính quyền, tổ chức và thực thi quyền lực chính trị của giai cấp thống trị xã hội. Mỗi hệ thống tư tưởng chính trị đều là sản phẩm của thời đại, phản ánh điều kiện và quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá của thời đại; trong đó có sự kế thừa, phát triển những tinh hoa chính trị và văn hoá của thời đại trước” [156, tr.13].

Tư tưởng chính trị là một bộ phận hình thái của ý thức xã hội, thuộc kiến trúc thượng tầng. Thông qua hệ thống các quan niệm, quan điểm và các học thuyết, tư tưởng chính trị phản ánh thái độ và các mối quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội, giữa các dân tộc và các quốc gia dân tộc trong quá trình giành, giữ, tổ chức và thực thi quyền lực chính trị mà trung tâm là quyền lực nhà nước trong tiến trình lịch sử của nhân loại. Nói một cách cụ thể, tư tưởng chính trị phản ánh đời sống chính trị từ quan niệm về chính trị, đến những khía cạnh khác nhau của đời sống chính trị như quyền lực chính trị, thiết chế chính trị, tổ chức nhà nước, đảng chính trị, pháp luật, chính khách, công dân và những mối quan hệ giữa chính trị với các mặt khác của đời sống xã hội, với sự vận động, phát triển của xã hội,... [239, tr.17].

Từ những quan niệm nêu trên, “tư tưởng chính trị” được hiểu như sau:

Thứ nhất, tư tưởng chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng, là sản phẩm trực tiếp của tư duy, bao gồm hệ thống các quan niệm, quan điểm, các khái niệm, phạm trù phản ánh các quan hệ chính trị giữa các giai cấp, dân tộc, quốc gia trong quá trình giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị.

Xuất phát từ quan niệm trên, tác giả cho rằng, tư tưởng chính trị mang bản chất giai cấp, thể hiện lợi ích của một giai cấp nhất định, chứa đựng những mục đích và những nhiệm vụ của hoạt động thực tiễn nhằm cải biến đời sống hiện thực. Trong xã hội có giai cấp đối kháng, tư tưởng chính trị được chia thành hai loại cơ bản là tư tưởng chính trị của giai cấp thống trị và tư tưởng chính trị của giai cấp bị trị. Và tất nhiên, do giai cấp thống trị là giai cấp nắm chính quyền nên ở thời đại nào trong lịch sử phát triển loài người, tư tưởng chính trị của giai cấp thống trị cũng sẽ giữ vai trò chi phối, tác động mạnh mẽ đến xã hội.

Thứ hai, xét về mặt đặc điểm, tư tưởng chính trị là sự phản ánh đặc thù có tính lịch sử sự phát triển của đời sống xã hội, tập trung và tiêu biểu là phản ánh những quan hệ kinh tế - xã hội đương thời. Điều đó có nghĩa là, sự phát triển của tồn tại xã hội, trình độ của nền sản xuất vật chất và những mâu thuẫn giai cấp sẽ chi phối, tác động trực tiếp đến tư tưởng chính trị, quy định nội dung của tư tưởng chính trị, học thuyết chính trị. Vì vậy, cần phải hiểu đặc trưng của đời sống chính trị

- xã hội trong thời đại mới có thể hiểu được tư tưởng chính trị của thời đại đó. Tuy nhiên, do “Chính trị cũng có cái logic nội tại của nó” [131, tr.15] nên trong khi phản ánh mối quan hệ đương thời, tư tưởng chính trị cũng kế thừa những tư tưởng, quan điểm, những học thuyết chính trị - xã hội trước nó. Bởi vậy, tư tưởng chính trị cũng có giá trị nhất định trong việc giải thích những đảo lộn diễn ra trong mỗi thời đại, góp phần nhận diện sự biến đổi của các hình thái kinh tế - xã hội. Và đôi khi, tư tưởng chính trị chứa đựng các phản ánh vượt trước, những tư tưởng về chính trị của bản thân các nhà tư tưởng chính trị [239, tr. 18].

Thứ ba, tư tưởng chính trị có tác động nhiều chiều đến đời sống chính trị hiện thực, tùy thuộc vào việc tư tưởng chính trị đó phản ánh lợi ích của giai cấp nào trong xã hội. Tư tưởng chính trị có thể tác động, ảnh hưởng tiêu cực, kìm hãm sự phát triển của xã hội nếu nó phản ánh xuyên tạc đời sống chính trị. Ngược lại, tư tưởng chính trị sẽ thúc đẩy sự tiến bộ, nếu đó là tư tưởng chính trị tiên tiến, phản ánh đúng đắn đời sống chính trị, phù hợp với mong muốn, nguyện vọng của thời đại.

2.1.1.2. Khái niệm “tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh”

Nhiều nhà nghiên cứu, xuất phát từ những cách tiếp cận khác nhau đã đưa ra những khái niệm khác nhau về “tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh”.

Trong công trình chuyên khảo *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*, tác giả Nguyễn Thế Nghĩa cho rằng: “Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là hệ thống tri thức lý luận, bao gồm các khái niệm, phạm trù, quy luật, nguyên lý chính trị, phản ánh toàn diện các quan hệ giai cấp, dân tộc, quốc gia xung quanh việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước vì lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Đó là hệ thống tri thức nhất quán mục tiêu chính trị, đường lối chính trị của cách mạng Việt Nam trong thời đại mới – thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đó còn là tri thức lý luận về Đảng và xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, về xây dựng nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về xây dựng Mặt trận Dân tộc thống

nhất nhằm đưa nhân dân lao động lên địa vị là chủ và làm chủ quyền lực chính trị của mình” [154, tr.95-96].

Tập thể các học giả, nhà nghiên cứu của Viện Chính trị học đưa ra khái niệm “Tu tưởng chính trị Hồ Chí Minh là một hệ thống phong phú, đa dạng, hợp thành một chỉnh thể về lý luận và phương pháp cách mạng; về nhận thức và hành động chính trị để giải phóng dân tộc, phát triển con người và xã hội; về phương hướng, quan điểm, bước đi trong việc xây dựng chế độ chính trị và xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung ở Việt Nam. Tu tưởng chính trị Hồ Chí Minh là bộ phận chủ yếu, nổi bật nhất, ở vị trí trung tâm, chủ đạo trong hệ thống tư tưởng lý luận của Người” [231, tr. 193-194].

Trong công trình *Lịch sử tư tưởng chính trị*, Khoa Chính trị học, Phân viện Báo chí và tuyên truyền cho rằng “Là bộ phận cấu thành của tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là hệ thống những quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về cách mạng Việt Nam... một nước thuộc địa nửa phong kiến đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc, về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, cán bộ đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân... Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta, đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi” [171, tr. 296-297].

Tác giả Nguyễn Văn Vĩnh và Lê Văn Đính khẳng định: “tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là hệ thống các quan điểm toàn diện phản ánh những mối quan hệ chính trị - xã hội đặc biệt giữa các giai cấp, lực lượng xã hội; dân tộc, quốc gia xung quanh vấn đề trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước vì lợi ích khách quan của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải

phóng con người; về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; về quyền làm chủ của nhân dân và xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đảng cầm quyền và xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam cầm quyền trong sạch, vững mạnh; về việc phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, về đạo đức cách mạng...” [238, tr. 102].

Tác giả Lê Minh Quân trong cuốn *Tư tưởng chính trị của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin và Hồ Chí Minh* nhận định: “Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là một bộ phận chủ yếu trong hệ thống tư tưởng của Người. Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đề cập đến nhiều vấn đề, từ nhận thức hay quan niệm về chính trị đến những vấn đề của chính trị trong thực tiễn như đường lối của cách mạng Việt Nam; từ những vấn đề xây dựng Đảng, giành và giữ chính quyền, xây dựng chế độ mới, xây dựng và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, vấn đề cán bộ và đạo đức cách mạng, vấn đề vận động quần chúng đến những vấn đề chiến lược, sách lược và nghệ thuật chính trị, phương pháp và phong cách của hoạt động và con người chính trị” [184, tr. 56-57].

Từ một số khái niệm nêu trên, tác giả luận án nhận thấy một số điểm chung trong nhận thức về “tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh” như sau:

Thứ nhất, các học giả đều cho rằng tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là một bộ phận cấu thành quan trọng và chủ yếu trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Có thể nói, tư tưởng chính trị là bộ phận cốt lõi, tác động, chi phối xuyên suốt các tư tưởng khác và quán xuyên toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người.

Thứ hai, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh mang đầy đủ các đặc điểm của tư tưởng chính trị, là hệ thống tri thức lý luận phản ánh các quan hệ giai cấp, dân tộc và quốc gia trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, khác với tư tưởng chính trị của cá nhân, giai cấp khác, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh phản ánh hiện thực xã hội Việt Nam và nhằm hướng tới việc giải quyết và phục vụ cho lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, mặc dù diễn đạt khác nhau, hoặc trình tự sắp xếp khác nhau, nhưng hầu hết các học giả đều khẳng định các nội dung chính trong tư tưởng chính trị Hồ

Chí Minh, bao gồm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, tư tưởng về xây dựng Đảng, xây dựng nhà nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc,...

Tác giả luận án xin được đưa ra cách hiểu về tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh như sau:

Về mặt nội dung, ở mức độ khái quát, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận bao gồm các khái niệm, phạm trù, quy luật, nguyên lý, quan điểm chính trị phản ánh những vấn đề cơ bản của hiện thực chính trị, các mối quan hệ giữa các giai cấp, quốc gia, dân tộc trong việc giành, giữ, thực thi quyền lực chính trị, trung tâm là quyền lực nhà nước. Trong đó, giải phóng dân tộc để hình thành và xây dựng nhà nước Việt Nam độc lập là vấn đề trên hết và trước hết.

Ở mức độ cụ thể hơn, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh được biểu hiện sinh động thông qua mục tiêu chính trị giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; con đường chính trị vô sản, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; lực lượng chính trị bao gồm toàn thể nhân dân; các tổ chức chính trị như Đảng, Nhà nước và Mặt trận dân tộc thống nhất,...

Hồ Chí Minh là một nhà chính trị hành động, có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa lời nói với việc làm. “Hồ Chí Minh là con người của hành động. Có nhiều khi quan điểm của Người, tư tưởng của Người lại phát tiết từ chính hành động chứ không từ sách, báo của Người, không từ lời nói của Người” [202, tr. 37]. Vì vậy, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh không chỉ thể hiện qua các bài nói, bài viết mà còn thể hiện trong những hoạt động thực tiễn Người lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Về mặt nguồn gốc, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh ra đời trên cơ sở thực tiễn của chính trị Việt Nam và chính trị thế giới cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, là sự kết hợp hài hòa giữa tư tưởng chính trị truyền thống của dân tộc với những tinh hoa chính trị của nhân loại, đặc biệt là chủ nghĩa Mác - Lênin,

Về mặt đặc điểm, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh thể hiện sự thống nhất giữa tính khoa học, tính cách mạng sáng tạo và tính nhân văn sâu sắc, thống nhất giữa tính giai cấp với tính dân tộc và tính thời đại.

Như vậy, *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc phản ánh mối quan hệ giữa các giai cấp, quốc gia, dân tộc trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị, trung tâm là quyền lực nhà nước, vì lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc Việt Nam.*

2.1.2. Cơ sở hình thành tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh

2.1.2.1. Cơ sở thực tiễn

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, *thực tiễn thế giới* có nhiều biến động. Nhiều sự kiện, yếu tố mang tính thời đại đã tác động trực tiếp đến thực tiễn chính trị Việt Nam và tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc và xác lập Nhà nước Việt Nam hiện đại.

Thứ nhất, chủ nghĩa tư bản ngày càng phát triển, mâu thuẫn giai cấp giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ngày càng sâu sắc. Sau khoảng 100 năm phát triển, đến giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản ở phương Tây đã thực hiện thành công cách mạng công nghiệp, xác lập nền kinh tế thị trường và định hình mô hình quốc gia – dân tộc. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản khiến giai cấp công nhân tăng nhanh về số lượng và chất lượng, trở thành lực lượng lao động quan trọng, đại diện cho lực lượng sản xuất mới trong xã hội. Tuy nhiên, giai cấp công nhân từ chỗ là bạn đường của giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ phong kiến đã trở thành đối tượng bóc lột của giai cấp tư sản, “dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột” [137, tr. 266]. Sau thất bại của Công xã Paris (1871), phong trào công nhân chuyển sang giai đoạn tập hợp, củng cố lực lượng để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa tư bản. Đặc biệt, sự phát triển của chủ nghĩa Mác đã tác động mạnh mẽ đến phong trào công nhân. Nhiều tổ chức đảng vô sản và đảng xã hội theo khuynh hướng tư tưởng tiên bộ của giai cấp công nhân ra đời, đưa giai cấp vô sản trở thành một giai cấp độc lập về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Thứ hai, Chủ nghĩa tư bản phát triển sang giai đoạn mới, làm xuất hiện mâu thuẫn dân tộc giữa các nước xâm lược và các nước thuộc địa. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn tư

bản độc quyền, gắn liền với việc các nước lớn xâm chiếm thuộc địa và phân chia đất đai, vùng ảnh hưởng. “Nhằm mục đích cướp bóc các nước khác, bóc lột các dân tộc nhược tiểu, thống trị thế giới về mặt tài chính, chia và chia lại thuộc địa” [110, tr.18], chủ nghĩa đế quốc đã thi hành những chính sách tàn bạo, tước đoạt quyền lợi kinh tế, chính trị, văn hoá và địa vị xã hội của nhân dân các nước thuộc địa. Điều đó làm cho mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc với các dân tộc thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt, đồng thời làm thức tỉnh ý thức dân tộc, buộc các dân tộc bị nô dịch phải đứng lên đấu tranh chống thực dân, giành độc lập dân tộc. Việc diễn ra ở nhiều nước trên thế giới cho thấy phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc là một tất yếu khách quan và trở thành một xu thế lớn của thời đại. Đối với Việt Nam, phong trào này đã tác động trực tiếp đến việc lựa chọn con đường cách mạng, phương thức đấu tranh của các nhà tư tưởng chính trị Việt Nam, nhất là giai đoạn đầu thế kỷ XX, là cơ sở để Hồ Chí Minh đánh giá và xác định mục tiêu chính trị, lựa chọn con đường chính trị mới cho dân tộc Việt Nam.

Thứ ba, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công cùng với sự ra đời của Quốc tế Cộng sản

Trong lúc các dân tộc bị áp bức chưa tìm ra lối thoát thì giống “như ánh mặt trời rạng đông xua tan bóng tối, cuộc Cách mạng Tháng Mười đã chiếu rọi ánh sáng mới vào lịch sử loài người” [147, tr. 159]. Được Cách mạng tháng Mười Nga cổ vũ, phong trào giải phóng dân tộc, mong muốn xác lập các quốc gia độc lập của nhân dân trên thế giới phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh đó, sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới là thực tiễn sống động để củng cố niềm tin, tạo điều kiện cho Hồ Chí Minh học tập, nghiên cứu, hoàn chỉnh tư tưởng chính trị của mình, đặc biệt là tư tưởng về con đường cứu nước và hình thành tư tưởng về Nhà nước Việt Nam hiện đại.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, phong trào cách mạng thế giới phát triển thành cao trào. Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản) ra đời vào tháng 3 năm 1919 không chỉ là tổ chức quốc tế của giai cấp công nhân các nước tư bản chủ nghĩa phát triển mà còn đại biểu cho lợi ích của nhân dân bị áp bức ở các nước thuộc địa và nửa

thuộc địa. Những nội dung cam kết ủng hộ cách mạng thuộc địa của tổ chức quốc tế này đã củng cố niềm tin vững chắc của Hồ Chí Minh vào V.I.Lênin và Quốc tế Cộng sản. Từ đó, tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (tháng 12/1920), Người đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế III, trở thành người đồng sáng lập *Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản*, và là người cộng sản đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Được Quốc tế Cộng sản tạo điều kiện, Hồ Chí Minh đã đến Liên Xô học tập và làm việc, đồng thời có sự chuẩn bị chu đáo cho sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam – lực lượng lãnh đạo nhân dân để giải phóng dân tộc, lập nên nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Quốc tế Cộng sản đã chỉ thị cho các đảng Cộng sản Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Tiệp Khắc in ấn và chuyển tài liệu về Việt Nam, góp phần quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, thức tỉnh và nâng cao nhận thức lý luận cho phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Bên cạnh đó, thực hiện đề nghị của Hồ Chí Minh, Quốc tế Cộng sản đã giúp đỡ, đào tạo đội ngũ cán bộ cho Việt Nam. Tính đến cuối những năm 30 thế kỷ XX, Quốc tế Cộng sản đã đào tạo cho Việt Nam hơn 60 cán bộ. Riêng Trường Đại học Phương Đông, tính đến năm 1935 đã có 47 người Việt Nam tốt nghiệp, trong số đó có 40 người từ Pháp và 7 người từ Trung Quốc đến [6, tr. 139-140]. Đội ngũ cán bộ này thực sự là những hạt giống đỏ của cách mạng.

Như vậy, sự thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga, cùng đường lối, hoạt động của Quốc tế Cộng sản, không chỉ tác động mạnh mẽ đến lựa chọn con đường chính trị của Hồ Chí Minh mà còn ảnh hưởng đến quá trình chính trị của Người. Nhờ được tham gia vào các hoạt động thực tiễn của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh có điều kiện tiếp thu tận gốc chủ nghĩa Mác – Lênin, từ đó, hoàn chỉnh những tư tưởng chính trị của mình, hình thành đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam. Đây là bước ngoặt trong sự hình thành, phát triển tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, cũng là bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam phát triển nhảy vọt về chất, để đi tới giải phóng dân tộc, hình thành nước Việt Nam hiện đại độc lập, tự do và phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Trước năm 1858, Việt Nam là một nước phong kiến độc lập, quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp địa chủ phong kiến, trong đó “Vua là người đứng đầu tối cao nhà nước phong kiến, với đầy đủ mọi quyền hành đối nội và đối ngoại, lập pháp và hành pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam” [186, tr. 273]. Ngày 01/09/1858, Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), chính thức xâm lược Việt Nam. Với các hiệp ước Nhâm Tuất (1862), hiệp ước Giáp Tuất (1874), hiệp ước Harmand (hiệp ước Quý Mùi – 1883) và hiệp ước Patenôtre (hiệp ước Giáp Thân – 1884), thực dân Pháp đã hoàn tất quá trình thôn tính Việt Nam và đặt ách thống trị lên trên phạm vi cả nước.

Về chính trị: Sau khi bình định được Việt Nam về mặt quân sự, thông qua hệ thống bóc lột về kinh tế và đàn áp về chính trị, thực dân Pháp đã làm thay đổi cán cân quyền lực ở Việt Nam. Với hiệp ước Patenôtre năm 1884, Pháp đã giáng đòn quyết định vào chủ quyền thống nhất của Việt Nam, và từ đó, giai cấp tư sản Pháp nắm giữ quyền lực áp đảo so với giai cấp địa chủ phong kiến Việt Nam. Điều này được duy trì nguyên vẹn trên thực tế đến tận năm 1945.

Để thuận lợi cho quá trình thống trị, Pháp thiết lập một bộ máy chính quyền thống nhất theo hướng “trung ương tập quyền”. Theo đó, quyền lực tập trung vào Toàn quyền và chính quyền trung ương. Ngoài ra, căn cứ vào đặc điểm của từng vùng, Pháp còn thực hiện chính sách “địa phương phân quyền” và tổ chức cai trị theo lãnh thổ. Cụ thể, Nam Kỳ là xứ thuộc địa do viên Thống đốc đứng đầu, Bắc Kỳ là xứ bảo hộ trực tiếp do viên Thống sứ đứng đầu, Trung Kỳ (An Nam) là xứ bảo hộ gián tiếp do viên Khâm sứ đứng đầu. Cả ba nhân vật đứng đầu ba kỳ này đều nằm dưới quyền giám sát và điều khiển tối cao của viên Toàn quyền. Pierre Pasquier – Toàn quyền Đông Dương cho rằng “Nước Nam đã có cái lịch sử quân chủ bấy lâu, nay không thể là nước không quân chủ được” [170, tr. 300] [223, tr. 633]. Và “*Muốn cai trị hiệu nghiệm xứ này phải làm cho dân chúng có ảo tưởng là họ còn có một ông vua... Đối với quan lại cũng vậy, chúng ta phải tôn trọng để lợi dụng họ vì họ là đại diện của nhà vua*” [221, tr. 280]. Tuy nhiên, “Nam triều cùng với bộ máy quan lại của nó về mặt hình thức có quyền lực trong việc điều hành tổ chức của

chính mình, nhưng thực chất lại bị phụ thuộc chặt chẽ vào chính quyền thực dân, bởi người quyết định sau cùng và cao nhất của mọi vấn đề do triều đình đặt ra không phải là vua triều Nguyễn mà là viên Khâm sứ” [211, tr. 73].

Tóm lại, mô hình nhà nước ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc tồn tại ba chế độ chính trị khác nhau nhưng đều nằm trong cơ cấu quyền lực của nhà nước Pháp, bị chi phối bởi khung chế định của Hiến pháp nền cộng hoà thứ ba (1875). Về chủ thể quyền lực nhà nước, quyền lực nhà nước ở Việt chuyển dần sang giai cấp tư sản Pháp trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, “tập trung mọi quyền hành vào tay các công dân Pháp, người bản xứ bị đẩy ra khỏi mọi hoạt động của bộ máy chính quyền” [211, tr. 44].

Về xã hội: Sau khi bình định, thực dân Pháp tập trung vào việc khai thác, bóc lột Việt Nam, gây ra nhiều biến đổi cho xã hội Việt Nam. Một phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dưới hình thái thực dân đã du nhập, tồn tại đồng thời với quan hệ bóc lột phong kiến vẫn được duy trì ở nông thôn. Bên cạnh sự phân hoá trong các giai tầng cũ, những lực lượng xã hội mới manh nha hình thành và phát triển. Ra đời cùng với đợt khai thác đầu tiên của chủ nghĩa đế quốc Pháp, giai cấp công nhân tăng nhanh về số lượng, từ 4000 công nhân năm 1904 đến 15000 công nhân năm 1914 [105, tr. 28]. Đó là một số lượng không lớn so với số dân trong nước nhưng được phân bố khắp nước, lại rất tập trung tại các trung tâm kinh tế yết hầu của tư bản Pháp như các thành phố lớn, các vùng mỏ, các đồn điền. Các cuộc bãi công của công nhân nối tiếp nhau bùng nổ đã thể hiện tính tổ chức, tính thống nhất của một giai cấp tiên tiến và là sự phát triển phù hợp với xu thế tiến bộ của xã hội. “Trong một xã hội nhất định, giai cấp nào đại diện cho phương thức sản xuất mới, tiến bộ hơn, thì giai cấp ấy có thể lãnh đạo được cách mạng, có thể lên cầm quyền, trở thành giai cấp thống trị và có thể tổ chức ra xã hội mới do mình đại diện” [25, tr. 40]. Chính sự ra đời của giai cấp công nhân (dù còn ở giai đoạn đầu) và sự bùng nổ của phong trào công nhân (dù còn ở trình độ tự phát) là điều kiện, là tiền đề rất quan trọng cho các nhà yêu nước có thể nhận rõ xu thế cách mạng, trên cơ sở đó mạnh dạn đi vào con đường cách mạng mới. Hồ Chí Minh với một tinh thần yêu nước

mãnh liệt, bằng trí tuệ sáng suốt đã vượt qua được tầm nhìn hạn chế của những nhà yêu nước đương thời để thấy được sức mạnh của giai cấp công nhân và tìm thấy con đường giải phóng đúng đắn cho giai cấp công nhân, cho nhân dân lao động và toàn thể dân tộc.

2.1.2.2. Cơ sở lý luận

V.I.Lênin đã từng nói: “Chỉ có những người cách mạng chân chính mới thu hái được những điều hiểu biết quý báu của các đời trước để lại” [142, tr. 46]. Và Hồ Chí Minh đã kế thừa, tiếp thu có chọn lọc, phát triển nhiều giá trị tư tưởng chính trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tinh hoa văn hóa, tư tưởng chính trị nhân loại để xây dựng nên hệ thống tư tưởng của Người, trong đó có tư tưởng chính trị về Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Về Tư tưởng truyền thống của dân tộc.

Thứ nhất là chủ nghĩa yêu nước. Yêu nước là thuộc tính phổ biến của các dân tộc. Tuy nhiên, trong những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể, tư tưởng và tình yêu nước của mỗi dân tộc lại có những biểu hiện khác nhau. “Nếu có sử gia hay chính khách thử mở cuộc điều tra xem quốc gia nào, dân tộc nào bị ngoại bang đánh chiếm nhiều lần nhất, đã đấu tranh giải phóng bền bỉ nhất, đã thu được nhiều chiến thắng vang dội nhất, thì các vị ấy sẽ xếp Việt Nam ở hàng đầu” [60, tr. 1871]. Lịch sử hình thành, đấu tranh sinh tồn và phát triển đã khiến chủ nghĩa yêu nước trở thành dòng chủ lưu trong văn hoá và là chuẩn mực đạo đức cao nhất của mỗi người dân đất Việt. “nếu dùng từ “đạo” với nguyên nghĩa của nó là “đường”, là hướng đi thì chủ nghĩa yêu nước đích thực là *đạo Việt Nam*” [58, tr. 167]. Đặc biệt, trong tư duy chính trị của người Việt, chính quyền được gắn bó chặt chẽ với vấn đề chủ quyền quốc gia. Và do đó, đánh đuổi giặc ngoại xâm, đấu tranh giải phóng dân tộc chính là vấn đề giành chính quyền về tay người Việt. Vì vậy, bước vào giai đoạn lịch sử cận hiện đại, khi xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp phải đương đầu với một dân tộc thống nhất mà ý thức dân tộc của họ không hề bị suy yếu [105, tr. 19].

Chủ nghĩa yêu nước đã đi vào tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh một cách tự nhiên để rồi chính Hồ Chí Minh đã đánh giá và nhận thức được vai trò to lớn của

chủ nghĩa yêu nước “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [143, tr. 38] và chủ nghĩa dân tộc là “động lực vĩ đại và duy nhất” của xã hội Việt Nam. Đối với Hồ Chí Minh, chủ nghĩa yêu nước là động lực cách mạng, là cơ sở ban đầu, trực tiếp và xuyên suốt hình thành nên hệ thống tư tưởng của Người. Vì yêu nước, thương dân nên Hồ Chí Minh đã “dấn thân” vào hành trình cứu nước vô cùng gian khổ. Sau này, chính Người đã khẳng định “Lúc đầu, chính là chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản đã đưa tôi tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba” [148, tr. 563]. Như vậy, chính chủ nghĩa yêu nước nên Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, chính chủ nghĩa yêu nước đã soi đường cho Hồ Chí Minh đến với chủ nghĩa Lênin, tìm thấy con đường giải phóng dân tộc Việt Nam, để sau này, chủ nghĩa Mác – Lênin nâng chủ nghĩa yêu nước truyền thống ở Hồ Chí Minh lên bước phát triển mới về chất, phù hợp với sự tiến bộ của thời đại.

Thứ hai, đoàn kết là một trong những giá trị truyền thống, tư tưởng chính trị nổi bật của dân tộc Việt Nam. Xuất phát từ đặc điểm về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, sự ra đời, tồn tại và phát triển của nhà nước Việt Nam gắn với nhu cầu đoàn kết cộng đồng để đắp đê trị thủy và chống giặc ngoại xâm. Chính vì ra đời trên cơ sở xã hội chưa phân hóa sâu sắc, nên tính cộng đồng của nhà nước Việt Nam nổi trội hơn tính giai cấp, và ý thức chính trị của cộng đồng dân tộc Việt Nam là ý thức về cộng đồng, về tinh thần đoàn kết. Các nhà nước trong lịch sử chính trị Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi đặc tính chính trị này: lực lượng nào thống nhất được nhân dân, phát huy được sức mạnh của nhân dân, lãnh đạo nhân dân chống giặc ngoại xâm, làm thủy lợi, bảo vệ được chủ quyền quốc gia dân tộc, lực lượng đó sẽ nắm quyền lực chính trị và được nhân dân ủng hộ, suy tôn.

Hồ Chí Minh đánh giá cao vai trò của đoàn kết và đã kế thừa, vận dụng, phát triển tinh thần đoàn kết trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đặc biệt trong quá trình lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng, hình thành Nhà nước Việt Nam Dân

chủ Cộng hòa. Người chỉ rõ “Lòng yêu nước và sự đoàn kết của nhân dân là một lực lượng vô cùng to lớn, không ai thắng nổi. Nhờ lực lượng ấy mà tổ tiên ta đã đánh thắng quân Nguyên, quân Minh, đã giữ vững quyền tự do, tự chủ. Nhờ lực lượng ấy mà chúng ta cách mạng thành công, giành được độc lập” [143, tr. 164].

Thứ ba, tư tưởng chính trị “dân là gốc” là một trong những tư tưởng sâu sắc và độc đáo, được hình thành từ chính quá trình đấu tranh giành, giữ và bảo vệ độc lập dân tộc. Tư tưởng này được thể hiện trong đường lối trị nước của các nhà cầm quyền, ghi dấu trong sử ký, chiếu, chế, biểu, tác phẩm văn học và văn hoá dân gian, đời thường. Cùng với “bảo quốc” (giữ nước), “hộ dân” (giúp dân) là quy chuẩn và nhiệm vụ quan trọng của các triều đại phong kiến Việt Nam. Nhận thức được vai trò và sức mạnh to lớn của nhân dân, nhiều triều đại phong kiến đã dựa vào dân để tạo dựng cơ sở, củng cố tiềm lực đất nước. Khi đó, các chính sách của triều đình đều thể hiện sự coi trọng lòng dân, ý dân và quan tâm đến đời sống của dân. Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn (1226 - 1300) từng nhấn mạnh: việc khoan thư sức dân, tranh thủ sự đồng lòng của dân là kế sâu rễ bền gốc, là phương châm chiến lược lâu dài để giữ gìn nền độc lập dân tộc. Ông coi trọng sức mạnh của nhân dân, dựa vào dân để đánh giặc, giữ nước [127, tr. 292]. Nguyễn Trãi (1380-1442) cũng đã khẳng định sự hưng thịnh hay suy vong của một quốc gia phụ thuộc vào sức mạnh của nhân dân và đúc kết bài học cốt lõi: Sức dân mạnh như sức nước, nước có thể “chở thuyền”, nhưng nước cũng có thể “lật thuyền”. Triết lý “hết quan lại hoàn dân” hay “quan nhất thời, dân vạn đại” trong tâm thức người Việt cho thấy sự vật, hiện tượng biến đổi không ngừng, song vai trò, vị thế, địa vị của người dân luôn trường tồn, vĩnh cửu.

Kế thừa và phát triển tư tưởng “Dĩ dân vi bản” trong truyền thống lịch sử dân tộc, Hồ Chí Minh khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của nhân dân. Người đề cao vai trò “tối thượng” của nhân dân: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [146, tr. 453]. Người chỉ rõ: Dân là “gốc của nước”, “Gốc có vững cây mới bền/ Xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân” [141, tr.502]. Với quan niệm này, Hồ Chí Minh đã xác định

nhân dân chính là chủ thể quyền lực của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, từ đó xây dựng nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Về tư tưởng chính trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX

Trước hết, sự chuyển biến tư tưởng tôn quân quyền sang tư tưởng tôn dân quyền. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, một số nhà yêu nước Việt Nam đã nhận thức rõ sự lạc hậu của chế độ quân chủ chuyên chế, trong đó, cơ bản là tư tưởng đề cao quân quyền. Theo các ông, “nước Nam ta, từ xưa đến nay vẫn là một nước chuyên chế, trăm việc chính trị vào một tay vua; công việc Triều đình, cấm không cho dân nói đến” [27, tr. 655]. Việc đề cao vua lên vị trí tối cao trong các quan hệ xã hội đã chà đạp lên quyền dân chủ, và khi “quyền dân không còn một tí gì, quyền dân đã không còn thì còn gì là quyền nước” [27, tr. 655]. Không những thế, khi xâm lược Việt Nam, chính thực dân Pháp đã sử dụng tư tưởng này như một công cụ hữu hiệu để thống trị xã hội “Pháp cướp nước ta không bao giờ cướp tới vua, ngôi vua vẫn y nhiên, danh hiệu vua vẫn lừng lẫy, kỳ thật họ quý trọng gì vua An Nam đâu” [19, tr. 254]. Như vậy, tư tưởng tôn quân quyền cùng với chế độ phong kiến, dù là phong kiến độc lập không còn phù hợp với Việt Nam và đi ngược với xu thế chung của thời đại.

Từ việc nhận thức những hạn chế, phê phán và hướng đến việc đánh đổ tư tưởng tôn quân quyền, đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam có sự chuyển dịch từ tư tưởng tôn quân quyền sang tư tưởng dân quyền. Theo đó, các quan niệm về dân quyền, dân chủ, tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc, bình quyền nam nữ,... du nhập từ phương Tây được nhận thức và phổ biến rộng rãi hơn. Theo tư tưởng của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh, chính nhân dân mới là người làm chủ xã hội, là chủ thể chính trị và đất nước. Phan Châu Trinh cho rằng thời thế đã thay đổi, buộc phải “quyền vua đổi lại quyền dân” [27, tr.368], Nguyễn An Ninh nhấn mạnh “trên mảnh đất An Nam này, dân là vua” [215, tr.134], “chính nhân dân tạo lập nhà vua”, còn Phan Bội Châu khẳng định “Dân ta là chủ nước non” [17, tr.339] và “quyền bính của nước là của chung toàn dân, do nhân dân quyết định” [20, tr.368]. Đây là cơ sở, nền tảng để tư

tưởng dân chủ du nhập, bắt rễ vào đời sống chính trị Việt Nam, định hướng xây dựng một xã hội dân chủ, cùng một thiết chế chính trị dân chủ.

Thứ hai, giành độc lập dân tộc là mục đích chính trị rõ ràng. Trước thực tiễn, yêu cầu cấp thiết của lịch sử, mục đích chính trị mang tính chiến lược của cách mạng Việt Nam là *giành độc lập dân tộc*, giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Nói như Phan Bội Châu, đó là “mục đích chuyên ở nơi đánh giặc trả thù” và “mục đích cốt khôi phục Việt Nam, lập nên một chính phủ độc lập, ngoài ra, chưa có chủ nghĩa gì khác” [18, tr. 120]. Có thể thấy, dù tiếp cận với tư tưởng canh tân và Tân thư, nhưng cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, các nhà tư tưởng chưa có điều kiện tư duy về dân chủ, dân quyền, dân sinh, dân trí, chưa xác định “chủ nghĩa gì”, chỉ xác định rằng giành lại chủ quyền dân tộc là vấn đề số một, là nhiệm vụ lớn nhất, không thể có sự thoả hiệp giữa dân mất nước và kẻ cướp nước. Tư tưởng chính trị đúng trong cơ bản [58, tr. 137].

Sau này, trong quá trình hoạt động, mục đích chính trị của các nhà tư tưởng được xác định cụ thể hơn. Bên cạnh việc tiếp tục khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc, họ chuyển sang những mục đích cụ thể của cách mạng dân chủ tư sản, đó là vấn đề khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh và thức tỉnh nhân dân nhận thức dân quyền, dân chủ. Khi chính thức đứng trên lập trường dân chủ tư sản, thành lập Việt Nam Quang phục hội (năm 1912), Phan Bội Châu còn chỉ rõ “Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam và thành lập nước Cộng hoà dân chủ” [18, tr. 365]. Đến lúc này, mục đích chính trị phát triển cao hơn, đó là để giành độc lập dân tộc, cách mạng Việt Nam phải xác định đồng thời hai nhiệm vụ phản đế và phản phong nhằm xây dựng một chế độ *Cộng hoà dân chủ* chứ không theo mô hình quân chủ lập hiến như Duy Tân hội hay Tân Việt Nam.

Thứ ba, tư tưởng chính trị về con đường cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Ở Việt Nam, cuối thế kỷ XIX, trong tư tưởng chính trị của các nhà yêu nước vẫn chủ trương đi theo ngọn cờ Cần Vương “Hiện những người tư cự thời bây giờ ngoài tôn quân thảo tặc ra, thời tư tưởng chưa có gì lạ” [18, tr. 123]. Tuy nhiên, trong những năm đầu thế kỷ XX, trào lưu tư tưởng tư sản từ bên

ngoài du nhập vào Việt Nam, khiến cho các sĩ phu Việt Nam dần rời khỏi ngọn cờ quân chủ, tìm đến con đường cách mạng dân chủ tư sản với những cấp độ khác nhau. Đến những năm 20 của thế kỷ XX, do sự tác động của Chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga, tư tưởng chính trị Việt Nam về con đường cách mạng tiếp tục chuyển biến sang hướng cách mạng vô sản. Phan Bội Châu đã có những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và những nội dung của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, đồng thời ông rất tin tưởng sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản của Nguyễn Ái Quốc “Ông có nghe tiếng Nguyễn Ái Quốc không?... Ông ấy còn thì nước ta nhất định độc lập” [206, tr. 415]. Phan Châu Trinh cũng ủng hộ Nguyễn Ái Quốc đi theo con đường cách mạng vô sản và khuyên Nguyễn Ái Quốc nếu tin theo chủ nghĩa Mác – Lênin thì nên trở về nước để thực hiện cách mạng.

Thứ tư, về phương pháp cách mạng. Mặc dù đều có cơ sở chung là ý chí giành độc lập dân tộc, là chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, nhưng các phong trào cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX chưa đồng đều và phân hoá theo hai xu hướng là bạo động và cải cách với hai đại diện tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Tuy nhiên bạo lực theo con đường bạo động của Phan Bội Châu, hy vọng quân phiệt Nhật giúp đỡ để đánh đuổi Pháp là một điều rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau” [216, tr. 14]. Còn “ý Pháp cầu tiến bộ” như con đường cứu nước của Phan Châu Trinh lại là một sai lầm lớn, bởi đó là một sự ảo tưởng chính trị, không nhận thức được bản chất xấu xa của thực dân xâm lược, “chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương” [216, tr. 14]. Còn Hoàng Hoa Thám, thủ lĩnh tối cao của phong trào đấu tranh tự phát của nông dân, với đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Yên Thế, tuy có thực tế hơn vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp, nhưng vẫn còn nặng cốt cách phong kiến [216, tr. 14]. Và chủ trương của ông cũng chưa có phương hướng giải phóng chính xác, chưa có hướng thoát rõ ràng.

Có thể nói, do điều kiện lịch sử, các nhà tư tưởng, nhà lãnh đạo phong trào ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX chưa nhận thức rõ kẻ thù, chưa xác định rõ nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, chưa đánh giá đúng lực lượng cơ bản của cách mạng,... Những con đường trên đây, tuy mang những màu sắc khác nhau,

nhưng về cơ bản đều là con đường dân chủ tư sản mà những người yêu nước Việt Nam mới biết đến, nhưng đối với thời đại thì đã lỗi thời [105, tr. 27]. Tuy còn những hạn chế nhất định, nhưng những nhận thức của Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh,... vẫn mang ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Nó trang bị những hiểu biết cho các chí sĩ yêu nước, là cơ sở khách quan làm chuyển biến tư tưởng chính trị của dân tộc Việt Nam nói chung và tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh nói riêng, đặt dân tộc Việt Nam trong mối quan hệ với thế giới bên ngoài, góp phần làm chuyển biến con đường cách mạng Việt Nam, manh nha hình thành con đường cứu nước mới, với phương pháp cách mạng mới, phù hợp với nhu cầu khách quan và thực tiễn thời đại.

Về tư tưởng chính trị nhân loại

Thứ nhất, tư tưởng chính trị Nho giáo. Sinh ra trong một gia đình nhà nho, từ thời niên thiếu, Hồ Chí Minh đã được đào tạo một cách bài bản về Nho học, do đó, Người “đạt trình độ cao về Nho học”, “hiểu biết Nho giáo rất sâu, rất rộng”. Nhưng Hồ Chí Minh không phải là một nhà nho kiểu cũ mà là một người biết rất rõ những nhược điểm, những sai lầm của Nho giáo để tránh và thấm nhuần những ưu điểm của nó để ứng dụng theo lợi ích của cuộc giải phóng dân tộc [57, tr. 129]. Với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đã tiếp thu những luận điểm của tư tưởng chính trị Nho giáo trên các khía cạnh sau:

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến tư tưởng về xây dựng một “thế giới đại đồng” của Nho giáo. Người khẳng định: “Khổng giáo không phải là tôn giáo mà là một thứ khoa học về kinh nghiệm đạo đức và phép ứng xử. Và trên cơ sở đó người ta đưa ra khái niệm về “thế giới đại đồng””. Không ít lần, Người sử dụng khái niệm “thế giới đại đồng”, “xã hội đại đồng” của Nho giáo để chỉ mục tiêu, lý tưởng của những người cộng sản. Khi giới thiệu về Cách mạng tháng Mười Nga trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người đã viết “Đảng Cộng sản cầm quyền, tổ chức ra Chính phủ công, nông, binh, phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới, để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đồng” [138, tr. 303-304]. Việc sử

dụng khái niệm “thế giới đại đồng” trong bối cảnh như vậy cho thấy, có một sự tương đồng nhất định giữa mô hình xã hội lý tưởng của Nho giáo với mô hình chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh. Suy cho cùng, các mô hình đó đều là “muru cầu hạnh phúc của loài người, cho xã hội” [236, tr. 134], là mong muốn, khát vọng của con người về một xã hội tốt đẹp, và do đó, Hồ Chí Minh tin rằng “họ nhất định sống chung với nhau, hoàn mỹ như những người bạn thân thiết” [236, tr. 134].

Tư tưởng “dân là gốc” của Nho giáo ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng dân tộc Việt Nam nói chung và tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nói riêng. Mặc dù *Dân* trong quan niệm của Nho giáo là những người có vị trí thấp trong xã hội, nhưng Nho giáo lại luôn đề cao vai trò của dân đối với xã tắc. Trong Kinh thư, Khổng Tử từng khẳng định “Dân vi bang bản” (Dân là gốc nước), Mạnh Tử tiếp tục phát triển quan điểm này và đưa ra mệnh đề nổi tiếng “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” (Dân là quý, kế đó là xã tắc, vua là nhẹ). Nhận thấy sức mạnh to lớn của dân, Nho giáo đòi hỏi nhà vua, những người cầm quyền phải giữ được dân, phải được dân tin, và coi “dân tín” là một trong ba yếu tố cần thiết của phép trị nước “túc thực, túc binh, dân tín” (nghĩa là lương thực đủ, binh lực đủ, lòng tin của dân). Như vậy, dân tín tạo ra sức mạnh vật chất và sức mạnh chính trị, là nền tảng của sự ổn định, góp phần quyết định đến sự tồn tại hay diệt vong của một vương triều. Muốn “dân tín” thì những nhà cầm quyền phải thực hiện chính sách “dưỡng dân” và “giáo dân”. Mặc dù, “dân” trong quan niệm của Nho giáo, suy đến cùng thì cũng chỉ là phương tiện, không phải là mục đích của nền chính trị. Song, tư tưởng đề cao vai trò của dân của Nho giáo là một tư tưởng tiến bộ so với xã hội đương thời, và tư tưởng đó là nền tảng để Hồ Chí Minh xác định chủ thể quyền lực trong việc xác lập và phát triển Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thứ hai, tư tưởng Phật giáo. Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, phát triển mạnh mẽ qua các giai đoạn lịch sử và để lại nhiều dấu ấn sâu đậm trong văn hóa và đời sống tinh thần của Việt Nam. Nội dung tư tưởng cơ bản nhất của

Phật giáo mà Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển để xây dựng nên tư tưởng chính trị của Người với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đó là tư tưởng vị tha, từ bi, bác ái, thương người, không phân biệt đẳng cấp,... Phật giáo vào Việt Nam thích nghi và tích hợp với chủ nghĩa yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc. Thiền phái Trúc lâm là một trong những dòng thiền điển hình của Việt Nam, có chủ trương không thoát ly khỏi cuộc sống thực tế mà gắn bó mật thiết với nhân dân, đất nước và đồng hành cùng dân tộc trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm, hướng tới quốc gia độc lập, hoà bình.

Thứ ba, tư tưởng chính trị của Tôn Trung Sơn. Là một nhà dân tộc dân chủ lỗi lạc của Trung Quốc, tư tưởng cách mạng của Tôn Trung Sơn thể hiện trong Tam dân chủ nghĩa: chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa dân quyền và chủ nghĩa dân sinh.

Về chủ nghĩa dân tộc, Tôn Trung Sơn cho rằng, người Trung Quốc không có chủ nghĩa dân tộc mà chỉ có chủ nghĩa gia tộc, tông tộc. Do đó, để khôi phục chủ nghĩa dân tộc, Tôn Trung Sơn đưa ra 2 giải pháp. Thứ nhất, phải làm cho 400 triệu người Trung Quốc biết mình đang đứng ở đâu. Thứ hai, người Trung Quốc phải biết tu thân, phải biết thừa nhận và học tập những cái hay, cái tốt, cái tích cực của người nước ngoài để có cơ sở tề gia, có nền tảng trị quốc.

Nội dung của Chủ nghĩa dân quyền là dân chủ, tự do. “Nhân dân quản lý công việc chính trị nên gọi là “dân quyền”” [169, tr. 160]. Theo Tôn Trung Sơn, dân quyền gắn liền với tự do và bình đẳng. Do năng lực mỗi người khác nhau, nên cần phải thành lập chính phủ, gồm những người có năng lực để quản lý tốt đất nước. Với quan niệm “Quốc dân là chủ nhân, là người có quyền, chính phủ là nhà chuyên môn, là người hữu năng” [169, tr. 280], Tôn Trung Sơn đã đề cập dân như là chủ thể của quyền lực, nhân dân ủy thác quyền lực cho chính phủ thì cũng có thể thu hồi lại quyền của mình. Như vậy, Tôn Trung Sơn đã thay đổi quan điểm truyền thống của Nho học về mối quan hệ “vua - tôi”, “biến những người lãnh đạo, nhân viên công vụ từ chủ của quần chúng trở thành đầy tớ của quần chúng” [102]. Và ông cũng cho rằng: trung quân có thể không cần nữa, không trung với quân, mà trung với nước, bởi khi xây dựng một nước cộng hòa thì dân sẽ đứng lên làm vua, là làm chủ đất nước. Có

thể nói, Hồ Chí Minh đã vận dụng suy nghĩ của Tôn Trung Sơn về vai trò, vị trí của nhân dân, về dân quyền, về mối quan hệ cán bộ - nhân dân, để đưa ra những phẩm chất cần có của người cán bộ “trung với nước, hiếu với dân”, “cán bộ là đầy tớ của nhân dân” khi hướng tới thiết lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chủ nghĩa dân sinh gồm đời sống của nhân dân, sinh tồn của xã hội, sinh kế của quốc dân, sinh mệnh của quần chúng”, “Chủ nghĩa dân sinh là chủ nghĩa xã hội, còn gọi là chủ nghĩa cộng sản, tức là chủ nghĩa đại đồng” [169, tr. 313]. Theo ông, chủ nghĩa dân sinh là một hệ thống các quan điểm về đời sống của dân, với 4 nhu cầu sống cơ bản nhất là ăn, mặc, ở và đi lại. Xuất phát từ quan niệm “nước lấy dân làm gốc, dân coi ăn là trời”, chủ nghĩa dân sinh còn đặt ra yêu cầu, trách nhiệm của nhà cầm quyền trong việc quan tâm đến đến nhân dân và đưa ra các biện pháp nâng cao đời sống đó để thúc đẩy sự tiến hóa của lịch sử.

Mục tiêu cuối cùng trong học thuyết của Tôn Trung Sơn là đạt tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Đó cũng chính là ham muốn tốt bậc của Hồ Chí Minh, đã được Người diễn giải rành mạch và sáng tỏ trong mục tiêu chính trị độc lập - tự do - hạnh phúc. Người đến với chủ nghĩa Tam dân vì “chủ nghĩa Tam dân là chủ nghĩa yêu nước” [169, tr.49-50]. Người đánh giá rất cao tư tưởng của Tôn Trung Sơn bởi “Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên có ưu điểm của nó là chính sách thích hợp với điều kiện nước ta” [236, tr.134] và Người đã học hỏi những điểm tiên bộ của chủ nghĩa tam dân để xác định phương hướng giải phóng dân tộc, xây dựng xã hội mới trong quá trình lãnh đạo cách mạng theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Thứ tư, tư tưởng chính trị dân chủ tư sản phương Tây. Đối với văn minh phương Tây, Hồ Chí Minh tiếp xúc khá sớm và chủ động. Với việc tiếp xúc đủ lâu về mặt thời gian, đủ rộng về mặt không gian, hình thức tiếp xúc đa dạng, phong phú, gồm cả việc tìm hiểu qua sách báo, tài liệu, cũng như trải nghiệm thực tế cuộc sống của nhân dân lao động và trực tiếp tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị xã hội, Hồ Chí Minh đã “gạn đục khơi trong”, tiếp thu những tinh hoa tốt đẹp và chỉ ra những mặt hạn chế của văn minh phương Tây. Những nhận xét, đánh giá đó của Người là bài học hữu ích cho

cách mạng Việt Nam, tác động trực tiếp đến việc lựa chọn con đường cách mạng, thiết lập và xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trên hành trình tìm tòi, khảo nghiệm ở các trung tâm chính trị - văn hóa phương Tây, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra một trong những giá trị tư tưởng chính trị mang tính thời đại là “dân chủ”. Dân chủ là giá trị thiếu vắng trong các nền chính trị quân chủ chuyên chế ở phương Đông nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Tư tưởng dân chủ của các nhà khai sáng như Voltaire, Rousseau và Montesquieu,... đã thúc đẩy tư tưởng dân chủ phương Tây, thể chế dân chủ phương Tây phát triển và tạo ra một bước tiến dài trên hành trình nhân loại đi tới một nền dân chủ hoàn bị nhất. Tư tưởng dân chủ của những lý luận gia, nhà tư tưởng này cũng đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh khi người xác định chủ thể quyền lực chính trị, xác định mô hình Nhà nước, cấu trúc, cách thức tổ chức và vận hành của bộ máy chính quyền,...

Trong gần 10 năm bôn ba ở các nước tư bản chủ nghĩa lớn như Mỹ, Anh, Pháp và các thuộc địa của họ, Hồ Chí Minh cũng đã tiến hành khảo sát các mô hình cách mạng dân chủ tư sản tiêu biểu trên thế giới. Hai bản Tuyên ngôn “Tuyên ngôn độc lập” của Mỹ 1776 và “Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền” của Pháp 1791 cũng có ảnh hưởng rất lớn đối với Hồ Chí Minh trong việc đấu tranh giải phóng dân tộc, và được Người nhấn tới nhiều lần trong các bài nói, bài viết của mình. Từ đó, Người rút kinh nghiệm và lựa chọn con đường chính trị cho cách mạng Việt Nam. Người từng cho rằng: Cách mạng Tháng Tám đã học tập và kế thừa thành tựu của các cuộc cách mạng lớn trên thế giới, cụ thể là học tập tinh thần tự chủ, đấu tranh chống lại ách thống trị ngoại xâm từ Cách mạng Mỹ năm 1776, thực hành các lý tưởng về Tự do, Bình đẳng, Bác ái của Cách mạng Pháp năm 1789, và thực hiện chủ nghĩa dân tộc, dân quyền, dân sinh của Cách mạng Tân Hợi năm 1911 của Trung Quốc. Từ đó, phải làm cho nền Dân chủ Cộng hòa chắc chắn, phải làm cho quyền thống nhất độc lập vững vàng [141, tr. 218].

Tinh hoa tư tưởng chính trị Mác - Lênin

Nghiên cứu các tác phẩm của Hồ Chí Minh cho thấy, học thuyết Mác – Lênin là cơ sở lý luận quan trọng nhất, quyết định sự biến đổi về chất trong tư tưởng chính trị của Người. Chủ nghĩa Mác – Lênin là “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất” [138, tr. 289], cung cấp cho Hồ Chí Minh thế giới quan và phương pháp luận Mácxít, giúp Hồ Chí Minh tổng kết kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn của loài người để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong đó, cụ thể là những quan điểm sau:

Về vấn đề độc lập dân tộc. Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác khẳng định giai cấp vô sản muốn hoàn thành được sứ mệnh của mình, trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự xây dựng thành quốc gia dân tộc, phải tự quyết về vận mệnh của dân tộc mình, phải tự mình trở thành dân tộc [133, tr.105]. Trong *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa*, V.I.Lênin cũng đã nhấn mạnh đến quyền dân tộc tự quyết và quyền bình đẳng giữa các quốc gia dân tộc. “Quyền dân tộc tự quyết có nghĩa là quyền phân lập về mặt nhà nước của các dân tộc đó ra khỏi các tập thể dân tộc khác, có nghĩa là sự thành lập một quốc gia dân tộc độc lập” [109, tr. 303]. Điều đó có nghĩa là quyền tự quyết là một quyền chính trị cơ bản của một quốc gia dân tộc. Căn cứ vào nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân, các dân tộc có quyền tự quyết định vận mệnh và định hướng phát triển của quốc gia dân tộc mình mà không chịu sự tác động, can thiệp từ bên ngoài. Vì vậy, theo V.I.Lênin, hành vi đi xâm lược, bành trướng mở rộng lãnh thổ là sự vi phạm nghiêm trọng quyền dân tộc tự quyết của các quốc gia, đặc biệt là khi biên giới, lãnh thổ của một quốc gia được xác lập không dựa trên mong muốn, nguyện vọng của chính cư dân quốc gia đó.

Về đường lối chính trị của đất nước, theo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, lịch sử phát triển của nhân loại là quá trình lịch sử - tự nhiên, trải qua các hình thái kinh tế - xã hội. “Xã hội từ chỗ ăn lông ở lỗ, tiến đến xã hội nô lệ, tiến đến chế độ phong kiến, tiến đến xã hội tư bản, rồi tiến đến xã hội chủ nghĩa” [144, tr. 94]. Trong thời đại ngày nay, lịch sử nhân loại đang phát triển mạnh mẽ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Sự phát triển ấy là một tất yếu lịch sử, không lực lượng

nào có thể ngăn trở được. “sớm hoặc muộn, tất cả các dân tộc đều sẽ đi lên chủ nghĩa xã hội” [147, tr. 158]. Để thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải giành lấy chính quyền, tổ chức và sử dụng chính quyền vào công cuộc cải tạo xã hội, phải duy trì và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Hồ Chí Minh nhấn mạnh “trong thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng cần phải mạnh hơn bao giờ hết” .

Về chủ thể quyền lực và vai trò của nhân dân. Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ rõ quần chúng nhân dân đóng vai trò là chủ thể sáng tạo ra lịch sử, quyết định sự phát triển của lịch sử. Quần chúng nhân dân là lực lượng lao động sản xuất chủ yếu trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế xã hội. Quần chúng nhân dân cũng là lực lượng chính, đông đảo và chủ chốt trong các cuộc cách mạng, sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân và không có quần chúng nhân dân thì cũng không có lịch sử. Lý luận về vai trò lịch sử của quần chúng nhân dân của chủ nghĩa Mác - Lênin đã cung cấp cho Hồ Chí Minh một phương pháp luận khoa học, tác động mạnh mẽ đến nhận thức và hoạt động chính trị thực tiễn của Người. Tiếp thu những quan điểm sâu sắc của chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân, Người sớm khẳng định cách mạng là việc chung của cả dân chúng chứ không phải việc riêng của một ít người. Do đó, Người xác định lực lượng chính trong cuộc đấu giải phóng dân tộc, hình thành và xây dựng nhà nước Việt Nam là quần chúng nhân dân và chủ trương đoàn kết và tập hợp mọi người dân Việt Nam yêu nước vào sự nghiệp cách mạng. Đây vừa là sự vận dụng lý luận Mác – Lênin vừa phù hợp với điều kiện thực tiễn của một nước thuộc địa như Việt Nam.

Về hệ thống chính trị. Chủ nghĩa Mác - Lênin cũng đã nêu ra học thuyết về xây dựng Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản mà nòng cốt là giai cấp công nhân hiện đại. Nhiều vấn đề có tính nguyên tắc trong xây dựng và phát triển chính đảng vô sản đã được xác định, nhất là khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền.

Nhà nước là một hình thức tổ chức để thực hiện dân chủ. Vì vậy, cần xây dựng và thực hiện các biện pháp để quần chúng nhân dân kiểm tra và giám sát các hoạt động của Nhà nước và hành vi của công chức; kết hợp việc tuyển chọn đúng

người, giao đúng việc với việc kiểm tra thường xuyên,... Có thể nói, những quan điểm về nhà nước vô sản của học thuyết Mác – Lênin là khung tham chiếu giúp Hồ Chí Minh nhìn nhận, đánh giá các học thuyết khác về nhà nước và các mô hình nhà nước trên thực tiễn của các nước tư bản, để từ đó, Hồ Chí Minh quyết định lựa chọn mô hình nhà nước cách mạng Việt Nam. Mô hình nhà nước đó có những nét tương đồng với mô hình nhà nước Xôviết mà Lênin đã tổng kết. Và chính phủ công – nông – binh được Người đề cập đến trong *Chánh cương vắn tắt* năm 1930 là một chính phủ mang những đặc điểm của mô hình Nhà nước Xô viết.

Các tổ chức chính trị - xã hội là thành tố cấu thành quan trọng của hệ thống chính trị. Trong đó, có sự phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, phương pháp hoạt động giữa Đảng và Nhà nước, thực hiện dân chủ, chống quan liêu, tham nhũng. Hệ thống các tổ chức chính trị nhằm vào mục tiêu dân chủ, củng cố khối liên minh chính trị vững chắc của các lực lượng xã hội, bảo đảm sức mạnh của Đảng và Nhà nước.

Trong khi một số trí thức tư sản phương Tây tiếp cận và nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin với tư cách một học thuyết, một hệ thống lý luận, để giải quyết những vấn đề tư duy, nhận thức, thì Hồ Chí Minh lại khác. Là một đảng viên xã hội, nhưng Hồ Chí Minh cũng là một người dân mất nước, mang trong mình khát vọng giải phóng dân tộc. Người đến với chủ nghĩa Mác – Lênin để tìm kiếm một giải pháp chính trị cho dân tộc, một phương hướng, chỉ dẫn đáp ứng nhu cầu cách mạng thực tiễn của đất nước. Vì vậy, khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công, dù chưa hề đọc một cuốn sách nào của Lênin nhưng Hồ Chí Minh vẫn kính yêu Lênin bởi “Lênin là một người yêu nước vĩ đại đã giải phóng đồng bào mình” [148, tr. 561]. Đặc biệt, sau khi đọc đi, đọc lại nhiều lần, và hiểu được phân chính của *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I.Lênin, Hồ Chí Minh đã “hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba” [148, tr. 562] bởi Người đã tìm thấy ở Luận cương con đường chân chính cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc là “con đường cách mạng vô sản”. Từ đó, Hồ Chí Minh biểu quyết tán thành gia nhập Quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp vào tháng 12/1920. Đây là bước chuyển có tính chất quyết định

trong nhận thức, tư tưởng và lập trường chính trị của Hồ Chí Minh. Từ Luận cương, Hồ Chí Minh đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin, và từ V.I.Lênin, Hồ Chí Minh đã quay lại nghiên cứu những quan niệm của C.Mác một cách sâu sắc, triệt để hơn. Với Luận cương, Hồ Chí Minh đã từ giác ngộ dân tộc đến giác ngộ giai cấp và từ một người Việt Nam yêu nước trở thành một người cộng sản chân chính.

2.1.2.3. Nhân tố chủ quan

Phẩm chất đạo đức và trí tuệ của Hồ Chí Minh

Sinh ra trong một gia đình nhà Nho ở quê hương vốn có truyền thống yêu nước, thương dân; lớn lên trong hoàn cảnh đất nước lâm than, chịu cảnh đô hộ của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh sớm hình thành tình cảm yêu nước thương dân và ý thức chính trị “đánh đuổi thực dân và giải phóng đồng bào”. Người quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước, quyết tâm “đi ra ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào” [79, tr. 28]. Nét đặc sắc trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, đó là yêu nước gắn liền với thương dân. Với Hồ Chí Minh, cứu nước không đơn thuần chỉ là giành độc lập cho đất nước, mà cứu nước còn là cứu dân, giải phóng dân tộc thống nhất và gắn bó chặt chẽ với giải phóng nhân dân lao động. Đòi độc lập cho dân tộc để thực hiện dân quyền tự do và nhân dân hạnh phúc. Có thể nói, “mọi tư tưởng, mọi sáng tạo của Hồ Chí Minh đều xuất phát từ lòng thương yêu, kính trọng, tin tưởng ở nhân dân” [54, tr. 16]. Chính sự thấu hiểu và thương cảm với nhân dân đã tạo nên điểm khác biệt trong chí hướng cách mạng của Hồ Chí Minh so với một số nhà yêu nước tiền bối. Và đây cũng chính là động lực để Hồ Chí Minh “dấn thân” vào hành trình cứu nước vô cùng gian khổ, là căn cứ để Hồ Chí Minh lựa chọn con đường cách mạng vô sản, là cơ sở để Hồ Chí Minh xác định mô hình nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Hồ Chí Minh còn là một nhân cách cao cả, một tấm gương đạo đức trong sáng, mẫu mực, một phong cách sống bình dị, chân tình, một sự phân biệt có ý nghĩa khoa học và cách mạng về thiện – ác, tốt – xấu, đúng – sai, phải – trái. Những phẩm chất ấy đưa Hồ Chí Minh trở thành thủ lĩnh chính trị, người lãnh đạo cao nhất của dân tộc, như Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng nói “Người mà cả dân tộc tôn

làm vị cha già của mình phải có lòng thương mến mong xúc động đến tâm can của mọi người” [46, tr. 29].

Hồ Chí Minh là một người ham học hỏi. Nhờ sự tích cực và nỗ lực học tập không ngừng, Hồ Chí Minh đã thấm thía được những giá trị truyền thống tốt đẹp và tinh hoa văn hoá nhân loại, từ đó, Người làm phong phú vốn tri thức chính trị cho riêng mình. Có thể nói, thời gian học ở trường của Hồ Chí Minh không nhiều nhưng Người đã tự học tiếng Anh đủ để đọc Dickens, tiếng Pháp đủ để đọc Michelet, viết truyện ngắn đăng trên *L'Humanite'* và viết kịch bản diễn ra ở Câu lạc bộ Ngoại ô. Nhờ ngoại ngữ, Hồ Chí Minh nắm được văn hoá phương Tây, nắm được các trào lưu chính trị thế giới và hiểu thấu chủ nghĩa xã hội khoa học. Khi theo dõi Hồ Chí Minh, ngày 10/12/1919, mật thám Pháp đã báo cáo rằng, Người đã “dành cả ngày để học hỏi, đọc tất cả những sách bằng tiếng nước ngoài đã đề cập đến Đông Dương” [218, tr. 78]. Hay vào tháng 3/1920, một báo cáo khác của mật thám Pháp đã khẳng định Hồ Chí Minh “đang dịch một đoạn *L'Esprit des Lois (Tinh thần Luật pháp)* của Môngtexkiơ sang quốc ngữ” [218, tr. 111]. Như vậy, không chỉ học trong thực tiễn cuộc sống, trong các buổi sinh hoạt chính trị, Hồ Chí Minh đã tự tìm tòi, nghiên cứu và đào sâu lý luận. Và với nỗ lực phi thường, từ một người không phân biệt được thế nào là đảng, thế nào là công đoàn,... Hồ Chí Minh đã trở thành nhà lý luận mácxít lỗi lạc.

Nói đến yếu tố chủ quan hình thành tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, không thể không nhấn mạnh trí tuệ và bản lĩnh chính trị của Hồ Chí Minh. Người luôn nhạy bén với cái mới, có phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo kết hợp với năng lực phê phán, phản biện tinh tường cùng một bản lĩnh chính trị vững vàng. Trí tuệ và bản lĩnh của Người được hình thành từ sớm, ngay từ khi còn nhỏ. Ở độ tuổi 13, khi được biết đến khái niệm “Tự do – Bình đẳng – Bác ái”, Người muốn tìm xem những gì ẩn sau cụm từ ấy. Trong khi các chí sĩ lớn tuổi đi tìm đường cứu nước ở hướng Đông (Nhật Bản), rồi ở hướng Bắc (Trung Quốc) thì Hồ Chí Minh lại đi sang châu Âu. Chuyến xuất dương đầu tiên của người thanh niên mới 21 tuổi, từ một nước phương Đông khép kín sang phương Tây rộng lớn là một hành trình mới

mê cùng những thử thách, khó khăn chờ đợi phía trước mà chỉ những người có bản lĩnh đặc biệt mới có thể vượt qua. Ngay trong *hướng đi* của Hồ Chí Minh khi ấy cũng đã thể hiện một ý chí và tư duy sắc sảo. Tìm cách đánh đuổi thực dân phương Tây mà đi về hướng Tây. Có lẽ ban đầu, ai cũng cho rằng đó là một hướng đi “ngược”, nhưng không ai có thể ngờ rằng đi ngược nhưng lại về xuôi. Và ngay trong *cách đi* của Hồ Chí Minh cũng đã cho thấy một nghị lực phi thường. Bởi lẽ nếu Phan Bội Châu và các thanh niên trong phong trào Đông Du sang Nhật bằng sự quyên góp của cá địa chủ, tư sản, Phan Châu Trinh sang Pháp theo sự bảo lãnh của *Hội Nhân quyền Pháp*, thì hành trang ra đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh là đôi bàn tay trắng và bằng con đường lao động chân tay. Có thể nói mười năm lăn lộn ở London và Paris, luôn phải sống trong sự thiếu thốn về vật chất và phải đối mặt với nhiều tình huống hiểm nguy đã tạo cho Hồ Chí Minh một tầm số tương ứng để Người có thể “bắt sóng” với tiếng gọi vùng lên của Cách mạng Tháng Mười Nga và chủ nghĩa Mác – Lênin.

Tiếp xúc với trào lưu tư tưởng tiến bộ lúc bấy giờ của các nhà dân chủ tư sản và chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh đã thấu thái những giá trị tích cực nhất, bổ sung và phát triển cho phù hợp với điều kiện Việt Nam. Tuy nhiên, Người không “học thuộc lòng và lắp lại một cách máy móc” các học thuyết, các tư tưởng mà những giá trị văn hoá Đông – Tây, kim – cổ trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trở thành “một hợp chất mới, đầy sáng tạo” [46, tr.239]. Với tầm nhìn sâu rộng và tư duy sắc sảo, Hồ Chí Minh đã đưa ra những đánh giá đúng đắn về các phong trào cách mạng, phân tích sức mạnh các lực lượng cách mạng, về mặt tích cực và hạn chế của các cuộc cách mạng tư sản và cách mạng vô sản, để từ đó lựa chọn con đường giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Với bản lĩnh và trí tuệ của mình, Người trực tiếp thiết kế mô hình và chỉ đạo xác định nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà – nhà nước kiểu mới ở Việt Nam, mang đặc điểm riêng ở Việt Nam chứ không lệ thuộc vào những lý thuyết, mô hình sẵn có.

Trải nghiệm thực tiễn chính trị cách mạng

“Thực tiễn hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh là một cơ sở có ý nghĩa quyết định đối với sự hình thành, phát triển và hoàn thiện tư tưởng Hồ Chí Minh” [231, tr. 25]. Suốt 30 năm bôn ba ở nước ngoài (1911-1941), Hồ Chí Minh đã đến nhiều nước, nhiều vùng khác nhau trên thế giới. Trong đó, Người đã lựa chọn 3 nước tư bản lớn để khảo nghiệm là Mỹ (1912-1913), Anh (1913-1917) và Pháp (1917-1923). Các thiết chế dân chủ như tự do hội họp, tự do đảng phái, tự do ngôn luận,... đã mang lại cho Hồ Chí Minh những điều kiện thuận lợi để tham gia vào các hoạt động chính trị. Chính vì vậy, sau này, Người đã đúc kết “Tôi học cách mạng không phải ở Mátxcova, mà ở chính đây, ngay tại Pari, thủ đô của tự do, bình đẳng và bác ái” [80, tr. 272]. Bên cạnh đó, Người còn đến nhiều nước thuộc địa và phụ thuộc ở các châu lục khác nhau trên thế giới. Ở đâu, Người cũng sống, lao động như một người công nhân thực thụ để kiếm sống, vừa làm vừa học và nghiên cứu đời sống của các tầng lớp nhân dân, cách tổ chức, quản lý xã hội và chế độ chính trị hiện thời. Như vậy, với việc trải nghiệm cả 3 chế độ chính trị đương thời là chế độ thực dân phong kiến ở Việt Nam và các nước thuộc địa, chế độ tư bản chủ nghĩa ở các nước phương Tây phát triển và mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô đã giúp cho Hồ Chí Minh đánh giá và nhận thức rõ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, để từ đó xác định con đường cách mạng cho Việt Nam. Việc nghiên cứu mô hình lý luận và quan sát thực tiễn của các mô hình nhà nước Cộng hoà dân chủ tiêu biểu đương thời, là cộng hoà Tổng thống ở Mỹ, Cộng hoà đại nghị ở Pháp và Cộng hoà Xôviết ở Liên Xô, cũng là những gợi mở cho Hồ Chí Minh xác định và sáng lập mô hình nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hiện đại sau này.

Bên cạnh những trải nghiệm thực tiễn trong cuộc sống lao động, Hồ Chí Minh còn có tham gia nhiều hoạt động chính trị - xã hội để có những trải nghiệm về mặt thực tiễn chính trị và trau dồi lý luận chính trị. Người tham gia *Hội người yêu nước Việt Nam*, tham gia phong trào công nhân Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, tham gia các hoạt động của Quốc tế Cộng sản,... Hồ Chí Minh cũng viết nhiều những tác phẩm mang lý luận để làm phong phú thực tiễn chính trị và phục vụ cho hoạt động cách mạng của mình, nhằm mục đích phê

phán chủ nghĩa để quốc thực dân, kêu gọi, vận động quần chúng và chuẩn bị tổ chức, lãnh đạo phong trào cách mạng. Ngoài ra, chính thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước cũng giúp Người từng bước hoàn thiện tư tưởng chính trị, điển hình là tư tưởng về nhà nước.

Hồ Chí Minh là người có lòng yêu nước, thương dân sâu sắc, nồng nàn; có phương pháp biện chứng và phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; có tư chất thông minh, sắc sảo, nhạy bén với cái mới; là người có ý chí, nghị lực phi thường và bản lĩnh kiên định vững vàng, có tác phong, lối sống gần gũi, giản dị và sức cảm hóa kỳ diệu đối với mọi người... Những phẩm chất cá nhân cùng những hoạt động thực tiễn phong phú trên nhiều lĩnh vực khác nhau ở trong nước và trên thế giới là nhân tố chủ quan, ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Chính những phẩm chất và tài năng đã tác động đến hướng đi và cách đi trong hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh. Chính những tư chất và phẩm chất, tài năng đó, giữa vô vàn lý thuyết và học thuyết khác nhau, Hồ Chí Minh đã tìm thấy con đường cách mạng vô sản, Và cũng chính những tư chất và phẩm chất, tài năng đó, giữa thực tiễn vô cùng sinh động, phức tạp, với vô vàn khó khăn và thử thách, Người vẫn vững vàng, kiên định, có những quyết định sáng suốt, hoạt động sáng tạo để chuyển hoá tư tưởng, lý tưởng cách mạng thành hiện thực. Có thể nói, trong số các chính khách Việt Nam đầu thế kỷ, duy có một mình Hồ Chí Minh, tụ hội đủ các điều kiện để sớm xuất hiện như một ngôi sao sáng ngay từ lúc đầu [59, tr.23].

2.2. Lý luận về Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà

2.2.1. Quan điểm về Nhà nước dân chủ cộng hoà

Thể chế chính trị là cách thức tổ chức bộ máy nhà nước, liên quan đến cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, là hình thức chế độ mà mỗi quốc gia lựa chọn để xây dựng những quy định, luật lệ và sử dụng những quy định, luật lệ đó nhằm điều chỉnh và quản lý xã hội. Thể chế chính trị đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của cộng đồng xã hội nói chung và của cá nhân con người sống trong xã hội đó nói riêng. Trên thế giới có nhiều dạng thể chế chính trị khác nhau, trước thế kỷ XX có các loại hình như thể chế quân chủ (chính thể quân chủ chuyên chế, quân chủ lập

hiển,...), thể chế cộng hoà (chính thể cộng hoà quý tộc và chính thể cộng hoà dân chủ); sau thế kỷ XX xuất hiện hai dòng chủ lưu là cộng hoà tư sản và cộng hoà vô sản (cộng hoà xã hội hay cộng hoà chủ nghĩa).

Thuật ngữ “cộng hòa”, nguyên gốc tiếng Latinh là “Respublica est res populi”, có nghĩa là nhà nước là công việc của nhân dân. Trong Từ điển Bách khoa Việt Nam, cộng hoà là một hình thức tổ chức nhà nước, trong đó, cơ quan quyền lực cao nhất do bầu cử mà ra, hoặc được cơ quan đại diện toàn quốc (nghị viện, quốc hội) bổ nhiệm trong một thời gian nhất định (nhiệm kỳ). Thuật ngữ “dân chủ” có nguồn gốc từ cổ Hy Lạp, “Democrat” có nghĩa là quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Do đều nhấn mạnh đến việc quyền lực, công việc của nhà nước là của nhân dân, thuộc về nhân dân nên chế độ chính trị cộng hòa còn có tên gọi khác là chế độ chính trị dân chủ.

Trong lịch sử chính trị thế giới, thể chế cộng hoà là một loại chế độ chính trị xuất hiện khá sớm, vào khoảng thế kỷ V trước Công nguyên ở Hy Lạp và La Mã cổ đại. Xuất hiện như một hình thức tổ chức nhà nước đối lập với chính thể quân chủ, chính thể cộng hoà được đánh giá là hình thức tổ chức nhà nước tiến bộ hơn so với chính thể quân chủ, nhưng ý nghĩa tiến bộ thực sự của nó còn phụ thuộc vào chế độ kinh tế - xã hội và tương quan giữa các giai cấp. Chẳng hạn trong lịch sử đã tồn tại các loại hình chính thể cộng hòa nô lệ, cộng hòa phong kiến, nhưng thực chất cũng vẫn là của chế độ chuyên chế nô lệ và chuyên chế phong kiến.

Từ khi ra đời cho đến nay, nhiều mô hình cộng hoà đã hình thành và tồn tại. Có thể khái lược một số mô hình cộng hoà tiêu biểu trong lịch sử chính trị thế giới như sau. Thời cổ đại, chế độ cộng hoà đã từng tồn tại ở La Mã và Hy Lạp cổ đại (Athens và Sparta). Mặc dù có sự khác biệt trong tổ chức và hình thức, song cả Athens và Sparta đều mang bản chất của *chế độ cộng hoà chủ nô*, hoạt động dựa trên nền dân chủ chủ nô và thực thi pháp luật của nhà nước chiếm hữu nô lệ.

Trong thời kỳ trung đại, các nước phương Tây tồn tại dưới chế độ chính trị phong kiến. Tuy là nền quân chủ chuyên chế, nhưng trong khi nhà vua nắm giữ quyền lực tối lực tối cao ở xã hội phong kiến phương Đông, thì ở các nước phương

Tây, vương quyền và thần quyền lại gắn bó chặt chẽ và cùng nhau thống trị xã hội. Pháp luật hà khắc của nhà nước quân chủ và giáo hội Thiên Chúa không bảo vệ quyền lợi cho người dân và do đó, ở phương Tây thời kỳ này không có không gian cho sự phát triển của các hình thức dân chủ.

Nền cộng hoà chỉ thực sự bắt đầu phát triển mạnh mẽ từ các cuộc cách mạng tư sản thời kỳ cận đại, tiêu biểu là cuộc Cách mạng Pháp vào năm 1789. Các cuộc cách mạng tư sản đã lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập nền cộng hoà. Việc trao quyền lực cho người dân hoặc đại diện của họ là phương thức tổ chức quyền lực cơ bản nhất của chế độ dân chủ. Những thay đổi lớn trong tổ chức quyền lực, thúc đẩy sự phát triển, lan toả các giá trị dân chủ, tạo động lực cho các phong trào giải phóng dân tộc và cải cách chính trị ở nhiều quốc gia đã khiến cho nền cộng hoà trở thành một trong những thành tựu chính trị vĩ đại của văn minh phương Tây và văn minh nhân loại. Vào thời điểm năm 1945, trên thế giới có ba mô hình chính thể cộng hoà cơ bản, cụ thể là:

Cộng hoà Tổng thống là mô hình chính thể cộng hoà, ở đó, quyền lực nhà nước được phân chia thành 3 nhánh quyền lực độc lập là lập pháp, hành pháp và tư pháp. Áp dụng triệt để nguyên tắc “tam quyền phân lập”, nên trong tổ chức nhà nước không có nhánh quyền lực nào cao hơn nhánh quyền lực nào, chúng kiểm chế, kiểm soát và đối trọng nhau để tránh sự lạm dụng quyền lực nhà nước. Nghị viện là cơ quan lập pháp do nhân dân bầu ra. Người đứng đầu cơ quan hành pháp cũng được nhân dân bầu ra nên được coi là nguyên thủ quốc gia và đứng đầu nhà nước. Với đặc điểm đó, hành pháp không chịu trách nhiệm trước lập pháp, mà cả hai đều chịu trách nhiệm trước nhân dân.

Cộng hoà nghị viện (hay còn gọi là Cộng hoà đại nghị) là mô hình tổ chức nhà nước áp dụng mềm dẻo nguyên tắc phân chia quyền lực. Cơ quan hành pháp được thành lập dựa trên cơ sở lập pháp và chịu trách nhiệm trước cơ quan lập pháp. Chính phủ được thành lập trên cơ sở đảng chiếm đa số ghế hoặc chiếm ưu thế trong Nghị viện và phải chịu trách nhiệm trước Nghị viện. Nghị viện được Hiến pháp thừa nhận là cơ quan quyền lực tối cao, có quyền lật đổ Chính phủ

thông qua bỏ phiếu bất tín nhiệm. Vì vậy, nền hành pháp của Cộng hoà nghị viện không mạnh như nền hành pháp ở mô hình Cộng hoà tổng thống.

Nếu như cộng hoà đại nghị và cộng hoà tổng thống là hai mô hình cộng hoà tiêu biểu ở phương Tây thì sự ra đời của Cộng hoà Xô viết ở nước Nga năm 1917 lại có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình phát triển nền cộng hoà dân chủ của nhân loại. Là thành tựu của cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới, nền cộng hoà Xôviết mang bản chất chính trị khác biệt so với nền cộng hoà tư sản. Cộng hoà Xôviết là mô hình nhà nước đầu tiên của giai cấp công nhân, không áp dụng nguyên tắc phân quyền mà áp dụng nguyên tắc tập quyền, theo nguyên tắc tất cả quyền lực thuộc về nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Quyền lực nhà nước tập trung vào nhân dân thông qua các Xôviết của công nông binh do công nhân, nông dân, binh lính bầu ra theo đơn vị sản xuất mà không theo đơn vị cư trú. Các thành phần khác trong xã hội không có quyền bầu cử. Xôviết cũng là một tập thể hành động. Tất cả các cơ quan và chức danh do Xôviết thành lập đều phải chịu trách nhiệm trước các Xôviết. Như vậy, Cộng hoà Xôviết không chỉ là phương thức khẳng định giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chủ thể của quyền lực chính trị, đây còn là một công cụ chuyên chính để xây dựng chế độ xã hội mới, trấn áp sự nổi dậy của các thế lực phản cách mạng. Không chỉ ở Liên Xô, trong giai đoạn 1918-1923, chế độ Cộng hoà Xôviết đã từng được thành lập ở một số nước Tây Âu khác. Mặc dù chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, song sự xuất hiện của chế độ Cộng hoà Xôviết ở Liên Xô và một số nước Tây Âu trước năm 1945 có những giá trị về lý luận và thực tiễn to lớn đối với Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh khi chủ trương thiết lập, xây dựng nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Tuy mang những hình thái và cách thức khác nhau, nhưng các mô hình cộng hoà trên thế giới đều thống nhất ở hai đặc điểm, thể hiện bản chất của chế độ cộng hoà. Đó là, *thứ nhất*, quyền lực của nhà nước không thuộc về một cá nhân hay người cai trị duy nhất, mà được uỷ thác vào các cá nhân và các thiết chế chính trị thông qua hình thức bầu cử; *thứ hai*, các cá nhân và thiết chế chính trị được nhân dân uỷ quyền, thực thi quyền lực dựa trên hệ thống luật pháp được xã hội thừa nhận. Nói cách khác, thể chế cộng hoà có đặc điểm là quyền lực nhà nước có nguồn

gốc từ nhân dân, người dân tham gia vào quá trình quản lý nhà nước thông qua đại diện của mình và quyền lực nhà nước phải được thực thi trong khuôn khổ của pháp luật. Như vậy, xét về bản chất, chế độ cộng hoà chính là sản phẩm của nền dân chủ và pháp quyền, đồng thời đây cũng là công cụ để duy trì và thực thi nền dân chủ và pháp quyền. Do đó, chế độ cộng hoà được xem là mô hình tổ chức nhà nước đối lập với mô hình nhà nước thế tập và thần quyền, và đối lập hoàn toàn với chế độ quân chủ, đặc biệt là chế độ quân chủ chuyên chế. Đây là lý do trong lịch sử chính trị thế giới cận - hiện đại, việc lật đổ chế độ quân chủ, thiết lập nên nền cộng hoà là mục tiêu chiến lược hàng đầu của các cuộc vận động dân chủ, bao gồm cả các cuộc vận động cải cách và cách mạng [223, tr. 623-624].

Hình thức nhà nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân là một loại hình nhà nước của các nước xã hội chủ nghĩa được hình thành sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai ở một số nước châu Âu như Cộng hoà Dân chủ nhân dân Đức, Cộng hoà Dân chủ nhân dân Hunggari, Bungari, Cộng hoà Dân chủ nhân dân Ba Lan, Tiệp Khắc, Anbani và ở một số nước châu Á như Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Cộng hoà Dân chủ nhân dân Triều Tiên. Về cơ bản các nhà nước Cộng hoà dân chủ nhân dân trên được tổ chức theo mô hình chính thể Xô viết. Tuy nhiên, so với Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết, các nước Cộng hoà dân chủ nhân dân cũng có những điểm khác biệt. Cụ thể là:

Thứ nhất, hầu hết các nước cộng hoà dân chủ nhân dân được hình thành do nhu cầu của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi sự áp bức của chế độ thuộc địa, nên phải có nhu cầu thu hút mọi lực lượng cho công cuộc giải phóng dân tộc.

Thứ hai, các nước cộng hoà dân chủ nhân dân thực hiện nền dân chủ rộng rãi hơn so với nền dân chủ của nhà nước Xô viết. Ngay từ khi thành lập, những nước này đã thực hiện nguyên tắc bầu cử bình đẳng, phổ thông, trực tiếp và bỏ phiếu kín, chỉ có những phần tử chống đối nhà nước mới bị tước quyền bầu cử. Các cơ quan đại diện được thành lập trên cơ sở của toàn thể nhân dân, không có sự phân biệt khắt khe giữa các giai cấp, tầng lớp. Do đó, trong bộ máy chính quyền nhà nước, bên cạnh các đại

biểu đại diện cho giai cấp công nhân, nông dân và binh lính còn có sự tham gia của các cá nhân yêu nước và đại diện của các tầng lớp khác trong xã hội.

Thứ ba, sau khi giành được độc lập, các nhà nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân đều tiến hành cải tạo các thành phần giai cấp tư sản, địa chủ cùng với các thành phần kinh tế của họ thành các giai cấp và thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Việc tổ chức bộ máy nhà nước của họ cũng dần có sự thay đổi theo khuôn mẫu của Cộng hòa Xô viết. Trong các nước đều tồn tại tổ chức chính trị xã hội là mặt trận đoàn kết dân tộc. Đây là cơ sở chính trị - xã hội của nhà nước, gồm nhiều đảng phái, tập hợp các lực lượng xã hội khác nhau nhưng đều dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

2.2.2. Đặc trưng của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mang những đặc điểm chung của một nhà nước Dân chủ nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh đó, xuất phát từ những điều kiện riêng có, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà cũng có một số đặc trưng tiêu biểu của dân tộc.

Thứ nhất, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là kết quả của cuộc cách mạng giải phóng, giành độc lập dân tộc

Khởi nghĩa dân tộc, chiến tranh dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc là điều tất yếu, là phương thức đấu tranh cơ bản của nhân dân các nước thuộc địa. V.I.Lênin đã từng nêu “Khởi nghĩa dân tộc là một cuộc khởi nghĩa nhằm thiết lập quyền độc lập chính trị của dân tộc bị áp bức, nghĩa là nhằm tạo ra một quốc gia dân tộc riêng biệt” [110, tr.150]. Và Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng điển hình về khởi nghĩa dân tộc, về cách mạng giải phóng dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là kết quả đấu tranh gian khổ nhưng anh dũng của nhân dân Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Hồ Chí Minh, toàn dân Việt Nam đã đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Việt Minh, không phân biệt đảng phái, tôn giáo, giàu nghèo, sang hèn đều đứng lên làm cách mạng, đập tan nền thống trị của đế quốc và tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân và thiết lập nhà nước Việt Nam hiện đại. Các tài liệu chính thức và thực tế lịch sử cho thấy, Cách mạng tháng Tám là một cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, chứ không phải

là cuộc cách mạng vô sản như đã diễn ra ở châu Âu. Tính chất của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc này đã được Hồ Chí Minh vạch rõ trong tác phẩm *Đường cách mệnh* và trong *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt*. Cụ thể, Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định chiến lược cách mạng là thực hiện cuộc tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Đây là những vấn đề cơ bản, phù hợp với nhu cầu nóng bỏng của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và thuận chiều tiến hóa của thời đại.

Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, liên tiếp trong các Hội nghị Trung ương 6 (tháng 11 năm 1939), Hội nghị Trung ương 7 (tháng 11 năm 1940) và Hội nghị Trung ương 8 (tháng 5 năm 1941), Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành trung ương Đảng đã từng bước “thay đổi chiến lược”, xác định mâu thuẫn chủ yếu phải giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với bọn đế quốc Pháp – Nhật. Theo đó, cách mạng Đông Dương nói chung và cách mạng Việt Nam nói riêng không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền có tính chất phản đế và điền địa mà là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, với nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng là đánh đổ đế quốc xâm lược, giải phóng dân tộc, khôi phục nền độc lập và chủ quyền dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân. Gắn liền với việc xác định nhiệm vụ mới là tư tưởng giành chính quyền.

Và sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, trong Lời nói đầu của Hiến pháp 1946 cũng đã một lần nữa khẳng định và ghi nhận kết quả đấu tranh lâu dài, gian khổ, đồng thời, nêu cao ý chí của toàn dân tộc Việt Nam kiên quyết giữ gìn nền độc lập và thống nhất tổ quốc, bảo vệ tự do và các quyền lợi của nhân dân. “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” [140, tr.3]. Hiến pháp 1946 đã đề ra những nhiệm vụ cơ bản của nhà nước và nhân dân ta trong giai đoạn cách mạng mới “Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và kiến thiết quốc gia trên nền tảng dân chủ” [87, tr.7].

Thứ hai, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhà nước hợp hiến, hợp pháp

Bằng lý lẽ chắc chắn, thuyết phục, bản Tuyên ngôn độc lập – khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã trình trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về địa vị hợp pháp của nhà nước.

Bên cạnh đó, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời không chỉ là thành quả đấu tranh của toàn thể nhân dân Việt Nam mà còn thực hiện theo đúng nguyên tắc kiến lập của nền cộng hòa dân chủ. Nguyên tắc đó là các chính phủ phải được phê chuẩn bởi một thiết chế dân cử là quốc hội hoặc nghị viện. Thiết chế đó sẽ định ra hiến pháp và hệ thống luật, coi đó là căn cứ để thực thi chế độ dân chủ pháp quyền. Chỉ khi thực hiện theo quy trình, chính phủ mới chính danh tồn tại, được quốc tế công nhận và các quyết định của nhà nước mới có giá trị pháp lý. Đây chính là lý do, Chính phủ ra mắt chiều ngày 2/9/1945 chỉ được gọi là Chính phủ lâm thời, chưa phải chính phủ chính thức, và tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là “Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu” [140, tr.7]. Và chỉ trong 4 tháng sau ngày giành được nền độc lập, cuộc Tổng tuyển cử ngày 06/01/1946 đã diễn ra trên phạm vi cả nước. Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thông qua, từ đó, thành lập Chính phủ chính thức. Tổ chức Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã chính thức có cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội và cơ quan hành chính cao nhất là Chính phủ do Quốc hội cử ra. Quốc hội cũng đã lập ra Ban dự thảo Hiến pháp. Sau một thời gian chuẩn bị tích cực, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng đã được thông qua vào ngày 9/11/1946. Đây là sự kiện quan trọng, bởi Hiến pháp là luật gốc, là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật quốc gia, quy định chế độ chính trị, ấn định cách tổ chức và phân công quyền lực nhà nước, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Khi đã giành độc lập, hiến pháp là văn kiện pháp lý được nhân dân thông qua, gắn với chủ quyền đất nước và tạo sự chính danh cho nhà nước mới thành lập. Dưới hình thức chính thể quân chủ chuyên chế của nhà nước phong kiến hay chính thể của nhà

nước thực dân, Việt Nam không có hiến pháp, không có hệ thống các quy tắc pháp lý tối cao quy định việc tổ chức quyền lực nhà nước. Trong khi đó, xuất phát từ đặc điểm bản chất, chính thể cộng hòa dân chủ nhân dân phải được chế định rõ ràng trong văn bản pháp lý tối cao của đất nước là hiến pháp, bởi lẽ sự tồn tại và phát triển của hình thức chính thể này không thể tách rời hiến pháp dân chủ, nó hoạt động và vận hành trên cơ sở của hiến pháp, pháp luật.

Như vậy, thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử là căn cứ để khẳng định Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có tính chất hợp pháp, dân chủ - Nhà nước của dân, do dân và vì dân, được quốc dân giao phó trọng trách điều hành đất nước. Tổng tuyển cử cũng đánh dấu tính chính danh, pháp lý hoá nền dân chủ của Nhà nước Việt Nam, đó là Nhà nước có một Quốc hội, một Chính phủ thống nhất, một bản Hiến pháp tiên bộ và một hệ thống chính quyền hợp pháp để đại diện cho toàn thể Nhân dân Việt Nam trong hoạt động đối nội và đối ngoại.

Thứ ba, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mang đậm tính chất dân chủ nhân dân

Tính chất dân chủ nhân dân của nhà nước Việt Nam trước hết được bắt nguồn từ lực lượng tham gia cách mạng, tính chất của cuộc cách mạng hình thành nhà nước. Nếu như nhà nước Xôviết sau Cách mạng Tháng Mười Nga đáp ứng yêu cầu tổ chức chính quyền vô sản ở Nga và cuộc cách mạng đó mang tính chất của một cuộc nội chiến thì cách mạng Việt Nam lại mang tính chất của cuộc cách mạng dân tộc. Sự khác nhau trong tính chất của cuộc cách mạng dẫn đến sự khác nhau trong việc tập hợp lực lượng cách mạng, xác định chủ thể quyền lực, hình thức chính thể và từ đó là khác nhau trong tính chất của nhà nước.

Tính chất dân chủ của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được khẳng định rõ nét trong Hiến pháp năm 1946. Đây là văn bản chính trị pháp lý tối cao của một quốc gia dân tộc. Hiến pháp năm 1946 khẳng định “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa. Tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” [93, tr.8]. Lời nói đầu của bản Hiến

pháp cũng quy định cụ thể các nguyên tắc tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị và của xã hội Việt Nam theo mô hình dân chủ cộng hoà. Đó là:

“Đoàn kết toàn dân không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo

- Đảm bảo các quyền tự do dân chủ.

- Thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”.

Nhà nước do nhân dân lập nên. Tất cả công dân bầu ra Quốc hội - cơ quan quyền lực cao nhất của đất nước, có quyền lập hiến và lập pháp. Thông qua Quốc hội, việc quản lý và điều hành mọi công việc của bộ máy nhà nước đều thực hiện ý chí của nhân dân. Bên cạnh đó, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng có cơ cấu tổ chức dân chủ. Đây không phải là nhà nước của riêng giai cấp vô sản hay chỉ do đội ngũ đảng viên nắm giữ các chức vụ trong bộ máy chính quyền. Chính quyền của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là “chính quyền dân chủ của nhân dân nghĩa là của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc và các thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Chính quyền đó dựa vào Mặt trận dân tộc thống nhất, lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo... Cơ quan chính quyền tối cao toàn quốc là Quốc hội và Hội đồng Chính phủ” [40, tr.437]. Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm đại diện của nhiều đảng phái, phe phái chính trị và tôn giáo khác nhau. Trong cơ cấu Chính phủ những khoá đầu tiên và nhiều khoá tiếp theo có nhiều chức vụ quan trọng như Phó Chủ tịch nước, Bộ trưởng, Thứ trưởng và tương đương là người ngoài Đảng, một số đảng viên được Quốc hội bầu đã tự nguyện rút khỏi chức vụ, nhường chỗ cho các nhân sĩ, trí thức, tư sản dân tộc,... Các cơ quan hành chính sử dụng nhiều công chức của chế độ cũ. Việc bố trí cán bộ như vậy không phải vì chủ nghĩa hình thức hay chỉ là sách lược nhất thời mà xuất phát từ quan điểm nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc dùng người tài – đức, tuyển chọn nhân tài để phát triển quốc gia và thực hiện khối đại đoàn kết dân tộc.

Tính chất dân chủ nhân dân thể hiện qua việc nhà nước vì dân, lấy lợi ích của nhân dân làm mục tiêu hành động. Các chính sách của nhà nước sau khi cách mạng

thành công đều hướng đến việc đem lại lợi ích cho nhân dân như diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, chia ruộng đất cho nông dân,... Vai trò của dân trong việc thực hiện chức năng giám sát Chính phủ, Quốc hội và hệ thống chính trị nói chung được thực thi và phát huy tác dụng tích cực

Thứ tư, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Đảng Cộng sản lãnh đạo

Đảng Cộng sản đóng vai trò lãnh đạo toàn diện đối với giai cấp công nhân, nhà nước, công đoàn và toàn xã hội trên mọi phương diện, trong mọi lĩnh vực của đời sống. V.I.Lênin đã từng viết “Trong nước cộng hòa của chúng ta, không có một vấn đề chính trị hay tổ chức quan trọng nào do một cơ quan nhà nước giải quyết mà lại không có chỉ thị của Ban chấp hành trung ương Đảng” [108, tr.38]. Đảng Cộng sản Việt Nam đảm nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo và tổ chức nhân dân Việt Nam đấu tranh giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, con đường kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, song trước hết là giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Trong các tổ chức yêu nước và cách mạng ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, Đảng Cộng sản Việt Nam là tổ chức luôn kiên định với lý tưởng cộng hòa và xác định việc thiết lập nền cộng hòa dân chủ là một mục tiêu chiến lược hàng đầu của cách mạng Việt Nam. Xét về mặt bản chất, nền cộng hòa dân chủ không chỉ là mục tiêu riêng có của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, đây còn là mục tiêu chung của cả dân tộc, của cuộc vận động dân tộc và dân chủ, phản đế và phản phong. Bởi lẽ, giải phóng dân tộc là điều kiện tiên quyết để tạo lập môi trường cho xây dựng và phát triển nền cộng hòa, và giải phóng dân tộc cũng chỉ thực hiện được khi đặt cuộc đấu tranh đó trên nền tảng của cuộc đấu tranh giải phóng con người giải phóng xã hội. Tuy nhiên, trong chính quá trình lãnh đạo cách mạng, tư tưởng về nền cộng hòa của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã có những bước chuyển biến và phát triển quan trọng. Đó là sự thay đổi từ mẫu hình của cộng hòa Xô viết cuối những năm 20, đầu những năm 30 của thế kỷ XX sang nền cộng hòa dân chủ, pháp quyền tiến bộ, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đó chính là chế độ đã được Đảng, Mặt trận Việt Minh và nhân dân Việt Nam hiện thực hóa thông

qua cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và công cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng trong thời gian sau đó.

2.2.3. Vai trò của Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Trước hết, sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không phải là sản phẩm riêng có của một cá nhân, một con người. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời là tổng hòa của nhiều yếu tố, đó là vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, đó là tinh thần, là sự nỗ lực, đoàn kết của cộng đồng dân tộc Việt Nam, đó còn là sự ảnh hưởng, tác động của thực tiễn chính trị và từ nhiều nguồn tư tưởng khác nhau như chủ nghĩa Mác - Lênin, xu hướng dân chủ trên thế giới,... Đặc biệt, không thể không kể đến một yếu tố quan trọng tác động đến sự hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh là một vĩ nhân, một thủ lĩnh chính trị. “Việc một vĩ nhân này và chính vĩ nhân ấy xuất hiện trong một thời điểm nhất định ở một nước nhất định dĩ nhiên là ngẫu nhiên hoàn toàn. Nhưng nếu con người đó bị gạt bỏ thì xuất hiện nhu cầu phải có người thay thế ông ta và tìm được người thay thế đó – một người thay thế đạt ít hay nhiều, nhưng cùng với thời gian thì tìm được” [133, tr.272]. Như vậy, sự xuất hiện của Hồ Chí Minh trong tiến trình lịch sử dân tộc Việt Nam là yêu cầu khách quan, là sản phẩm của thời đại và đáp ứng những đòi hỏi của thời đại.

Là một nhà hoạt động chính trị, nhà cách mạng chuyên nghiệp, những hoạt động chính trị của Hồ Chí Minh được dẫn dắt bởi tư tưởng của Người, và chính tư tưởng của Người cũng đã quay trở lại tác động và ghi dấu ấn trong hoạt động thực tiễn chính trị Việt Nam, đời sống chính trị của Việt Nam. Chủ tịch Đảng Cộng sản Mỹ Gus Hall từng đánh giá: “Đồng chí Hồ Chí Minh là con người cần thiết xuất hiện đúng lúc, đúng yêu cầu của lịch sử, với những tư tưởng và ý kiến đúng. Chính vì vậy mà Đồng chí đã làm ra lịch sử” hay như trong *Điều trần của Ban chấp hành trung ương Đảng* đọc trong lễ truy điệu Hồ Chủ tịch ngày 9-9-1969 đã khẳng định vai trò của Hồ Chí Minh “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta, đã sinh ra Hồ Chủ tịch, Người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”. Qua đó, có thể thấy được vai trò của Hồ

Chí Minh và tư tưởng của Người đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam nói chung và đối với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nói riêng.

“Việc hình thành nhà nước” thể hiện quá trình ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là từ khi định hình con đường cứu nước, đến việc xác định đường lối phát triển đất nước, từ sự chuẩn bị về mặt tư tưởng, thành lập các tổ chức, đến việc tập hợp lực lượng quần chúng để giành chính quyền, từ việc lãnh đạo nhân dân tiến hành tổng khởi nghĩa đến việc xác lập cơ sở pháp lý cho nhà nước theo thông lệ chung của các quốc gia dân chủ trên thế giới. Do đó, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thể hiện vai trò, ảnh hưởng, tác động của Hồ Chí Minh trong tiến trình ra đời của nhà nước Việt Nam hiện đại.

Về nội dung, vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thể hiện rõ ở:

Thứ nhất, Hồ Chí Minh xác lập mục tiêu chính trị cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hồ Chí Minh là hình ảnh tiêu biểu, đại diện cho mục tiêu, lợi ích của toàn dân tộc. Những biểu hiện, những thể hiện của các tư tưởng và học thuyết chính trị đều là những nhân vật nhất định. Song nội dung thực tế của các tư tưởng và các học thuyết không phải là sự nhận thức của một cá nhân nhà tư tưởng nào đó, mà là ý thức giai cấp xã hội được phản ánh qua họ, và đến lượt mình nó lại là sự phản ánh cuộc sống vật chất, các điều kiện tồn tại của giai cấp này hoặc giai cấp khác” [189, tr.18]. Vì vậy, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh không chỉ phản ánh nhận thức riêng có của Người mà phản ánh những đặc điểm của thời đại, của lịch sử dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Và mục tiêu chính trị của Hồ Chí Minh cũng là mục tiêu, là mong muốn, nguyện vọng của toàn thể dân tộc Việt Nam. Đối với những người dân mất nước, giải phóng dân tộc là mục tiêu trên hết và trước hết, giải phóng con người, mang lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân là mục tiêu bền vững, lâu dài.

Thứ hai, Hồ Chí Minh định hình đường lối chính trị cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hồ Chí Minh đã chuyển hoá những lợi ích cơ bản thể hiện thành đường lối, chiến lược chính trị của nhà nước, của dân tộc. Người đề xướng đường

lối, chiến lược phản ánh lợi ích cơ bản của giai cấp, nhân dân lao động và của toàn thể dân tộc, định hướng phong trào cách mạng và hoạt động chính trị chung cho dân tộc Việt Nam, nhằm đạt đến mục tiêu thực hiện lợi ích cơ bản đó; giành, giữ và thực thi quyền lực chính trị trong cuộc đấu tranh đánh đuổi đế quốc, thực dân. Từ việc lựa chọn con đường cách mạng vô sản đến định hướng phát triển độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba, Hồ Chí Minh xác định và quy tụ lực lượng chính trị cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đó là lực lượng cách mạng hình thành nhà nước và nhân dân sẽ là chủ thể quyền lực nhà nước. Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ của giai cấp công nhân, Người được cả dân tộc Việt Nam lựa chọn, suy tôn. Với phẩm chất đạo đức, tài năng và trí tuệ của mình, Hồ Chí Minh đã quy tụ bộ phận “hạt nhân” những thành viên ưu tú, cốt cán, đồng thời động viên, lôi cuốn được đông đảo quần chúng nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc để tiến hành các phong trào cách mạng sôi nổi và sâu rộng. Những phong trào ấy không phải là một hoạt động chính trị tự phát hay phản ứng nhất thời của quần chúng mà thể hiện sự tin tưởng bền vững với lãnh tụ Hồ Chí Minh qua nhiều năm tháng. Nói cách khác, Hồ Chí Minh đã tập hợp lực lượng chính trị, từng bước hiện thực hoá mục tiêu giải phóng dân tộc, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Thứ tư, Hồ Chí Minh thiết lập các tổ chức chính trị cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Người trực tiếp xây dựng các tổ chức và trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng, đưa cách mạng đi đến thành công và khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cụ thể, Người đã sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930, đứng đầu các tổ chức và phong trào cách mạng của Việt Nam. Người lựa chọn mô hình nhà nước và từ năm 1941, Người trực tiếp lãnh đạo quần chúng nhân dân Việt Nam tiến hành đấu tranh, giải phóng dân tộc thành lập chính quyền. Có thể nói, Hồ Chí Minh là thành viên có uy tín nhất của tổ chức đảng, là linh hồn của phong trào cách mạng, là người có ảnh hưởng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của các tổ chức và quá trình chính trị.

Tiểu kết chương 2

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh là hệ thống tri thức lý luận, bao gồm các khái niệm, phạm trù, quy luật, nguyên lý chính trị, phản ánh toàn diện các quan hệ giai cấp, dân tộc, quốc gia xung quanh việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước vì lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh ra đời, phát triển bắt nguồn từ những cơ sở thực tiễn, cơ sở lý luận và nhân tố chủ quan.

Nhà nước dân chủ cộng hòa là một trong những mô hình nhà nước hiện đại trên thế giới. Bên cạnh những đặc điểm chung của nhà nước dân chủ nhân dân, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời năm 1945 cũng mang những đặc trưng tiêu biểu của dân tộc. Và với vai trò là thủ lĩnh chính trị, Hồ Chí Minh đã ghi dấu ấn trong tiến trình hình thành của nhà nước Việt Nam thông qua việc xác lập mục tiêu chính trị, con đường chính trị, xác định lực lượng chính trị và chủ thể quyền lực của nhà nước, trung tâm lực lượng và xây dựng các tổ chức chính trị trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại.

Chương 3. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ

3.1. Hồ Chí Minh xác định mục tiêu chính trị cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Mục tiêu chính trị là đích chính trị cần đạt tới, là kết quả chính trị cao nhất chủ thể chính trị đưa ra và mong muốn đạt được thông qua quá trình hoạt động của mình. Việc xác định mục tiêu chính trị phù hợp có ý nghĩa quyết định hàng đầu đối với sự thành công hay thất bại của sự nghiệp chính trị. Mục tiêu đó không phải là sự sao chép, dập khuôn từ bất kỳ tư tưởng, học thuyết nào, cũng không chỉ xuất phát từ ý chí, mong muốn chủ quan của cá nhân, tập thể mà cần phải phản ánh đúng tình hình thực tiễn với xu thế phát triển khách quan của thời đại.

3.1.1. Hồ Chí Minh xác định Giải phóng dân tộc - Độc lập dân tộc là mục tiêu chính trị trên hết và trước hết của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Xuất phát từ hiện thực chính trị của dân tộc Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX – một dân tộc bị thực dân Pháp xâm lược và đô hộ, bóc lột về kinh tế, áp bức về chính trị và nô dịch về văn hoá, *độc lập, tự do và hạnh phúc* đã trở thành mục tiêu chính trị nhất quán và xuyên suốt trong sự nghiệp chính trị của Hồ Chí Minh. Người đã từng khẳng định: tôi chỉ có một ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành [140, tr.187]. Trong bối cảnh dân tộc đang bị thực dân, đế quốc xâm lược, thống trị, nhiệm vụ giải phóng đang được đặt lên hàng đầu, Hồ Chí Minh đã khẳng định vị trí hàng đầu của mục tiêu độc lập, tự do: “Tự do, độc lập là quyền trời cho của mỗi dân tộc” [141, tr. 9]. Với Hồ Chí Minh, độc lập là điều kiện cơ bản nhất, để một dân tộc có thể tồn tại và phát triển. Và mục tiêu độc lập dân tộc được Hồ Chí Minh đưa ra trên cơ sở của 3 yếu tố.

Thứ nhất, độc lập dân tộc không phải là mục tiêu chính trị riêng có của Hồ Chí Minh, đây là khát vọng chung của toàn thể dân tộc Việt Nam

Độc lập dân tộc là khát vọng của dân tộc Việt Nam, khát vọng ấy đi theo dân tộc Việt Nam từ cuộc kháng chiến chống Tống bên bờ sông Như Nguyệt, thể hiện

qua bài thơ “Nam Quốc Sơn Hà” – Bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam, thể hiện qua những cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, trong đó có kháng chiến chống Minh, và hào sảng trong tác phẩm “Bình Ngô đại cáo”. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Pháp xâm lược Việt Nam. Chính sự áp bức và bóc lột tàn khốc, vô nhân đạo của chủ nghĩa thực dân đã làm cho nhân dân các nước thuộc địa hiểu rằng cần phải tiến hành cách mạng để giải phóng dân tộc, có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết, muốn sống thì phải làm cách mạng. “Người An Nam chán ngấy nền đô hộ Pháp lắm rồi. Nỗi căm hờn âm ỉ trong lòng họ và chỉ chờ có dịp là nổ bùng ra” [138, tr. 158]. Tháng 4 năm 1921, trên Tạp chí *Cộng sản* của Đảng Cộng sản Pháp, Hồ Chí Minh viết “Không: người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi. Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương... Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sục sôi, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi có thời cơ đến” [137, tr. 40]. Luận điểm này cho thấy, Hồ Chí Minh đã phê phán hai quan điểm sai lầm, *một là*, người Đông Dương đã sẵn sàng làm cách mạng, *hai là*, người Đông Dương không muốn làm cách mạng và đã bằng lòng với chế độ hiện tại. Hồ Chí Minh khẳng định, người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống và sống mãi. Sự đầu độc có hệ thống của thực dân không thể làm tê liệt tư tưởng và sức sống mãnh liệt của người Đông Dương. Trào lưu cách mạng thế giới, Cách mạng tháng Mười Nga, và phong trào cách mạng các nước đang như những luồng gió thổi đến thúc giục họ.

Trong bài viết ngày 5-2-1923, Người tiếp tục chỉ rõ “những người cộng sản đòi hỏi chấm dứt bóc lột thuộc địa, một bộ phận của bóc lột tư bản nói chung” [137, tr.167]. Nhưng mong muốn chấm dứt sự bóc lột không phải của riêng những người cộng sản, đó còn là khát vọng của đông đảo người dân Việt Nam. Mặc dù nhân dân Việt Nam “chưa được tổ chức, nhưng ai cũng chán ghét cuộc đời nô lệ, ai cũng mong muốn độc lập, tự do và đang trong tư thế một người lên tiếng vạ người ủng hộ” [139, tr. 204]. Giá trị hàng đầu ấy biến thành mục tiêu hàng đầu của sự nghiệp

cách mạng. Với tư cách là nhà lãnh đạo cao nhất, Hồ Chí Minh nhiều lần tuyên bố mục tiêu của sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam “Quyết làm cho nước non này/Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền” [139, tr. 242], “Con đường chính trị chúng ta là đánh Tây – Nhật làm cho nước ta độc lập” [139, tr. 499]. “Chúng ta phải xây dựng Việt Nam thành một nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh” [139, tr. 494], “chúng tôi đã chiến đấu và sẽ chiến đấu cho tới khi chúng tôi đạt được cái mà chúng tôi mong muốn: Độc lập dân tộc” [139, tr. 593]. Chính mục tiêu hàng đầu ấy đã cổ vũ, thôi thúc các tầng lớp nhân dân Việt Nam anh dũng đứng lên cầm vũ khí đánh giặc. Lời hiệu triệu mà Hồ Chí Minh gửi đến toàn thể quốc dân đồng bào ngày 6/6/1941 mãi vang vọng trong trái tim bao thế hệ người Việt Nam yêu nước “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đang cứu giống nòi khỏi nước sôi lửa bỏng” [139, tr. 230].

Thứ hai, Hồ Chí Minh tiếp cận từ sự thật lịch sử của dân tộc Việt Nam. Trước khi thực dân Pháp xâm lược, dưới sự trị vì của triều đình nhà Nguyễn, Việt Nam là một quốc gia phong kiến độc lập, tự chủ. Hồ Chí Minh còn trích dẫn ý kiến của ông De Pourville rằng: “Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây dựng từ lâu. [...] dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thực có tổ chức trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai” [137, tr.450-451]. Vì vậy, khi xâm lược Việt Nam, sự tồn tại của thực dân Pháp ở Việt Nam là sự tồn tại mang tính cưỡng bức và áp đặt từ bên ngoài. Chính quyền thuộc địa Pháp thiết lập ở Việt Nam là một chính quyền bất hợp pháp, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ của dân tộc Việt Nam, đi ngược với mong muốn, nguyện vọng của nhân dân Việt Nam. Phát biểu tại Đại hội Toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp ngày 26-12-1920, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh “chủ nghĩa tư bản Pháp đã vào Đông Dương từ nửa thế kỷ nay; vì lợi ích của nó, nó đã dùng lưỡi lê để chinh phục đất nước chúng tôi” [137, tr. 34].

Từ nước ngoài, Hồ Chí Minh đã viết nhiều bài báo, tác phẩm nhằm lên án chế độ thực dân Pháp nói chung và hình thức cai trị của chúng ở Đông Dương nói

riêng. Những bài viết, tác phẩm mà Người đã viết để tấn công chế độ thực dân xâm lược có thể kể đến *Tâm địa thực dân* (1919), *Bình đẳng* (1922), *Vực thẳm thuộc địa* (1923), *Công cuộc khai hoá giết người* (1924), những bài mang tiêu đề *Đông Dương* (1923-1924),... Qua những tác phẩm đó, Hồ Chí Minh đã chọc sâu vào bản chất phản dân chủ, vô nhân đạo, phi công lý của nền cai trị thực dân Pháp và dựng lên một bức tranh về chủ nghĩa thực dân, đế quốc rất nhiều vẻ mặt và kẻ nào cũng đặc trưng tiêu biểu cho sự xấu xa, tàn bạo, phi nghĩa, bất nhân của chế độ thực dân Pháp [234, tr.7].

Chỉ rõ việc tước đoạt nền độc lập của các dân tộc, Hồ Chí Minh còn cho thấy sự xâm lược của thực dân Pháp còn đe dọa đến sự tồn tại và phát triển của dân tộc Việt Nam. Khoác trên mình cái vỏ ngoài bóng bẩy, hào nhoáng, “điểm trang cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng” [137, tr. 93] nhưng trên thực tế, ở Việt Nam nói riêng và ở các nước thuộc địa nói chung, thực dân Pháp đã “thực hiện bằng cách tước đi mọi quyền độc lập của các thuộc địa” [137, tr.169]; Khi Việt Nam bị mất độc lập dân tộc, thì Việt Nam là “một dân tộc vẫn đang chịu đựng đủ mọi thứ bất công và không có bất cứ thứ quyền nào [138, tr. 34]. Ngay cả với quyền dân tộc tự quyết - quyền tự mình định đoạt những công việc thuộc về vận mệnh của dân tộc mình, thì “các ngài để đâu mất rồi” [138, tr. 36]. Hoặc nếu có tồn tại, thì cũng chỉ mang tính chất hình thức khi “quyền lợi của người An Nam được giao phó cho một Hội đồng thuộc địa [...] gồm nhiều người Pháp hơn là người An Nam, 18 uỷ viên Hội đồng là người Pháp [...] và 6 uỷ viên Hội đồng là người An Nam” [137, tr. 49]. Như vậy, 6 phiếu của người An Nam làm sao chống lại được 18 phiếu của người Pháp, vì thế chính phủ cứ việc tùy ý theo lợi ích của người Pháp, bảo vệ cho lợi ích của tư sản Pháp.

Tự nhận trọng trách, sứ mệnh là “khai hóa văn minh” nhưng cách khai hoá của thực dân Pháp cũng là “một cách khai hoá kỳ khôi” [138, tr. 36]. Vì cách khai hoá ấy đe dọa đến sự phát triển của Việt Nam và các dân tộc thuộc địa “để dạy mọi người sống cho ra sống, người ta bắt đầu bằng việc giết họ đi đã!” [138, tr. 36] và “đối với dân bản xứ, thì phải giữ họ vĩnh viễn trong ách nô lệ”. Điều ấy được thể

hiện ở việc, đội ngũ Pháp đưa sang Việt Nam để thực hiện “khai hoá”, truyền bá văn minh “trừ một vài trường hợp rất hiếm hoi, còn thì tất cả những căn bã trong các ngành chính trị, tài chính, báo chí..., mà chính quốc thải ra” [138, tr.61], “những đội quân gồm những tên lưu manh, những bọn lười biếng, những tên lọt lưới pháp luật, những tên giết người, nói tóm lại, gồm các tinh hoa của các căn bã, lượm lặt ở tất cả các nước Châu Âu”. Và theo đánh giá của Hồ Chí Minh “So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện!” [138, tr.77].

Việc thực hiện “khai hoá” của thực dân Pháp, không hướng tới mục đích mang lại lợi ích vật chất và tinh thần cho người dân bản xứ, không mang tới sự phát triển cho các dân tộc thuộc địa. Pháp “không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc” [138, tr.33], đầu độc nhân dân An Nam bằng rượu cồn và thuốc phiện. Với những số liệu cụ thể như “*Một ngàn năm trăm tỷ rượu và thuốc phiện cho một ngàn làng trong khi chỉ có mười trường học cũng chỉ bảy mươi làng*”, hay “12 triệu người bản xứ - kể cả đàn bà và trẻ con - nốc 23 đến 24 triệu lít rượu mỗi năm” [137, tr. 38], Hồ Chí Minh đã chứng minh cho sự độc ác của thực dân. Bên cạnh đó, chúng còn thi hành chính sách ngu dân triệt để, nhằm kìm kẹp người dân Việt Nam “trong ngu dốt” [137, tr. 46], “hàng ngàn trẻ em đành chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường” [138, tr. 107], trong khi đó “Nhà tù nhiều hơn trường học, lúc nào cũng mở cửa và chật ních người” [137, tr. 34]. Hồ Chí Minh đã nhận thức được nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự ra đời của chế độ thực dân nói chung và của sự xâm lược của Pháp nói riêng là vì lợi ích của giai cấp tư sản chính quốc. Hồ Chí Minh khẳng định “Ở đây cũng giống như ở châu Âu, sự khốn khổ của những người này là nguồn lợi nhuận của những kẻ khác” [138, tr. 28-29], và thực dân Pháp là những con cá mập thực dân, đã “vơ vét nguyên liệu cho các nhà máy” “vơ vét cho đầy túi [138, tr. 33]. Với sự lên án và phủ nhận chính quyền của thực dân Pháp ở Việt Nam, có thể thấy rằng, Hồ Chí Minh không chấp nhận một chính quyền phi pháp trên đất nước Việt Nam.

Thứ ba, độc lập dân tộc là chân lý, quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc. Cách mạng tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh đã viết bản

Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Mở đầu bản Tuyên ngôn của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã trích gần như trọn vẹn những lời bất hủ trong Tuyên ngôn của Mỹ và của Pháp. Cách trích dẫn như vậy cho thấy, Hồ Chí Minh bảo vệ độc lập tự chủ của dân tộc mình không chỉ dựa trên lập luận, quan điểm riêng có của cá nhân mà dựa trên những giá trị tư tưởng – văn hoá chung mà nhân loại cùng chia sẻ. Đây là cách tiếp cận, xử lý rất độc đáo, thể hiện tầm nhìn và nhân cách văn hoá của Hồ Chí Minh. *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ khẳng định: “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng” [140, tr. 1]. Bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và dân quyền* của Pháp năm 1791 cũng nhấn mạnh: “*Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi*” [140, tr. 1]. Hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của hai nước tư bản nổi tiếng đã đề cập đến giá trị phổ quát của nhân loại về quyền con người. Song trong mỗi dân tộc có nhiều cá nhân, nhưng quyền của mỗi cá nhân lại không bao hàm đầy đủ quyền của dân tộc. Cho nên, thêm một điều đặc biệt, ngay sau trích dẫn về quyền con người, Hồ Chí Minh đã viết: “Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là: Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [140, tr.1]. Điều đó, có nghĩa là từ quyền của mỗi con người, quyền của từng cá thể, Hồ Chí Minh đã khái quát thành quyền của tất cả mọi người, quyền của cộng đồng và nhìn nhận ở mức độ cao hơn và khái quát hơn, đó là quyền của tất cả các dân tộc trên thế giới. Đánh giá như Shingo Shibata đây là cống hiến nổi bật của Hồ Chí Minh. Khi tất cả mọi dân tộc đều bình đẳng thì không có dân tộc nào có quyền áp bức và chi phối dân tộc nào, khi tất cả mọi dân tộc có quyền tự do thì mọi dân tộc có quyền tự quyết định lấy vận mệnh của mình, thực hiện nền độc lập, tự chủ, mà không chịu ảnh hưởng của dân tộc khác.

Độc lập dân tộc là mục tiêu chính trị trên hết và trước hết của Hồ Chí Minh. Vậy để hướng tới hình thành Nhà nước Việt Nam độc lập, Hồ Chí Minh cho rằng nền độc lập dân tộc phải bao hàm những tiêu chí gì?

Đầu tiên, Nhà nước Việt Nam độc lập phải có nền độc lập hoàn toàn và triệt để. Điều đó, được thể hiện qua việc người An Nam có quyền dân tộc tự quyết. Ngay

từ năm 1919, trước những lời tuyên bố rộng rãi, mỹ miều của Tổng thống Mỹ Uynxon về quyền dân tộc tự quyết, thay mặt những người Việt Nam yêu nước, Hồ Chí Minh gửi tới Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, dũng cảm đòi các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam. Tuy cuộc vận động đấu tranh đòi các nước tham dự Hội nghị Vécxây ban hành một số quyền dân tộc cơ bản cho nhân dân Việt Nam không thành công, và ““chủ nghĩa Uynxon” chỉ là một trò bịp bợm lớn” [137, tr. 441] nhưng bản *Yêu sách* thực sự là một tiếng chuông thức tỉnh về quyền dân tộc, tác động sâu sắc đến chính trường ở Pháp và Việt Nam cũng như đối với các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Ngày 18-6-1919, báo Nhân đạo (L’Humanité) của Đảng Xã hội Pháp, đăng tải bản *Yêu sách* với nhan đề: “Quyền các dân tộc”. Không dừng lại tại đó, Hồ Chí Minh còn tích cực tuyên truyền về quyền dân tộc tự quyết cho người dân Việt Nam và bạn bè thế giới. Trong một tài liệu viết vào tháng 9/1925, Người chỉ rõ “Thắng lợi của cách mạng sẽ mở ra một thời kỳ dân chủ, nghĩa là tự do của anh em và quyền tự quyết của anh em”.

Một nhà nước độc lập trong tư duy chính trị của Hồ Chí Minh còn phải là nhà nước có nền độc lập thật sự, không phải là nền độc lập hình thức, giả hiệu. Nhà nước độc lập thật sự ấy trái ngược với “ché độ bảo hộ”, “ché độ ủy trị”. Vì vậy, trong *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam” [140, tr. 3]. Đặc biệt ngay sau khi tuyên bố độc lập, Hồ Chí Minh đã gửi điện, thư yêu cầu Chính phủ các nước Mỹ, Liên Xô, Trung Hoa (chính quyền Tưởng Giới Thạch), Anh công nhận Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và công nhận nền độc lập thực sự của nhân dân Việt Nam. Mặc dù, tại thời điểm đó, các quốc gia này chưa công nhận nhưng các điện thư đã khẳng định sự tồn tại của quốc gia Việt Nam độc lập, sự tồn tại của một Chính phủ Việt Nam độc lập, một nhà nước đáp ứng mong muốn, nguyện vọng của nhân dân, chấm dứt các quan hệ thực dân của Pháp trên lãnh thổ Việt Nam để xác lập lại một quan hệ mới, bình đẳng với các nước khác.

Thứ hai, Nhà nước Việt Nam độc lập phải có lãnh thổ toàn vẹn và thống nhất. “Chủ nghĩa thực dân Pháp không hề thay đổi cái châm ngôn “chia để trị” của nó. Chính vì thế mà nước An Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm sẻ bảy” [138, tr. 125].

Tiếp theo, Nhà nước Việt Nam mang tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường. Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc thuộc địa là nơi tập trung *các mâu thuẫn của thời đại*, Người thấy rõ hơn ai hết về *yêu cầu bức thiết* của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, về *sức mạnh vĩ đại của chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc*, nơi đó cách mạng có thể nổ ra và giành thắng lợi trước cách mạng ở chính quốc. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh thấy rõ tiềm năng, sức cách mạng to lớn của các nước thuộc địa khi lãnh thổ các nước thuộc địa gấp 5 lần lãnh thổ của các chính quốc, còn dân số các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa. Với nguồn lực như thế, “tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa” [137, tr. 263]. Các nước thuộc địa cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy, cung cấp nhân công rẻ mạt và là thị trường tiêu thụ hàng hoá cho tư bản, đóng vai trò quan trọng đối với phong trào cách mạng vô sản ở chính quốc và đối với sự tồn tại của chủ nghĩa đế quốc. Vì vậy, cách mạng thuộc địa nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng cần phải có sự chủ động, phải thực hiện sự nghiệp giải phóng dân tộc bằng sự nỗ lực của chính bản thân mình, phải đồng tâm, đồng sức, đồng lòng để tự giải phóng. Người không chấp nhận sự ỷ lại, trông chờ mà nêu cao tính độc lập, tự chủ “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Sau sự kiện Hội nghị hoà bình Vécxây (1919) và số phận của bản *Yêu sách tám điểm của nhân dân An Nam*, Hồ Chí Minh cùng những người yêu nước các thuộc địa từ chỗ “bị mê hoặc theo những tuyên bố rộng rãi của Uynxtơn về quyền dân tộc tự quyết” đã nhanh chóng hiểu ra rằng “Những lời tuyên bố tự do của các nhà chính trị trong lúc chiến tranh thật ra chỉ là những lời đường mật để lừa bịp các dân tộc. Và muốn giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào mình, trông cậy vào lực lượng của bản thân mình” [216, tr. 30]. Trong Tuyên ngôn của “Hội Liên hiệp thuộc địa” (1921), Người nhấn mạnh “công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em”

[138, tr. 138]. Đến tác phẩm *Đường cách mệnh* (1927), Người lại khẳng định “muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp mình đã” [138, tr. 320] và Người dự báo: Việt Nam dân tộc cách mạng thành công thì tư bản Pháp yếu; tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp cách mạng càng dễ. Năm 1945, Nhật đầu hàng Đồng minh, thời cơ cách mạng đã đến, Người kêu gọi “Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta” [139, tr. 596]. Quan niệm này của Hồ Chí Minh khác với quan niệm đã từng tồn tại trong phong trào cộng sản quốc tế, thậm chí cho đến mãi sau này, *Những luận cương về phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa* được thông qua ngày 1-9-1928 tại Đại hội VI Quốc tế Cộng sản vẫn nói rằng “Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến” [83, tr.78].

Luận điểm về khả năng giành thắng lợi của cách mạng thuộc địa trước cách mạng chính quốc của Hồ Chí Minh có ý nghĩa chỉ đạo thực tiễn đối với phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Người đã chỉ ra cho nhân dân Việt Nam thấy rằng, không nên trông chờ, ỷ lại vào cách mạng vô sản ở chính quốc. “Đó cũng chính là cơ sở của *tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường* của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng. Nhờ tinh thần đó mà cách mạng Việt Nam giành được thắng lợi vĩ đại” [56, tr. 87]. Qua đó, thấy được tính cách mạng và khoa học, sáng tạo của Hồ Chí Minh, dựa trên những luận cứ đã được người khảo sát và chứng minh.

3.1.2. Hồ Chí Minh xác định giải phóng con người - Tự do, hạnh phúc của nhân dân là mục tiêu chính trị bền vững, lâu dài của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Tư tưởng cốt lõi của Hồ Chí Minh là độc lập dân tộc, mục đích tối thượng của Hồ Chí Minh là giải phóng dân tộc. Những điều đó đều đúng, nhưng chưa đủ trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân tộc là cộng đồng của những con người cụ thể, là cộng đồng của nhân dân, và quyền lợi của dân tộc phải gắn liền và thể hiện ở quyền lợi của nhân dân, cho nên cùng với mục tiêu độc lập, tự do, Hồ Chí Minh còn đặc biệt nhấn mạnh mục tiêu hạnh phúc: “nếu

nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” [140, tr. 64]. Nếu như những bậc yêu nước tiền bối đều có chung mục đích cứu nước là giành độc lập cho dân tộc, coi đây là nhiệm vụ trước mắt và cũng là mục đích cuối cùng. Trước, trong và sau cuộc đấu tranh ấy, thân phận của người dân cơ bản vẫn không có gì thay đổi. Chế độ xã hội, hệ thống chính trị sau khi đất nước độc lập vẫn là chế độ phong kiến như trước hay chế độ tư bản kiểu Nhật Bản, kiểu Pháp hay kiểu Trung Hoa dân quốc. Đối với Hồ Chí Minh, giải phóng dân tộc để giải phóng nhân dân, đưa lại hạnh phúc cho nhân dân.

Trước hết, Giải phóng con người khỏi thân phận người dân mất nước. Mục tiêu giải phóng con người, mang lại cuộc sống tự do, hạnh phúc cho con người trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh được đặt ra, được tiếp cận toàn diện nhưng đầu tiên và trực tiếp nhất là từ thực tiễn, từ *địa vị người nô lệ mất nước* đang tìm đường giải phóng, đang đấu tranh giành lại các quyền cơ bản của toàn dân tộc và của mỗi con người. Sự giáo dục của chủ nghĩa yêu nước truyền thống, cả bằng con đường sách vở lẫn thông qua hiện thực đang diễn ra, đã làm cho Hồ Chí Minh hiểu rằng: dân tộc Việt Nam đang là một dân tộc mất quyền độc lập và nhiệm vụ của những người Việt Nam yêu nước là phải đấu tranh giành lại quyền độc lập. Nhưng quyền độc lập ấy, ở Hồ Chí Minh gắn liền với con người, với nhân dân và cuộc sống của họ. Nói cách khác, Hồ Chí Minh tư duy về vấn đề dân tộc trên cơ sở tư duy về vấn đề con người. Chính vì vậy, Trần Dân Tiên đã viết “Người thiếu niên ấy đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào” [216, tr. 12]. Và khi được biết đến những giá trị lý tưởng “Tự do – Bình đẳng – Bác ái”, Người mong muốn đi ra nước ngoài của Hồ Chí Minh cũng là vì muốn “xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta” [216, tr. 14]. Có thể nói, tại thời điểm này, quan niệm về “con người” của Hồ Chí Minh chính là “đồng bào”, “giải phóng con người” của Hồ Chí Minh chính là giải phóng đồng bào và thông qua con đường giải phóng dân tộc [99, tr. 92].

Thứ hai, giải phóng con người khỏi áp bức giai cấp

Quá trình bốn ba qua hầu hết các châu lục trên thế giới đã mở rộng tầm nhận thức của Hồ Chí Minh. Người nhận thấy, ở đâu bọn đế quốc cũng dã man, tàn bạo, ở đâu giai cấp công nhân, những người lao động cũng bị áp bức, bóc lột nặng nề, và “Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột”. Đến đây, nội hàm khái niệm “con người” đã được mở rộng, không chỉ con người Việt Nam, mà bao gồm cả “người thuộc địa”, “người Pháp nghèo”. Từ đó, mục tiêu “giải phóng con người” đã phát triển từ giải phóng con người mang thân phận người dân mất nước đến giải phóng con người mang thân phận bị áp bức. Đây là bước phát triển quan trọng trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, thể hiện sự chuyển biến nhận thức về mâu thuẫn, vấn đề giai cấp của Người. Đối với sự hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, việc xác nhận và đặt mục tiêu giải phóng con người khỏi áp bức giai cấp, đã góp phần khẳng định cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Nhân dân Việt Nam có thể liên lạc, kết hợp với giai cấp vô sản thế giới để đấu tranh, chống chủ nghĩa tư bản đế quốc, thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng con người Việt Nam, hình thành nhà nước Việt Nam độc lập. Đồng thời, đây cũng là căn cứ để Hồ Chí Minh xác định đường lối, mô hình cho nhà nước Việt Nam trong tương lai. Con đường cách mạng tư sản có thể thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc, như Mỹ và Pháp, nhưng chưa giải quyết đến nơi vấn đề con người. Do đó, Việt Nam độc lập sẽ không đi theo con đường tư bản.

Công lao của các lý luận gia tư sản là họ đã giương cao khẩu hiệu Tự do - Bình đẳng - Bác ái trong cuộc đấu tranh lật đổ chế độ phong kiến tàn bạo, lập nên chế độ cộng hòa, nâng quyền con người lên thành các nguyên tắc pháp lý, coi đó là những quyền tự nhiên, thiêng liêng mà pháp luật phải bảo vệ. Nhưng xuất phát từ lợi ích giai cấp, giai cấp tư sản cầm quyền đã tuyệt đối hóa vai trò của tự do cá nhân, của quyền tư hữu “thiên liêng bất khả xâm phạm”, nhấn mạnh cực đoan, một chiều yếu tố cá nhân, đi tới đối lập cá nhân với cộng đồng, tách rời quyền của mỗi con người với quyền của tập thể, xã hội và dân tộc. Đối với Hồ Chí Minh, Người đặt ra mục tiêu giải phóng con người trong tính chỉnh thể, toàn

diện, không thể chia cắt; giữa thực hiện tự do của cá nhân với tự do của toàn dân tộc. Trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, Hồ Chí Minh đã khéo léo dùng “gậy ông đập lưng ông”, nghĩa là lợi dụng các nguyên tắc pháp lý tư sản, các khái niệm về quyền tự nhiên, quyền con người, quyền công dân,... để đòi các quyền tự do, dân chủ, quyền đấu tranh chống áp bức của người bản xứ. Trong bài “Ông Anbe Xarô và bản Tuyên ngôn nhân quyền”, Hồ Chí Minh đã trích lại một câu trong bản Tuyên ngôn nhân quyền của Pháp: “Người ta sinh ra và mãi mãi tự do và bình đẳng về quyền. Các quyền ấy là: tự do, tư hữu, an ninh và chống áp bức”. Từ câu trích đó, Người đã phát triển thành quyền đấu tranh chống áp bức của các dân tộc thuộc địa: “Tự do, chống áp bức, đó là những điều mà ngài bộ trưởng muốn làm cho “những người anh em da màu của ngài” hiểu...”. Theo cách lập luận đó, Người đi tới kêu gọi “Chúng ta, những người con của các thuộc địa, chúng ta sẽ là những tên thật hèn nhát, nếu chúng ta không nhất tề đáp ứng lời kêu gọi của “ông anh cả của chúng ta”, “nghĩa là phải tổ chức nhau lại và đấu tranh để giành lấy các quyền đó, như người Pháp từng làm hồi 1789 và như giai cấp vô sản cách mạng ngày nay đang làm” .

Dưới chế độ thực dân, những quyền được coi là “tự nhiên” đó - nghĩa là sinh ra làm con người ai cũng phải được hưởng - lại không được áp dụng cho người dân thuộc địa. Là những người dân mất nước, họ bị chủ nghĩa thực dân tước đi cái quyền làm người, chỉ coi họ “như những kẻ ô-lô malô-tô mà thôi”. Hồ Chí Minh đã lớn tiếng tố cáo chế độ thực dân “Chưa có bao giờ ở một thời đại nào, ở một nước nào, người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách độc ác trơ tráo đến thế”. Trên cơ sở những quan điểm về quyền tự nhiên của con người, Hồ Chí Minh đã đấu tranh để giải phóng con người, thực hiện quyền làm người của các dân tộc nô lệ, bị áp bức, đó là quyền được sống trong độc lập, tự do, được pháp luật bảo vệ, được hưởng mọi phúc lợi về kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục...

Thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, Hồ Chí Minh đã gửi đến Hội nghị Vécxây bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*. Nội dung bản *Yêu sách* đã chỉ ra “cuộc đấu tranh của Văn minh chống Dã man”. Đặc biệt có tám yêu sách,

phản ánh những quyền cơ bản của con người: “1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị; 2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu; *xóa bỏ hoàn toàn* các tòa án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam; 3. Tự do *báo chí* và tự do *ngôn luận*; 4. Tự do *lập hội* và *hội họp*; 5. Tự do *cư trú ở nước ngoài* và tự do xuất dương; 6. Tự do *học tập*, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ; 7. Thay *chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*; 8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ” [137, tr.469-470]. Đây là tiếng nói chính nghĩa, chính thức đầu tiên của Hồ Chí Minh trên diễn đàn quốc tế, đấu tranh đòi quyền bình đẳng giữa người Pháp và người Việt Nam và những quyền cơ bản khác của con người. Dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười, nhận thức này của Hồ Chí Minh rõ ràng xuất phát từ yêu cầu của nhân dân Việt Nam, một khát vọng cháy bỏng và chính đáng từ lúc thực dân Pháp đặt ách cai trị lên đất nước. Bản yêu sách cấm cột mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, giải phóng con người. Đây chính là một trong những cơ sở vững chắc để một thời gian không lâu sau đó, khi được ánh sáng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin soi sáng, Người có những nhận thức đầy đủ, rộng mở hơn về quyền con người cũng như việc bảo vệ nhân quyền.

Giai đoạn 1919-1930, Hồ Chí Minh đã viết hàng trăm bài viết, trong đó chủ yếu liên quan tới việc tố cáo tội ác thực dân, tội ác của chủ nghĩa quân phiệt, khẳng định và bảo vệ những quyền cơ bản của con người. Bài viết sớm nhất của Hồ Chí Minh với tiêu đề *Tâm địa thực dân* (1919); hàng loạt bài trên báo Le Paria (Người cùng khổ) (1922), tập bài viết về Đông Dương (1923-1924), tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* năm 1925,... Đến khi Đảng ra đời, với chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” thì Hồ Chí Minh đã “ghi” trên lá cờ của Đảng, tức là khẳng định trong Cương lĩnh đầu tiên một số

vấn đề liên quan tới quyền con người: “a) Dân chúng được tự do tổ chức. b) Nam nữ bình quyền, v.v. c) Phổ thông giáo dục theo công nông hoá” [139, tr.1]. Sau khi về nước (28-1-1941), Hồ Chí Minh đã thí điểm lập Mặt trận Việt Minh ở Cao Bằng. Khi chủ trì Hội nghị lần thứ tám Đảng Cộng sản Đông Dương (5-1941), theo sáng kiến của Người, Hội nghị đã quyết định thành lập *Việt Nam độc lập đồng minh* (gọi tắt là *Việt Minh*). Với các nội dung *chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục, đối với các tầng lớp nhân dân, xã hội ngoại giao*, có thể coi *Chương trình Việt Minh* là một trong những Tuyên ngôn về quyền con người sớm nhất thế giới theo tinh thần cách mạng, khoa học và nhân văn cao cả. Đọc lại *Tuyên ngôn độc lập* của Hồ Chí Minh và đối chiếu với *Tuyên ngôn về quyền con người* của Liên hợp quốc ra sau đón hơn ba năm (10-12-1948), có thể thấy tất cả các quyền và tất cả tự do được tuyên bố trong Tuyên ngôn của Liên hợp quốc vẫn không vượt ra được những nội dung cơ bản mà Hồ Chí Minh đã nêu. Nếu kể đến cả những nội dung trong Hiến pháp 1946 và 1959 do Hồ Chí Minh dự thảo, có thể khẳng định mục tiêu giải phóng con người, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người đã phát triển tới một đỉnh cao, phản ánh sự hoàn thiện của một tư duy về những quyền cơ bản của con người. Và những nội dung đó trong tư tưởng Hồ Chí Minh không đóng khung trong phạm vi dân tộc mà còn có ý nghĩa quốc tế sâu sắc.

Như vậy, nghiên cứu tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, có thể thấy, giải phóng con người là mục tiêu triệt để, lâu dài của Người. Đặt trong mối quan hệ với mục tiêu giải phóng dân tộc, thì việc xác lập nhà nước độc lập là cơ sở đầu tiên để giải phóng con người, nhưng lựa chọn mô hình cùng với định hình đường lối phát triển cho nhà nước ấy lại là điều kiện để giải phóng con người một cách thực chất và bền vững.

3.2. Hồ Chí Minh định hình đường lối chính trị cho nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

3.2.1. Lựa chọn con đường cách mạng vô sản để thiết lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Lần đầu tiên, Hồ Chí Minh nêu ra khái niệm “cách mạng” vào năm 1925. Trong *Thư gửi ông H* năm 1925, khi so sánh với các khái niệm “tiến hoá”, “cải

cách”, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ cách mạng là “đem một chế độ mới thay hẳn cho một chế độ cũ”. Theo Người, nếu tiến hoá chỉ những biến đổi diễn ra liên tiếp, có tính chất hoà bình thì cải cách thể hiện những thay đổi trong thể chế một nước và có thể kèm theo bạo lực. Điểm khác biệt cốt lõi giữa tiến hoá, cải cách và cách mạng đó là sau những cải cách, vẫn còn tồn tại một cái gì đấy của hình thức ban đầu, còn cách mạng là sự thay thế một cách hoàn toàn, cái mới ra đời, thay hẳn cho cái cũ, ở một trình độ phát triển cao hơn về chất. Cũng trong tác phẩm này, Hồ Chí Minh đã thể hiện khái niệm “cách mạng” từ hai cấp độ - nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Cách mạng hiểu theo nghĩa rộng là bao gồm tất cả những biến đổi, thay đổi, phát triển về chất diễn ra ở mọi sự vật, hiện tượng của thế giới ví dụ như “vạn vật học cách mệnh”, hay “kinh tế học cách mệnh”. Còn cách mạng hiểu theo nghĩa hẹp là cách mạng diễn ra trong lĩnh vực chính trị, ở đó, chính phủ là đối tượng của cách mạng và dẫn đến sự thay đổi chế độ, chế độ xã hội mới tiến bộ hơn, phát triển hơn thay thế cho chế độ xã hội cũ lỗi thời, lạc hậu.

Khái niệm “cách mạng” tiếp tục được Hồ Chí Minh phân tích trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, “Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt” [138, tr.284]. Và theo Người, các cuộc cách mạng của dân chúng trên thế giới có thể chia thành 3 loại, đó là tư bản cách mệnh, dân tộc cách mệnh và giai cấp cách mệnh. Tư bản cách mệnh như Pháp cách mệnh năm 1789, Mỹ cách mệnh độc lập năm 1776 (đuổi Anh), Nhật cách mệnh năm 1864; dân tộc cách mệnh như Ytali đuổi cường quyền Áo năm 1859, Tàu đuổi Mãn Thanh năm 1911; giai cấp cách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền năm 1917.

Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh nêu trong *Chính cương vắn tắt* thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (2-1930) là “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập, “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [36, tr. 2].

Cách mạng tư sản là cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo, có mục tiêu, nhiệm vụ đập tan nhà nước quân chủ phong kiến, lập nên nhà nước dân chủ tư sản, do giai cấp tư sản cầm quyền. Cách mạng tư sản dân quyền (hay cách mạng tư

sản kiểu mới) là cuộc cách mạng tư sản có mục tiêu là đánh đổ chế độ quân chủ, lập nên chế độ dân chủ, nhưng do giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó – Đảng Cộng sản lãnh đạo. Cuộc cách mạng đó khi thành công, đánh đổ nhà nước phong kiến quân chủ, sẽ không lập nên nhà nước tư sản, xây dựng chế độ tư bản, mà lập nên nhà nước dân chủ cộng hòa, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, đi lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (hay cách mạng tư sản dân quyền, cách mạng tư sản kiểu mới) là cuộc cách mạng mang tính khách quan, tất yếu của xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, không dừng lại ở cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, *Điều lệ tóm tắt của Đảng* ghi rõ “...làm cách mạng giải phóng làm cho hoàn toàn độc lập, đặt hoàn thành những trách nhiệm của cách mạng tư sản dân quyền, tiến tới cách mạng vô sản thực hiện xã hội chủ nghĩa, bước đầu của cộng sản chủ nghĩa” [37, tr. 137].

Hồ Chí Minh lựa chọn con đường cách mạng vô sản dựa trên sự khảo cứu của các con đường cách mạng trong và ngoài nước

Thứ nhất, Hồ Chí Minh rút kinh nghiệm từ con đường cứu nước của các vị yêu nước tiền bối và xác định đúng đắn kẻ thù của dân tộc Việt Nam. Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, triều đình nhà Nguyễn cũng như các nhà yêu nước Việt Nam, với phương pháp tư duy dựa trên những quan điểm của hệ tư tưởng Nho giáo, đã coi đó là cuộc xâm lược của một dân tộc với một dân tộc, của một nước mạnh với một nước yếu, tức là về bản chất, nó không khác gì cuộc xâm lược mà các triều đại phong kiến Trung Quốc đã từng gây ra với Việt Nam trong lịch sử. Hệ quả là những người lãnh đạo đã không nhận thức đúng bản chất của cuộc xâm lược, không xác định đúng được kẻ thù cũng như điểm mạnh và điểm yếu của kẻ thù. Ngay cả sau này, những nhà trí thức yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,... tuy đã tiếp xúc với hệ tư tưởng tư sản (và cả chủ nghĩa Mác - như trường hợp của Phan Bội Châu), nhưng về thực chất vẫn chưa bao giờ thoát khỏi lối tư duy cũ. Các ông vẫn đồng nhất thực dân Pháp với dân tộc Pháp nói chung và cuộc chiến đấu giữa kẻ đi xâm lược và người tự vệ suy cho cùng vẫn là cuộc đấu tranh chủng tộc. Các ông không nhận thức được rằng, trong mối quan hệ với toàn thể dân tộc Việt Nam, thực

dân Pháp là kẻ áp bức dân tộc, còn trong mối quan hệ với các giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động Việt Nam, thực dân Pháp là kẻ áp bức giai cấp. Áp bức giai cấp là bản chất của áp bức dân tộc trong thời đại tư bản tài chính và chủ nghĩa đế quốc. Sức mạnh mà thực dân Pháp sử dụng để áp bức và thống trị Việt Nam không phải chỉ là sức mạnh của một nước tư bản ở trình độ phát triển cao, mà còn là sức mạnh của cả khối liên minh của giai cấp tư sản trên phạm vi toàn thế giới. Hồ Chí Minh là người đại diện cho thế hệ các nhà cách mạng mới của Việt Nam, đã tiếp thu và vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận mác xít vào phân tích tình hình Việt Nam nói riêng, tình hình thuộc địa nói chung, coi đó là những cơ sở lý luận quan trọng trong việc xây dựng lý luận về con đường cách mạng Việt Nam.

Thứ hai, Hồ Chí Minh nhận thức rõ tính chất chưa đến nơi của các cuộc cách mạng tư sản. Cách mạng tư sản Mỹ (1776) là cuộc đấu tranh giành độc lập của 13 bang thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ. Sự thắng lợi của cách mạng Mỹ cùng với bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ là những lời khẳng định đầy thuyết phục về quyền con người và quyền dân tộc. “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” [140, tr.1]. Tác giả Thomas Jefferson cũng đã khẳng định: các nước thuộc địa phải có quyền là Quốc gia Tự do và Độc lập; và từ việc xóa bỏ quyền thống trị của thực dân Anh, cuộc đấu tranh bảo vệ nền tự do và độc lập của các bang thuộc địa ở Bắc Mỹ là hướng tới để bảo vệ quyền tự nhiên của con người. Về mặt lý luận, những tuyên bố trên của *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ là tương đồng với mục tiêu chính trị nhất quán và xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, đó là giải phóng dân tộc, mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Tuy nhiên, bằng tình cảm chân thành và trí tuệ mẫn tiệp, trong thời gian hoạt động ở Mỹ (1912-1913), Hồ Chí Minh đã tận mắt chứng kiến tính chất “chưa đến nơi” của cuộc cách mạng này. Bởi lẽ, đằng sau những từ hoa mỹ về “quyền được sống”, “quyền tự do”, “quyền mưu cầu hạnh phúc” là sự bất bình đẳng, nô dịch và nghèo đói của hàng triệu người lao động, là sự vi phạm nhân quyền của người da đen cùng nạn phân biệt chủng tộc sâu

sắc. Người cũng phát hiện ra nghịch lý giữa tuyên bố và hành động thực tiễn, khi cách mạng Mỹ tuyên bố “Hễ Chính phủ nào mà có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đập đổ Chính phủ ấy đi, và gây lên Chính phủ khác” [138, tr. 291], nhưng trên thực tế, “Chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến cách mệnh, ai đụng đến Chính phủ” [138, tr. 291]. *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ tuy phản ánh quyền lực tối cao của nhân dân trong việc xây dựng chính quyền nhà nước, nhưng nhà nước Mỹ lại rơi vào tay một bọn ít người (bóc lột, ăn bám). Chính vì vậy, “Mỹ tuy rằng cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai” [138, tr. 291]. Như vậy, mang trong mình những tư tưởng về dân chủ và nhân quyền, thể hiện sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc thuộc địa và mong muốn giải phóng con người, nhưng Cách mạng Mỹ vẫn tồn tại những hạn chế, khuyết điểm của cuộc cách mạng dân chủ tư sản. Do đó, mô hình cách mạng Mỹ không phải là mô hình Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam mong muốn, lựa chọn “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc” [138, tr. 292].

Bên cạnh nghiên cứu Cách mạng Mỹ, Hồ Chí Minh cũng nghiên cứu cách mạng Pháp và bản *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Pháp. Cách mạng Pháp là cuộc cách mạng mở đầu cho kỷ nguyên tư bản chủ nghĩa trong lịch sử nhân loại [190, tr.19-25], là cuộc cách mạng điển hình trên thế giới thay thế nền quân chủ chuyên chế bằng nền cộng hòa dân chủ, tước bỏ quyền tối thượng của nhà vua, thay vào đó là quyền tối thượng của đại chúng nhân dân. Tuy nhiên, do trực tiếp sinh sống và tham gia vào các hoạt động chính trị - xã hội ở Pháp trong một thời gian khá dài, tận mắt chứng kiến đời sống của người lao động chính quốc và mang trong mình nỗi đau của người dân nô lệ dưới ách thống trị của Pháp, nên Hồ Chí Minh cũng đã nhận thức được những hạn chế của cách mạng Pháp, để khẳng định rằng “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi.... Cách mệnh An Nam nên nhớ những điều ấy” [138, tr. 296].

Những hạn chế của cách mạng Pháp, cách mạng Mỹ là những hạn chế cơ bản, có tính chất chung của các cuộc cách mạng tư sản, bởi bản chất của chủ nghĩa tư bản, là sự thay thế hình thức bóc lột, từ bóc lột nông nô - phong kiến sang bóc lột công nhân. Với việc phát triển mạnh mẽ, một số nước tư bản đã chuyển sang hàng ngũ đế quốc, thực dân, và đi xâm lược các quốc gia chậm phát triển khác, để áp bức bóc lột nặng nề cả nhân dân các nước thuộc địa. Do đó, là quê hương của các tư tưởng dân chủ, dân quyền, nhưng chính chủ nghĩa đế quốc thực dân ở các nước này lại đi ngược lại với tư tưởng, khát vọng về nhân đạo và bảo vệ quyền con người, quyền dân tộc.

Thứ ba, sự thành công của cách mạng Tháng Mười Nga. Năm 1917 Cách mạng Tháng Mười Nga thành công. Đối với nước Nga, đó là cuộc cách mạng vô sản, nhưng đối với các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga thì đó còn là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bởi vì trước cách mạng, “nước Nga là nhà tù của các dân tộc”. Nhờ cuộc cách mạng vô sản ở nước Nga thành công mà các dân tộc thuộc địa của đế quốc Nga được giải phóng, được hưởng quyền dân tộc tự quyết, kể cả quyền phân lập, hình thành nên các quốc gia độc lập (như Phần Lan, Ba Lan) và quyền liên hợp, dẫn đến sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết (1922). Cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng về sự giải phóng dân tộc bị áp bức, đã “mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc” [144, tr. 562]. Tiếp thu *Luận cương*, đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã đáp ứng được mặt yêu cầu của cách mạng Việt Nam - tìm ra một học thuyết đóng vai trò nền tảng tư tưởng, công cụ nhận thức để nghiên cứu và lý giải những vấn đề của đời sống xã hội hiện thực. Đó là ý nghĩa về lâu dài. Trực tiếp nhất, việc Hồ Chí Minh gặp gỡ *Luận cương* đã đưa Người đến với sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản cho cách mạng Việt Nam.

3.2.2. Định hướng phát triển độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Cách mạng trước hết là sự thay thế, xóa bỏ cái cũ. Cái cũ về mặt hình thức là cách thức tổ chức xã hội dưới chế độ thực dân và về mặt nội dung thì là quan hệ áp bức dân tộc, giai cấp và con người. Nhưng cách mạng không phải chỉ được xét trên

phương diện xóa bỏ cái gì, mà còn cần được xét trên phương diện nó sáng tạo ra cái gì; không phải chỉ là ở chỗ nó thay thế cái gì, mà còn là ở chỗ nó thay thế bằng cái gì. Sau khi xóa bỏ sự tồn tại của chế độ thực dân, một chế độ xã hội mới sẽ được thiết lập, trong đó, quyền, không phải chỉ là quyền chính trị mà là mọi loại quyền có thể đem lại cho nhân dân hạnh phúc, sẽ được trao lại cho nhân dân. Đó là chế độ dân chủ đối lập với chế độ thực dân đã tạo ra vốn chỉ là tình trạng “vô quyền phổ biến” và cuộc sống nô lệ của nhân dân. Đó là mục tiêu trực tiếp của cách mạng Việt Nam, là một bước trên con đường thực hiện mục tiêu tổng quát là xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa ở Việt Nam.

Trên cơ sở quan điểm về tính chất của cách mạng Việt Nam, trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, Hồ Chí Minh đã khái quát mục tiêu và vạch rõ lộ trình chung của con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam là “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Như vậy, đến đây Hồ Chí Minh đã xác định: cuộc cách mạng mà nhân dân Việt Nam cần phải thực hiện là một cuộc cách mạng triệt để, trải qua ba vòng khâu “tư sản dân quyền cách mạng” thực hiện giải phóng dân tộc; 2. “thổ địa cách mạng” – thực hiện các quyền dân chủ cho nhân dân, trước hết là dân chủ về kinh tế cho đại đa số nhân dân Việt Nam là nông dân, xây dựng chế độ dân chủ mới để 3. “đi tới xã hội cộng sản”. Điều cần lưu ý là nếu như cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng dân chủ là những vòng khâu trên con đường đi tới chế độ cộng sản thì những giai đoạn ấy vẫn nằm trong phạm trù con đường cách mạng vô sản, hay nói cách khác, nó mang tính chất của cách mạng vô sản giải quyết nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nhiệm vụ thực hiện các quyền dân chủ. Do vậy, nó không giới hạn ở mục tiêu giải phóng dân tộc và mục tiêu dân chủ, mà còn chứa đựng tính tất yếu phát triển thành cuộc cách mạng giải phóng triệt để giai cấp và con người, tức là thực hiện mục tiêu cộng sản. Ở giai đoạn những năm 1920-1930, lộ trình chung của cách mạng Việt Nam đã được Hồ Chí Minh xác lập, và cùng với sự phát triển của thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục khẳng định và bổ sung, chi tiết hóa lộ trình chung này.

Cần nhấn mạnh quan điểm của Hồ Chí Minh cho rằng, trong vòng khâu đầu tiên, cách mạng Việt Nam trước hết phải là cách mạng giải phóng dân tộc. Trong cuộc cách mạng ấy bao hàm cả tính chất giải phóng dân tộc và giải phóng con người (thực dân Pháp vừa là kẻ bức dân tộc, vừa là kẻ áp bức giai cấp, do áp bức dân tộc mà sinh ra áp bức giai cấp; chế độ thực dân là chế độ nô dịch con người), song tính chất bao trùm là giải phóng dân tộc. Quan điểm này thể hiện một tư tưởng nhất quán của Hồ Chí Minh khi cho rằng, chỉ khi nào “nước đã được độc lập”, thì tất cả những mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng con người mới có điều kiện để thực hiện một cách triệt để. Chính vì thế, trong thư *Kính cáo đồng bào* (6-6-1941), Hồ Chí Minh viết “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa bỏng” [139, tr.230]. Dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh, Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã khẳng định “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi lại được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”. Như vậy, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, chính hiện thực xã hội Việt Nam đã quy định cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Giải phóng dân tộc là một vòng khâu tất yếu trên con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam, là một vòng khâu tất yếu để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

Lênin đã từng chỉ rõ “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội” [112, tr. 160]. Có 3 kiểu quá độ các nước đi lên chủ nghĩa xã hội có thể trải qua. Một là, quá độ từ chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao đi lên chủ nghĩa xã hội. Mác và Ăngghen đã dự đoán kiểu quá độ này trong *Phê phán Cương lĩnh Gôta*.

Cho đến nay, lịch sử chưa diễn ra trường hợp nào về kiểu quá độ như thế. Đây là kiểu quá độ từ chủ nghĩa tư bản tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không qua những bước quá độ đặc biệt cần thiết. Hai là, quá độ từ chủ nghĩa tư bản phát triển trung bình hoặc thấp lên chủ nghĩa xã hội. Kiểu quá độ này diễn ra ở Liên Xô và một số nước Đông Âu. Có một số mô hình về kiểu quá độ này, nhưng đã thất bại và cho đến nay đã sụp đổ và tan rã. Ba là, quá độ từ một xã hội thuộc địa, nửa phong kiến bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa Mác - Lênin mới đưa ra dự báo này và sự chỉ dẫn còn quá ít ỏi, kinh nghiệm thực tiễn hầu như chưa có gì, nói chung còn đang trong quá trình tìm tòi, khai phá. Thành công chưa có nhiều, nhưng khó khăn, vấp vấp cũng không ít. Hai kiểu quá độ sau thuộc về *kiểu quá độ gián tiếp*.

Trung thành với tư tưởng của Lênin, ngay từ đầu năm 1930, trong *Cương lĩnh đầu tiên* của Đảng do Hồ Chí Minh khởi thảo và được Hội nghị hợp nhất thông qua, đã ghi rõ mục tiêu của cách mạng Việt Nam là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Như thế, ngay từ khi mới thành lập Đảng, sự lựa chọn con đường phát triển của cách mạng Việt Nam đã rất rõ ràng, dứt khoát. Không phải đến năm 1954, sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, ta mới bắt đầu lựa chọn con đường đi của cách mạng nước ta. Cũng không phải với bước ngoặt lịch sử năm 1975, cả nước thống nhất, mới đặt nhân dân ta trước sự lựa chọn con đường tiến lên của mình, mà con đường ấy đã được vạch ra và xác định từ năm 1930.

Trong bài viết *Phong trào cộng sản quốc tế - Đông Dương* vào tháng 5/1921, Hồ Chí Minh đã luận giải khả năng áp dụng chủ nghĩa cộng sản ở Đông Dương, và đưa ra một kết luận rõ ràng rằng “chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu” [137, tr. 47]. Cụ thể, Hồ Chí Minh đã đặt câu hỏi “Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không?” [137, tr. 45]. Để trả lời câu hỏi trên, Hồ Chí Minh đã “xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu” [137, tr. 47]. Đó là bản thân người châu Á nói chung, người Việt Nam nói riêng luôn “hiểu rõ hơn hết sự cần thiết phải cải cách toàn bộ xã hội hiện tại” [137, tr. 47]. Chính nhận thức đó đã thúc đẩy người Việt luôn đấu tranh chinh phục tự nhiên, cải tạo xã

hội, chống lại các lực lượng ngoại xâm, hướng tới xây dựng một thế giới đại đồng, xã hội đại đồng. Nói cách khác, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là chế độ xã hội phản ánh và đáp ứng được nhu cầu, khát vọng của quần chúng nhân dân, vì thế, sẽ được quần chúng nhân dân chấp nhận. Bên cạnh đó, chế độ công hữu về tư liệu sản xuất có nhiều nét tương đồng với việc sở hữu chung ruộng đất của người dân Việt Nam “một phần tư ruộng đất trồng trọt bắt buộc phải để làm của chung. Cứ ba năm người ta chia lại ruộng đất đó. Mỗi người dân trong xã thôn được nhận một phần. Điều đó không hề ngăn cản một số người trở nên giàu có, vì còn ba phần tư đất đai khác có thể mua bán, nhưng nó có thể cứu nhiều người khác khỏi cảnh bần cùng” [137, tr. 48]. Như vậy, qua những lý do lịch sử mà Hồ Chí Minh nêu ra, có thể thấy quan điểm của Người, đó là lý luận cộng sản chủ nghĩa có thể “thâm nhập” vào Việt Nam, chủ nghĩa cộng sản có thể “áp dụng” được ở Việt Nam. Và Hồ Chí Minh tư duy về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam trên cơ sở quan điểm thực tiễn, phản ánh và hiện thực hoá những nhu cầu, khát vọng của nhân dân, phản ánh và hiện thực hoá những mầm mống của xã hội tương lai, vốn đã và đang tồn tại, phát triển trong hiện thực xã hội, khẳng định về một thành quả sáng tạo do nhân dân lao động tự xây dựng lấy, chứ không phải là đem một khung lý luận có sẵn để áp dụng vào hiện thực xã hội Việt Nam [99, tr. 120].

Tóm lại, lựa chọn con đường cách mạng vô sản, Hồ Chí Minh đã lựa chọn chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản làm định hướng phát triển cho cách mạng Việt Nam. Điều đó cũng có nghĩa là, ngay từ rất sớm, những suy tư của Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc đã gắn liền với những suy tư về con đường phát triển đất nước, về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Hồ Chí Minh tồn tại và phát triển. *Giải phóng dân tộc để tồn tại và xã hội chủ nghĩa để phát triển: Tồn tại và phát triển*

3.3. Hồ Chí Minh xác định chủ thể quyền lực chính trị của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

3.3.1. Lực lượng cách mạng hình thành nhà nước

Với nhãn quan chính trị sắc bén, Hồ Chí Minh đã phân tích tính chất xã hội thuộc địa, chỉ ra mâu thuẫn chủ yếu của dân tộc thuộc địa nói chung và của Việt

Nam nói riêng là mâu thuẫn dân tộc. Từ đó, Người đánh giá về tình hình các giai cấp, tầng lớp trong xã hội cùng thái độ chính trị của họ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ: “*Triều đình và quan chức lệ thuộc tuyệt đối vào chính quyền Pháp. Họ bị chủ Pháp của họ khinh bỉ và nhân dân An Nam ghét. Thiếu số các nhà Nho hay là các nhà trí thức là các nhà cách mạng dân tộc chủ nghĩa. Chính họ đã kích động mọi cuộc nổi dậy trong quá khứ. Công nhân có thể là 2% trong dân số, không được học hành, không được tổ chức. Do vậy, họ không có một lực lượng chính trị nào. Tiểu tư sản không nhiều, là một phần tử bấp bênh. Nó chịu sự chi phối bởi nhiều thứ triết lý, như là nó hướng vào phong trào dân tộc rất vội vã. Nó nhút nhát. Quần chúng nông dân bị bóc lột nhất và cùng khổ nhất, rất yêu nước*” [137, tr.221]. Căn cứ vào lực lượng, thái độ chính trị, Hồ Chí Minh đã xác định lực lượng cách mạng theo ba cấp độ, đó là lực lượng tiến hành cách mạng là toàn thể nhân dân Việt Nam, lực lượng nòng cốt của cách mạng là liên minh giai cấp công nhân – nông dân, và lực lượng lãnh đạo cách mạng là giai cấp vô sản.

Trước hết, lực lượng tiến hành cách mạng là toàn thể nhân dân Việt Nam. Đây là cấp độ rộng nhất, bao trùm nhất, bởi theo Hồ Chí Minh “cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người” [138, tr. 283]. Hơn nữa, cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc, đã là “dân tộc cách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống lại cường quyền” [138, tr. 287], Hồ Chí Minh chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp, giai cấp để phụng sự sự nghiệp giải phóng dân tộc giành độc lập, tự do. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, khi xác định “những người cách mệnh”, Người chỉ rõ: “học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông; 3 hạng ấy chỉ là bầu bạn cách mệnh của công nông thôi” [138, tr. 288]. Cụ thể:

Tầng lớp trí thức, tiểu tư sản là những yếu tố góp phần đưa đến tình thế trực tiếp cách mạng. Tầng lớp này phát triển cùng với quá trình khai thác của thực dân Pháp. Với những yếu tố tích cực như “có đầu óc dân tộc và đầu óc cách mạng” [143, tr. 34], họ nhanh chóng nổi bật lên, đem lại những nét mới cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở những thập kỷ đầu thế kỷ. Đến khi thành lập Đảng Cộng sản

Việt Nam, Hồ Chí Minh xếp tiểu tư sản trí thức vào hàng ngũ lực lượng cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo, đồng minh gần gũi của công nhân và nông dân “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông [...] để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp” [139, tr. 3]. Trên thực tế, lớp chiến sĩ đầu tiên đi theo xu hướng cách mạng vô sản ở Việt Nam phần lớn xuất thân từ tiểu tư sản trí thức, và sự có mặt, vai trò ngày càng tích cực của đội ngũ trí thức, nhân sĩ yêu nước trong hàng ngũ cách mạng đã góp phần vào thắng lợi chung trong mỗi chặng đường cách mạng của dân tộc, trong đó có sự hình thành của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Đối với tầng lớp tư sản dân tộc, Hồ Chí Minh có cách nhìn nhận cụ thể. Theo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, giai cấp tư sản là đối tượng của cách mạng vô sản. Song trong cách mạng giải phóng dân tộc do giai cấp vô sản lãnh đạo ở các nước thuộc địa, tư sản bản xứ lại không phải là đối tượng của cách mạng. Trong những năm 20, Hồ Chí Minh đã có những nhận xét đúng mức đối với hoạt động của các phong trào yêu nước, dân chủ do giai cấp tư sản lãnh đạo ở một số nước phương Đông (Ấn Độ, Ai Cập,...). Người cũng đánh giá cao những tư tưởng cách mạng của Tôn Trung Sơn, đại diện xuất sắc của giai cấp tư sản dân tộc và phong trào cách mạng dân chủ tư sản ở Trung Quốc. Đối với Việt Nam, giai cấp tư sản dân tộc hình thành muộn, với lực lượng nhỏ bé. Họ có tinh thần chống đế quốc phong kiến nhưng chỉ đấu tranh trong giới hạn. Họ cũng thiếu khả năng tổ chức với đường lối chính trị rõ ràng. Vì vậy, Đảng cần “tập hợp hoặc lôi kéo phú nông, tư sản và tư sản bậc trung” hoặc khả năng thấp hơn là trung lập họ. Trong thời kỳ 1936-1939, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng “phải ra sức tổ chức mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi, [...] không những chỉ có nhân dân lao động mà gồm cả giai cấp tư sản dân tộc”. Khi yêu cầu giải phóng dân tộc trở nên cấp thiết, Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941 do Hồ Chí Minh chủ trì đã phân tích thái độ của từng giai cấp để sắp xếp lực lượng cách mạng, chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền, Hội nghị xác định tư sản dân tộc đứng trong lực lượng hậu bị quân cứu cách mạng.

Với Hồ Chí Minh, một bộ phận của giai cấp địa chủ phong kiến cũng có chỗ đứng trong lực lượng cách mạng của dân tộc. Mặc dù, về phương diện lý luận, giai cấp địa chủ phong kiến là đối tượng của cách mạng và không còn vai trò tích cực

với lịch sử. Nhưng căn cứ vào đặc điểm thực tế của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã phân biệt rõ ràng đặc điểm và thái độ của từng bộ phận trong giai cấp này, nhằm triệt để phân hoá, khai thác những bộ phận còn có yếu tố tích cực để lôi kéo họ về phía hàng ngũ cách mạng. Người chỉ loại trừ bộ phận đại địa chủ phong kiến mà quyền lợi hoàn toàn gắn với đế quốc, đứng hăng về phía phản cách mạng. Còn những bộ phận còn lại, dù là đại địa chủ phong kiến, nhưng thái độ “lung chùng” vẫn được Hồ Chí Minh chủ trương lôi kéo về với khối đại đoàn kết dân tộc.

Bên cạnh đoàn kết các tầng lớp, giai cấp, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh còn động viên, đoàn kết các tôn giáo, đảng phái, đoàn thể, lứa tuổi, giới tính,... Đánh giá về vai trò của chị em phụ nữ, Người chỉ rõ: “Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc cách mệnh được nhiều” [136, tr. 297]. Trong bài *Bà Trưng Trắc*, đăng trên báo *Thanh niên*, số 73 (ngày 12-12-1926), sau khi nêu tấm gương dũng cảm của hai Bà Trưng, Hồ Chí Minh đã kêu gọi: “Như buổi ấy là buổi phong kiến mà đàn bà, con gái còn biết K.m (cách mạng – tác giả). Huống chi bây giờ hai chữ “nữ quyền” đã rầm rầm khắp thế giới, chị em ta lại gặp cảnh nước suy vi, nỡ lòng nào ngồi yên được! Chị em ơi! Mau mau đoàn kết lại!” [138, tr. 520-521]. Theo Hồ Chí Minh, “Đàn bà con gái cũng nằm trong nhân dân. Nếu cả dân tộc được tự do, đương nhiên họ cũng được tự do. Ngược lại nếu dân tộc còn trong cảnh nô lệ thì họ và con cái họ cũng sẽ sống trong cảnh nô lệ” [138, tr. 506]. Do vậy, làm cách mạng giải phóng dân tộc cũng là “vì quyền lợi của đàn bà con gái An Nam” [138, tr. 506].

Ở cấp độ thứ 2, Hồ Chí Minh xác định liên minh công – nông là nòng cốt của cách mạng, là gốc cách mạng, bởi lẽ, ba lý do “1. Là vì công nông bị áp bức nặng hơn, 2. Là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết, 3. Là vì công nông là tay không chân rời, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cơ ấy, nên công nông là gốc cách mệnh” [138, tr. 288]. Như vậy, lực lượng cách mạng trước hết là lực lượng tự thân của các đối tượng bị áp bức. Ngay từ năm 1921, trong *Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa*, Người viết “công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện bằng sự nỗ lực của bản thân anh em” [138, tr. 138]. Thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, bên

cạnh việc tước đoạt những quyền lợi về mặt dân tộc, chúng còn tước đoạt tư liệu sản xuất, biến người lao động bản xứ thành người vô sản, thành những giai cấp bị áp bức. Theo Người, “Vì bị áp bức mà sinh ra cách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó cách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ cách mệnh” [138, tr. 288].

Coi liên minh công – nông là rường cột của cách mạng, là người chủ cách mạng, Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh rõ vai trò của giai cấp nông dân là “bạn đồng minh tự nhiên”, “đồng minh rất chắc chắn” của giai cấp công nhân. Nông dân Việt Nam, họ cũng chịu hai tầng áp bức như công nhân, “là người An Nam, họ bị áp bức, là người nông dân, họ bị người ta ăn cướp, cướp bóc, tước đoạt, làm phá sản” [137, tr. 247]. Họ phải làm mọi công việc nặng nhọc, mọi thứ lao dịch nhưng lại phải sống cùng khổ, trong khi lũ người ăn bám, lũ người lười biếng, lũ người đi khai hoá lại sống rất thừa thãi [137, tr. 247]. Bên cạnh đó, xét về số lượng, Hồ Chí Minh đã nêu lên một sự thật là ở Việt Nam, kinh tế chưa phát đạt, giai cấp công nhân mới hình thành, số lượng công nhân còn ít, “trong 100 người thì đến 90 người là dân cày” [138, tr. 337]. Từ thực tế đó, giai cấp nông dân là lực lượng cách mạng tiềm tàng, nếu “khéo tổ chức, khéo lãnh đạo thì lực lượng ấy sẽ làm xoay trời chuyển đất, bao nhiêu thực dân và phong kiến cũng sẽ bị lực lượng to lớn ấy đánh tan” [138, tr. 266]. Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ: cuộc cách mạng vô sản không thể thắng lợi ở các nước nông nghiệp và nửa nông nghiệp nếu như giai cấp vô sản cách mạng không được quần chúng nông dân ủng hộ tích cực; đó là một sự thực hiển nhiên cả hai cuộc cách mạng - cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng vô sản sẽ “không thể giành được thắng lợi hoàn toàn nếu không có khối liên minh cách mạng của giai cấp vô sản và nông dân, nếu không có sự tham gia tích cực của quần chúng nông dân bị áp bức vào việc thực hiện những khẩu hiệu của cách mạng” [138, tr. 564]. Người còn đưa ra những minh chứng rõ ràng cho những người cách mạng An Nam. Đó là minh chứng về “Pari Công xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày, đến nỗi thất bại. [...] Cách mệnh Pháp dạy cho chúng ta: 1. Dân chúng công

nông là gốc cách mệnh” [138, tr. 296-297]. Hay một minh chứng khác là “chính sách kém cỏi về vấn đề nông dân của Đảng Cộng sản là một trong những nguyên nhân quyết định làm cho cuộc cách mạng Trung Quốc năm 1927 thất bại” [138, tr. 568]; còn đối với nước Nga, cuộc Cách mạng Tháng Mười không thể giành được thắng lợi nếu như Đảng Bôn-sê-vích không có khả năng động viên quần chúng nông dân dưới khẩu hiệu của mình và dẫn dắt họ tham gia vào cuộc chiến đấu lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản và thiết lập nền chuyên chính của giai cấp vô sản; nếu như Đảng Bôn-sê-vích không có một chính sách cụ thể đối với nông dân thì không bao giờ có chuyện quân đội Sa hoàng ngã về phía cách mạng; mà theo Người, “Nhờ chính sách rõ rệt đối với nông dân của Đảng Bôn-sê-vích hoàn toàn đúng đắn nên Đảng có khả năng to lớn thu hút quân đội Sa hoàng - gồm chủ yếu là nông dân” [138, tr. 568]. Rõ ràng, vai trò của nông dân là rất lớn trong các cuộc cách mạng. Phát biểu tại phiên họp lần thứ bảy Hội nghị lần thứ nhất Quốc tế nông dân (1923), Người khẳng định: “Quốc tế của các đồng chí chỉ trở thành một Quốc tế thật sự khi mà không những nông dân phương Tây, mà cả nông dân ở phương Đông, nhất là nông dân ở các thuộc địa [...] đều tham gia Quốc tế” [138, tr. 232].

Ở cấp độ thứ ba, Hồ Chí Minh khẳng định công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Mặc dù, luôn đánh giá cao vai trò chính yếu, nòng cốt của công - nông trong sự nghiệp cách mạng chống đế quốc thực dân; nhưng Hồ Chí Minh không tuyệt đối hoá khả năng cách mạng của nông dân. Với cách nhìn nhận biện chứng lịch sử, Người thấy rõ giai cấp nông dân có cả mặt tích cực và hạn chế. Theo đó, nông dân là lực lượng hùng hậu bên cạnh giai cấp công nhân, nhưng nông dân chỉ có thể phát huy đầy đủ khả năng cách mạng khi được tổ chức lại, chịu sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, “phong trào nông dân, cho dù có quy mô to lớn tới đâu đi nữa, cũng không mong gì giành được những thắng lợi quyết định nếu như giai cấp công nhân không hành động” [138, tr. 565]. Như vậy, cùng chịu hai tầng áp bức của chế độ thực dân, vừa như những người vô sản với tư cách là người lao động và vừa như những người bị mất nước với tư cách là người dân bản xứ, nhưng do đặc điểm giai cấp của mình, giai cấp nông dân chỉ có thể giải phóng mình nếu gắn cuộc đấu

tranh của mình với cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân và chấp nhận sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Cho nên, theo Người, “Tuyên truyền tốt trong nông dân và tổ chức tốt trong công nhân nếu chúng ta làm tốt được điều đó thì tương lai thuộc về chúng ta” [137, tr. 221].

Việc tập hợp, tổ chức lực lượng đúng đắn và sáng tạo là một trong những nhân tố quan trọng nhất đảm bảo thắng lợi trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành và giữ độc lập, tự do của Tổ quốc. Từ sự phân tích những đặc điểm lịch sử, thái độ của các giai cấp, tầng lớp và trên cơ sở am tường sâu sắc tính chất xã hội thuộc địa, Hồ Chí Minh đã đánh giá chính xác tiềm năng cách mạng của dân tộc. Từ đó, Người chỉ ra biện pháp và hình thức tổ chức phù hợp nhằm đoàn kết tối đa lực lượng “những phần tử dân tộc cách mạng” [137, tr. 221] tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do. Người cũng luôn nhắc nhở những người An Nam “phải luôn nhớ rằng đoàn kết làm nên sức mạnh!” và “Nếu họ đồng tâm và đồng sức, nếu họ kết liên trong, ngoài thì người Pháp sẽ mất tinh thần, kinh hãi và phải trả lại cho họ những quyền tự do của họ” [138, tr. 508-509]. Người cho rằng, sức mạnh của quần chúng nhân dân là rất quan trọng, bởi “sức mạnh của họ không thể thiếu được đối với sự thành công của sự nghiệp cách mạng” [138, tr. 514] và “nếu chưa tranh thủ được quần chúng ở thuộc địa thì chúng ta không đủ sức phá hủy bộ máy đế quốc chủ nghĩa” [138, tr. 137]. Và một khi dân chúng đã được giáo dục, giác ngộ, có tổ chức lãnh đạo sẽ trở thành một lực lượng vô địch, mà khi dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại được.

Tư tưởng về lực lượng cách mạng là chủ thể quyền lực Nhà nước của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam có sự vận động và phát triển. Trong *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* do Hồ Chí Minh soạn thảo năm 1930 xác định lực lượng cách mạng là tất cả người dân Việt Nam yêu nước, lấy liên minh công nông làm nền tảng. Nhưng ở thời điểm này, không phải tất cả người dân Việt Nam yêu nước, tham gia cách mạng đều trở thành chủ nhân đất nước. Chủ thể của chính quyền chỉ là công nhân, nông dân và binh lính, theo mô hình Xô Viết. Đến năm 1941, Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh chủ

trương thay thế chính phủ công – nông – binh bằng chính phủ nhân dân. Hội nghị Trung ương 8 đã nêu rõ sau khi đánh đuổi Pháp – Nhật sẽ thành lập chính quyền “Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà của chung toàn thể dân tộc, chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp – Nhật và những bọn phản quốc, những bọn thù, không được giữ chính quyền, còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam thấy đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy” [35, tr.114]. Như vậy, lực lượng cách mạng trong cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc sẽ chính là chủ thể quyền lực nhà nước sau ngày độc lập. Từ lực lượng có sức mạnh lớn nhất đến lực lượng có quyền lực lớn nhất là bước tiến trong trong tư duy nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh về chủ thể quyền lực nhà nước.

3.3.2. Xác định Nhân dân là chủ thể quyền lực nhà nước

Quan niệm truyền thống nghiêng về tạo dựng hình ảnh Nhân dân là những người cần được giúp đỡ, chần dốt hơn là những người có khả năng “tự mình giúp mình”. Mặc dù đánh giá cao vai trò của nhân dân nhưng trong thực tế thì quan niệm truyền thống vẫn cho rằng nhân dân không thể tự thực hiện được các hành vi làm chủ xã hội; đó là công việc của vua quan trong cương vị phụ mẫu chần dân. Nhận thức này dẫn đến dù tiên bộ thế nào đi nữa thì hầu hết các quan niệm truyền thống về nhân dân đều dẫn đến việc đặt nhân dân trong vị trí người bị trị, thụ động, đều dẫn đến việc bảo vệ vương quyền.

Phạm trù “nhân dân” với tư cách là chủ thể quyền lực trong tư tưởng Hồ Chí Minh và trong quy định của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có biên độ rộng lớn. Hiến pháp năm 1946 đã khẳng định “Tất cả quyền bính trong nước đều là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo,...”. Điều đó có nghĩa là chủ thể quyền lực là toàn thể nhân dân trong nước, không có bất kỳ điều kiện giới hạn nào về giới tính, trình độ nhận thức, giai cấp hay tài sản,...So với mô hình cộng hoà dân chủ khác trên

thế giới, kể cả mô hình Cộng hoà Xôviết, chủ thể quyền lực của nhà nước Việt Nam đông đảo hơn rất nhiều.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ năm 1776 đã từng khẳng định tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng, có quyền được sống, được tự do và mưu cầu hạnh phúc. Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu lập nước, từ “mọi người” trong bản Tuyên ngôn không bao gồm giới tính nữ và người da đen. Tức là chỉ nam giới và người da trắng mới được hưởng các quyền chính trị cơ bản đó. Hạn chế bầu cử đối với nữ giới cũng tồn tại ở Pháp đến năm 1944, ở Italia đến năm 1945, ở Thụy Sĩ đến tận năm 1972 [28, tr.99]. Căn cứ vào giá trị tài sản của công dân, Hiến pháp của Pháp năm 1791 đã chia công dân thành hai loại: công dân tích cực và công dân tiêu cực. Theo đó, “Những người không có tài sản, quần chúng lao động bị coi là công dân tiêu cực. Quyền bầu cử chỉ dành cho các công dân tích cực là những người từ 25 tuổi trở lên, không làm thuê cho ai, có tên trong danh sách vệ quốc quân và phải nộp một khoản thuế trực thu ít nhất là ba ngày lương” [240, tr. 218]. Những điều kiện do Hiến pháp quy định đã làm cho hàng triệu người lao động không có quyền bầu cử. Vì vậy, cuộc bầu cử Quốc hội năm 1791, ở Pháp chỉ có 4 triệu 28 vạn người là công dân tích cực trên tổng số 26 triệu dân được tham gia [240, tr. 219]. Hạn chế quyền bầu cử theo tiêu chí tài sản cũng xuất hiện ở Niu Di Lan khi một cá nhân có thể có nhiều phiếu bầu cử, phụ thuộc vào số tiền họ có: dưới 1000 bảng Anh được 1 phiếu; từ 1000 đến 2000 bảng được 2 phiếu; trên 3000 bảng có 3 phiếu” [28, tr. 100].

Đối với Cộng hoà Xôviết, công nhân, nông dân và binh lính được xác định là chủ thể quyền lực của đất nước, được tham gia vào các hoạt động của đời sống chính trị, vào công việc quản lý của nhà nước. Trong khi các Xôviết được xây dựng theo nguyên tắc đại diện, có ưu tiên công khai cho công nhân, nông dân và binh lính, thì vẫn có một bộ phận khác bị tước quyền chính trị. Đó là những người thuộc tầng lớp tư sản, địa chủ. Họ không được tham gia vào các công việc nhà nước, không được tham gia bầu cử, ứng cử vào cơ quan đại diện quyền lực.

Như vậy, quyền lực nhà nước trong mô hình chính thể cộng hoà cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở các nước tư bản nói chung và ở Pháp, Mỹ nói riêng được xác

định thuộc về nhân dân, thuộc về số đông, nhưng số đông này không bao gồm nhân dân lao động, những người thuộc giai cấp vô sản, mà là những người hữu sản, những người thuộc giai cấp thống trị trong xã hội. “Nhân dân” ở Liên Xô lúc bấy giờ thì lại chỉ bao gồm những người vô sản, những người thuộc tầng lớp công nhân, nông dân và binh lính. Trong khi đó, “nhân dân” trong nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà theo tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh rộng hơn, ngoài công nhân, nông dân và binh sĩ, còn có các giai cấp khác như phong kiến, địa chủ và cả tư sản dân tộc. Giai cấp vô sản đã trực tiếp lao động, sáng tạo ra của cải vật chất cho xã hội, họ cần được bảo đảm quyền lợi và trở thành người chủ đất nước. Nhưng những giai tầng khác họ cũng tham gia vào công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước, họ đấu tranh vì độc lập dân tộc, họ nỗ lực đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung thì họ cũng trở thành chủ thể quyền lực và nhà nước phải đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của họ. Do đó, nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà là nhà nước của cả dân tộc Việt Nam, mà không phải của bất cứ một giai cấp nào.

Tiêu chí để xác định “nhân dân” Việt Nam chính là “lòng yêu nước”. Nhân dân Việt Nam có “lòng nồng nàn yêu nước”, vì thế khi đất nước bị xâm lăng, “lòng yêu nước” ấy rất dễ nhận biết. Ngoài bộ phận người Việt tự loại mình ra khỏi nhân dân, chấp nhận làm tay sai cho thực dân Pháp thì những người con Việt Nam đều mang trong mình tinh thần đấu tranh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, độc lập dân tộc. Chính tiêu chí này vừa xác định được lực lượng cách mạng, vừa xác định được chủ thể quyền lực nhà nước, vừa giúp cách mạng Việt Nam huy động được cao nhất sức mạnh của dân tộc trong cuộc đấu tranh chống lại thực dân Pháp và phát xít Nhật để giành độc lập.

3.4. Hồ Chí Minh thiết lập các tổ chức chính trị cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Hệ thống chính trị là một khái niệm của khoa học chính trị hiện đại. Nghiên cứu tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh, tác giả nhận thấy, Hồ Chí Minh không sử dụng khái niệm “hệ thống chính trị”. Tuy nhiên, là một nhà lãnh đạo chính trị luôn quan tâm đến vấn đề tổ chức và đã thành lập nhiều tổ chức chính trị cho các tầng lớp

nhân dân trong hoạt động thực tiễn chính trị, Hồ Chí Minh thể hiện tư duy và tầm nhìn toàn diện về các tổ chức chính trị, về vai trò, chức năng cũng như mối quan hệ, nguyên tắc vận hành giữa các tổ chức với nhau. Do đó, có thể khẳng định, hệ thống chính trị là một nội dung quan trọng trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh. Đối với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chí Minh chính là người đặt nền móng, hình thành và sáng lập các thành tố của hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại.

3.4.1. Hồ Chí Minh sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Thứ nhất, Hồ Chí Minh nhận thức vai trò của một chính đảng cách mạng

Trong những năm 20 của thế kỷ XX, với tư cách là đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp, Hồ Chí Minh đã đặt ra vấn đề về vai trò của chính đảng trong lãnh đạo cách mạng. Rút kinh nghiệm từ thực tiễn cách mạng thế giới và nhận thức được xu thế phát triển của thời đại, Hồ Chí Minh đã khẳng định cách mạng muốn thành công “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi” [138, tr. 289] hay “Cách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công”. Việc “phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt” [138, tr. 284], sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm cái xã hội mới, là một việc rất khó [138, tr. 288], rất phức tạp. Do đó, yếu tố then chốt, yếu tố đầu tiên để tiến hành một cuộc cách mạng là phải có đảng lãnh đạo.

Tuy nhiên, trên thực tế, khi nghiên cứu tình hình ở Đông Dương để *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* vào năm 1923, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, ở Đông Dương về phương diện chính trị là “không có chính đảng” [137, tr. 220], “Chúng ta chưa có một đảng phái nào” [138, tr. 164]. Và đây, có thể được xác định là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam nói riêng và ở các nước thuộc địa nói chung. Bởi lẽ, “Dân thường chia rẽ phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nổi yếu sức đi, như đũa mỗi chiếc mỗi nơi. Vậy nên sức cách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có đảng cách mệnh” [138, tr. 289]. Bên cạnh đó, là nhân tố quyết định sự nghiệp cách mạng, nhưng “quần chúng nhân dân chưa

được giác ngộ”, “thức tỉnh”. Nhân dân Việt Nam đầu thế kỷ XX chưa nhận thức được sứ mệnh của mình, chưa giác ngộ được quy luật phát triển của xã hội và nguyên nhân sâu xa của sự áp bức. Các phong trào đấu tranh của nhân dân thường diễn ra tự phát, không có mục tiêu rõ ràng, kế hoạch đầy đủ, tổ chức chắc chắn nên không phát huy được nguồn lực to lớn. “Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa, họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dìm trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo” [137, tr. 311], trong khi đó trong nước “chưa có bè đảng gì, chưa có tuyên truyền sắp đặt gì” [138, tr. 176]. Vì vậy, Đảng sẽ là tổ chức chính trị “làm cho dân giác ngộ”, đề ra “con đường giải phóng cho quần chúng, cổ động cho quần chúng kiên quyết cách mạng; làm cho quần chúng tin chắc cách mạng nhất định thắng lợi” [144, tr. 273]. Đảng vừa phải vận động, tổ chức dân chúng trong nước, nhưng đồng thời Đảng cũng phải tạo mối liên hệ mật thiết với phong trào cách mạng thế giới, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới. Dưới sự lãnh đạo tập trung và thống nhất của đảng cách mạng chân chính thì cách mạng mới thành công và “đến nơi” để nhân dân không phải làm một cuộc cách mạng khác nữa.

Như vậy, trước khi Hồ Chí Minh sáng lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ở Việt Nam, “không có một tổ chức nào như một đảng”, chưa thật sự xuất hiện một tổ chức nào đáng gọi là một chính đảng theo đúng nghĩa của nó. Hồ Chí Minh là nhà cách mạng Việt Nam đầu tiên đã ý thức được sự cần thiết phải có đảng cách mạng - nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. Điều đặc biệt, ngay từ khi đặt ra yêu cầu phải có một đảng để lãnh đạo cách mạng, Hồ Chí Minh cũng đã đặt ra vấn đề phải xây dựng đảng. Bởi sự ra đời của một đảng chính trị mới là điều kiện cần, còn điều kiện đủ là đảng chính trị đó phải là một đảng “vững”, nghĩa là một đảng cách mạng chân chính, phải “mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”. “đảng có vững cách mệnh mới thành công”, “cách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn cách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, phải có đảng vững bền...”.

Thứ hai, Hồ Chí Minh xác định loại hình đảng chính trị lãnh đạo nhân dân giành chính quyền là đảng cộng sản

Từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) đến trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, ở Việt Nam xuất hiện một số chính đảng. Do hình thành trong hoàn cảnh đặc thù của một nước thuộc địa, các đảng chính trị ở Việt Nam ở giai đoạn này không thể hoàn toàn giống như mô hình các đảng chính trị phương Tây. “Ta không thể đem những khái niệm “đảng phái”, “lãnh tụ”, “quần chúng” ở các xứ tư bản Âu - Mỹ mà đặt một cách máy móc vào hoàn cảnh Đông Dương” [38, tr.638]. Để giành quyền lực chính trị, các đảng không thể thực hiện thông qua phương thức bầu cử mà chỉ có thể tiến hành bằng con đường cách mạng, nhằm lật đổ sự cai trị của thực dân, phong kiến, giành độc lập dân tộc, đòi các quyền tự do, dân chủ và xây dựng một nền chính trị mới ở Việt Nam. Tuy nhiên, thực tiễn thất bại của phong trào yêu nước chống Pháp ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX cho thấy sự lãnh đạo của các đảng chính trị, các tổ chức yêu nước và con đường cứu nước theo tư tưởng phong kiến hoặc tư tưởng tư sản là không thành công. Nó đòi hỏi phải có một đảng chính trị mới, tổ chức lãnh đạo mới với đường lối chính trị đúng đắn và phương pháp cách mạng khoa học.

Căn cứ vào các tiêu chí khác nhau, có thể phân chia các đảng chính trị thành nhiều loại thức khác nhau. Nếu dựa vào ý thức hệ, đảng chính trị gồm có 2 loại cơ bản là đảng chính trị tư sản hoặc đảng chính trị vô sản. Tuy nhiên để thực hiện mục tiêu chính trị giành độc lập dân tộc, mang lại cuộc sống tự do, hạnh phúc cho nhân dân, Hồ Chí Minh lựa chọn loại hình đảng chính trị lãnh đạo cách mạng là đảng chính trị vô sản. Đặc điểm của đảng chính trị vô sản được thể hiện qua nền tảng tư tưởng của Đảng và bản chất của Đảng.

Mở đầu tác phẩm *Đường cách mệnh*, Hồ Chí Minh nêu lên một tư tưởng quan trọng của Lênin: “Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động.... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong” [138, tr. 279]. “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy.

Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam” [138, tr. 289]. Trong bối cảnh lịch sử những năm 20 của thế kỷ XX có nhiều trào lưu tư tưởng khác nhau trên thế giới, Người khẳng định “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin” [138, tr. 289]. Từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, Hồ Chí Minh khẳng định “phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin” [138, tr.304]. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, chủ nghĩa Mác - Lênin là tiêu chuẩn chính để xác định tính chất giai cấp của Đảng.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác và Ph.Ăngghen và sự phát triển của V.I.Lênin, là học thuyết khoa học về sự giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động, các dân tộc bị áp bức và giải phóng con người. Là hệ ý thức của giai cấp công nhân, nên nếu một chính đảng theo chủ nghĩa Mác - Lênin, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng thì chính đảng đó là đảng công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân. Quan niệm này được Hồ Chí Minh vận dụng một cách sáng tạo và khoa học vào việc thành lập đảng chính trị vô sản ở Việt Nam: thứ nhất, bản chất của Đảng vô sản nói chung và chính đảng vô sản ở Việt Nam nói riêng không nhất thiết phụ thuộc vào thành phần xuất thân của đảng. Thứ hai, đảng cộng sản không chỉ được thành lập ở các nước tư bản châu Âu phát triển, có lực lượng công nhân đông đảo và cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển đến trình độ tự giác, mà đảng cộng sản ở thế được thành lập một cách chính thống ở những nước có nền kinh tế lạc hậu hơn, bằng cách “giác ngộ lý luận về sự tất yếu của lịch sử” cho các tầng lớp khác trong xã hội. Chính sự

Quy luật hình thành, ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam: Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, để thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử của mình, giai cấp công nhân ở mỗi nước phải xây dựng được một chính đảng vô sản. Từ thực tiễn châu Âu, nơi giai cấp công nhân công nghiệp ra đời sớm và phong trào công nhân phát triển mạnh, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác –

Lênin khẳng định rằng, Đảng Cộng sản ra đời là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học và phong trào công nhân. Đó là sự khái quát về quy luật ra đời của Đảng Cộng sản nhưng mới chỉ dừng lại ở việc xây dựng lý thuyết về một Đảng Cộng sản ở nước tư bản, mà chưa có điều kiện đi sâu nghiên cứu mô hình Đảng Cộng sản ở một nước thuộc địa, phụ thuộc. Tuy nhiên, các nhà kinh điển học thuyết Mác cũng đã đưa ra những chỉ rõ ràng về sự vận dụng quy luật ấy trong mỗi nước. Theo đó, trong mỗi nước sự kết hợp ấy lại là sản phẩm của lịch sử, được thực hiện bằng những con đường riêng biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian. Kế thừa và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, căn cứ vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam, Hồ Chí Minh đã bổ sung vào quy luật ra đời chính đảng cộng sản Việt Nam một yếu tố thứ ba là phong trào yêu nước. Người khẳng định “Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước dẫn đến việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào năm 1930” [148, tr. 406]. Đây là sự sáng tạo lớn trong việc kết hợp nhuần nhuyễn giữa cái chung và cái đặc thù, là đóng góp quan trọng vào sự phát triển lý luận và thực tiễn quy luật ra đời Đảng Cộng sản ở một nước có nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, thuộc địa nửa phong kiến.

Thứ ba, Hồ Chí Minh chuẩn bị các điều kiện vững chắc cho sự thành lập Đảng

Để chuẩn bị cơ sở cho sự ra đời của một chính đảng vô sản, bằng nhiều hình thức khác nhau như viết báo, truyền đơn, diễn đàn,... Hồ Chí Minh đã tích cực truyền bá tư tưởng lý luận cách mạng vô sản vào Việt Nam. Nếu thời kỳ ở Pháp, ở Liên Xô, Hồ Chí Minh tập trung viết các bài tố cáo tội ác, vạch trần bản chất xấu xa của thực dân, thức tỉnh nhân dân thuộc địa thì thời kỳ ở Trung Quốc, Thái Lan (1925-1929), Hồ Chí Minh đã viết nhiều tài liệu huấn luyện, chọn và dịch ra tiếng Việt một số tác phẩm kinh điển như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, *ABC chủ nghĩa cộng sản*,... Như vậy, ở thời kỳ này, Hồ Chí Minh không dừng lại ở việc truyền bá những tư tưởng cách mạng theo quan điểm mácxít mà chuyên thẳng những tư tưởng của các tác giả kinh điển đến với quần chúng nhằm nâng cao trình độ lý luận và hoàn thiện dân trí thức lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin cho đội ngũ cán bộ. Có thể nói, thông qua các báo chí và tài liệu được vận chuyển bí mật

vận chuyển về Đông Dương và Việt Nam, Hồ Chí Minh đã tác động tới nhận thức của nhân dân, kích thích phong trào dân tộc Việt Nam phát triển theo con đường cách mạng vô sản và từ đó, chuẩn bị nền tảng tư tưởng cho sự ra đời của một chính đảng vô sản – Đảng Cộng sản Việt Nam

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn chuẩn bị các điều kiện khác về tổ chức và cán bộ. Người thành lập các tổ chức cách mạng như nhóm Cộng sản Đoàn, Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông và đặc biệt là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên – một tổ chức cách mạng có tính chất quần chúng rộng rãi ... để truyền bá sâu rộng lý luận cách mạng trong quần chúng và tiến hành xây dựng tổ chức cách mạng trên khắp cả nước. Đây như là phương tiện tuyên truyền sống – phương tiện đặc thù trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin ở Việt Nam [226, tr.43]. Người tích cực, chủ động mở nhiều lớp huấn luyện chính trị để đào tạo đội ngũ, chuẩn bị lực lượng tuyên truyền và lãnh đạo cho cách mạng trong nước. Theo đó, một bộ phận cán bộ được lựa chọn và cử học sinh đi học tại *Trường đại học cộng sản của những người lao động phương Đông* và *Trường Quân chính Hoàng Phố*; còn lại phần lớn học viên sau khi học xong được kết nạp vào tổ chức cách mạng và trở về nước hoạt động, gây dựng và phát triển phong trào. Các cán bộ cách mạng vốn đã được học tập chính trị và trang bị lý luận cách mạng, trang bị kỹ năng hoạt động cách mạng, qua phong trào *Vô sản hóa*, họ được tham gia hoạt động thực tiễn sinh động, do đó họ nhanh chóng trưởng thành, phát triển và trở thành hạt nhân xúc tiến quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ tư, Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị thành lập Đảng, xây dựng Cương lĩnh cho Đảng

Ngay từ Đại hội lần thứ nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (5/1929), cách mạng Việt Nam đã đặt ra yêu cầu phải có đảng chính trị của giai cấp vô sản lãnh đạo. Nhưng đòi hỏi khách quan của lịch sử đó đã không được đáp ứng. Vì vậy, chỉ trong khoảng 6 tháng kể từ tháng 6-1929, ba tổ chức cộng sản là An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Đảng và Đông Dương Cộng sản Liên đoàn đã được thành lập ở Việt Nam. Nhưng thay vì liên kết, hỗ trợ nhau cùng phát triển phong

trào cách mạng thì các tổ chức này lại hoạt động riêng rẽ, công kích và phê phán lẫn nhau, thậm chí “tranh đấu chống đối lẫn nhau”, gây bất lợi cho phong trào cách mạng. Bên cạnh đó, “vô sản các nước còn phải liên hiệp lại, hồng chi vô sản trong một nước” (*Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*). Việc tồn tại nhiều tổ chức cộng sản trong cùng một quốc gia cũng không phù hợp với nguyên tắc tổ chức của Đảng Cộng sản. Trước tình hình đó, Ban Bí thư các nước phương Đông đã hoàn tất Dự thảo Nghị quyết *Về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương* vào tháng 10/1929. Dự thảo chỉ rõ: nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là “thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương”. Tháng 12/1929, Quốc tế Cộng sản đã thông qua Nghị quyết này. Tuy nhiên, qua *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản* của Hồ Chí Minh sau khi thành lập Đảng (18-2-1930) và *Thư của Trung ương gửi cho các cấp đảng bộ* (9-12-1930) của Đảng, có thể thấy, Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản đã không đến được với Hồ Chí Minh. Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, có đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, Hồ Chí Minh đã chủ động, bản lĩnh và sáng tạo để kịp thời triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.

Cương lĩnh chính trị của Đảng do Hồ Chí Minh soạn thảo và Hội nghị thống nhất Đảng nhất trí thông qua đã trình bày những vấn đề cơ bản về đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam có nội dung cách mạng, khoa học và sáng tạo phù hợp với nhu cầu khách quan của sự nghiệp giải phóng và phát triển của dân tộc, thuận chiều tiến hoá của thời đại. Cương lĩnh xác định đường lối chiến lược của Đảng phải thực hiện “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” [139, tr. 1]. Đây là quan điểm cơ bản đầu tiên của Đảng về con đường cách mạng Việt Nam phải trải qua chiến lược cách mạng giải phóng dân tộc đến chiến lược cách mạng dân chủ nhân dân mở đường tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đó là con đường cách mạng triệt để theo tư tưởng của học thuyết Mác. Mục tiêu và nhiệm vụ to lớn của Đảng được xác định trong Cương lĩnh là: “1)

Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng; 2) Làm cho nước An Nam được độc lập; 3) Thành lập Chính phủ công nông binh; 4) Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ công nông binh; 5) Quốc hữu hoá toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng An Nam chia cho nông dân nghèo [...] 10) thực hiện nam nữ bình quyền” [139, tr. 22]. Cương lĩnh cũng đã nêu các quan điểm về lực lượng cách mạng, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, liên kết với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản trên thế giới, xây dựng Đảng Cộng sản thành đội tiên phong cách mạng để lãnh đạo quần chúng đấu tranh thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Có thể nói, Cương lĩnh đã thể hiện rõ nét tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh về một đảng chính trị vô sản – nhân tố lãnh đạo cách mạng để hình thành và phát triển Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3.4.2. Hồ Chí Minh lựa chọn mô hình nhà nước và thành lập chính quyền

Sinh thời, V.I.Lênin từng nhấn mạnh: “Vấn đề chính quyền nhà nước nhất định là vấn đề chủ yếu nhất của mọi cuộc cách mạng” [113, tr. 268]. Trong điều kiện một nước thuộc địa, phải tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc thì hình thức chính quyền nhà nước sẽ thành lập sau khi cách mạng thành công phải như thế nào? Mô hình nhà nước, cách thức tổ chức chính quyền sẽ được tổ chức như thế nào để thể hiện bản chất và nguồn gốc của quyền lực nhà nước, thể hiện mục tiêu chính trị và con đường chính trị của quốc gia, dân tộc. Chính vì vậy, việc Nhà nước Việt Nam hiện đại lựa chọn theo mô hình nhà nước dân chủ cộng hoà đã ghi dấu tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh với việc xác định nhân dân là chủ thể quyền lực nhà nước, hướng tới thực hiện mục tiêu chính trị độc lập - tự do - hạnh phúc.

Thứ nhất, lựa chọn mô hình thể chế dân chủ cộng hoà

Hình thức chính thể nhà nước không thể là sản phẩm thuần túy của tư duy trừu tượng. Với lòng yêu nước và thương dân sâu sắc, bằng nhãn quan chính trị sắc bén, Hồ Chí Minh đã dày công khảo cứu từ mô hình chính thể trong lịch sử Việt

Nam đến các hình thức chính thể thế giới đương thời để xây dựng nên mô hình nhà nước của giai cấp vô sản.

Chiến thắng vĩ đại trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938 đã kết thúc hàng ngàn năm đô hộ của phong kiến phương Bắc và mở ra thời kỳ độc lập, tự chủ ở Việt Nam. Trong suốt 9 thế kỷ sau đó, mô hình Nhà nước Việt Nam là mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế, người đứng đầu nhà nước là vua và được duy trì theo chế độ cha truyền, con nối, không qua bầu cử. Vua là người ban hành pháp luật đồng thời cũng là vị pháp quan tối cao của đất nước.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công, xâm lược Việt Nam. Nhà nước quân chủ phong kiến chuyên chế Việt Nam bị thay thế bởi mô hình nhà nước thực dân phong kiến. Khi xâm lược Việt Nam, Pháp đã theo chính thể cộng hòa nghị viện, và Pháp thiết lập một hình thức tổ chức Nhà nước gần giống nước Pháp, tuy nhiên có sự điều chỉnh cho phù hợp với một địa bàn ở quá xa chính quốc. Đây là đặc điểm của hệ thống cai trị của thực dân Pháp ở Đông Dương nói chung, ở Việt Nam nói riêng [106, tr. 68]. Để thuận lợi cho quá trình thống trị, Pháp thiết lập một bộ máy chính quyền thống nhất theo hướng “trung ương tập quyền”, có một Chính phủ chung cho toàn Đông Dương và tổ chức bộ máy cai trị hành chính riêng cho từng xứ thuộc Liên bang. Bên cạnh đó, căn cứ vào đặc điểm của từng vùng, Pháp còn thực hiện chính sách “địa phương phân quyền”. Theo đó, Nam Kỳ là xứ thuộc địa do viên Thống đốc đứng đầu, Bắc Kỳ là xứ bảo hộ do viên Thống sứ đứng đầu, Trung Kỳ là xứ bảo hộ do viên Khâm sứ đứng đầu. Cả ba nhân vật đứng đầu ba kỳ này đều nằm dưới quyền giám sát và điều khiển tối cao của viên Toàn quyền. Theo Sắc lệnh ngày 20/11/1911 của Tổng thống Pháp, Thống đốc, Thống sứ “chịu trách nhiệm trước Toàn quyền trong việc điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, v.v. của mỗi xứ”. Riêng Khâm sứ Trung Kỳ còn có quyền phê duyệt các đạo Dụ của Nam triều trước khi chính thức được ban bố, bởi lẽ ở Trung Kỳ, Pháp vẫn duy trì chính quyền phong kiến cũ. Tuy nhiên, “Nam triều cùng với bộ máy quan lại của nó về mặt hình thức có quyền lực trong việc điều hành tổ chức của chính mình, nhưng thực chất lại bị phụ thuộc chặt chẽ vào chính

quyền thực dân, bởi người quyết định sau cùng và cao nhất của mọi vấn đề do triều đình đặt ra không phải là vua triều Nguyễn mà là viên Khâm sứ” [211, tr. 73]. Như vậy, về mô hình nhà nước, ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc tồn tại ba chế độ chính trị khác nhau nhưng đều nằm trong cơ cấu quyền lực của nhà nước Pháp, bị chi phối bởi khung chế định của Hiến pháp nền cộng hoà thứ ba (1875).

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trên thế giới tồn tại nhiều mô hình chính thể, trong đó nổi bật là mô hình chính thể cộng hoà được xây dựng ở nhiều nước tư bản, và mô hình chính thể kiểu Xô Viết được xây dựng ở Liên Xô.

Căn cứ vào mối quan hệ giữa hai nhánh quyền lực lập pháp và hành pháp, chính thể cộng hoà được xây dựng ở các nước tư bản có thể được chia làm hai loại là chính thể cộng hoà đại nghị (tiêu biểu là Pháp) và chính thể cộng hoà tổng thống (tiêu biểu là Mỹ). Đặc điểm chung của chính thể cộng hoà là người dân ít nhiều có quyền lợi và được tham gia vào công việc quản lý nhà nước. Nguyên thủ quốc gia là người đứng đầu của nhà nước và được người dân bầu ra. Quyền lực không tập trung tuyệt đối trong tay một cá nhân (vua hoặc nữ hoàng), bộ máy nhà nước được tổ chức, hoạt động theo nguyên tắc phân chia và kiểm chế quyền lực. Xã hội và mối quan hệ giữa nhà nước và công dân được quản lý, điều chỉnh dựa trên cơ sở của pháp luật. Hiến pháp quy định và đảm bảo các điều kiện để thực hiện quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Với những đặc điểm như vậy, chính thể cộng hoà còn được gọi là chế độ chính trị dân chủ và là mô hình nhà nước tiến bộ hơn rất nhiều so với mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế.

Một hình thức chính thể nhà nước có ảnh hưởng mạnh mẽ đến Hồ Chí Minh trong quá trình Người khảo sát, tìm kiếm, chọn lựa một mô hình nhà nước áp dụng cho cách mạng Việt Nam là mô hình nhà nước Xô Viết. Nếu như Mác trở về việc tìm kiếm một mô hình tổ chức nhà nước của giai cấp vô sản và khẳng định rằng: “Công xã là việc xã hội đoạt lại quyền lực nhà nước [...], công xã chính là hình thức chính trị của sự giải phóng xã hội của họ (quần chúng nhân dân – tác giả)” [134, tr. 567], thì sau Cách mạng Nga năm 1905 và năm 1917, Lênin đã xây dựng một mô hình nhà nước theo kiểu công xã đã sáng tạo ra. Đó chính là hình thức

nhà nước Xô viết. Lênin đã từng khẳng định “Bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản, có nhiên không thể không đem lại rất nhiều hình thức chính trị khác nhau, nhưng thực chất của những hình thức ấy tất nhiên chỉ là một, tức là: chuyên chính vô sản” [113, tr. 44] và “Xô Viết là hình thức chuyên chính vô sản ở Nga”. Các Xô Viết bao gồm chủ yếu đại biểu của công nhân và các tầng lớp công nhân lao động, thực sự giữ vai trò lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Lênin và Đảng Bôn-sê-vich. Về thực chất, Xô Viết ở Nga là hình thức chính quyền công – nông – binh. Tuy nhiên, Lênin cũng chỉ ra rằng, tất cả các dân tộc đi tới chủ nghĩa xã hội không hoàn toàn giống nhau, mỗi dân tộc đều sẽ mang lại một đặc trưng nào đó cho một hình thức dân chủ này hay hình thức dân chủ khác, cho một dạng này hay một dạng khác của chuyên chính vô sản. Điều đó cho thấy, không bao giờ và không khi nào Lênin khẳng định rằng Xô Viết là hình thức duy nhất bắt buộc của nhà nước xã hội chủ nghĩa [233, tr.33]. Có thể nói, đây là một gợi mở đối với Hồ Chí Minh, nghĩa là nhà nước Việt Nam có bản chất là chuyên chính vô sản, nhưng hình thức nhà nước Việt Nam không nhất thiết là cộng hòa Xô Viết. Và trên thực tế, mô hình tổ chức nhà nước cách mạng Việt Nam mà Chủ tịch Hồ Chí Minh lựa chọn không phải là một mô hình mang tính sách lược mà là một mô hình phù hợp lâu dài với điều kiện lịch sử, điều kiện phát triển của xã hội Việt Nam.

Đường cách mệnh là tác phẩm đầu tiên của Hồ Chí Minh bàn đến vấn đề chính quyền Nhà nước. Tuy nhiên, hình thức nhà nước cụ thể là gì, Người chưa đề cập cụ thể mà đưa ra nguyên tắc chung, đó là “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc” [138, tr. 270]. Như vậy, giai đoạn này, Hồ Chí Minh mới chỉ xác định là sẽ xây dựng một nhà nước cho số đông người, nói cách khác là dân chúng số nhiều phải được quyền tham gia vào việc công việc nhà nước, thiết lập mô hình nhà nước tương lai.

Năm 1930, trong các văn kiện Cương lĩnh do Hồ Chí Minh soạn thảo và thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đề cập cụ thể hơn: khi cách mạng thành công sẽ xây dựng một nhà nước công - nông. Điều

này đúng như quan điểm của Lênin và Xô Viết Nghệ Tĩnh đã ra đời trong những năm 1930-1932. Tuy nhiên, Xô Viết Nghệ Tĩnh nhanh chóng bị đàn áp, thất bại. Có nhiều nguyên nhân của sự thất bại ấy, nhưng một nguyên nhân quan trọng là hình thức chính quyền Xô Viết không phù hợp với một nước Việt Nam. Hình thức chính quyền nhà nước phản ánh tính chất của cách mạng, phản ánh lực lượng tham gia cách mạng. Trong điều kiện một nước thuộc địa, không chỉ có công - nông mà còn có rất nhiều giai tầng khác cũng bị áp bức. Tiểu tư sản, tư sản dân tộc, địa chủ vừa và nhỏ mặc dù là giai cấp bóc lột nhưng không phải là giai cấp thống trị như ở các tư bản chủ nghĩa phương Tây. Họ có mặt hạn chế, nhưng họ cũng là những giai cấp, tầng lớp phải chịu nỗi nhục mất nước, có mâu thuẫn với đế quốc xâm lược và có khả năng tham gia cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Do đó, trong chính quyền có cả chỗ đứng cho họ (chứ không phải như khẩu hiệu “quàng xiên chỉ tướng” của Xứ uỷ Trung Kỳ lúc đó là “Trí phú địa hào, đào tận gốc, tróc tận rễ”). Thế nên, cần có một hình thức chính quyền rộng hơn, phù hợp hơn, chủ yếu là công nông, nhưng không đơn thuần chỉ có công nông, mà còn phải bao gồm các giai cấp và tầng lớp yêu nước khác.

Phù hợp với tính chất và lực lượng tham gia cách mạng, trong cuộc vận động cứu nước 1939-1945, Đảng có chủ trương mới về hình thức chính quyền nhà nước. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11-1939) chủ trương thành lập chính quyền nhà nước với hình thức cộng hoà dân chủ trong phạm vi toàn Đông Dương, đồng thời cũng chỉ rõ: “Sự liên hiệp các dân tộc Đông Dương không nhất thiết bắt buộc các dân tộc phải thành lập một quốc gia duy nhất vì các dân tộc như Việt Nam, Miên, Lào xưa nay vẫn có sự độc lập. Mỗi dân tộc có quyền giải quyết vận mệnh theo ý muốn của mình”. Hội nghị Trung ương lần thứ tám (5-1941) đã giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thành lập ở mỗi nước một mặt trận riêng, và chủ trương “sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ. *Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà là của chung cả toàn thể dân tộc, do toàn thể dân tộc bầu ra.* Trừ bọn

tay sai của đế quốc Pháp - Nhật và những bọn phản quốc không được tham gia vào chính quyền, còn lại ai là người yêu nước sống trên lãnh thổ Việt Nam đều được tham gia vào chính quyền và có nhiệm vụ đóng góp sức mình vào công cuộc đấu tranh để giành và bảo vệ chính quyền.

Có thể thấy rằng, cùng với sự phát triển cách mạng, lịch sử nhà nước Việt Nam đã trải qua các hình thức chính thể khác nhau phù hợp với điều kiện đặc thù của xã hội ta. Việc phải sử dụng những hình thức chính thể khác nhau là phù hợp với tính chất quá độ của cách mạng Việt Nam. Đặt vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu và chủ trương xây dựng một Chính phủ đại đoàn kết toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản nhằm tập hợp mọi lực lượng cách mạng trong cuộc đấu tranh ấy là sự sáng tạo độc đáo của Hồ Chí Minh, là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn, phù hợp với điều kiện Việt Nam lúc bấy giờ, phù hợp với chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề bản chất giai cấp của nhà nước. Đây cũng chính là định hướng của Đảng và Hồ Chí Minh trong việc xây dựng một Chính phủ ở Việt Nam sau khi giành được chính quyền.

Thứ hai, tổ chức bộ máy nhà nước lâm thời, lãnh đạo nhân dân giành chính quyền và chỉ đạo thiết lập bộ máy nhà nước hợp pháp

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 1941 đến thời điểm tiền khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, do chưa có chính quyền chính thức nên ở nhiều nơi, Mặt trận Việt Minh đóng vai trò như một hình thức “tiền chính phủ”. Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh đã ra chỉ thị về Tổ chức Ủy ban Dân tộc giải phóng các cấp. Theo đó, “Ủy ban dân tộc giải phóng là hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng”. Ủy ban dân tộc giải phóng được thành lập một cách hệ thống từ trung ương đến cơ sở. Thành viên của ủy ban do nhân dân bầu ra, và để đảm bảo tính đại diện trong cơ cấu tổ chức, mỗi đoàn thể sẽ có một đại biểu đại diện. Ủy ban dân tộc giải phóng có nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi của nhân dân; tổ chức huấn luyện chính trị, quân sự; bảo vệ trật tự, trị an, ngăn ngừa và diệt trừ Việt gian phản động; phân xử các xung đột trong nội bộ nhân dân.

Nhận thấy, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, căn cứ địa được mở rộng gồm các tỉnh Cao – Bắc – Lạng – Hà – Tuyên – Thái, một số vùng ngoại vi Bắc Giang, Vĩnh Yên, Phú Thọ, Yên Bái,... Hồ Chí Minh đã chỉ đạo thành lập *Khu giải phóng*. Trong đó, Ủy ban chỉ huy lâm thời đóng vai trò như chính quyền trung ương và ủy ban nhân dân cách mạng các cấp đóng vai trò như chính quyền cấp địa phương. Khu giải phóng được đánh giá như hình ảnh của “nước Việt Nam mới phôi thai”. Thực hiện cơ chế dân chủ, Khu giải phóng đã bước đầu thể hiện bản chất dân chủ của chính quyền cách mạng. Cán bộ và nhân dân từng bước làm quen, tập dượt với chính thể mới sắp được xây dựng trên phạm vi cả nước.

Cùng với việc thiết lập tổ chức chính quyền, tháng 10-1944, Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào cả nước thông báo cho đồng bào cử đại biểu đến dự Quốc dân Đại hội tổ chức tại Tân Trào (Tuyên Quang) để bầu ra “một cơ cấu đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể Quốc dân ta, một cơ cấu doa toàn quốc đại biểu đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước cử ra... trong thì lãnh đạo công cuộc cứu quốc, ngoài thì giao thiệp với các nước hữu bang”. Ngày 16-8-1945, Đại hội Quốc dân đã họp tại Tân Trào với sự tham dự của hơn 60 đại biểu từ các địa phương trên cả nước và một số đại biểu kiều bào ở nước ngoài, đại biểu cho các đảng phái chính trị, các đoàn thể nhân dân, các cộng đồng sắc tộc và tôn giáo. Đại hội quyết định thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam do Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Với việc thông qua các quyết sách của quốc gia, bầu Ủy ban dân tộc giải phóng, Đại hội Quốc dân đã tạo cơ sở quan trọng cho sự hình thành một cơ cấu, một thể chế nhà nước mới, đây cũng là cơ sở pháp lý vững chắc cho sự ra đời của một Nhà nước hợp pháp do nhân dân bầu ra.

Sau khi cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thành công, ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng Ủy ban Dân tộc Giải phóng về Hà Nội. Theo đề nghị của Hồ Chí Minh, ngày 27-8-1945, Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhiều uỷ viên Việt Minh trong Chính phủ đã “đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân”, tự nguyện rút khỏi Chính phủ để nhường cho một số nhân sĩ tham gia. Trong

lời Tuyên cáo của Chính phủ có nói rõ “Ủy ban Dân tộc Giải phóng đã quyết định tự cải tổ mời thêm một số nhân sĩ tham gia Chính phủ đặng cùng nhau gánh vác nhiệm vụ nặng nề mà quốc dân giao phó”. Thành phần Chính phủ Lâm thời bao gồm Hồ Chí Minh giữ chức Chủ tịch Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và 14 thành viên khác thuộc đại diện của Đảng Cộng sản, Đảng Dân chủ và cả những đại biểu không thuộc đảng phái nào, đa số là những bậc trí thức tài năng. Ngày 29-8-1945, danh sách Chính phủ lâm thời được đăng tải trên Việt Nam Dân Quốc Công báo. Tuyên cáo của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà còn nhấn mạnh “Chính phủ lâm thời không phải là Chính phủ riêng của Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh”, mà là một Chính phủ Quốc gia thống nhất”. “Thành phần Chính phủ gồm có các vị đại biểu của các đảng phái và các đại biểu không ở đảng phái nào”. Nhiệm vụ của Chính phủ được quy định là “chi đạo toàn quốc, đọi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ Dân chủ Cộng hoà chính thức”.

Trong tình thế vận mệnh của dân tộc đang đứng trước những khó khăn, thách thức mới, kẻ thù bên trong là bọn tay sai của Pháp – Nhật bị mất quyền lực nên ráo riết chuẩn bị nổi dậy chống phá và kẻ thù bên ngoài cũng đang gấp rút kéo vào nước ta để thực hiện âm mưu tiêu diệt Đảng Cộng sản,... việc Hồ Chí Minh quyết định cải tổ Ủy ban Dân tộc Giải phóng thành Chính phủ lâm thời theo phương thức như đã trình bày ở trên, thể hiện rõ sự nhạy bén và bản lĩnh chính trị của một nhà lãnh đạo chính trị thiên tài. Tấm lòng vì nước vì dân, đặt lợi ích của toàn thể dân tộc lên trên tất cả của Người đã khiến cho toàn thể mọi người Việt Nam yêu nước thuộc các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau đều gạt bỏ những lợi ích cá nhân, giai cấp riêng tư cùng đứng chung vào một hàng ngũ đấu tranh vì lợi ích tối cao của dân tộc. Riêng đối với các quan lại phong kiến trước đó đã từng tham gia chế độ cũ, ngay sau khi cách mạng thành công, Hồ Chí Minh cũng tạo mọi điều kiện cho họ có thể tham gia cách mạng tùy theo sức lực và khả năng của mỗi người; từ đó, có thể khai thác tối đa tinh thần dân tộc, hạn chế đến mức thấp nhất sự phản kháng về mặt giai cấp của một giai cấp thống trị đã mất quyền lực.

Sau khi Chính phủ lâm thời vừa ra đời, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo tổ chức buổi lễ thoái vị thật long trọng cho vua Bảo Đại vào ngày 30-8-1945, đồng thời mời nhà vua đã thoái vị ra làm cố vấn tối cao cho Chính phủ. Chính cách nhìn nhận không hề định kiến của Hồ Chí Minh đối với giai cấp địa chủ phong kiến, thái độ trân trọng của Người đối với tầng lớp trí thức có đức tài, sự quyết tâm xây dựng một Chính phủ đoàn kết, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc... của Người đã cảm hoá những quan lại can trực liêm chính của chế độ cũ, thu hút nhiều nhân sĩ trí thức khác sau này tiếp tục tìm đến với Chính phủ và chiến đấu đến cùng cho mục tiêu giành độc lập dân tộc hoàn toàn, thực hiện quyền dân chủ cho nhân dân mà Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản đã vạch ra.

Mô hình nhà nước Dân chủ cộng hoà thực tế đã hình thành trong khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 và là nhà nước hiện nay chúng ta đang tiếp tục xây dựng. Ngay sau khi lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại, ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình, Hồ Chí Minh đã long trọng công bố bản *Tuyên ngôn độc lập* trước nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. *Tuyên ngôn độc lập* khẳng định vị thế, vai trò và sức mạnh của nước Việt Nam độc lập, bình đẳng với tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, đồng thời thể hiện giá trị chính trị - pháp lý của nhà nước Việt Nam mới – nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Có thể nói, *Tuyên ngôn độc lập* không những khẳng định về quyền độc lập, tự do, bình đẳng của mỗi dân tộc mà còn khẳng định về quyền được sống, được phát triển, được mưu cầu hạnh phúc của mỗi con người. Và khác với độc lập dân tộc của cách mạng tư sản, độc lập dân tộc của Cách mạng Tháng Tám gắn liền với lợi ích và quyền làm chủ của nhân dân lao động.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 không chỉ giành độc lập cho dân tộc mà còn thủ tiêu chế độ quân chủ, lập nên chế độ dân chủ cộng hòa Việt Nam. Do đó, điều đặc biệt là *Tuyên ngôn độc lập* không chỉ đánh dấu việc nước Việt Nam giành được độc lập mà còn là bản khai sinh thể chế chính trị dân chủ cộng hòa đầu tiên ở Việt Nam và cũng là đầu tiên ở Đông Nam Á.

Khi chưa giành được độc lập dân tộc, Hồ Chí Minh đã hình dung ra mô hình nhà nước dân chủ nhân dân: có hiến pháp theo lý tưởng dân quyền, bảo vệ quyền lợi của người lao động và tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc khác. Chỉ sau một ngày công bố *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đã nêu rõ sáu nhiệm vụ cấp bách của nhà nước cần được làm ngay. Trong đó, nhấn mạnh vấn đề tổ chức tổng tuyển cử và xây dựng Hiến pháp, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp của công quyền. Người nói: “Trước kia chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có hiến pháp. nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc TỔNG TUYỂN CỬ với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống...” [140, tr.7].

Nhà nước Việt Nam mới hình thành trên cơ sở dân tộc với đại đoàn kết toàn dân mà nòng cốt là liên minh công – nông do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. nhà nước Việt Nam mới bảo đảm lợi ích và các quyền tự do, dân chủ cho tất cả nhân dân lao động và cả dân tộc. Vì vậy, ngay trong kế hoạch kiến quốc đầu tiên của nước Việt Nam, Hồ Chí Minh đã yêu cầu Chính phủ thực hiện ngay 4 nhiệm vụ: làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho dân có chỗ ở, làm cho dân được học hành. Trong hệ thống bộ máy nhà nước, Hồ Chí Minh luôn coi trọng tính kế thừa; tính hiệu lực và tính hiệu quả của bộ máy nhà nước. Theo yêu cầu nhiệm vụ cách mạng mà sắp xếp tổ chức, bố trí nhân sự phù hợp. Bố trí cán bộ vào bộ máy nhà nước cần dựa vào tài năng, đức hạnh, năng lực hoạt động thực tiễn và lòng trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Xây dựng một nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân là mối quan tâm thường trực của Hồ Chí Minh. Người yêu cầu cán bộ, viên chức nhà nước phải luôn học tập, rèn luyện, phấn đấu để trở thành “người đầy tớ trung thành của nhân dân”, bất kỳ “việc

gì có lợi ích dân ta phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân ta phải hết sức tránh” [140, tr.51].

Sự chuyển đổi từ mô hình nhà nước công nông binh sang mô hình nhà nước dân chủ cộng hoà – đại biểu cho khối đoàn kết của toàn thể quốc dân – do quốc dân đại hội bầu ra – là một bước chuyển sáng suốt của Hồ Chí Minh, của Đảng Cộng sản Việt Nam, phản ánh được nét đặc thù của thực tiễn dân tộc, phù hợp với sự chuyển hướng chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Với gần ¼ thế kỷ trên cương vị Chủ tịch đầu tiên của nước Việt Nam mới, Hồ Chí Minh là người đặt nền móng xây dựng một nhà nước kiểu mới trong lịch sử dân tộc: nhà nước mang tính chất nhân dân – nhà nước của dân, do dân, vì dân; một nhà nước thể hiện quyền lực của nhân dân lao động.

3.4.3. Hồ Chí Minh với tiến trình thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất

Cùng với Đảng và Nhà nước, Mặt trận dân tộc thống nhất là một thành tố hết sức quan trọng của hệ thống chính trị. Đây là tổ chức quy tụ được đông đảo quần chúng nhân dân thực hiện chiến lược cách mạng, đưa đại đoàn kết dân tộc trở thành một lực lượng vật chất có tổ chức. Do vậy, Trong tác phẩm *Những chỉ thị mà tôi nhớ và truyền đạt*, Hồ Chí Minh đã chủ trương “ra sức tổ chức Mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi. Mặt trận ấy không những chỉ có người Đông Dương mà bao gồm cả những người Pháp tiến bộ ở Đông Dương, không những chỉ có nhân dân lao động mà bao gồm cả giai cấp tư sản dân tộc” [139, tr.167]

Về hình thức tổ chức. Tuỳ theo từng giai đoạn, căn cứ vào tình hình cụ thể và nhiệm vụ cấp thiết ở mỗi giai đoạn, Hồ Chí Minh đã lựa chọn và xây dựng những hình thức tổ chức Mặt trận dân tộc thống nhất khác nhau để có thể thu hút rộng rãi nhất các giai cấp, tầng lớp trong xã hội vào hàng ngũ cách mạng.

Hình thức Mặt trận đầu tiên được Hồ Chí Minh thành lập là Hội phản đế đồng minh (1930). Điều lệ tóm tắt của Hội phản đế đồng minh được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh chủ trì sáng lập. Mặc dù còn một số hạn chế trong việc tập hợp lực lượng, chưa liên hệ và quy tụ tầng lớp tiểu tư sản, tư sản dân tộc...nhưng Hội phản đế đồng

minh vẫn là một tổ chức cách mạng rộng lớn nhất của quần chúng, được Đảng lựa chọn để tập hợp lực lượng ở Việt Nam lúc bấy giờ. Sự ra đời của Hội phản đế đồng minh đã đánh dấu sự phát triển của các phong trào cách mạng Việt Nam, chuyển từ phong trào đấu tranh tự phát sang phong trào đấu tranh chính trị tự giác. Đồng thời, sự ra đời của Hội phản đế đồng minh cũng đặt nền móng cho một hình thức tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại sau này.

Sau đó, Mặt trận dân tộc thống nhất đã nhiều lần thay đổi với những hình thức hoạt động đa dạng như Phản đế liên minh (1935), Mặt trận thống nhất nhân dân Phản đế (1936), Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1938), Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương (1939). Đến năm 1941, Hồ Chí Minh về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng và quyết định thành lập *Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh*, gọi tắt là Việt Minh. Đây là Mặt trận dân tộc thống nhất của Việt Nam, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Do chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước ở Đông Dương, nên Việt Minh mang tính chất dân tộc sâu sắc và dễ dàng thức tỉnh tinh thần dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, nên việc tập hợp lực lượng cũng diễn ra rộng rãi.

Tôn chỉ, mục đích của Việt Minh là: “Liên hiệp tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái cách mạng, các đoàn thể dân chúng yêu nước, đặng cùng nhau đánh đuổi Nhật – Pháp, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà”. Ngay sau khi Mặt trận Việt Minh được thành lập, Hồ Chí Minh đã viết thư *Kính cáo đồng bào*, kêu gọi 20 triệu con Lạc cháu Hồng hãy nêu cao truyền thống yêu nước, tinh thần anh hùng bất khuất và đoàn kết toàn dân để đánh đuổi Pháp – Nhật. Người chỉ rõ: “Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*. Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng ... giành tự do độc lập” [139, tr. 230]. Như vậy, tư tưởng cốt lõi và thống nhất xuyên suốt của Hồ Chí Minh qua thư *Kính cáo đồng bào*, cũng như trong các văn kiện của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5-1941) là sự tiếp nối và phát triển cao của tư tưởng độc lập tự do và đại đoàn kết toàn dân của Người. Tư tưởng đó đã

từng được Người thể hiện trong các tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (1925), *Đường cách mệnh* (1927) và các văn kiện chính trị của Hội nghị thành lập Đảng (1930). Đây là sự phát triển sáng tạo về tư tưởng, lý luận và thực tiễn về cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa trong điều kiện và hoàn cảnh mới của thời đại.

Về thành phần của Mặt trận: Mặt trận không phân biệt đảng phái, đoàn thể, không phân biệt dân tộc thiểu số hay đa số, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, không phân biệt xu hướng chính trị. Nếu thừa nhận mục đích, tôn chủ của Việt Minh thì đều được gia nhập vào tổ chức này. “Việt Minh chủ trương liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, trai gái, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn.... Coi quyền lợi của dân tộc cao hơn hết thảy, Việt Minh sẵn sàng giao tay đón tiếp những cá nhân hay đoàn thể không cứ theo chủ nghĩa quốc tế hay quốc gia, miễn thành thực đánh đuổi Nhật, Pháp để dựng lên nước Việt Nam tự do và độc lập” [34, tr.125]. Hồ Chí Minh khẳng định: “mỗi cán bộ, mỗi một hội viên Việt Minh đều phải tuyên truyền tổ chức; phải làm cho các Hội Cứu quốc ngày càng mạnh, làm cho các đội tự vệ, các đội du kích ngày càng nhiều. Toàn quốc đồng bào, bất kỳ già trẻ, gái trai, bất kỳ giàu nghèo, quý tiện, đều phải vào các Hội Cứu quốc. Đoàn kết được chặt chẽ, giải phóng sẽ thành công” [139, tr. 251].

Về phương pháp tập hợp lực lượng: Hồ Chí Minh nhấn mạnh “*phải có thái độ khéo léo, mềm dẻo*” để giữ tư sản dân tộc ở trong Mặt trận và “*tránh hết sức để họ ở ngoài Mặt trận*”. Nhưng Hồ Chí Minh cũng khẳng định rằng “*Đối với bọn tởrớtxkít, không thể có thoả hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị*” [139, tr.167].

Về tổ chức: Theo Hồ Chí Minh, để tăng cường tính hiệu quả trong việc tập hợp lực lượng cách mạng thì cần phải tổ chức các hội quần chúng thích hợp (công hội, nông hội, thanh niên, phụ nữ...): “Thành lập thật nhiều những tổ chức hùng mạnh thúc đẩy mau đến thắng lợi của cách mạng”. Nhấn mạnh tầm quan trọng của Hội công -

nông, Hồ Chí Minh chỉ rõ: sự tự do, bình đẳng phải cách mệnh mà lấy lại, “hội nông là một cái nền cách mệnh của dân ta. Nếu thợ thuyền và dân cày trước tổ chức kiên cố, sau đồng tâm hiệp lực mà cách mệnh thì sẽ khỏi những sự cực khổ ấy. Dầu chưa cách mệnh được ngay, có tổ chức tất là có ích lợi”. Bên cạnh đó, trong các bài nói, bài viết, Hồ Chí Minh cũng nhiều lần đề cập đến vai trò thúc đẩy hoạt động cách mạng của hội thanh niên, phụ nữ,...

Theo tinh thần của Hội nghị Trung ương lần thứ VIII, Việt Minh là một tổ chức quần chúng hết sức rộng rãi “điều cốt yếu không phải là hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu nước...” [34, tr.125]. Với tinh thần giương cao ngọn cờ cứu quốc nên các tổ chức chính trị xã hội của quần chúng nhân dân đều lấy tên là các Hội Cứu quốc như Hội Phụ nữ cứu quốc, Hội Nhi đồng cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc. Bên cạnh, các tổ chức theo các cấp tổng, huyện, kỳ, bên cạnh những tổ chức mang tính chất chính trị rõ ràng, Mặt trận còn có những tổ chức hoạt động công khai, bán công khai với những cơ cấu đơn sơ, đề từng bước kêu gọi các lực lượng, là những nấc thang phát triển, hoàn thiện của tổ chức quần chúng, phù hợp với đặc điểm của quần chúng.

Như vậy, Việt Minh là một tổ chức mặt trận tiêu biểu, là kết quả của một quá trình vận động cách mạng ở Việt Nam, kết quả thắng lợi của tư tưởng cách mạng độc lập, tự do và chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh, của Đảng. Sự ra đời và hoạt động của Việt Minh gắn liền với tư tưởng, đường lối chính trị, đường lối tổ chức và sự hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh là người sáng lập, lãnh đạo Việt Minh, sáng lập Mặt trận dân tộc thống nhất.

Tóm lại, đường lối tập hợp lực lượng toàn dân tộc theo quan điểm của Hồ Chí Minh là hoàn toàn phù hợp với tình hình chính trị và thái độ chính trị của các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, đồng thời phù hợp với lý luận tập hợp lực lượng cách mạng của chủ nghĩa Mác – Lênin. Ở mỗi giai đoạn cách mạng, với những đặc điểm cụ thể khác nhau và nhiệm vụ cách mạng khác nhau, Hồ Chí Minh đã chủ trương thành lập những hình thức tổ chức khác nhau của Mặt trận Dân tộc thống

nhất. Dù với những tên gọi khác nhau, nhưng về bản chất, Mặt trận Dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị xã hội rộng lớn, quy tụ các tổ chức và cá nhân yêu nước, tập hợp lực lượng cho phong trào cách mạng, hướng tới mục tiêu chính trị nhất quán của toàn thể dân tộc là giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Những tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh về Mặt trận Dân tộc thống nhất giai đoạn 1930-1945 đã đặt nền tảng cho mục đích, phương thức tổ chức, hoạt động, thành viên,.. của Mặt trận dân tộc thống nhất sau này.

Tiểu kết chương 3

Tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh về nhà nước Việt Nam hiện đại đã được hiện thực hóa qua Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Những nội dung cơ bản và vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thể hiện sâu sắc ở những vấn đề sau:

Thứ nhất, mục tiêu chính trị của Hồ Chí Minh là giành độc lập dân tộc, đem lại quyền tự do và cuộc sống ấm no và hạnh phúc cho nhân dân. Mục tiêu đó đã thôi thúc Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc và hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Thứ hai, căn cứ vào mục tiêu chính trị và dựa trên sự khảo cứu của các con đường cách mạng trong và ngoài nước, Hồ Chí Minh đã lựa chọn con đường cách mạng vô sản cho Việt Nam. Giải phóng dân tộc, đồng thời Người cũng đã định hướng con đường phát triển cho đất nước, đó là đường lối “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”.

Thứ ba, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển quan điểm tiến bộ về “dân” trong lịch sử. Xuất phát từ quan điểm lực lượng cách mạng là chủ thể quyền lực nhà nước, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã hiện thực hóa tư tưởng chính trị của Hồ Chí Minh khi khẳng định “Tất cả quyền bính trong nước đều là của toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo,…”

Thứ tư, Hồ Chí Minh đã sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất và lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng, xây dựng nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Chương 4. GIÁ TRỊ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC HÌNH THÀNH NHÀ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ VÀ LIÊN HỆ VÀO XÂY DỰNG NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Giá trị tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

4.1.1. Giá trị lý luận

Mặc dù không có những tác phẩm chuyên bàn về lý luận, về học thuyết, về tư tưởng như nhiều nhà chính trị, nhà tư tưởng khác, nhưng rất nhiều chính khách, nhiều nhà nghiên cứu tư tưởng, triết học, lịch sử,... trên thế giới đã khẳng định Hồ Chí Minh là nhà tư tưởng, nhà lý luận cách mạng đặc sắc. “Hồ Chí Minh là một lãnh tụ và một nhà tư tưởng mácxít- lêninnít vĩ đại của thế giới... là con người cần thiết xuất hiện đúng lúc, đúng yêu cầu của lịch sử, với những tư tưởng và ý kiến đúng. Chính vì vậy mà đồng chí đã làm ra lịch sử” [207, tr. 550]. Ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu Hồ Chí Minh đã có những công trình khẳng định vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh trong kho tàng lý luận cách mạng của thời đại “cho đến đầu thế kỷ XX, học thuyết Mác – Lênin chỉ mới soi sáng cách mạng vô sản phương Tây. Hồ Chí Minh đã góp phần mang chân lý thời đại này để soi sáng phần của thế giới mà học thuyết Mác – Lênin vừa mới bắt đầu chiếu tới. Từ đó, Hồ Chí Minh suy nghĩ, tìm tòi nghiên cứu để bổ sung những điều mà các bậc thầy học thuyết Mác – Lênin, vì sự hạn chế của lịch sử, chưa nói được đầy đủ. Đó là lý luận về cách mạng ở các nước thuộc địa” [48, tr. 22]. Tư tưởng Hồ Chí Minh nằm trong dòng sáng tạo cách mạng của những con người mà công hiến lý luận và sự nghiệp đấu tranh đã vạch đường cho thời đại” [48, tr. 16].

4.1.1.1. Bổ sung và phát triển tư tưởng chính trị Mác -Lênin

Với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chí Minh phát triển, bổ sung và làm phong phú thêm cho chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, về Đảng Cộng sản và nhà nước.

Trước hết, về vấn đề dân tộc. Học thuyết cách mạng của Chủ nghĩa Mác - Lênin chính là cơ sở lý luận và phương pháp cách mạng khoa học để hình thành, xây dựng nên những nhận thức mới về vấn đề thực hiện đấu tranh giành lại quyền độc lập, tự do của dân tộc. Tuy nhiên, trong học thuyết của mình, C.Mác lại chủ yếu tập trung luận giải vấn đề giải phóng dân tộc trên phương diện đấu tranh giải phóng của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản. Quan điểm về vấn đề dân tộc của học thuyết Mác lúc bấy giờ được nhìn nhận trên khía cạnh là vấn đề dân tộc tư sản, nó ra đời và được củng cố bởi chủ nghĩa tư bản. Vì lẽ đó, trong lý luận của học thuyết Mác, vấn đề đấu tranh giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc chỉ được xếp sau vấn đề giải phóng giai cấp, xem vấn đề giải phóng giai cấp chính là cơ sở điều kiện để thực hiện sự nghiệp đấu tranh giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, các vấn đề dân tộc được xem xét như là hệ quả tất yếu của vấn đề giai cấp nên cần phải được giải quyết dựa trên cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản với giai cấp tư sản. Điều đó đã được C.Mác khẳng định: “Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ” [130, tr.624]. Ông cũng cho rằng: “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản, dù về mặt nội dung, không phải là một cuộc đấu tranh dân tộc, nhưng lúc đầu lại mang hình thức đấu tranh dân tộc. Đương nhiên là trước hết, giai cấp vô sản mỗi nước phải thanh toán xong giai cấp tư sản nước mình đã” [130, tr.611]. Khi phát triển lên thành chủ nghĩa tư bản độc quyền, các nước đế quốc tiến hành xâm chiếm thuộc địa với mục đích là mở rộng và phân chia lại thị trường của thế giới. Điều đó đã làm cho vấn đề dân tộc trong thời kỳ này đã chuyển sang giai đoạn mới mà vấn đề nổi bật là thực hiện cách mạng để giải phóng dân tộc giành lại quyền độc lập, tự do thật sự ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Trong hoàn cảnh đó, V.I.Lênin trên cơ sở kế thừa và vận dụng học thuyết Mác, ông đã phát triển vấn đề dân tộc của Mác lên một tầm cao mới. Theo V.I.Lênin, sự nghiệp đấu tranh giành quyền độc lập, tự do và quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc thuộc địa phải có sự gắn bó mật thiết với cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản ở chính quốc. Ông khẳng định: “Cuộc cách mạng xã hội chỉ có thể tiến hành được dưới hình thức một thời đại kết hợp

cuộc nội chiến của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản trong các nước tiên tiến, với cả một loạt phong trào dân chủ và cách mạng, kể cả những phong trào giải phóng dân tộc trong các nước chưa phát triển, lạc hậu và bị áp bức”. Trên cơ sở đó, V.I.Lênin đi đến kết luận: “Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa sẽ không phải chỉ là và chủ yếu là một cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản cách mạng ở từng nước chống lại giai cấp tư sản ở nước mình, không phải thế, đó sẽ là cuộc đấu tranh của tất cả các thuộc địa và tất cả các nước bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, của tất cả các nước phụ thuộc chống lại chủ nghĩa đế quốc quốc tế”. Như vậy, đối với học thuyết cách mạng của V.I.Lênin, vấn đề dân tộc và phong trào đấu tranh giành quyền độc lập, tự do ở các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đã được coi trọng, trở thành một bộ phận có mối quan hệ mật thiết với phong trào cách mạng thế giới. Quan điểm của V.I.Lênin về vấn đề dân tộc và đấu tranh giành lại quyền dân tộc rất có giá trị đối với tất cả các dân tộc đang khao khát quyền độc lập, tự do. Nó như những hạt mưa đổ xuống trong bầu trời nắng gắt, nó giúp cho các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc giải được cơn khát về con đường cứu nước giành lại quyền độc lập, tự do.

Đối với Hồ Chí Minh, trên cơ sở kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong thực tiễn lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tiễn cũng như khát vọng của dân tộc, Hồ Chí Minh luôn xác định và kết hợp nhuần nhuyễn nhiệm vụ giải phóng giai cấp với nhiệm vụ đấu tranh giành lại quyền độc lập, tự do của dân tộc. Là công dân của một nước thuộc địa, với sự am hiểu sâu sắc về đặc điểm và khát vọng của dân tộc, Hồ Chí Minh nhận thấy ở các dân tộc thuộc địa, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với chủ nghĩa đế quốc thực dân xâm lược chính là mâu thuẫn lớn nhất và sâu sắc nhất. Do đó, Người đã đặt nhiệm vụ chống đế quốc để giành quyền độc lập, tự do của dân tộc lên hàng đầu và xem đó là mục tiêu chiến lược trên hết và trước hết, còn nhiệm vụ giải phóng giai cấp cần được tiến hành từng bước. Đó là những đánh giá mới mẻ, sâu sắc, rất độc đáo và sáng tạo của Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, đây là một luận điểm sáng tạo rất lớn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền độc lập, tự do

của dân tộc. Mặc dù có lúc, những sáng tạo đó của Hồ Chí Minh đã bị Quốc tế Cộng sản và một bộ phận những người cộng sản Việt Nam hiểu sai, dẫn đến việc Người bị phê phán rằng là người có tư tưởng dân tộc vị kỷ hẹp hòi. Nhưng thực tiễn cách mạng thế giới, đặc biệt là sự bùng nổ của chiến tranh thế giới thứ hai đã minh chứng cho sự đúng đắn trong tư tưởng của Người.

Thứ hai, về cách mạng giải phóng dân tộc. Trong quá trình tìm tòi con đường giải phóng dân tộc, Hồ Chí Minh đã khẳng định chân lý: cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận không thể tách rời của cách mạng vô sản thế giới. Tuy nhiên, Người đã sớm nhận ra vai trò và tầm quan trọng của cách mạng thuộc địa khi cho rằng, nếu không quan tâm đến cách mạng ở thuộc địa thì chẳng khác gì “muốn đánh chết rắn đằng đuôi” [138, tr.269]. Và một luận điểm hết sức sáng tạo của Hồ Chí Minh là khẳng định cách mạng thuộc địa có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng chính quốc, trong khi Quốc tế Cộng sản – tổ chức quốc tế duy nhất quan tâm đến cách mạng thuộc địa vẫn cho rằng “Chỉ có thể thực hiện hoàn toàn công cuộc giải phóng các thuộc địa khi giai cấp vô sản giành được thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến”¹.

Thứ ba, về Đảng Cộng sản Việt Nam. Học thuyết Mác – Lênin chỉ rõ sự cần thiết phải xây dựng Đảng Cộng sản để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Và từ thực tiễn châu Âu, nơi giai cấp công nhân công nghiệp ra đời sớm và phong trào công nhân phát triển mạnh, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin đã khái quát về quy luật ra đời của Đảng Cộng sản mang đậm tính giai cấp, đó là Đảng Cộng sản ra đời là kết quả của sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội khoa học và phong trào công nhân. Đối với Việt Nam, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ mang tính giai cấp, mà còn mang tính dân tộc. Do những điều kiện khách quan về kinh tế - xã hội, Hồ Chí Minh thấy được sự phân hóa giai cấp ở Việt Nam diễn ra không gay gắt như ở các nước tư bản phương Tây. Sự xung đột về lợi ích giữa các giai cấp không phải là mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội. Ở Việt Nam, mâu thuẫn cơ bản của xã hội là mâu thuẫn cơ bản giữ quyền độc lập, tự do của dân tộc

¹ *Những luận cương về Nghị quyết Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, Paris, 1928, tr.174*

với sự xâm lược và bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp. Việt Nam là một dân tộc có truyền thống yêu nước và đấu tranh quật cường, nhất là khi quyền độc lập dân tộc bị xâm phạm, các mâu thuẫn về lợi ích cục bộ giữa các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội được xếp xuống hàng thứ yếu. Cùng với phong trào công nhân, Hồ Chí Minh đánh giá rất cao phong trào yêu nước. Đặc biệt khi giai cấp công nhân Việt Nam còn nhỏ bé, phong trào công nhân non yếu thì vị trí, vai trò của phong trào yêu nước càng đóng vai trò quan trọng. Phong trào yêu nước là phong trào rộng rãi, sôi nổi nhất có thể tập hợp các giai tầng khác như nông dân, trí thức yêu nước, tư sản và các nhân sĩ có tinh thần dân tộc chống thực dân... Căn cứ vào chỉ dẫn chung của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời cũng dựa trên những đặc điểm cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã bổ sung vào quy luật ra đời chính đảng cộng sản ở Việt Nam một yếu tố thứ ba là phong trào yêu nước. Người khẳng định “Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập *Đảng Cộng sản Đông Dương* vào năm 1930” [148, tr. 406]. Có thể nói, sự kết hợp chặt chẽ giữa ba yếu tố trên đã làm chuyển hóa những người yêu nước thành những người cộng sản, thậm chí chuyển hóa cả những phần tử trước đó thuộc giai tầng bóc lột trong xã hội. Hồ Chí Minh và Đảng còn chủ trương kết nạp vào Đảng những công nhân tiên tiến, cả những người thuộc các tầng lớp khác, có lòng yêu nước nồng nàn và tinh thần cách mạng triệt để theo đúng nguyên tắc xây dựng đảng kiểu mới. Điều đó vừa đảm bảo giữ vững bản chất giai cấp công nhân, vừa thể hiện được tính dân tộc trong xây dựng Đảng. Trong Lời kêu gọi nhân sự kiện thành lập Đảng, Hồ Chí Minh viết “*Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh! Anh chị em bị áp bức, bóc lột!*[...] Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng” [139, tr. 22]. Chủ trương trên chẳng những khơi dậy được tinh thần yêu nước của công nhân, nông dân mà bước đầu còn quy tụ được cả tinh thần yêu nước của tầng lớp tư sản dân tộc, tiểu tư sản và địa chủ phong kiến, tạo điều kiện cho việc tập hợp lực lượng cách mạng, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi sau này. Đây là đóng góp quan trọng vào sự phát triển lý luận và thực tiễn quy luật ra đời của Đảng Cộng sản, là sự sáng tạo

lớn trong việc kết hợp giữa cái chung của thời đại và cái riêng của đất nước, cái phổ biến của giai cấp vô sản nhân loại và cái đặc thù của dân tộc. Đồng thời, luận điểm sáng tạo này của Hồ Chí Minh có ý nghĩa to lớn trong thực hiện chính sách đoàn kết, tập hợp lực lượng cách mạng đối với các quốc gia có hoàn cảnh tương tự như Việt Nam, qua đó, khẳng định học thuyết Mác – Lênin là một học thuyết động, học thuyết của thực tiễn. Và nhiệm vụ của những người cộng sản là phải căn cứ vào thực tiễn để làm phong phú, đổi mới, hoàn thiện chủ nghĩa Mác – Lênin.

Theo Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân, đội tiên phong của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Đảng dựa trên cơ sở Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, thực hiện vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Mặt khác, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo toàn thể dân tộc Việt Nam đấu tranh giành lại nền độc lập dân tộc, xây dựng đất nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, vì thế Đảng Cộng sản Việt Nam cũng là Đảng của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam.

4.1.1.2. Góp phần làm phong phú tư tưởng chính trị thế giới

Thứ nhất, Hồ Chí Minh đã bổ sung và phát triển lý luận về quyền dân tộc và quyền con người

Theo Hồ Chí Minh, quyền dân tộc và quyền con người có mối quan hệ biện chứng. Cụ thể, quyền độc lập, tự do của dân tộc là điều kiện tiên quyết để bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền con người. Là một người dân thuộc địa, hơn ai hết, Hồ Chí Minh cảm nhận và thấu hiểu được nỗi khổ nhục của một người dân mất nước và rút ra một chân lý: nước được độc lập, thì người dân mới được hưởng tự do, hạnh phúc. Nếu đất nước mất đi quyền độc lập, tự do, nhân dân của đất nước đó cũng không có quyền con người, không được hưởng các giá trị của tự do, hạnh phúc. Đây cũng chính là lý do khiến Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước, giành lại quyền độc lập, tự do thật sự cho dân tộc, đồng thời phác họa về một mô hình nhà nước với một chế độ xã hội vừa đảm bảo được quyền độc lập, tự do của dân tộc vừa đảm bảo được các quyền làm chủ cơ bản của con người. Hồ Chí Minh không phải là người

đầu tiên đề cập đến tư tưởng về độc lập, tự do, hạnh phúc. Những tư tưởng tiến bộ về tự do, bình đẳng, bác ái đã được hình thành và phát triển mạnh mẽ ở nhiều nước phương Tây, nhưng tư tưởng nhân quyền ở nhiều nước phương Tây nêu ra chủ yếu đề cập đến quyền của mỗi cá nhân. Đó là điều đúng với lẽ tự nhiên nhưng chưa đủ trong thời kỳ các nước đế quốc, thực dân ra sức xâm chiếm thuộc địa và áp đặt sự cai trị tàn bạo của mình lên các dân tộc nhỏ, yếu. Quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và sau này là xây dựng và phát triển đất nước đã thể hiện rõ nét quan điểm của Hồ Chí Minh về những giá trị “Độc lập”, “Tự do”, “Hạnh phúc”, “Bình đẳng” và sự kết hợp, thống nhất giữa các giá trị về quyền dân tộc với quyền con người. Bản *Tuyên ngôn độc lập* được Hồ Chí Minh soạn thảo năm 1945 đã tạo tiền đề, cơ sở pháp lý cho việc khẳng định quyền độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam, Người đã kế thừa những tư tưởng tiến bộ về quyền con người của nhân loại được thể hiện trong hai bản tuyên ngôn nổi tiếng của nước Mỹ và nước Pháp. Từ luận điểm “Tất cả mọi người đều sinh ra bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được, trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” [140, tr. 1] trong Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ và “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi” [140, tr. 1] trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1789 của Pháp, Hồ Chí Minh đã khái quát, nâng quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc và quyền bình đẳng của con người thành quyền của dân tộc “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” [140, tr. 1]. Như vậy, Hồ Chí Minh xuất phát từ giá trị nhân văn cao cả, mang tính phổ quát về những quyền cơ bản của con người để nâng lên thành quyền dân tộc, quyền tự quyết, quyền bình đẳng, quyền độc lập dân tộc, từ quyền con người trừu tượng thành quyền của người dân được sống trong độc lập, tự do.

Trong quá trình hình thành và sau này là xây dựng, phát triển nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mối quan hệ giữa quyền độc lập, tự do của dân tộc với

quyền con người luôn được Hồ Chí Minh đặt trong sự gắn bó chặt chẽ, biện chứng với nhau. Ở đó, quyền tự do cá nhân phải luôn được đặt trong sự độc lập, tự do và phát triển của dân tộc, quyền lợi của mỗi cá nhân con người không bao giờ tách khỏi quyền độc lập, tự do của một dân tộc. Bởi lẽ, con người không thể có quyền tự do, hạnh phúc khi đất nước mất đi quyền độc lập, tự do, nên trước khi có được quyền con người chân chính, mỗi cá nhân cần phải biết đặt lợi ích của quốc gia dân tộc lên trên hết. “để xứng đáng với quyền Con người và quyền Công dân, họ còn phải làm bổn phận của họ là những Con người và những Công dân nữa, nghĩa là phải tổ chức nhau lại và đấu tranh để giành lấy các quyền đó” [137, tr. 355]. Tại Hội nghị Trung ương lần thứ VIII (5/1941), Hồ Chí Minh một lần nữa nhấn mạnh rằng quyền lợi của một bộ phận giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc, nếu quyền lợi của quốc gia dân tộc không đòi lại được thì quyền lợi của giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Và ngược lại, nhân dân đã hy sinh làm cách mạng, khi cách mạng thành công, đất nước giành được độc lập thì nhà nước độc lập đó cần phải tôn trọng và giải quyết hài hoà các quyền cơ bản của con người, không ngừng quan tâm thực hiện một cách đầy đủ các quyền cơ bản của con người, phải ra sức làm cho người dân được hưởng cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc, “làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” [140, tr. 187]. Nếu đất nước đã giành được độc lập, tự do nhưng người dân không được hưởng các giá trị làm người thì nền độc lập, tự do đó cũng không có nghĩa lý gì. Đây cũng chính là nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam, trong Lời nói đầu của Hiến pháp năm 1946, cũng đã nêu rõ: “Nhiệm vụ của dân tộc ta trong giai đoạn này là bảo toàn lãnh thổ, giành độc lập hoàn toàn và xây dựng nước nhà trên nền tảng dân chủ”. Sau này, trong các bản hiến pháp của Việt Nam, vấn đề độc lập, chủ quyền luôn được khẳng định và đặt trang trọng ngay từ trang đầu tiên, bởi lẽ, nền độc lập của Việt Nam, sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là thành quả đấu tranh của toàn thể dân tộc.

Đóng góp to lớn về mục tiêu chính trị độc lập dân tộc, tự do hạnh phúc cho nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ đối với nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mà còn có giá trị lý luận với sự phát triển tư tưởng nhân quyền của nhân loại. Dựa trên cơ sở pháp lý về quyền “tự nhiên”, “lẽ phải không thể chối cãi được”, Hồ Chí Minh đã đòi quyền cho tất cả các dân tộc đang bị áp bức, bóc lột trên thế giới. Việc đề ra các quyền con người gắn chặt với quyền dân tộc cũng đã trở thành công lý và được thừa nhận trong điều khoản pháp lý quốc tế. Đến năm 1966, sau hơn 20 năm đấu tranh tại Liên hợp quốc, quyền độc lập và quyền tự quyết dân tộc mới được ghi nhận tại Điều 1 của Hiệp ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị, về các quyền kinh tế, văn hoá và xã hội.

Thứ hai, cụ thể hoá quan niệm “nhà nước của dân, do dân, vì dân” trong lịch sử văn minh nhân loại

Quan niệm nhà nước “của dân, do dân, vì dân” được Tổng thống Mỹ Abraham Lincoln sử dụng trong bài diễn văn đọc ở Gettysburg vào ngày 19 tháng 11 năm 1863. Tư tưởng này của Lincoln ảnh hưởng tới nhiều chính trị gia và trở thành câu nói bất hủ, được trích dẫn rất nhiều trong hơn 150 năm qua. Tôn Trung Sơn, người sáng lập ra Trung Hoa Dân Quốc, trong chủ nghĩa Tam dân của mình cũng đã đưa ra khái niệm “dân hữu”, “dân trị”, “dân hưởng”, khá tương đồng với quan niệm “của dân”, “do dân”, “vì dân” trong diễn văn của A.Lincoln.

Mặc dù đều thể hiện tính chất của chính phủ dân cử nhưng nội hàm “dân” trong mỗi quan niệm sẽ quy định mức độ “dân chủ” của nền chính trị. Trong quan niệm của A.Lincoln, chính phủ thuộc về dân, nhưng ông lại không xác định rõ ràng “dân” bao gồm những đối tượng nào trong xã hội, do đó, trên thực tế, chính phủ A.Lincoln đề cập đến vẫn chỉ là chính phủ của số ít người, chính phủ của những người hữu sản, thuộc giai cấp thống trị trong xã hội. Và đóng góp của Hồ Chí Minh là Người đã khẳng định rõ ràng “dân” trong nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là toàn thể nhân dân Việt Nam, không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo,... Sau này, trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Hồ Chí Minh cũng đã chỉ rõ hơn đặc tính của dân, do dân, vì dân khi khẳng định:

“Bao nhiêu lợi ích đều vì dân.

Bao nhiêu quyền hạn đều của dân

Chính quyền từ xã đến Chính phủ trung ương do dân cử ra.

Đoàn thể từ Trung ương đến xã do dân tổ chức nên.

Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân” [142, tr.232]

4.1.1.3. Làm phong phú mô hình nhà nước trên thế giới

V.I.Lênin khẳng định: Vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề chính quyền nhà nước. Vấn đề chính quyền nhà nước ở đây không chỉ là vấn đề giành chính quyền nhà nước mà còn là vấn đề lựa chọn chính thể, định hình cách thức tổ chức chính quyền nhà nước sau khi giành được độc lập. Việc lựa chọn mô hình chính thể là nhiệm vụ quan trọng bậc nhất của mỗi quốc gia, bởi lẽ chính thể phù hợp sẽ là cơ sở để đất nước phát triển, đi lên, ngược lại sẽ dẫn đất nước đến tình trạng khủng hoảng và trì trệ. Bên cạnh đó, mọi mô hình chính thể chỉ đúng ở mức độ tương đối, có mô hình tổ chức phù hợp với nhà nước này, nhưng không phù hợp với nhà nước khác, thậm chí trong từng giai đoạn lịch sử, mỗi nhà nước chỉ thích nghi với một mô hình nhất định. Căn cứ vào nhiều yếu tố về điều kiện, hoàn cảnh đất nước và thế giới, truyền thống lịch sử, trình độ văn minh, dân chủ của dân tộc, Hồ Chí Minh đã lựa chọn mô hình Dân chủ cộng hoà cho Việt Nam. Sự lựa chọn mô hình chính thể này thể hiện sự sáng tạo tài tình của Hồ Chí Minh, có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn, không chỉ đối với Việt Nam mà còn đóng góp, bổ sung, làm phong phú mô hình nhà nước dân chủ trên thế giới.

Thực tiễn của cách mạng Tháng Tám 1945 đã thể hiện nó không chỉ giành độc lập cho dân tộc mà còn thủ tiêu chế độ quân chủ, lập nên chế độ dân chủ cộng hoà. Và *Tuyên ngôn của cuộc cách mạng tháng Tám là Tuyên ngôn lập quốc song đây cũng là lời tuyên bố với toàn thể nhân dân trong nước và trên thế giới về chính thể của nhà nước Việt Nam là dân chủ cộng hoà, dân chủ nhân dân*. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ thể quyền lực trong nước là toàn thể nhân dân được thể chế hoá một cách mạnh mẽ trong bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946, đặc biệt trong quy định về quyền bầu cử của công dân Việt Nam. Công dân Việt Nam khi đến tuổi trưởng

thành (18 tuổi trở lên) đều có quyền bầu cử. Không có bất kỳ điều kiện giới hạn nào, để cả những trường hợp không biết đọc, biết viết. Tinh thần này tiếp tục được duy trì trong bản Hiến pháp 1959 và kế thừa trong các bản Hiến pháp sau này của Việt Nam. Điều đó, cho thấy nhà nước kiểu mới được xây dựng ở Việt Nam là nhà nước mang tính nhân dân, tính dân tộc, bao gồm không chỉ bộ phận giai cấp vô sản mà còn cả những người dân Việt Nam yêu nước, phấn đấu vì mục tiêu chung của dân tộc.

Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam Á. Nhưng đây cũng là nhà nước dân chủ có nét đặc biệt, không giống hoàn toàn bất cứ một mô hình nhà nước dân chủ trên thế giới lúc bấy giờ. Mô hình nhà nước ấy vừa có đặc điểm của chính thể đại nghị, vừa có dấu ấn của Tổng thống cộng hoà, lại giống Cộng hoà Xô viết khi xác định quyền lực nhà nước là không thể phân chia. Mô hình Cộng hoà Pháp – nền Cộng hoà thứ V của Hiến pháp 1958, được xác định là Cộng hoà lưỡng tính, có nhiều đặc điểm giống như mô hình tổ chức nhà nước của Hiến pháp năm 1946. Nhưng rõ ràng, mô hình tổ chức nhà nước của Pháp mãi đến năm 1958 mới tìm ra, trong khi đó Hồ Chí Minh đã lựa chọn và xây dựng cho Việt Nam ngay từ năm 1946. Như vậy, có thể khẳng định, Hồ Chí Minh đã sáng tạo ra mô hình chính thể mới – mô hình nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và được đánh giá là “một chính thể cộng hoà đặc biệt, đặt nền móng cho sự hình thành ra một loại hình của chính thể lưỡng tính cộng hoà hiện đại” [29, tr. 152].

4.1.1.4. Góp phần xác lập đường lối chính trị và con đường phát triển cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Trong thế kỷ XX, không phải mọi phong trào giải phóng dân tộc, chống tư bản thực dân đều thuộc phạm trù cách mạng vô sản, nhưng trong điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam, khi các phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc theo các khuynh hướng phong kiến hoặc tư sản đều không thành công, thì việc xác định con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản của Hồ Chí Minh, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, chính là sự lựa chọn của lịch sử. Điểm giống nhau

giữa Hồ Chí Minh với các nhà cách mạng tiền bối là gắn liền cứu nước với cứu dân, sau khi giành độc lập sẽ tiếp tục phát triển đất nước. Nhưng điểm khác nhau cơ bản ở chỗ con đường phát triển của đất nước sau khi giành độc lập: tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở quan điểm về tính chất của cách mạng Việt Nam, trong Chánh cương vắn tắt của Đảng, Hồ Chí Minh đã khái quát mục tiêu và vạch rõ lộ trình chung của con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam là “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Như vậy, đến đây Hồ Chí Minh đã xác định: cuộc cách mạng mà nhân dân Việt Nam cần phải thực hiện là một cuộc cách mạng triệt để, trải qua ba vòng khâu “tư sản dân quyền cách mạng” thực hiện giải phóng dân tộc; 2. “thổ địa cách mạng” – thực hiện các quyền dân chủ cho nhân dân, trước hết là dân chủ về kinh tế cho đại đa số nhân dân Việt Nam là nông dân, xây dựng chế độ dân chủ mới để 3. “đi tới xã hội cộng sản”. Điều cần lưu ý là nếu như cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng dân chủ là những vòng khâu trên con đường đi tới chế độ cộng sản thì những giai đoạn ấy vẫn nằm trong phạm trù con đường cách mạng vô sản, hay nói cách khác, nó mang tính chất của cách mạng vô sản giải quyết nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nhiệm vụ thực hiện các quyền dân chủ. Do vậy, nó không giới hạn ở mục tiêu giải phóng dân tộc và mục tiêu dân chủ, mà còn chứa đựng tính tất yếu phát triển thành cuộc cách mạng giải phóng triệt để giai cấp và con người, tức là thực hiện mục tiêu cộng sản. Bên cạnh đó, giữa giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa không có bức tường ngăn cách, không phải tiến hành một cuộc cách mạng chính trị lần thứ hai để giải quyết vấn đề chính quyền như cách mạng Nga (Cách mạng Tháng Hai và Cách mạng Tháng Mười năm 1917) và cách mạng Trung Quốc (1945 và tháng 10-1949). Điều đó cho thấy, ngay từ những năm 1920-1930, lộ trình chung của cách mạng Việt Nam đã được Hồ Chí Minh xác lập, và ngay từ khi mới ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh đã nắm vững nguyên lý cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác – Lênin, kinh nghiệm thế

giới, hiểu rõ đặc điểm lịch sử xã hội Việt Nam, thấu suốt con đường phát triển tất yếu của cách mạng.

Cần nhấn mạnh quan điểm của Hồ Chí Minh cho rằng, trong vòng khâu đầu tiên, cách mạng Việt Nam trước hết phải là cách mạng giải phóng dân tộc. Trong cuộc cách mạng ấy bao hàm cả tính chất giải phóng dân tộc và giải phóng con người (thực dân Pháp vừa là kẻ bức dân tộc, vừa là kẻ áp bức giai cấp, do áp bức dân tộc mà sinh ra áp bức giai cấp; chế độ thực dân là chế độ nô dịch con người), song tính chất bao trùm là giải phóng dân tộc. Quan điểm này thể hiện một tư tưởng nhất quán của Hồ Chí Minh khi cho rằng, chỉ khi nào “nước đã được độc lập”, thì tất cả những mục tiêu giải phóng giai cấp, giải phóng con người mới có điều kiện để thực hiện một cách triệt để.

Như vậy, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, chính hiện thực xã hội Việt Nam đã quy định cách mạng Việt Nam là cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Giải phóng dân tộc là một vòng khâu tất yếu trên con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam, là một vòng khâu tất yếu để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam. Cùng với sự phát triển của thực tiễn cách mạng, Hồ Chí Minh đã tiếp tục khẳng định và bổ sung, chi tiết hóa lộ trình chung cho dân tộc.

4.1.2. Giá trị thực tiễn

4.1.2.1. Góp phần quyết định sự hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà

Việt Nam là một quốc gia – dân tộc văn hiến có truyền thống yêu nước nồng nàn và kiên cường, bất khuất. Với bề dày lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, lớp lớp các thế hệ cha ông đã đứng lên chiến đấu để bảo vệ vững chắc quyền độc lập, tự do của dân tộc. Tuy nhiên, vào cuối thế kỷ XIX khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược, đất nước mất đi quyền độc lập, tự do. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam phân hoá một cách sâu sắc, các giai cấp cũ phân hoá, các giai cấp mới ra đời, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với thực dân Pháp và tay sai trở thành mâu thuẫn chủ yếu và ngày càng gay gắt. Song ách áp bức dân tộc càng nặng thì sự phản kháng dân tộc càng cao, đấu tranh dân tộc càng mạnh. Không

ít những trào lưu tư tưởng đã được hiện thực hóa để đòi lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc nhưng đều thất bại do các trào lưu tư tưởng chính trị đó không phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước, không đáp ứng được mong muốn của người dân, không quy tụ, tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân. Cách mạng Việt Nam “đen tối như không có đường ra”. Lịch sử đặt ra yêu cầu cấp thiết cần phải tìm được một đường lối chính trị đúng đắn, một phương pháp cách mạng khoa học để giải phóng dân tộc, đưa đất nước tiếp tục đi lên theo trào lưu chung của nhân loại. Đó cũng chính là lý do khi tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc, hướng tới thiết lập nhà nước Việt Nam hiện đại được hình thành đã nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của người dân, góp phần khởi xướng và đặt nền móng vững chắc cho sự nghiệp đấu tranh giành, giữ và thực thi quyền độc lập của dân tộc, quyền tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, sự thất bại liên tiếp của các phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp và bè lũ tay sai đã khiến cách mạng Việt Nam rơi vào tình trạng khủng hoảng đường lối cứu nước. Ngay trong hoàn cảnh đó, Hồ Chí Minh đã xuất hiện và ra đi tìm đường cứu nước. Được nghiên cứu, khảo nghiệm các cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do của các dân tộc trên thế giới, nổi bật là cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, cùng với việc đọc được bản Sơ thảo luận cương của Lênin đã giúp Hồ Chí Minh định hình được hướng đi cho hành trình xác lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau khi tìm thấy con đường đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân, bằng sự cố gắng và tích cực hoạt động, Hồ Chí Minh đã xây dựng được hệ thống lý luận cách mạng toàn diện và sáng tạo phù hợp với thực tiễn Cách mạng Việt Nam. Bằng nhiều con đường khác nhau, Người đã nhanh chóng được truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và các dân tộc thuộc địa như sáng lập tờ báo *Người cùng khổ*, mở các khóa bồi dưỡng chính trị, phát hành tuần báo *Thanh niên*, tuần báo *Công nông*, nguyệt san *Lính cách mệnh*, mở các lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu (Trung Quốc), xuất bản sách *Đường cách mệnh*,... trên cơ sở đó thúc đẩy phong trào đấu tranh giành độc lập, tự do của dân tộc diễn ra mạnh mẽ và có tổ chức. Sự ra đời của Đảng Cộng sản

Việt Nam vào năm 1930 chính là kết quả tất yếu của một quá trình hoạt động và chuẩn bị kỹ lưỡng về mọi mặt của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của một chính đảng vô sản ở Việt Nam. Dưới sự dẫn dắt và soi đường của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra được đường lối cách mạng đúng đắn, đáp ứng đúng nhu cầu đặt ra của thực tiễn, nguyện vọng và lợi ích của dân tộc. Xác định việc “cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng [...] Việc cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm” [139, tr.230], Hồ Chí Minh đã cùng với Trung ương Đảng đã tổ chức vận động tập hợp, đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, xây dựng lực lượng cách mạng từ trong nhân dân theo phương châm: “Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [146, tr. 453], góp phần tạo nên lực lượng cách mạng hết sức to lớn cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, xây dựng nhà nước Việt Nam hiện đại của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Trong một thời gian ngắn, dưới sự lãnh đạo của chính đảng vô sản – Đảng Cộng sản Việt Nam, cách mạng Việt Nam đã có được những bước phát triển vững chắc trong hành trình đấu tranh giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc. Đến tháng 11 năm 1939, để đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi mới của sự nghiệp cách mạng, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ VI của Đảng đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, xác định nhiệm vụ trọng tâm của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ là đánh đuổi đế quốc thực dân giành lại độc lập, tự do cho các dân tộc ở Đông Dương. Như vậy, sự chuyển hướng chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng là sự trở về với tư tưởng về độc lập, tự do của dân tộc do Hồ Chí Minh đề ra tại Hội nghị thành lập Đảng vào tháng 2 năm 1930. Ngày 28 tháng 1 năm 1941, Hồ Chí Minh trở về nước sau 30 năm tìm đường cứu nước. Người triệu tập Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VIII (5/1941). Tại Hội nghị này, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh thì vấn đề chuyển hướng chỉ đạo về chiến lược của cách mạng đã thực sự trở nên hoàn thiện. Một lần nữa, Đảng xác định quyền độc lập, tự do của dân tộc là mục tiêu hàng đầu, quan trọng và thiêng liêng

nhất của sự nghiệp cách giải phóng dân tộc. Vì vậy, Đảng xác định nhiệm vụ giải phóng dân tộc giành quyền độc lập, tự do là nhiệm vụ trọng tâm. Cũng tại Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ VIII, Hồ Chí Minh đã chủ trương sáng lập ra mặt trận Việt Minh, với chính sách 10 điểm nhằm mục đích cơ bản đó là làm cho đất nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, tự do, để qua đó tất cả mọi người dân Việt Nam được hưởng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Cuối tháng 7-1945, tình hình thế giới và trong nước có những chuyển biến mau lẹ, Hồ Chí Minh đã xác định lúc này thời cơ đã chín muồi, vì vậy không thể chậm trễ, cần phải tiến hành tổng khởi nghĩa để giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”. Quyết tâm đó của Hồ Chí Minh tiếp tục được khẳng định trong lời tuyên thệ của Người tại lễ ra mắt quốc dân trước đình Tân Trào rằng: “Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng, quyết không lùi bước. Xin thề!” [191, tr.111]. Trên nền tảng lời kêu gọi của Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người về quyền độc lập, tự do của dân tộc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra được những chủ trương và phương pháp cách mạng đúng đắn để quy tụ và đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, trực tiếp lãnh đạo nhân dân và dân tộc tiến hành cách mạng, đánh bại chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và mới. Hoàng đế Bảo Đại Tuyên cáo thoái vị. “Chính quyền cách mạng được thừa nhận, hợp pháp hoá một cách vẻ vang nhất bởi sự tham gia cuồng nhiệt của toàn thể nhân dân Việt Nam” [10, tr.102]. Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mở ra kỷ nguyên Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Đồng thời, bản *Tuyên ngôn độc lập* cũng chính là lời tuyên bố với quốc dân và thế giới một nguyên lý cơ bản về quyền độc lập, tự do của dân tộc là bất kỳ dân tộc nào cũng có quyền bình đẳng, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc và do đó: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” [140, tr. 3]. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã chấm dứt gần

một thế kỷ đất nước bị tước mất quyền độc lập, tự do. Sau này, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lần đầu tiên trong lịch sử nhân dân ta được hoàn toàn giải phóng: Đã phá tan cái xiềng xích nô lệ thực dân, đã đập đổ cái chế độ thối nát của vua quan phong kiến, đã lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Từ đó dân ta làm chủ nước ta”. Thắng lợi to lớn đó của cách mạng Việt Nam chính là minh chứng rõ ràng nhất cho giá trị thực tiễn của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành, xác lập nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Giải phóng dân tộc, giành độc lập cho nước Việt Nam là công việc to lớn, là thắng lợi nổi bật, vĩ đại của Cách mạng tháng Tám. Tuy nhiên, suy cho cùng, trong lịch sử dân tộc Việt Nam, công cuộc giải phóng dân tộc đã nhiều lần được nhân dân tiến hành và thực hiện thành công. Nhưng lật đổ chế độ quân chủ, giành chính quyền về tay nhân dân, dựng lên chế độ dân chủ cộng hòa, đưa nhân dân lao động từ nô lệ lên làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hiến pháp dân chủ nhân dân thì chỉ có thời đại Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản mới làm được. Cái vĩ đại riêng có của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam, công lao lịch sử không thể phủ nhận của Đảng Cộng sản và Hồ Chí Minh là cả ở chỗ này chứ không chỉ là giành lại độc lập như nhiều nước trong khu vực cùng thời và sau đó. Như vậy, thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, sự hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà năm 1945 là thắng lợi “kép” vĩ đại của dân tộc Việt Nam, công lao “kép” to lớn của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam. Không đề cao đúng mức thắng lợi lịch sử xóa bỏ chế độ quân chủ, dựng nên chế độ dân chủ là chưa thấy hết giá trị tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh và cách mạng dân tộc dân chủ, chưa thấy hết công lao của những người cách mạng và không đúng với thực tế đã diễn ra, không công bằng khi đánh giá lịch sử [219, tr.42]

4.1.2.2. Góp phần cổ vũ thực tiễn đấu tranh giành độc lập dân tộc và hình thành các quốc gia dân tộc trên thế giới

Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước và bước lên vũ đài đấu tranh chính trị vào lúc mà chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn chủ nghĩa tư bản độc quyền. Với đặc điểm kinh tế - chính trị là xâm chiếm thuộc địa

và phân chia lãnh thổ thế giới, giữa thế kỷ XX, chủ nghĩa đế quốc đã thống trị và chi phối toàn bộ tình hình thế giới. Bằng nhiều chính sách bóc lột và khai thác khác nhau, chủ nghĩa đế quốc đã chà đạp lên những giá trị văn hoá, tinh thần, tước đoạt quyền lợi kinh tế và địa vị chính trị xã hội của nhân dân các nước thuộc địa. “cùng chịu chung một nỗi đau khổ: sự bạo ngược của chế độ thực dân” [137, tr. 208], nhân dân các nước thuộc địa trên thế giới đã tiến hành nhiều cuộc đấu tranh nhằm đòi lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc mình.

Dưới sự lãnh đạo tài tình và sáng suốt của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, Cách mạng tháng Tám thành công, đã khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Sự kiện này không chỉ có ý nghĩa dân tộc to lớn mà còn có ý nghĩa quốc tế và thời đại sâu sắc. Nếu như cách mạng tháng Tám như ngòi nổ, chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở ra thời kỳ tan rã của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên toàn thế giới thì nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trở thành động lực, làm sống lại giá trị và khát vọng về độc lập, tự do của các dân tộc bị áp bức, qua đó, thúc đẩy ý chí và quyết tâm của họ trong đấu tranh giành, giữ và thực thi quyền độc lập, tự do của dân tộc, nhất là các dân tộc thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh. Cách mạng tháng Tám và sau đó là 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945-1975), đã đưa Việt Nam trở thành ngọn cờ đầu trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và “giải phóng dân tộc thuộc địa thế kỷ XX là một trong những sự kiện vĩ đại nhất”, gắn liền với tên tuổi Hồ Chí Minh, mang dấu ấn một thời đại – thời đại Hồ Chí Minh. Có thể thấy, Hồ Chí Minh một người yêu nước, một người đi tiên phong trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Hồ Chí Minh là người Việt Nam tiêu biểu cho ý chí quyết thắng trong cuộc đấu tranh đòi tự do và độc lập dân tộc. Chủ tịch Đảng Cộng sản Cuba Fidel Castro cho rằng: “Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thấy trong chủ nghĩa Mác Lênin bài học và con đường tìm ra giải phóng cho tất cả các dân tộc bị chủ nghĩa thực dân áp bức và bóc lột. Đồng thời Hồ Chí Minh đã kết hợp một cách thiên tài cuộc đấu tranh giành độc lập tự do và cuộc đấu tranh vì quyền lợi của quần chúng bị bọn phong kiến và giai cấp áp bức và bóc lột. Người đã tìm ra con đường

kết hợp giữa tư tưởng yêu nước của các dân tộc với sự cần thiết phải giải thoát cho họ khỏi sự bóc lột xã hội. *Sự nghiệp giải phóng dân tộc và sự nghiệp giải phóng xã hội là hai điều then chốt trong học thuyết của Người*. Đó là một công hiến khác thường của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tư tưởng cách mạng thế giới”. Một nhà báo Yemen có tên là Amin đã viết: “Chính Người đã giúp chúng tôi mở đường đi tới ánh sáng... giúp chúng tôi tìm thấy con đường giải phóng khỏi ách gông cùm cho những người trên bán đảo Ả Rập, để chúng tôi trở lại làm người và không bị coi khinh bởi những tên man rợ” [136, tr. 31]. Đồng quan điểm, Báo tia lửa (Rumani) viết: “Trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của các dân tộc nhằm thực hiện lý tưởng hòa bình, tự do và tiến bộ xã hội, tấm gương về cuộc đời của đồng chí Hồ Chí Minh, người chiến sĩ đấu tranh không biết mệt mỏi vì lý tưởng của nhân dân Việt Nam, của các dân tộc Đông Dương, là một nguồn động viên mạnh mẽ” [136, tr. 559]. Và thượng nghị sĩ Kamal Narain Singh đại diện Đảng quốc đại Ấn Độ viết: “Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là lãnh tụ của các bạn mà còn là người khởi xướng những cuộc đấu tranh cho tự do trong thế giới thuộc địa” [237, tr. 15]. Còn đồng chí John Gollan - Tổng bí thư Đảng Cộng sản Anh nói: “Đồng chí Hồ Chí Minh là một trong những người đã làm ra lịch sử hiện đại. Sự lãnh đạo của Người đối với nhân dân Việt Nam không chỉ ảnh hưởng đến lịch sử dân tộc Việt Nam mà còn ảnh hưởng đến cả chiều hướng phát triển của những sự kiện trên toàn thế giới” [207, tr. 162].

Trong thế kỷ XX, thế giới biết đến Việt Nam, biết đến Hồ Chí Minh và tư tưởng của Người như là một biểu tượng sáng ngời về khát vọng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Tính đúng đắn và bản chất cách mạng của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh được kiểm chứng bằng thực tiễn thắng lợi của cách mạng Việt Nam và sự hình thành của nhà nước Việt Nam độc lập. Đánh giá về tầm ảnh hưởng của Hồ Chí Minh và tư tưởng về quyền độc lập, tự do của Người, đúng như lời phát biểu của ông Chủ tịch Hội đồng Hòa bình thế giới Romesh Chandra: “Bất cứ nơi nào chiến đấu cho độc lập tự do, Ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao. Bất cứ ở đâu chiến đấu cho hòa bình công lý, Ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí

Minh bay cao. Ở bất cứ đâu, nhân dân chiến đấu cho một thế giới mới, chống đói nghèo, Ở đó có Hồ Chí Minh và ngọn cờ Hồ Chí Minh bay cao” [237, tr. 90]. Năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã được UNESCO tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất. Vinh dự đó đến với Hồ Chí Minh và dân tộc Việt Nam không phải là sự ngẫu nhiên mà nó xuất phát từ sự cống hiến của Người cho sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam và các quốc gia dân tộc trên thế giới. Ngoài ra, vinh dự đó cũng chính là sự khẳng định tầm ảnh hưởng to lớn, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền độc lập, tự do đối với các quốc gia dân tộc trên thế giới trong việc xác lập con đường, biện pháp đấu tranh và bảo vệ quyền độc lập, tự do của dân tộc ở quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

4.1.2.3. Trục tiếp xác lập hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại

Hệ thống chính trị là một bộ phận thuộc kiến trúc thượng tầng xã hội, là một tổ hợp chính thể, có cơ cấu tổ chức gồm các tổ chức chính trị hợp pháp, đặc trưng của xã hội (nhà nước, các đảng chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội), cùng các quan hệ và nguyên tắc hoạt động nhất định, tác động vào quá trình xã hội nhằm ổn định và phát triển chế độ đương thời, tương thích và củng cố lợi ích của chủ thể nắm giữ quyền lực. Hệ thống chính trị Việt Nam hiện đại là một chính thể thống nhất, gắn bó hữu cơ gồm có Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiền thân là nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Như vậy, Hồ Chí Minh là Người đã trực tiếp chủ trì hoặc chỉ đạo thành lập các tổ chức, bộ phận cấu thành nên hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh còn xác định nguyên tắc vận hành cơ bản của hệ thống chính trị Việt Nam. Có thể thấy, trong quan niệm của Hồ Chí Minh, nhân dân là chủ thể chính trị, vì thế nhân dân cũng là hạt nhân của hệ thống chính trị và dân chủ chính là chất của hệ thống chính trị Việt Nam. Suy cho cùng, toàn bộ tổ chức và vận hành của hệ thống chính trị Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh đều là để đảm bảo và thực hành dân chủ. Đảng Cộng sản Việt Nam – tổ chức tập hợp những

phần tử ưu tú trong nhân dân – là lực lượng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội. Đảng lãnh đạo nhà nước và xã hội thông qua đường lối của Đảng, qua công tác cán bộ đối với nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể chính trị, đoàn thể chính trị - xã hội và qua hoạt động của bản thân tổ chức Đảng và đảng viên. Nhà nước Việt Nam là công cụ quyền lực của nhân dân, do nhân dân lập nên, giám sát và kiểm soát, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời quản lý, điều hành mọi hoạt động xã hội theo Hiến pháp và pháp luật bằng các công cụ pháp lý và chính sách, bằng hoạt động của đội ngũ cán bộ nhà nước. Mặt trận và các đoàn thể chính trị, đoàn thể chính trị - xã hội là những hình thức đại diện của nhân dân, vừa thực hiện chức năng tập hợp, tổ chức lực lượng của nhân dân để thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật và chính sách của nhà nước, vừa thay mặt nhân dân thực hiện chức năng giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước, quyền lực chính trị.

4.1.2.4. Xây dựng hiến pháp dân chủ và thực hiện quyền làm chủ của nhân dân

Sau khi đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* ngày 2/9/1945, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, ngày 03/9/1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ, Hồ Chí Minh đã xác định việc xây dựng hiến pháp dân chủ là một trong sáu nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ. “Trước chúng ta đã bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế nên nước ta không có hiến pháp, nhân dân ta không được hưởng quyền tự do, dân chủ. Chúng ta phải có một hiến pháp dân chủ”. Chỉ trong một thời gian ngắn, ngày 09/11/1946, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thông qua bản Hiến pháp năm 1946.

Với 7 chương, 70 điều, Hiến pháp 1946 kết tinh nhiều giá trị cao cả của thời đại, đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trong đời sống chính trị của dân tộc Việt Nam, là nền tảng tư tưởng lập hiến của Việt Nam và thể hiện rõ tư tưởng pháp quyền của Hồ Chí Minh. Hiến pháp đã xác định rõ chính thể và củng cố tính hợp hiến và hợp pháp của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, “Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do” [138, tr.491].

Hiến pháp 1946 cũng là bản Hiến pháp dân chủ và tiên bộ nhất ở Đông Nam Á tại thời điểm đó. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam, hai tiếng thiêng liêng

“công dân” được ghi nhận trong Hiến pháp. Hiến pháp quy định rõ ràng về nghĩa vụ và quyền lợi của công dân. Theo đó, có 2 điều nói về nghĩa vụ: công dân có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, tôn trọng Hiến pháp, tuân theo Pháp luật và “có nghĩa vụ phải đi lính”; và 16 điều nói về quyền lợi của công dân. “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hoá” (Điều thứ 6); “Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình” (Điều thứ 7). Ngoài ra, công dân được hưởng những quyền cụ thể như quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài; quyền tư hữu tài sản. Đặc biệt, Hiến pháp có 5 điều quy định về quyền chính trị của công dân về quyền bầu cử, ứng cử, quyền bãi miễn các đại biểu và quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia, của các công dân Việt Nam. Các quy định về quyền con người, quyền công dân của Hiến pháp 1946 đã khẳng định địa vị chủ thể của nhân dân gắn liền với các quyền mà nhân dân được hưởng, đồng thời khẳng định tính ưu việt của chính quyền nhân dân mà Việt Nam xây dựng.

Cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước thể hiện nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nền tảng chế độ dân chủ nhân dân là Quốc hội được thiết lập theo hình thức bầu cử dân chủ cùng nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. “Tất cả công dân Việt Nam, từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, đều có quyền bầu cử, trừ những người mất trí và những người mất công quyền” (Điều 18). Để thực hiện chủ quyền của mình, nhân dân uỷ quyền, trao một phần quyền lực của mình cho nhà nước thực hiện thông qua các thể chế nhà nước. Tuy nhiên, chủ quyền nhân dân không đồng nhất với quyền lực nhà nước. Do nhân dân vẫn giữ lại những quyền quyết định về những vấn đề trọng đại của quốc gia, dân tộc “Nhân dân có quyền phúc quyết về Hiến pháp và những việc liên quan đến vận mệnh quốc gia, theo điều 32 và 70” (Điều 21). Với tư cách là chủ thể, nhân dân cũng có quyền kiểm soát đối với quyền lực nhà nước “Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra” (Điều 20). Nhân dân là chủ thể quyền lực thì bộ máy nhà nước là cơ quan quyền lực công và cán bộ nhà

nước là công bộc, là đày tớ của nhân dân. “Chính phủ là công bộc của dân vậy”. Người công bộc của dân là người dùng quyền lực của dân để “gánh vác việc chung cho dân”, nhằm mục đích “mưu tự do hạnh phúc” cho dân.

Như vậy, Hiến pháp năm 1946 đã thể hiện rõ nét tư tưởng nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Hiến pháp đặt lên hàng đầu nguyên tắc tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam, đồng thời đưa ra những quy định rõ ràng, chặt chẽ về quyền lợi, nghĩa vụ của nhân dân cũng như cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước để đảm bảo nguyên tắc trên được thực hiện triệt để.

4.2. Liên hệ tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trong việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đối với tiến trình xây dựng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

4.2.1. Kiên định mục tiêu và đường lối chính trị độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội chính là con đường cách mạng Hồ Chí Minh đã lựa chọn cho Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Đây không chỉ là mục tiêu, lý tưởng mà còn là nguồn gốc, động lực mạnh mẽ của cách mạng Việt Nam. Gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam đã huy động được lực lượng to lớn nhất của toàn dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập, hình thành, xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Do đó, giành được độc lập dân tộc mà không đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa là phản bội sự hy sinh và niềm tin của nhân dân, đồng thời, không tạo dựng được cơ sở vững chắc cho nền độc lập của đất nước, không đảm bảo được cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Trong sự nghiệp đổi mới, văn kiện các kỳ Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn khẳng định “phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”. Đại hội lần thứ V của Đảng (năm 1982) nêu lên hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: xây dựng thành công chủ

nghĩa xã hội; sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Năm 1991, trong khi mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, Đại hội lần thứ VII (năm 1991) của Đảng vẫn kiên định với sự nghiệp đổi mới tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó Cương lĩnh (năm 1991) xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã nêu lên 6 đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam đang xây dựng. Đến Đại hội XI, Đảng tiếp tục khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử” [42, tr.70]. Tại Đại hội XIII nêu rõ: “Kiên định và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng, kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa” [43, tr.109]. Như vậy, trong suốt quá trình lãnh đạo, dù trong hoàn cảnh khó khăn, thử thách, Đảng, nhà nước và nhân dân Việt Nam vẫn luôn kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Kiên định con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội cần phải nắm vững và kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội phải xuất phát từ điều kiện thực tiễn, những đặc điểm lịch sử cụ thể của đất nước, thời đại nhưng cũng cần thực hiện trên cơ sở của việc tiếp thu có chọn lọc những thành quả của chủ nghĩa tư bản, đồng thời cũng là thành quả của toàn nhân loại trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học công nghệ. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh, trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề có ý nghĩa then chốt và cốt lõi là độc lập dân tộc, lợi ích dân tộc vẫn phải được đặt lên hàng đầu, cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân là mục tiêu căn bản.

Trong tình hình hiện nay, khi xu thế toàn cầu hóa ngày càng tăng thì nguy cơ đe dọa chủ quyền, an ninh và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước vẫn còn tồn tại. Phải bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, biển, đảo của Tổ quốc; nêu cao ý chí tự lực, tự cường, tự hào, tự tôn dân tộc; thể hiện tính

cố kết, tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo vệ và phát triển sức sống của nền văn hóa dân tộc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa và bảo vệ nhân dân; hội nhập quốc tế nhưng bảo đảm giữ vững độc lập, tự chủ.

4.2.2. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành quốc gia độc lập, tự do và theo chế độ dân chủ nhân dân; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân một nước độc lập, làm chủ đất nước. Chính mục tiêu và quyết tâm của Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam và sự đồng thuận của người dân đã tạo dựng nên thể chế chính trị dân chủ cộng hòa, xác định chủ thể quyền lực là nhân dân và thực thi quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về vị trí, vai trò của nhân dân, về chủ thể quyền lực nhà nước và về thực hành dân chủ trong quá trình xác lập, xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là cơ sở lý luận nền tảng và là những chỉ dẫn thực tiễn để Đảng và nhà nước xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Trải qua hơn 40 năm đổi mới, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về dân chủ xã hội chủ nghĩa dần được hoàn thiện. Thuật ngữ “dân chủ xã hội chủ nghĩa” lần đầu tiên xuất hiện trong Văn kiện Đại hội VI của Đảng (1986) “trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động” [39, tr. 710]. Từ đó, quyền làm chủ của Nhân dân trên thực tế đã từng bước được khơi dậy và phát huy. Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*. Cương lĩnh nhấn mạnh: “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: Do nhân dân lao động làm chủ”, “Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân”. Đại hội IX của Đảng năm 2001, tổng kết 15 năm đổi mới, Đảng đã đưa “dân chủ” vào hệ mục tiêu của cách mạng nước ta: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đại hội X của Đảng (năm 2006) tiếp tục có những phát triển mới trong nhận thức về

dân chủ: “Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân” [41, tr.125]. Đại hội XI của Đảng (năm 2011), trong Cương lĩnh bổ sung và phát triển nêu rõ “Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh...” [42, tr.70]. Việc đưa cụm từ “dân chủ” lên trước cụm từ “công bằng”, “văn minh” đã khẳng định vai trò của dân chủ trong xây dựng xã hội chủ nghĩa. Dân chủ không chỉ là một hình thức chính trị mà là nội dung cốt lõi hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và để đảm bảo nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, cần tập trung triển khai các nội dung sau:

Một là, nâng cao năng lực, trình độ dân chủ của các chủ thể. Đây là giải pháp hàng đầu để nhân dân thực hiện vai trò làm chủ một cách tự giác, tích cực, chủ động trên cơ sở nhận thức và hành động theo quy luật khách quan .

Hai là, hoàn thiện cơ chế, thể chế và bảo đảm những điều kiện cần thiết để nhân dân thực sự làm chủ; đẩy mạnh đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, chống phá việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thời kỳ mới.

Ba là, gắn dân chủ với kỷ cương, pháp luật. Đây là quan điểm cốt lõi, thể hiện mối quan hệ biện chứng giữa quyền làm chủ của nhân dân và sự quản lý của nhà nước. Dân chủ không có nghĩa là không có giới hạn. Bảo đảm quyền làm chủ nhất thiết phải trong khuôn khổ của pháp luật

4.2.3. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nhà nước pháp quyền không phải là một kiểu nhà nước mà là một phương thức tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước, được xây dựng trên cơ sở của dân chủ, là “biểu hiện tập trung của chế độ dân chủ”. Do cách thức tổ chức và hoạt động của nhà nước pháp quyền có khả năng chống lại xu hướng lạm quyền, loại trừ sự độc đoán chuyên quyền của quyền lực nhà nước nên xây dựng nhà nước pháp quyền là xu thế tất yếu của xã hội hiện đại. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, mỗi quốc gia, dân tộc sẽ xây dựng một mô hình nhà nước pháp quyền phù hợp với mình. Sinh thời, Hồ Chí Minh không dùng khái niệm nhà nước pháp quyền, nhưng tư

tưởng về nhà nước pháp quyền của Người thể hiện rõ nét trong thực tiễn chính trị, trong quá trình hình thành, xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ở Việt Nam, đã có thời kỳ Đảng Cộng sản Việt Nam coi nhà nước pháp quyền là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản và mang bản chất tư bản, nên không đặt vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền. Nhưng khi nghiên cứu kỹ về lý thuyết và thực tiễn, Đảng dần có sự thay đổi trong tư duy, nhận thức và không ngừng hoàn thiện đường lối, chủ trương về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (1994), Đảng Cộng sản Việt Nam lần đầu tiên chính thức đưa khái niệm nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân vào văn kiện. Và hiện nay, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được Đảng và nhà nước đặc biệt quan tâm, chú trọng, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa. Đại hội XII của Đảng (năm 2016) chủ trương “xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Tại Đại hội này, Đảng cũng xác định rõ vai trò của pháp luật “vừa là công cụ để nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước”. Đến Đại hội XIII (năm 2021), Đảng xác định xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Đại hội đề ra nhiệm vụ “Nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”. Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Nghị quyết đã xác định rõ mục tiêu, 5 quan điểm chỉ đạo, 8 đặc trưng, 10 nhóm nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Để bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp, pháp luật, hạn chế sự tùy tiện của nhà nước, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, phát huy chủ quyền nhân dân và kiến tạo phát triển xã hội, trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải cần tập trung vào các nội dung:

Một là, Hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng dân chủ, công bằng, hiện đại, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi;

Hai là, Hoàn thiện cơ chế thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm nguyên tắc “thượng tôn” Hiến pháp và pháp luật;

Ba là, Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước;

Bốn là, Phát triển nguồn nhân lực pháp luật đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đủ đức và tài;

Năm là, Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong nhận thức và hành động.

4.2.4. Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị

Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị là một trong những nội dung trọng tâm của quá trình xây dựng, phát triển đất nước. Nghị quyết số 06-NQ/HNTW, ngày 29/3/1989, Hội nghị Trung ương 6 khóa VI, về kiểm điểm hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng, nhiệm vụ ba năm tới và các văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX, XII, XIII đều nhấn mạnh nhiệm vụ tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Ngày 25/10/2017, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW, Hội nghị Trung ương 6 khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị cần tập trung đổi mới nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, ít tầng cấp, ít đầu mối, không trùng lặp, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ. Tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, không phải là vấn đề mới mà đã được Đảng và

nhà nước đề ra và thực hiện nhiều năm nay. Tuy nhiên, điểm mới của việc tinh gọn lần này là “đây là vấn đề cấp bách, bắt buộc phải làm, càng làm sớm càng có lợi cho dân, cho nước” [111]. Theo đó, công việc phải được làm ngay với phương châm “vừa chạy vừa xếp hàng” và quyết tâm chính trị rất cao, hành động rất quyết liệt, cụ thể, được coi là một cuộc cách mạng về tinh gọn bộ máy hệ thống chính trị.

Việc tinh gọn tổ chức bộ máy phải gắn kết chặt chẽ giữa số lượng và chất lượng, không chỉ tinh giảm về số lượng, về quy mô cơ quan, tổ chức mà cơ bản và sâu xa hơn là sự thay đổi về chất lượng hoạt động. Đặc biệt, tinh gọn không có nghĩa là cắt giảm một cách cơ học mà là loại bỏ những vị trí không cần thiết, giảm những công việc không hiệu quả, từ đó, tập trung nguồn lực cho những lĩnh vực then chốt.

V.I.Lênin đã từng nói “Hãy cho chúng tôi một tổ chức những người cách mạng, và chúng tôi sẽ đảo lộn nước Nga lên” [112, tr.162]. Vì vậy, đổi mới hệ thống chính trị gắn với việc đổi mới, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Cần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, đủ trình độ chuyên môn, năng lực, kỹ năng cũng như phẩm chất đạo đức, trách nhiệm để đáp ứng yêu cầu công việc, nâng cao chất lượng, kết quả thực thi nhiệm vụ, công vụ trong môi trường có nhiều thay đổi như hiện nay. Do đó, phải xác định vị trí việc làm, biên chế hợp lý, chuẩn hóa chức danh, xây dựng cơ chế đánh giá minh bạch, khoa học, dựa trên kết quả công việc cụ thể nhằm khích lệ người làm việc tốt, đồng thời loại bỏ cá nhân không đáp ứng yêu cầu, qua đó nâng cao hiệu suất công việc.

Thứ hai, đảm bảo cơ chế vận hành thống nhất, thống suốt giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị. Đó là các mối quan hệ theo chiều ngang giữa các ban ngành, theo chiều dọc giữa các cấp, mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể, giữa cấp trên với cấp dưới,... phải được xác định hợp lý, đồng bộ và nhịp nhàng.

Phân biệt, phân định chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của Đảng và Nhà nước, đồng thời giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo và vai trò quản lý của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là điểm then chốt trong đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam. Đảng và nhà nước là hai bộ phận cốt

lõi trong hệ thống chính trị. Từ khi ra đời cho đến nay, Đảng Cộng sản luôn là tổ chức lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối và duy nhất trong hệ thống chính trị. Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh cũng như trong thực tiễn hình thành, xây dựng và phát triển của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã khẳng định nguyên tắc này. Đặc biệt, từ năm 1980, vị trí quan trọng, đặc thù của Đảng được thể chế hóa trong Hiến pháp của đất nước: Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Như vậy, quan hệ giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với nhà nước là quan hệ giữa đảng chính trị với bộ máy công quyền. Trong đó, Đảng quyết định những vấn đề đường lối chính trị, định hướng phát triển còn nhà nước quản lý xã hội, quản lý đất nước, tổ chức thực hiện những đường lối, quan điểm của Đảng bằng hệ thống pháp luật và các giải pháp cụ thể. Thiết kế được mô hình tổ chức Đảng lãnh đạo và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa khoa học, đúng đắn sẽ giải quyết được tình trạng chòng chéo, lẫn lộn giữa Đảng và nhà nước về tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động, chức năng và nhiệm vụ, tình trạng không rành mạch giữa thẩm quyền và trách nhiệm, nhất là chế độ trách nhiệm của từng tổ chức, dẫn đến hạn chế hiệu quả, tác dụng của từng tổ chức và của cả hệ thống chính trị nói chung.

Việc phân cấp, phân quyền giữa Trung ương và địa phương theo hướng bảo đảm quản lý thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương. Phân cấp, phân quyền phải rành mạch, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm. Đối với việc phân cấp, phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương phải bảo đảm điều kiện cần thiết về nguồn lực tài chính - ngân sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và điều kiện cần thiết khác. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nhưng phải gắn với cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Từ ngày 01/7/2025, hệ thống chính trị Việt Nam có sự thay đổi mạnh mẽ khi chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương 3 cấp: tỉnh, huyện, xã sang mô hình chính quyền địa phương 2 cấp: tỉnh, xã. Dù còn có nhiều khó khăn, vướng mắc liên quan đến hệ thống thể chế, pháp luật và các thủ tục hành chính trong tổ chức chính quyền địa phương hai cấp; cơ chế tài chính – ngân sách trong việc phân bổ ngân sách, quản lý, sử dụng tài sản công; về tổ chức bộ máy và quản lý nhân lực trong việc sắp xếp, bố trí lại đội ngũ cán bộ, công chức; cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin khi phải quản lý địa bàn rộng lớn; về tâm tư của cán bộ, người dân và doanh nghiệp,... nhưng việc chuyển đổi mô hình này là một bước đột phá rất lớn của đất nước trong xây dựng hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Chủ trương này là cơ hội tái cấu trúc không gian, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy và thay đổi cơ chế quản lý, tạo ra tiềm lực phát triển cho các địa phương, tạo ra tâm thế mới để đất nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Thứ ba, bảo đảm thu hút, mở rộng sự tham gia và vai trò giám sát của người dân; tăng cường, củng cố mối quan hệ mật thiết với nhân dân, phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân.

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn chú trọng đặt quyền lợi của người dân vào trung tâm các quyết sách, đường lối của mình với mục đích cuối cùng là người dân được thụ hưởng thành quả của sự nghiệp cách mạng. Chính vì vậy, cần thu hút được sự tham gia và giám sát rộng rãi, thực chất, cụ thể của người dân trong hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, thể chế, chiến lược phát triển của đất nước cũng như của cả hệ thống chính trị, bảo đảm tính thực tiễn, tính khả thi, không quan liêu, mang lại lợi ích thiết thực và củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và cả hệ thống chính trị.

Tiểu kết chương 4

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là sự tổng hoà biện chứng mối quan hệ dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng đó không chỉ mang tính khoa học, sáng tạo và năng động cách mạng mà còn thể hiện tính nhân văn sâu sắc. Tư tưởng đó không chỉ giải phóng dân tộc, hình thành nhà nước Việt Nam độc lập, mà còn góp phần cổ vũ thực tiễn đấu tranh giành độc lập dân tộc và hình thành các quốc gia dân tộc trên thế giới. Tư tưởng đó không chỉ có giá trị thực tiễn mà còn có những đóng góp lý luận to lớn cho tư tưởng chính trị nhân loại về vấn đề dân tộc, con người, chủ quyền nhân dân và mô hình nhà nước. Có thể nói, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mang bản sắc dân tộc đậm đà và được tiếp nối, nâng lên tầm cao của tính thời đại, kết thành một hạt nhân sáng chói có giá trị trường tồn đối với dân tộc Việt Nam và các dân tộc trên thế giới.

Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà định hướng và là kim chỉ nam cho hành động của Đảng và nhân dân Việt Nam trong thời đại mới. Trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh để lại những bài học kinh nghiệm quý báu để đổi mới hệ thống chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, về xây dựng nhà nước pháp quyền chủ nghĩa, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân.

KẾT LUẬN

Chính trị là lĩnh vực hoạt động đặc biệt của con người. Tư tưởng chính trị ra đời do nhu cầu tất yếu của con người, loài người trong thực tiễn lịch sử. Nền chính trị Việt Nam hiện đại gắn trực tiếp với tên tuổi và sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh – Người anh hùng giải phóng dân tộc. Sinh ra trong hoàn cảnh “nước mất, nhà tan”, chứng kiến cuộc sống lầm than, cơ cực của nhân dân dưới ách thống trị của thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Mặc dù vô cùng khó khăn, gian khổ nhưng những trải nghiệm và hoạt động thực tiễn đã giúp Hồ Chí Minh tích lũy kinh nghiệm chính trị, từng bước hình thành, phát triển tư tưởng chính trị của Người. Trên cơ sở những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương, gia đình, tiếp biến những tinh hoa văn hoá chính trị nhân loại, Hồ Chí Minh đã mở rộng, phát triển và vận dụng sáng tạo tinh hoa văn hoá chính trị mácxít vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Người đúc kết, khái quát thành tri thức lý luận, bao gồm hệ thống các khái niệm, phạm trù, nguyên lý, quy luật của chính trị. Điều đó đã tạo nên nội dung phong phú, đặc điểm quan trọng và nét đặc sắc, riêng biệt của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh.

Sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là thành quả trực tiếp của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đồng thời là kết quả của quá trình phát triển tư duy lý luận chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam, là sự kết hợp giữa chủ trương, đường lối giải phóng dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam với sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, khát vọng độc lập, tự do, dân chủ của nhân dân, yêu cầu khách quan cấp bách của thực tiễn cách mạng. Sự ra đời của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà chính là hiện thực hoá tư tưởng mang tầm cao trí tuệ và tính nhân loại của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Những nội dung cơ bản thể hiện vai trò của tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thể hiện sâu sắc ở những vấn đề sau:

Thứ nhất, Hồ Chí Minh đã nhận thức và chuyển hoá mục tiêu chính trị độc lập dân tộc là trên hết và trước hết, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng con

người, mang lại cuộc sống hạnh phúc, ấm no cho nhân dân trong quá trình hình thành và sau này là phát triển của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Thứ hai, để thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc, hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Hồ Chí Minh đã chỉ xác lập đường lối chính trị của dân tộc đi theo con đường cách mạng vô sản, và định hướng con đường phát triển “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” cho nhà nước Việt Nam hiện đại.

Thứ ba, đề cao vai trò của nhân dân, Hồ Chí Minh đã khẳng định nhân dân là lực lượng cách mạng và là chủ thể quyền lực của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Thứ tư, mặc dù không sử dụng khái niệm “hệ thống chính trị”, nhưng Hồ Chí Minh là Người đã sáng lập và hình thành các thành tố cấu thành và nguyên tắc hoạt động của mô hình hệ thống chính trị Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Với những nội dung cơ bản nêu trên, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tinh thần và tư tưởng định hướng cho hoạt động của nền chính trị Việt Nam hiện đại. Người đã kiến lập một nhà nước dân chủ của “dân chúng số nhiều”, nhà nước của toàn thể dân tộc; đồng thời, góp phần phát triển lý luận về nhà nước kiểu mới phù hợp đặc điểm phương Đông do giai cấp vô sản lãnh đạo. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trở thành nhân tố trung tâm tập hợp và quy tụ nguồn lực sức mạnh của toàn dân tộc, là “lợi khí” để Đảng và nhân dân Việt Nam giành những thắng lợi vẻ vang trên những chặng đường lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Với tư cách là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động, tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh đã góp phần cung cấp cơ sở lý luận cho sự nghiệp xây dựng và phát triển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng thời nghiên cứu một số vấn đề lớn trong chính trị Việt Nam và quốc tế đương đại.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Kim Hoa (2022), “Một số nội dung cơ bản trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học* (19), tr.78-81.
2. Nguyễn Thị Kim Hoa (2022), “Một số nhận thức về thể chế chính trị cộng hoà ở Việt Nam đầu thế kỷ XX”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học* (29), tr.14-16.
3. Nguyễn Thị Kim Hoa (2024), Chapter 21 “Unique features of the state model of The Democratic Republic of Vietnam”, International conference proceedings *New studies and findings in Vietnamese politics and international politics*”, University of Education Publisher, ISBN 978-604-54-4977-6, pp.191-197.
4. Nguyễn Thị Kim Hoa (2024), “Power subject of the state of The Democratic Republic of Vietnam”, *Second International Conference on the issues of social sciences and humanities*, Vietnam National University Press, Hanoi, ISBN 978-604-43-1656-7, pp.271-280.
5. Nguyễn Thị Kim Hoa (2025), “Ho Chi Minh – Founder of the modern political system of Vietnam”, *The third International Conference on the Issues of Social sciences and Humanities*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, ISBN 978-604-43-4873-5, pp.308-320.
6. Nguyễn Thị Kim Hoa (2025), “Giá trị tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh với việc hình thành nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học* (79), tr.9-11.
7. Nguyễn Thị Kim Hoa (2026), “Đặc trưng của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà”, *Tạp chí Thanh niên nghiên cứu khoa học* (101), tr.89-91.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tiếng Việt

1. Lưu Văn An (2012), *Thế chế chính trị Việt Nam lịch sử hình thành và phát triển*, NXB Chính trị Hành chính, Hà Nội.
2. Nguyễn Phương An (2017), *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh về nhân dân và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Phạm Ngọc Anh (2009), *Triết lý phát triển Hồ Chí Minh - giá trị lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Phạm Ngọc Anh, Hoàng Trang (chủ biên) (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
5. Phạm Ngọc Anh, Bùi Đình Phong (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền kiểu mới ở Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
6. A.A.Xôcôlốp (1999), *Quốc tế Cộng sản và Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
7. Hoàng Chí Bảo (2011), *Tìm hiểu phương pháp Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Hoàng Chí Bảo (2016), “Tư tưởng và triết lý Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc”, *Tạp chí Cộng sản* (883), tr.67-72.
9. Nguyễn Quốc Bảo (1999), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng*, NXB Lao động.
10. (1977), *Bản án chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
11. Nguyễn Khánh Bật, Hoàng Trang (1999), *Tìm hiểu thân thế, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Khánh Bật (2000), “Tìm hiểu quan điểm cách mạng trước hết phải có Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (2), tr.33-36.
13. Nguyễn Khánh Bật (2009), *Sự tương đồng và khác biệt về quan điểm cách mạng Việt Nam giữa Hồ Chí Minh với Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Đông*

Dương những năm 30 thế kỷ XX, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

14. Nguyễn Khánh Bật (2010), *Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Nguyễn Đức Bình (2005), “Những tư tưởng sáng tạo của Hồ Chí Minh trong cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản* (9).
16. Phạm Văn Bính (2013), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với vấn đề dân quyền”, *Đặc san Hồ Chí Minh học* (1).
17. Phan Bội Châu (2000), *Toàn tập*, Tập 2, NXB Thuận Hoá, Huế.
18. Phan Bội Châu (2000), *Toàn tập*, Tập 6, NXB Thuận Hoá, Huế.
19. Phan Bội Châu (2000), *Toàn tập*, Tập 3, NXB Thuận Hoá, Huế.
20. Trần Nam Chuân (2008), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước kiểu mới”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước* (12).
21. Phạm Hồng Chương (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Phạm Hồng Chương (2004), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
23. Phạm Hồng Chương, Doãn Thị Chín (2016), *Tư tưởng dân chủ Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
24. Lương Minh Cừ, Nguyễn Tấn Hưng (2013), *Nguyễn Ái Quốc từ lý luận đến thực tiễn cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Lê Duẩn (1975), *Vai trò của giai cấp công nhân và nhiệm vụ của công đoàn trong cách mạng xã hội chủ nghĩa*, NXB Sự thật, Hà Nội.
26. Lê Duẩn (1976), *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, NXB Sự thật, Hà Nội.
27. Nguyễn Văn Dương (1995), *Tuyển tập Phan Châu Trinh*, NXB Đà Nẵng.
28. Nguyễn Đăng Dung, Bùi Ngọc Sơn (2004), *Thế chế chính trị*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
29. Nguyễn Đăng Dung (chủ biên) (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

30. Nguyễn Thị Thanh Dung (2016), *Tư duy chính trị Hồ Chí Minh*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
31. Phạm Ngọc Dũng (2007), *Hồ Chí Minh vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin về Đảng Cộng sản*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Phạm Ngọc Dũng (2009), *Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo và phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin về xây dựng nhà nước pháp quyền*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 47, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

44. Nguyễn Đức Đạt (2005), *Tư tưởng biện chứng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
45. Phạm Văn Đồng (1998), *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Phạm Văn Đồng (2009), *Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. Phạm Văn Đồng (1976), *Hồ Chủ tịch, tinh hoa của dân tộc, lương tâm của thời đại*, NXB Sự thật, Hà Nội.
48. Phạm Văn Đồng (1990), *Hồ Chí Minh, một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, NXB Sự thật, Hà Nội.
49. Nguyễn Hữu Đông (2016), *Thế chế chính trị và hệ thống chính trị*”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (10), tr.3-8.
50. E. Cô-bê-lép (1985), *Đồng chí Hồ Chí Minh*, NXB Thanh niên, Hà Nội.
51. Furuta Motoo (2002), *Hồ Chí Minh, giải phóng dân tộc và đổi mới*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Nguyễn Duy Gia (1997), *Học thuyết chính trị Mác – Lênin và tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*.
53. Vũ Minh Giang (2008), *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta trước thời kỳ đổi mới*, NXB Chính trị quốc gia.
54. Hà Huy Giáp (1992), “Một vài suy nghĩ về tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Cộng sản* (5), tr.16.
55. Võ Nguyên Giáp (1993), *Tư tưởng Hồ Chí Minh – Quá trình hình thành và phát triển*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
56. Võ Nguyên Giáp (2008), *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
57. Trần Văn Giàu (2011), *Hồ Chí Minh - Chân dung một tâm hồn và trí tuệ vĩ đại*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
58. Trần Văn Giàu (2011), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

59. Trần Văn Giàu (2013), *Hồ Chí Minh vĩ đại một con người*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.
60. Trần Văn Giàu (2006), *Tổng tập Trần Văn Giàu*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
61. Trần Văn Giàu (1996), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng tháng Tám*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
62. Trần Văn Giàu (1997), *Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám*, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
63. Trần Văn Giàu (1997), *Sự hình thành về cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
64. Nguyễn Mạnh Hà (2022), *Hồ Chí Minh - Hành trình vì độc lập dân tộc (1911-1945)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
65. Hoàng Văn Hào (1995), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới, sự hình thành và phát triển*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
66. Lê Mậu Hãn (1998), *Các Cương lĩnh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Lê Mậu Hãn (2006), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản* (756), tr.19-24.
68. Lê Mậu Hãn (2013), “Đảng Cộng sản Việt Nam – đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (2), tr.42-46.
69. Lê Mậu Hãn (2000), “Sáng tạo của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng và xác định Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử quân sự* (1), tr.2-6.
70. Lê Mậu Hãn (2001), *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
71. Lê Mậu Hãn (Chủ biên), Mạch Quang Thắng, Bùi Đình Phong (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh rọi sáng con đường độc lập của dân tộc Việt Nam*, NXB Nghệ An, Nghệ An.

72. Lê Mậu Hãn (2005), *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*, Tập 1 (1945-1955), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
73. Lê Mậu Hãn (2016), *Lịch sử Quốc hội Việt Nam*, Tập 1 (1946-1960), NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
74. Lê Thị Hằng (2022), Sáng tạo của Hồ Chí Minh về mô hình tổ chức Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và sự vận dụng trong tổ chức quyền lực nhà nước ta hiện nay”, *Tạp chí Tổ chức nhà nước* (4), tr.18-22.
75. David Held (2013), *Các mô hình quản lý nhà nước hiện đại*, NXB Tri thức.
76. Trần Thị Thu Hoài (2012), *Sự biến đổi chính trị ở Việt Nam từ 1858 đến 1945*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
77. Vũ Đình Hòe, Bùi Đình Phong (2010), *Hồ Chí Minh với sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
78. Vũ Đình Hòe (2001), *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
79. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (1992), *Hồ Chí Minh – biên niên tiểu sử*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
80. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh – Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng (2016), *Hồ Chí Minh – biên niên tiểu sử*, Tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
81. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2003), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
82. Học viện Chính trị - Quân sự (2000), *Xây dựng hệ thống chính trị theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Quân đội nhân dân.
83. Hội đồng Lý luận trung ương (2003), *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Vũ Quang Hiến (2013), “Hồ Chí Minh với quá trình xác định và xây dựng mô hình chính quyền nhà nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam – mấy vấn đề bàn

- luận”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (9), tr.16-25.
85. Vũ Quang Hiến (2016), “Hồ Chí Minh với cách mạng tháng tám và sự kiến lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (310), tr.3-9.
 86. Đỗ Đức Hình (2006), “Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự ra đời Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (182), tr.19-23.
 87. (2002), *Hiến pháp Việt Nam (1946, 1959, 1980 và 1992)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 88. (2019), *Hiến pháp Việt Nam qua các thời kỳ (Các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013)*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 89. Đoàn Minh Huân (2015), “Vị trí, vị thế của Quốc dân đại hội Tân Trào trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và thiết lập nền dân chủ cộng hòa”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (8).
 90. Trần Đình Huỳnh – Phan Hữu Tích (1995), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 91. Trần Đình Huỳnh (2005), *Hồ Chí Minh – Kiến trúc sư lỗi lạc của nền hành chính nhà nước Việt Nam*, NXB Lao động Xã hội, Hà Nội.
 92. Trần Đình Huỳnh, Lê Thị Thanh (2016), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, *Tạp chí Cộng sản* (887), tr.57-62.
 93. Lê Quốc Hùng (2005), *Gợi mở những giá trị truyền thống của tư tưởng chính trị pháp lý Việt Nam*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
 94. Nguyễn Việt Hùng, Vũ Thị Thanh Tình và Nguyễn Thị Thu Hà (2019), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc – một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 95. Nguyễn Văn Huyền (1996), “Cội nguồn và bản chất tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Triết học* (4).
 96. Đỗ Quang Hưng (2001), *Thêm những hiểu biết về Hồ Chí Minh*, NXB Lao động, Hà Nội.
 97. Hellmut Kapfenberger (2010), *Hồ Chí Minh – một biên niên sử*, NXB Thế giới.

98. Lại Quốc Khánh (2005), “*Tư tưởng Hồ Chí Minh về chế độ dân chủ nhân dân*”, *Tạp chí Triết học* (7), tr.18-22.
99. Lại Quốc Khánh (2009), *Biện chứng của tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
100. Lại Quốc Khánh (2024), *Triết lý chính trị Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
101. Vũ Ngọc Khánh (1999), *Minh triết Hồ Chí Minh*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
102. Lý Khảm, “*Tôn Trung Sơn và Nho học truyền thống*”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử (Trung Quốc)* (986).
103. Đặng Xuân Kỳ (1995), “*Hồ Chí Minh với việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin*”, *Tạp chí Cộng sản* (15).
104. Đặng Xuân Kỳ (1977), *Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
105. Đinh Xuân Lâm, Lê Mậu Hãn (2023), *Góp phần nghiên cứu tư tưởng độc lập, tự do của Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
106. Đinh Xuân Lâm, Dương Lan Hải (chủ biên) (1998), *Nghiên cứu Việt Nam, một số vấn đề lịch sử kinh tế - xã hội – văn hoá*, NXB Thế giới, Hà Nội.
107. Tô Lâm (2004), *Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt việc triển khai tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, ngày 1/12/2024*.
108. V.I.Lênin (1977), *Toàn tập*, Tập 41, NXB Tiến bộ, Mátxcova.
109. V.I.Lênin (1980), *Toàn tập*, Tập 25, NXB Tiến bộ, Mátxcova.
110. V.I.Lênin (1981), *Toàn tập*, Tập 30, NXB Tiến bộ, Mátxcova
111. V.I.Lênin (1981), *Toàn tập*, Tập 31, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
112. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, Tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
113. V.I.Lênin (1976), *Toàn tập*, Tập 34, NXB Tiến bộ, Mátxcova.
114. V.I.Lênin (1974), *Toàn tập*, Tập 2, Tiến bộ, Mátxcova.
115. V.I.Lênin (1974), *Toàn tập*, Tập 4, NXB Tiến bộ, Mátxcova.
116. Nguyễn Đình Lộc (1998), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do*

- dân, vì dân*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
117. Lê Văn Lợi (chủ biên) (2024), *Hồ Chí Minh với hành trình thực hiện khát vọng độc lập, tự do, hạnh phúc*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
118. Lưu Văn Lợi (2005), “Nguồn gốc lịch sử và cơ sở pháp lý của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước - dân tộc”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, (63), tr.3-7.
119. Cao Văn Liên (2003), *Tìm hiểu các nước và các hình thức nhà nước trên thế giới*, NXB Thanh niên.
120. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (2011), *Đại viết sử ký toàn thư*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.
121. Nguyễn Bá Linh (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
122. Nguyễn Bá Linh (2009), *Mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
123. Kinh Lịch (2005), *Hồ Chí Minh cuộc hành trình 1911-1945*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
124. Đinh Xuân Lý (2005), *Tìm hiểu vai trò của Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
125. Đinh Xuân Lý (2007), *Quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
126. Đinh Xuân Lý, Trần Phiên (2023), *Tư tưởng Hồ Chí Minh từ góc nhìn di sản chính trị*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
127. Ngô Sĩ Liên (2011), *Đại Việt sử ký toàn thư*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.
128. Phan Ngọc Liên (2008), *Hồ Chí Minh với tiến trình lịch sử dân tộc*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
129. Phan Ngọc Liên (2010), *Chiến sĩ quốc tế Hồ Chí Minh – hoạt động thực tiễn và lý luận cách mạng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
130. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, Tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
131. C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, Tập 13, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
132. C.Mác và Ph.Ăngghen (2004), *Toàn tập*, Tập 17, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

133. C.Mác và Ph.Ăngghen (1999), *Toàn tập*, Tập 39, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
134. C.Mác và Ph.Ăngghen (1980), *Tuyển tập IV*, NXB Sự thật, Hà Nội.
135. Văn Thị Thanh Mai (2004), “Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (7).
136. (2010), *Hồ Chí Minh – một người châu Á của mọi thời đại*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
137. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
138. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
139. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
140. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
141. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 5, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
142. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
143. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
144. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
145. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 9, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
146. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 10, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
147. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 11, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
148. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
149. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 13, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
150. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 14, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
151. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 15, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
152. Nguyễn Ngọc Minh (1980), *Nghiên cứu những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật*, NXB Sự thật.
153. Trình Mưu (1995), “Hồ Chí Minh và sự chủ động sáng tạo trong việc lựa chọn con đường cứu nước”, *Tạp chí Cộng sản*.
154. Trình Mưu, Nguyễn Khang (1993), “Về quan điểm giai cấp trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh”, *Thông tin lý luận* (8), tr.2-4.
155. Trần Quang Nhiếp (2003), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng”, *Tạp chí Cộng sản* (31).

156. Nguyễn Thế Nghĩa (chủ biên) (2018), *Tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
157. Nguyễn Văn Nguyên (2018), *Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc với dân chủ và hạnh phúc của nhân dân trong tư tưởng chính trị Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
158. Trần Nhâm (2023), *Hồ Chí Minh – nhà tư tưởng thiên tài*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
159. Trịnh Nhu, Vũ Dương Ninh (1996), *Về con đường giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
160. Trịnh Nhu (1997), “Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, luận điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (5), tr.9-12.
161. Trịnh Nhu (2000), “Nguyễn Ái Quốc với sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (3), tr.30-34.
162. Trịnh Nhu (2002), “Giá trị lý luận và thực tiễn của quan điểm Nguyễn Ái Quốc về cương lĩnh cách mạng dân tộc dân chủ”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (2), tr.32-37.
163. Trịnh Nhu (2005), “Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đáp ứng yêu cầu giải phóng và phát triển của dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (2), tr.19-26.
164. Trịnh Nhu (2007), *Mấy vấn đề lịch sử Việt Nam tái hiện và suy ngẫm*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
165. Mai Hải Oanh (2016), “Độc lập dân tộc - Lợi ích cơ bản của đất nước”, *Tạp chí Cộng sản* (882), tr.54-60.
166. Lưu Văn Sùng (2013), “Tư tưởng Hồ Chí Minh về thể chế chính trị”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (10), tr.40-45
167. Lưu Văn Sùng (2016), *Các loại hình thể chế chính trị đương đại và những giá trị tham khảo cho Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
168. Bùi Ngọc Sơn (2004), *Tư tưởng lập hiến của Hồ Chí Minh*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

169. Tôn Trung Sơn (1995), *Chủ nghĩa tam dân*, Viện thông tin khoa học xã hội, Hà Nội.
170. P.Pasquier (1930), “Lược thuật tình hình Đông Dương và tuyên bố cải cách thể chế chính trị”, *Nam Phong tạp chí* (154).
171. Phân viện Báo chí và Tuyên truyền, Khoa Chính trị học (2001), *Lịch sử tư tưởng chính trị*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
172. Bùi Đình Phong (2004), “Triết lý phát triển Hồ Chí Minh - Triết lý phát triển Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (5), tr.3-6.
173. Bùi Đình Phong (2004), *Giải phóng dân tộc và đổi mới dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
174. Bùi Đình Phong (2010), “Nhân dân - Một phạm trù văn hoá chính trị Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Tuyên giáo* (3).
175. Bùi Đình Phong (2015), *Hồ Chí Minh tìm đường, mở đường, dẫn đường, thiết kế tương lai*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
176. Bùi Đình Phong (2015), *Hồ Chí Minh – Sáng tạo và đổi mới*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
177. Bùi Đình Phong, Phạm Ngọc Anh (2011), *Vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin của Hồ Chí Minh và Đảng ta*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
178. Phùng Hữu Phú (1997), *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
179. Phùng Hữu Phú (2010), *Bí quyết thành công Hồ Chí Minh*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
180. Nguyễn Trọng Phúc (2016), “Độc lập, tự do - Sự thống nhất giữa quyền dân tộc và quyền con người trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (8).
181. Nguyễn Thị Lan Phương (2020), “Ý chí Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nền dân chủ cộng hòa ở Việt Nam qua cuộc Tổng tuyển cử năm 1946”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (9), tr.31-35.
182. Nguyễn Thị Lan Phương (2018), *Hồ Chí Minh với việc xây dựng thể chế chính trị Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Trường Đại học Khoa

- học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
183. Lưu Văn Quảng (2015), *Thế chế chính trị cộng hòa*”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10 (95), tr.107-114.
 184. Lê Minh Quân (2018), *Tư tưởng chính trị của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin và Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 185. Bùi Thanh Quát (2002), “Mối quan hệ giữa quá trình dân tộc và quá trình chính trị ở Việt Nam”, in trong sách *Việt Nam học – Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất, tập 3*, NXB Thế giới, Hà Nội.
 186. Dương Kinh Quốc (2005), *Chính quyền thuộc địa ở Việt Nam trước cách mạng Tháng Tám 1945*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
 187. Nguyễn Duy Quý (2003), *Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
 188. Alain Ruscio (2020), *Hồ Chí Minh – Những bài viết và những cuộc đấu tranh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
 189. Tôn Trung Sơn (1995), *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin Khoa học xã hội xuất bản, Hà Nội.
 190. Văn Tạo (1989), “Cách mạng Pháp 1789: Tính chất - ý nghĩa - đặc điểm”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (245), tr.19-25.
 191. (2000), *Tân trào toàn cảnh*, NXB Văn hoá thông tin, Hà Nội.
 192. Lưu Kiếm Thanh, Phạm Hồng Thái dịch (2001), *Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.
 193. Song Thành (2005), *Hồ Chí Minh – nhà tư tưởng lỗi lạc*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
 194. Song Thành (2000), “Những cống hiến lịch sử của Nguyễn Ái Quốc vào quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản* (585), tr.22-25.
 195. Song Thành (2010), *Hồ Chí Minh – nhà văn hoá kiệt xuất*, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
 196. Phạm Quốc Thành (2007), *Tư tưởng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh những năm 20 của thế kỷ XX*”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

197. Phạm Quốc Thành (2014), *Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
198. Phạm Quốc Thành (2017), “Quá trình hình thành thể chế chính trị dân chủ cộng hòa ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam* (10), tr.67-76.
199. Phạm Hồng Thái (2012), “Quyền lực nhân dân và quyền lực nhà nước qua các Hiến pháp Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp* (1).
200. Lê Văn Thắng, Nguyễn Văn Tuấn (đồng chủ biên) (2018), *Tư tưởng chính trị “dân là gốc” trong lịch sử Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
201. Mạch Quang Thắng (1995), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
202. Mạch Quang Thắng (2008), *Hồ Chí Minh – Con người của sự sống*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
203. Mạch Quang Thắng (2009), *Hồ Chí Minh - nhà cách mạng sáng tạo*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
204. Mạch Quang Thắng (2020), “Vấn đề chính quyền cách mạng ở Việt Nam từ Xôviết đến dân chủ cộng hòa”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (9).
205. Nguyễn Xuân Thắng và Đặng Xuân Thanh (2009), “Độc lập, tự chủ: tiếp cận từ góc độ chủ quyền quốc gia”, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị thế giới*, 10 (162).
206. Chương Thu – Trần Ngọc Vương (2007), *Phan Bội Châu về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
207. (1976), *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, NXB Sự thật, Hà Nội.
208. Hồ Văn Thông (1995), “Góp phần tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về chính trị”, *Tạp chí Cộng sản* (14).
209. Đoàn Trường Thụ (2019), *Tư tưởng chính trị Việt Nam 1930-1945*, NXB Lý luận chính trị.
210. Nguyễn Đình Thuận (2002), *Sự hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc (1911 - 1945)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
211. Tạ Thị Thuý (chủ biên) (2017), *Lịch sử Việt Nam*, tập 07, NXB Khoa học Xã hội.
212. Nguyễn Tài Thư (1993), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội.

213. Nguyễn Xuân Tế (1999), *Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
214. Chu Đức Tính (2007), “Vấn đề dân tộc cách mệnh” trong Đường cách mệnh và thực tiễn cách mạng Việt Nam (1930-1945)”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (8), tr.17-20.
215. Nguyễn An Tịnh (1996), *Nguyễn An Ninh*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
216. Trần Dân Tiên (2017), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
217. Hoàng Trang, Phạm Ngọc Anh (chủ biên) (2000), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, NXB Lao động, Hà Nội.
218. Thu Trang (2000), *Nguyễn Ái Quốc ở Pari*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
219. Ngô Đăng Tri (2008), “Hồ Chí Minh – người sáng lập nền dân chủ cộng hòa Việt Nam”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (213), tr.38-42.
220. Phan Châu Trinh (2005), *Toàn tập*, NXB Đà Nẵng.
221. Nguyễn Văn Trung (1963), Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam – thực chất và huyền thoại. I. *Văn hoá và chính trị*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn.
222. Trung tâm lưu trữ quốc gia I, *Tổ chức bộ máy các cơ quan trong chính quyền thuộc địa ở Việt Nam qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1862-1945)*, NXB Hà Nội.
223. Phạm Hồng Tung (2021), *Văn hoá chính trị và lịch sử dưới góc nhìn văn hoá chính trị*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
224. Trần Thị Minh Tuyết (2015), “Tư quyền dân tộc trong Tuyên ngôn độc lập đến việc giữ vững độc lập dân tộc trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Triết học*, số 9 (292), tr.3-9.
225. Trần Thị Minh Tuyết (2022), *Giá trị và sự vận dụng, phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
226. Phạm Xanh (1990), “Một vài đặc điểm truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử* (2).
227. Phạm Xanh (1991), “Làm sáng thêm những đóng góp của Hồ Chí Minh trong phong trào giải phóng dân tộc”, *Tạp chí Lịch sử Đảng* (3), tr.31-34.

228. Phạm Xanh (2009), *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam (1921-1930)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
229. Phạm Xanh (2011), “Nguyễn Tất Thành – Những chuyển biến tư tưởng trên hành trình tìm đường cứu nước”, *Tạp chí Lịch sử quân sự* (234), tr.8-11.
230. Phạm Xanh (2006), “Thời kỳ Mát-xơ-va (1923-1924) trong tiến trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Lịch sử quân sự* (5), tr.25-30.
231. Viện Chính trị học (2007), *Tập bài giảng Chính trị học*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.
232. Viện Khoa học xã hội nhân văn quân sự (2012), *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh với con đường cách mạng Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
233. Viện Hàn lâm khoa học xã hội Liên Xô (1986), *Những nguyên lý xây dựng nhà nước Xô Viết và pháp quyền*, NXB Sách giáo khoa Mác – Lênin, Hà Nội.
234. Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (1997), *Kỷ yếu hội thảo “Các nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới, nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân”*, Hà Nội.
235. Viện Hồ Chí Minh (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tập 1, Hà Nội.
236. Viện Hồ Chí Minh (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tập 2, Hà Nội.
237. Viện Hồ Chí Minh, (1993), *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, NXB Lao động - NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
238. Nguyễn Văn Vĩnh, Lê Văn Đính (2012), *Giáo trình Chính trị học đại cương*, NXB Giáo dục Việt Nam.
239. Lưu Minh Văn (2017), *Giáo trình lịch sử học thuyết chính trị*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
240. Văn phòng Quốc hội (2001), *Kỷ yếu hội thảo Quá trình hình thành, phát triển và vai trò của Quốc hội trong sự nghiệp đổi mới*, Hà Nội.
241. Hồ Kiếm Việt (2004), *Góp phần tìm hiểu đặc sắc tư duy triết học Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
242. Lê Văn Yên (2010), *Hồ Chí Minh với chiến lược đoàn kết quốc tế trong cách mạng giải phóng dân tộc*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

243. Kiều Thị Yên (2025), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về cơ chế đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và ý nghĩa đối với việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Tiếng Anh

244. Stein Tonnesson (1991), *The Vietnamese revolution of 1945: Roosevelt, Ho Chi Minh and de Gaulle in a World at War*, Sage Publications, New York.

245. William J. Duiker (2000), *Ho Chi Minh: A Life*, Hyperion Books, New York.

246. Sophie Quinn-Judge (2003), *Ho Chi Minh-The Missing Years 1919 -1941*, University of California Press.

247. (2020), *Ho Chi Minh's heritage in Vietnam and Abroad*, Moscow University Press.